Education in the New Age

Education in the New Age



Table of Contents – Mục Lục

Table of Contents – Mục Lục 2

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN – TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG 6

THE GREAT INVOCATION – ĐẠI KHẤN NGUYỆN 8

PREFACE - Educational Trends in a World Crisis – LỜI TỰA - Các Khuynh Hướng Giáo Dục trong Một Cuộc Khủng Hoảng Thế Giới 10

CHAPTER I - The Objective of the New Education – CHƯƠNG I - Mục Tiêu của Nền Giáo Dục Mới 20

Introductory Statements – Các Phát Biểu Dẫn Nhập 20

Some Questions Answered – Một Số Câu Hỏi Được Giải Đáp 27

Theory, Methods and Goals – Lý Thuyết, Phương Pháp và Mục Tiêu 35

Coordination and Integration – Sự Điều Hợp và Sự Tích Hợp 52

CHAPTER II - The Cultural Unfoldment of the Race – CHƯƠNG II - Sự Khai Mở Văn Hóa của Nhân Loại 62

Civilisation and Culture – Văn Minh và Văn Hóa 62

The Process of Unfoldment – Tiến Trình Khai Mở 78

The Nature of Esotericism – Bản Chất của Huyền Bí Học 86

CHAPTER III - The Next Step in the Mental Development of Humanity – CHƯƠNG III - Bước Kế Tiếp trong Sự Phát Triển Trí Tuệ của Nhân Loại 98

The Present Transition Period – Thời Kỳ Chuyển Tiếp Hiện Nay 98

The Aquarian Age – Thời Đại Bảo Bình 127

CHAPTER IV - The Culture of the Individual – CHƯƠNG IV - Văn Hóa của Cá Nhân 132

The Angle of Citizenship – Góc Độ Quyền Công Dân 133

The World Situation and Ideologies – Tình Hình Thế Giới và Các Hệ Tư Tưởng 142

Reasons for the Present World Unrest – Những Nguyên Nhân của Tình Trạng Bất Ổn Thế Giới Hiện Nay 152

The Angle of Parenthood – Góc Độ Làm Cha Mẹ 162

Trends Indicative of Future Developments – Những Khuynh Hướng Chỉ Dấu Các Phát Triển Tương Lai 171

The Angle of Personality Control – Góc Độ Kiểm Soát Phàm Ngã 178

CHAPTER V - The Science of the Antahkarana – CHƯƠNG V - Khoa Học Antahkarana 181

SYNOPSIS – TÓM LƯỢC 188

ARCANE SCHOOL TRAINING – HUẤN LUYỆN CỦA TRƯỜNG ARCANE 192

INDEX – MỤC LỤC TRA CỨU 193

EDUCATION	GIÁO DỤC
IN THE	TRONG
NEW AGE	KỶ NGUYÊN MỚI
by	của
ALICE A. BAILEY	ALICE A. BAILEY
INDEX EDITION	ẤN BẢN CÓ MỤC LỤC
BOOKS BY ALICE A. BAILEY	CÁC TÁC PHẨM CỦA ALICE A. BAILEY
Initiation, Human and Solar	*Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương*
Letters on Occult Meditation	*Thư Về Tham thiền Huyền môn*
The Consciousness of the Atom	*Tâm Thức của Nguyên Tử*
A Treatise on Cosmic Fire	*Luận về Lửa Vũ Trụ*
The Light of the Soul	*Ánh Sáng của Linh Hồn*
The Soul and its Mechanism	*Linh Hồn và Bộ Máy của Nó*
From Intellect to Intuition	*Từ Trí Năng đến Trực Giác*
A Treatise on White Magic	*Luận về Chánh Thuật*
From Bethlehem to Calvary	*Từ Bethlehem đến Calvary*
Discipleship in the New Age–Vol. I	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển I*
Discipleship in the New Age–Vol. II	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển II*
Problems of Humanity	*Các Vấn Đề của Nhân Loại*

The Reappearance of the Christ	*Sự Tái Lâm của Đức Christ*
The Destiny of the Nations	*Định Mệnh của Các Quốc Gia*
Glamour: A World Problem	*Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới*
Telepathy and the Etheric Vehicle	*Viễn Cảm và Thể Dĩ Thái*
The Unfinished Autobiography	*Tự Truyện Chưa Hoàn Tất*
Education in the New Age	*Giáo Dục Trong Kỷ Nguyên Mới*
The Externalisation of the Hierarchy	*Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn*
A Treatise on the Seven Rays:	*Luận về Bảy Cung:*
Vol. I–Esoteric Psychology	*Quyển I–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. II–Esoteric Psychology	*Quyển II–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. III–Esoteric Astrology	*Quyển III–Chiêm Tinh Học Nội Môn*
Vol. IV–Esoteric Healing	*Quyển IV–Trị Liệu Huyền Môn*
Vol. V–The Rays and the Initiations	*Quyển V–Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo*

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN – TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG

Suffice it to say, that I am a Tibetan disciple of a certain degree, and this tells you but little, for all are disciples from the humblest aspirant up to, and beyond, the Christ Himself. I live in a physical body like other men, on the borders of Tibet, and at times (from the exoteric standpoint) preside over a large group of Tibetan lamas, when my other duties permit. It is this fact that has caused it to be reported that I am an abbot of this particular lamasery. Those associated with me in the work of the Hierarchy (and all true disciples are associated in this work) know me by still another name and office. A.A.B. knows who I am and recognises me by two of my names.

Chỉ cần nói rằng, tôi là một đệ tử người Tây Tạng ở một cấp độ nhất định, và điều này nói cho các bạn biết rất ít, vì tất cả đều là đệ tử từ người chí nguyện khiêm tốn nhất cho đến, và vượt lên trên, chính Đức Christ. Tôi sống trong một thể xác giống như những người khác, ở biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) chủ trì một nhóm lớn các lạt ma Tây Tạng, khi các nhiệm vụ khác của tôi cho phép. Chính sự thật này đã khiến người ta đồn rằng tôi là một tu viện trưởng của tu viện lạt ma này. Những người liên kết với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và tất cả các đệ tử chân chính đều liên kết trong công việc này) biết tôi qua một cái tên và chức vụ khác. A.A.B. biết tôi là ai và nhận ra tôi qua hai trong số các tên gọi của tôi.

I am a brother of yours, who has travelled a little longer upon the Path than has the average student, and has therefore incurred greater responsibilities. I am one who has wrestled and fought his way into a greater measure of light than has the aspirant who will read this article, and I must therefore act as a transmitter of the light, no matter what the cost. I am not an old man, as age counts among the teachers, yet I am not young or inexperienced. My work is to teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom wherever I can find a response, and I have been doing this for many years. I seek also to help the Master M. and the Master K.H. whenever opportunity offers, for I have been long connected with Them and with Their work. In all the above, I have told you much; yet at the same time I have told you nothing which would lead you to offer me that blind obedience and the foolish devotion which the emotional aspirant

Tôi là một huynh đệ của các bạn, người đã đi trên Đường Đạo lâu hơn một chút so với người đạo sinh trung bình, và do đó đã gánh vác những trách nhiệm lớn hơn. Tôi là một người đã phấn đấu và chiến đấu để tiến vào một mức độ ánh sáng lớn hơn so với người chí nguyện sẽ đọc bài viết này, và vì vậy tôi phải hành động như một người truyền dẫn ánh sáng, bất kể giá nào. Tôi không phải là một người già, theo cách tính tuổi tác của các huấn sư, tuy nhiên tôi không còn trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá kiến thức về Minh Triết Ngàn Đời bất cứ nơi nào tôi có thể tìm thấy một sự đáp ứng, và tôi đã làm điều này trong nhiều năm. Tôi cũng tìm cách giúp đỡ Chân sư M. và Chân sư K.H. bất cứ khi nào có cơ hội, vì tôi đã liên kết lâu dài với Các Ngài và với công việc của Các Ngài. Trong tất cả những điều trên, tôi đã nói với các bạn nhiều điều; tuy nhiên đồng thời tôi chưa nói với các bạn điều gì có thể khiến các bạn dâng

offers to the Guru and Master Whom he is as yet unable to contact. Nor will he make that desired contact until he has transmuted emotional devotion into unselfish service to humanity-not to the Master.

hiến cho tôi sự vâng lời mù quáng và sự sùng tín ngu muội mà người chí nguyện đầy cảm xúc thường dâng lên cho Vị Guru và Chân sư Mà y chưa thể tiếp xúc. Y cũng sẽ không thực hiện được sự tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự sùng tín đầy cảm xúc thành sự phụng sự vô kỷ vị tha cho nhân loại – chứ không phải cho Chân sư.

The books that I have written are sent out with no claim for their acceptance. They may, or may not, be correct, true and useful. It is for you to ascertain their truth by right practice and by the exercise of the intuition. Neither I nor A.A.B. is the least interested in having them acclaimed as inspired writings, or in having anyone speak of them (with bated breath) as being the work of one of the Masters. If they present truth in such a way that it follows sequentially upon that already offered in the world teachings, if the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters *can* be found) then they will have served their purpose. If the teaching conveyed calls forth a response from the illumined mind of the worker in the world, and brings a flashing forth of his intuition, then let that teaching be accepted. But not otherwise. If the statements meet with eventual corroboration, or are deemed true under the test of the Law of Correspondences, then that is well and good. But should this not be so, let not the student accept what is said.

Những quyển sách mà tôi đã viết được đưa ra mà không đòi hỏi sự chấp nhận. Chúng có thể, hoặc có thể không, chính xác, đúng đắn và hữu ích. Việc xác minh sự thật của chúng bằng thực hành đúng đắn và bằng sự rèn luyện trực giác là tùy thuộc vào các bạn. Cả tôi và A.A.B. đều không quan tâm chút nào đến việc chúng được tung hô như những bài viết đầy cảm hứng, hay việc bất kỳ ai nói về chúng (với vẻ hết sức kính cẩn) như là công trình của một trong các Chân sư. Nếu chúng trình bày sự thật theo cách mà nó tiếp nối một cách tuần tự những gì đã được đưa ra trong các giáo lý thế giới, nếu thông tin được đưa ra nâng cao khát vọng và ý chí-phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà các Chân sư *có thể* được tìm thấy) thì chúng đã phục vụ mục đích của mình. Nếu giáo huấn được truyền tải gợi lên một sự đáp ứng từ thể trí được soi sáng của người hoạt động trên thế gian, và mang lại một sự lóe sáng của trực giác nơi y, thì hãy để giáo huấn đó được chấp nhận. Nhưng nếu không thì thôi. Nếu các tuyên bố nhận được sự chứng thực cuối cùng, hoặc được coi là đúng dưới sự kiểm chứng của Định luật Tương ứng, thì điều đó thật tốt. Nhưng nếu không phải như vậy, thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì được nói.

AUGUST 1934

THÁNG TÁM 1934

THE GREAT INVOCATION – ĐẠI KHẤN NGUYỆN

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
"The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	"Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm

Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through *humanity* itself can the Divine Plan work out."

nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ ngoài, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

ALICE A. BAILEY

PREFACE - Educational Trends in a World Crisis – LỜI TỰA - Các Khuynh Hướng Giáo Dục trong Một Cuộc Khủng Hoảng Thế Giới

[v] This book on educational philosophy comes at a time of crisis, for the theme that runs through critical thinking in the field of educational theory today is characterized by deep concern over both the preservation and the enrichment of human values. Can we maintain our democratic individualism in the face of the standardizing forces of the Western machine civilization which may also engulf the Eastern world? Can we offset the totalitarianisms which deify the materialism of an increasingly industrial culture?

[v] Cuốn sách này về triết học giáo dục xuất hiện vào một thời điểm khủng hoảng, vì chủ đề xuyên suốt tư duy phê phán trong lĩnh vực lý thuyết giáo dục ngày nay được đặc trưng bởi mối quan tâm sâu sắc đến cả việc bảo tồn lẫn làm phong phú các giá trị nhân văn. Chúng ta có thể duy trì chủ nghĩa cá nhân dân chủ của mình trước các mãnh lực chuẩn hóa của nền văn minh máy móc phương Tây, vốn cũng có thể nuốt chửng thế giới phương Đông, hay không? Chúng ta có thể hóa giải những chế độ toàn trị đang thần thánh hóa chủ nghĩa duy vật của một nền văn hóa ngày càng công nghiệp hóa hay không?

In May of this year (1953) I attended a two-day seminar in Chicago, sponsored by *The Center for the Study of Liberal Education for Adults*, a subdivision of the Ford Foundation, created to express the growing concern of our times for the spiritual basis of our civilization. In the statement of the problem which our group was to study, *Education in a Democratic Society*, we were informed as follows:

Vào tháng Năm năm nay (1953), Tôi tham dự một hội thảo hai ngày tại Chicago, do *Trung Tâm Nghiên Cứu Giáo Dục Khai Phóng cho Người Lớn*, một phân bộ của Quỹ Ford, bảo trợ; trung tâm này được thành lập để diễn đạt mối quan tâm ngày càng lớn của thời đại chúng ta đối với nền tảng tinh thần của nền văn minh chúng ta. Trong bản trình bày vấn đề mà nhóm chúng tôi sẽ nghiên cứu, *Giáo Dục trong Một Xã Hội Dân Chủ*, chúng tôi được thông báo như sau:

"Education must meet the needs of the human spirit. It must assist persons to develop a satisfactory personal philosophy and sense of values, to cultivate tastes for literature, music and the arts; to grow in ability to analyze problems and arrive at thoughtful conclusions."

“Giáo dục phải đáp ứng các nhu cầu của tinh thần con người. Nó phải trợ giúp con người phát triển một triết lý cá nhân và ý thức về giá trị thỏa đáng, nuôi dưỡng thị hiếu đối với văn học, âm nhạc và nghệ thuật; phát triển khả năng phân tích các vấn đề và đi đến những kết luận chín chắn.”

This statement demands a re-examination of our educational theory and practice. A survey of current developments proves that,

Phát biểu này đòi hỏi phải xem xét lại lý thuyết và thực hành giáo dục của chúng ta. Một cuộc khảo sát các phát triển hiện nay

at long last, the professional educators are clarifying a common philosophy and are consciously striving to delineate a theory of education adequate to the new world that is emerging. In such a philosophy three fundamental needs must be met: (l) *a psychological theory* of the human person to be "educated"; (2) *a social theory* of the kind of [vi] society one is trying to create or preserve as a suitable home for the cultural ideals promulgated; and (3) *a world view or cosmology*, a theory of man's place in the universe in which man is spectator and actor.

chứng minh rằng, rốt cuộc, các nhà giáo dục chuyên nghiệp đang làm sáng tỏ một triết lý chung và đang nỗ lực một cách có ý thức để phác họa một lý thuyết giáo dục tương xứng với thế giới mới đang xuất hiện. Trong một triết lý như vậy, ba nhu cầu căn bản phải được đáp ứng: (1) *một lý thuyết tâm lý* về con người sẽ được "giáo dục"; (2) *một lý thuyết xã hội* về loại [vi] xã hội mà người ta đang cố gắng tạo dựng hoặc bảo tồn như một mái nhà thích hợp cho các lý tưởng văn hóa được truyền bá; và (3) *một thế giới quan hay vũ trụ luận*, một lý thuyết về vị trí của con người trong vũ trụ, trong đó con người vừa là khán giả vừa là diễn viên.

Our problem is to attain the kind of overall synthesis that Marxism and neo-Scholasticism provide for their followers, but to get this by the freely chosen cooperative methods that Dewey advocated. In the broadest terms such a world-view will make possible a planetary civilization by integrating whatever trans-temporal and trans-spatial truths about man and the universe we can extract from all regional cultures in their local times and places. These universal principles will then provide the norms for *Education in the New Age*, as the Tibetan terms it.

Vấn đề của chúng ta là đạt tới loại tổng hợp toàn diện mà chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa Kinh viện mới cung cấp cho các tín đồ của chúng, nhưng đạt được điều này bằng các phương pháp hợp tác được tự do lựa chọn mà Dewey đã chủ trương. Theo nghĩa rộng nhất, một thế giới quan như vậy sẽ làm cho một nền văn minh hành tinh trở nên khả hữu bằng cách tích hợp bất cứ chân lý nào vượt thời gian và vượt không gian về con người và vũ trụ mà chúng ta có thể rút ra từ mọi nền văn hóa khu vực trong thời gian và địa điểm địa phương của chúng. Khi đó, các nguyên lý phổ quát này sẽ cung cấp các chuẩn mực cho *Giáo Dục trong Kỷ Nguyên Mới*, như Chân sư Tây Tạng gọi.

The world today suffers from a cultural provincialism based on the dualism of an outward-looking, objective attitude of the Western world, and an inwardness or subjectivity of Oriental societies. Each of these civilizations, in its extreme form, is over-balanced in its own direction. In harmonious living, man must integrate both ideals to achieve wholeness for himself and his world. This, it seems to me, is one important theme of the present work.

Thế giới ngày nay đang chịu khổ vì một chủ nghĩa địa phương văn hóa dựa trên nhị nguyên giữa thái độ khách quan, hướng ra bên ngoài của thế giới phương Tây, và tính hướng nội hay tính chủ quan của các xã hội phương Đông. Mỗi nền văn minh này, trong hình thức cực đoan của nó, đều mất quân bình theo hướng riêng của mình. Trong đời sống hài hòa, con người phải tích hợp cả hai lý tưởng để đạt được sự toàn vẹn cho bản thân và cho thế giới của mình. Theo Tôi, đây

là một chủ đề quan trọng của tác phẩm hiện tại.

For the future, the remedy for the social schisms and psychological fissions that have handicapped and obstructed our modern efforts to overcome the divisions of humanity, lies in a restoration of *unity of principles* upon which an integration of human values and achievements can be attempted. The educational implications of this development are clear. As the Tibetan indicates, on subjective levels we must provide for the resynthesis of human personality and for the overcoming of the double consciousness that has resulted from the cultural fission which made the "self-negation" of the peaceful civilization of the Orient the overpowering concept of its culture, and the aggressive "individualism" of the Occident the ideal of Western man. Accordingly, we need not only the political synthesis of a [vii] World Federation in which the Eastern and Western hemispheres function like the right and left lobes of man's brain, with the seat of the World Brain serving as the point of decussation of the planetary nerves, but we need also a planetary way of life, a planetary ethics, and a planetary way of feeling to supply the powerful drive we shall require for the great tasks that lie ahead of us.

Đối với tương lai, phương thuốc cho các rạn nứt xã hội và các phân liệt tâm lý vốn đã làm què quặt và cản trở các nỗ lực hiện đại của chúng ta nhằm vượt qua những chia rẽ của nhân loại, nằm trong việc phục hồi *sự thống nhất của các nguyên lý*, trên đó có thể thử thực hiện một sự tích hợp các giá trị và thành tựu của con người. Các hàm ý giáo dục của sự phát triển này rất rõ ràng. Như Chân sư Tây Tạng chỉ ra, trên các cấp độ chủ quan, chúng ta phải cung cấp phương tiện cho sự tái tổng hợp phàm ngã con người và cho việc vượt qua tâm thức kép đã phát sinh từ sự phân liệt văn hóa, vốn đã biến “sự phủ nhận bản ngã” của nền văn minh hòa bình phương Đông thành quan niệm áp đảo trong văn hóa của nó, và biến “chủ nghĩa cá nhân” hiếu thắng của phương Tây thành lý tưởng của con người phương Tây. Theo đó, chúng ta không chỉ cần sự tổng hợp chính trị của một [vii] Liên Bang Thế Giới, trong đó các bán cầu Đông và Tây vận hành như các thùy phải và trái của bộ não con người, với vị trí của Bộ Não Thế Giới đóng vai trò điểm bắt chéo của các dây thần kinh hành tinh, mà chúng ta còn cần một lối sống hành tinh, một đạo đức hành tinh, và một cách cảm nhận hành tinh để cung cấp động lực mạnh mẽ mà chúng ta sẽ cần cho các nhiệm vụ vĩ đại đang nằm phía trước.

The time to resynthesize the objective and subjective, the extrovert and the introvert civilizations and to achieve a great orchestration of culture is *now*. Japan was not aggressive until the country learned the trick from the West. Before her doors were forced, her arts and philosophy were in tune with oriental tradition. When she adopted Western technology, she threw overboard her ancient culture. What happened in

Thời điểm để tái tổng hợp cái khách quan và cái chủ quan, các nền văn minh hướng ngoại và hướng nội, và đạt tới một sự phối khí vĩ đại của văn hóa là *bây giờ*. Nhật Bản đã không hiếu chiến cho đến khi quốc gia này học được mưu mẹo ấy từ phương Tây. Trước khi các cánh cửa của Nhật Bản bị cưỡng bức mở ra, nghệ thuật và triết học của Nhật Bản hòa điệu với truyền thống phương Đông. Khi Nhật Bản tiếp nhận kỹ thuật phương Tây,

Japan can happen in the rest of the Orient, but whereas Japan was a relatively small country, China, India and their neighbors are vast and populous. Heaven help us if they re-enact the history of Japan. Our activity in the resynthesizing of the world must include, through our own efforts to understand and appreciate, an appeal to the Orient to preserve and develop the fundamental values in its regional cultures. While the West is seeking the principles upon which peaceful and fruitful living can be founded, the East may provide us with the counter-balance to our aggressive materialism.

quốc gia này đã ném bỏ nền văn hóa cổ xưa của mình. Điều đã xảy ra ở Nhật Bản có thể xảy ra ở phần còn lại của phương Đông; nhưng trong khi Nhật Bản là một quốc gia tương đối nhỏ, thì Trung Quốc, Ấn Độ và các láng giềng của họ lại rộng lớn và đông dân. Xin Trời giúp chúng ta nếu họ tái diễn lịch sử của Nhật Bản. Hoạt động của chúng ta trong việc tái tổng hợp thế giới phải bao gồm, qua những nỗ lực của chính chúng ta nhằm thấu hiểu và trân trọng, một lời kêu gọi phương Đông bảo tồn và phát triển các giá trị căn bản trong những nền văn hóa khu vực của mình. Trong khi phương Tây đang tìm kiếm những nguyên lý mà trên đó đời sống hòa bình và phong phú có thể được đặt nền, phương Đông có thể cung cấp cho chúng ta đối trọng đối với chủ nghĩa duy vật hiếu thắng của chúng ta.

If this new synthesis is to restore cultural and spiritual unity in mankind, the Occidental world will have to acquire humility when it turns to the Orient. The Oriental world will not, because of its inherent nature, generate the physical energy to go to the West. We Westerners went into the East in search of markets—outlets for the products of our mechanical power—and we must return to our own world, magnetized by the subjective energies of the East and conscious of it. Our aggressive commercial penetration of Oriental lands and peoples has had the end result of bringing the literature, the philosophy and the arts of the East into the [viii] West as uncalculated dividends. We can, if we choose, make use of the vast heritage of Oriental culture available to us, even in our neighborhood libraries.

Nếu sự tổng hợp mới này phải phục hồi sự thống nhất văn hóa và tinh thần trong nhân loại, thế giới phương Tây sẽ phải có được sự khiêm nhường khi quay sang phương Đông. Thế giới phương Đông, do bản chất cố hữu của mình, sẽ không tạo ra năng lượng hồng trần để đi về phía phương Tây. Chúng ta, những người phương Tây, đã đi vào phương Đông để tìm thị trường—những nơi tiêu thụ sản phẩm của quyền năng cơ giới của chúng ta—và chúng ta phải trở về thế giới của chính mình, được các năng lượng chủ quan của phương Đông từ hóa và có ý thức về điều đó. Sự xâm nhập thương mại hiếu thắng của chúng ta vào các vùng đất và dân tộc phương Đông đã có kết quả cuối cùng là đưa văn học, triết học và nghệ thuật của phương Đông vào [viii] phương Tây như những cổ tức không được tính trước. Nếu chọn, chúng ta có thể sử dụng di sản rộng lớn của văn hóa phương Đông đang sẵn có cho chúng ta, ngay cả trong các thư viện khu phố của mình.

Our main hope of survival in this highly polarized world lies in a prodigious effort at synthesis of the two cultures *while there is still time.* Should the Orient deny us that time and decide to meet us merely on our own grounds, then this might write *finis* to the story for all of us, East and West.

Hy vọng chính yếu để sống còn của chúng ta trong thế giới phân cực cao độ này nằm trong một nỗ lực tổng hợp phi thường hai nền văn hóa *khi vẫn còn thời gian.* Nếu phương Đông khước từ chúng ta khoảng thời gian ấy và quyết định chỉ gặp chúng ta trên chính địa bàn của chúng ta, thì điều này có thể viết nên *đoạn kết* cho câu chuyện của tất cả chúng ta, Đông cũng như Tây.

During our industrial and expansionist age there have been increasing evidences of the permeating power of Oriental thought in the fields of science, philosophy and the arts of the West. Psychosomatic medicine, parapsychology, Jung's analytical psychology are only a few indications of contemporary inwardly-oriented researches. The re-entry of the spiritual factor in life and education is something more than a recrudescence of some earlier forms of Christian ideology.

Trong thời đại công nghiệp và bành trướng của chúng ta, ngày càng có nhiều bằng chứng về quyền năng thấm nhập của tư tưởng phương Đông trong các lĩnh vực khoa học, triết học và nghệ thuật của phương Tây. Y học tâm-thân, cận tâm lý học, tâm lý học phân tích của Jung chỉ là vài dấu hiệu của các nghiên cứu đương đại hướng vào bên trong. Sự tái nhập của yếu tố tinh thần vào đời sống và giáo dục là điều gì đó hơn hẳn sự hồi phát của một số hình thức hệ tư tưởng Cơ Đốc giáo trước kia.

In this education for the New Age, the type of East-West philosophy presented by the Tibetan will find its proper setting. Here we have the elements of a complete theory, as follows:

Trong nền giáo dục cho Kỷ Nguyên Mới này, loại triết học Đông-Tây do Chân sư Tây Tạng trình bày sẽ tìm thấy bối cảnh thích hợp của nó. Ở đây chúng ta có các yếu tố của một lý thuyết hoàn chỉnh, như sau:

(a) *Subjective Planning*; a theory of the creative self-development of the individual.

(a) *Hoạch Định Chủ Quan*; một lý thuyết về sự tự phát triển sáng tạo của cá nhân.

(b) *Objective Planning*; a theory of the good society for human persons to live in.

(b) *Hoạch Định Khách Quan*; một lý thuyết về xã hội tốt đẹp cho con người sống trong đó.

The psychological and social implications of the education for the New Age must be stated as explicitly as possible. The next step is to test the validity of the principles in concrete applications. The testing must be done in terms of operational techniques relevant to the Hindu psychology, rather than by Western positivistic procedures.

Các hàm ý tâm lý và xã hội của nền giáo dục cho Kỷ Nguyên Mới phải được trình bày rõ ràng hết mức có thể. Bước tiếp theo là kiểm chứng giá trị của các nguyên lý trong những ứng dụng cụ thể. Việc kiểm chứng phải được thực hiện theo các kỹ thuật vận hành liên quan đến tâm lý học Ấn Độ, thay vì theo các thủ tục thực chứng của phương Tây. Cho đến

Until this program has been given a fair trial, it is a waste of time to attempt to prejudge the issue. Yet it is not necessary to consider the ancient East and the modern West approaches [ix] as two mutually exclusive alternatives. In some instances the approaches are merely two "languages" for stating universal truths about human nature and we are not faced with an either-or antithesis. Intertranslation may reduce the strangeness of terminology. For example, the Tibetan's view that "meditation is thinking things through" is good Dewey doctrine. As the elements of unfamiliarity diminish, understanding is facilitated.

khi chương trình này được thử nghiệm công bằng, việc cố gắng phán đoán trước vấn đề là lãng phí thời gian. Tuy nhiên, không cần phải xem các lối tiếp cận của phương Đông cổ xưa và phương Tây hiện đại [ix] như hai lựa chọn loại trừ lẫn nhau. Trong một số trường hợp, các lối tiếp cận chỉ là hai "ngôn ngữ" để trình bày các chân lý phổ quát về bản chất con người, và chúng ta không đứng trước một phản đề hoặc cái này hoặc cái kia. Việc chuyển dịch qua lại có thể làm giảm tính xa lạ của thuật ngữ. Chẳng hạn, quan điểm của Chân sư Tây Tạng rằng "tham thiền là suy nghĩ thấu đáo mọi sự" là giáo lý Dewey rất tốt. Khi các yếu tố xa lạ giảm bớt, sự thấu hiểu được tạo điều kiện thuận lợi.

That the research project so briefly sketched is not some vague philosophical phantasy but an urgent and immediate need is indicated by a document drawn up by the Department for Cultural Activities of UNESCO which formulated the theme for discussion in these terms: "The Concept of Man and the Philosophy of Education in East and West." Here it is stated:

Việc dự án nghiên cứu được phác họa quá vắn tắt này không phải là một ảo tưởng triết học mơ hồ nào đó mà là một nhu cầu cấp bách và tức thời, được chỉ ra bởi một văn kiện do Ban Hoạt Động Văn Hóa của UNESCO soạn thảo, trong đó chủ đề thảo luận được trình bày như sau: "Quan Niệm về Con Người và Triết Học Giáo Dục ở Đông và Tây." Ở đây có nêu:

"Unesco could not remain indifferent to this problem (of East and West); it was bound to face it squarely in the present circumstances of the world, brought about by the increasingly rapid process of unification, the reduction of distances, the growing importance of technology, the gradual attainment by all peoples of political independence and international responsibility and, above all, the disquiet and perplexity prevailing among the *two* great civilizations of yesterday, ready to give birth to the one civilization of tomorrow but cowering under the threat of a world crisis far beyond their capacity to control."

"UNESCO không thể thờ ơ với vấn đề này của Đông và Tây; tổ chức này buộc phải đối diện trực diện với nó trong các hoàn cảnh hiện nay của thế giới, do tiến trình thống nhất ngày càng nhanh, sự thu hẹp khoảng cách, tầm quan trọng ngày càng lớn của kỹ thuật, sự đạt tới dần dần nền độc lập chính trị và trách nhiệm quốc tế của mọi dân tộc, và trên hết là nỗi bất an và bối rối đang thịnh hành giữa *hai* nền văn minh lớn của ngày hôm qua, sẵn sàng sinh ra một nền văn minh duy nhất của ngày mai nhưng đang co rúm dưới mối đe dọa của một cuộc khủng hoảng thế giới vượt xa khả năng kiểm soát của họ."

In an article on *Our Goal Is Unity in The Free World* of October, 1944, Dr. Albert Einstein regretfully took note of "an odious materialistic attitude toward life which leads to the predominance of an unrestrained selfishness." But how shall this materialism and selfishness of our culture be corrected? By geodesies in the space-time manifold of relativity theory? This would be cold comfort from a warm heart and Einstein does not offer this way out. Indeed, Einstein offers no clear solution. The simple truth is that the only counterweight to "materialism" is "idealism" and this must come out [x] of the very heart of science, as an evolutionary development. Researchers who know the data of science must take our knowledge about nature and synthesize it into a body of integrated principles to establish the Pythagorean-Platonic-Bruno cosmology, a world picture similar to the pantheism of Eastern thought, wherein man can reverence nature because nature is worthy of awe and reverence. A humanism that is exclusively anthropocentric is over-balanced and is in need of a world philosophy in which the infinite and eternal cosmos yields the other pivot for the axis around which the new synthesis can move and grow.

Trong một bài viết về *Mục Tiêu của Chúng Ta Là Sự Thống Nhất trong Thế Giới Tự Do* vào tháng Mười năm 1944, Tiến sĩ Albert Einstein đã tiếc nuối ghi nhận "một thái độ duy vật đáng ghê tởm đối với đời sống, dẫn đến sự thống trị của một chủ nghĩa ích kỷ không kiềm chế." Nhưng chủ nghĩa duy vật và tính ích kỷ này của nền văn hóa chúng ta sẽ được sửa chữa như thế nào? Bằng các đường trắc địa trong đa tạp không-thời gian của thuyết tương đối ư? Điều này sẽ là một niềm an ủi lạnh lẽo từ một trái tim ấm áp, và Einstein không đưa ra lối thoát này. Thật vậy, Einstein không đưa ra giải pháp rõ ràng nào. Chân lý giản dị là đối trọng duy nhất với "chủ nghĩa duy vật" là "chủ nghĩa duy tâm", và điều này phải phát sinh [x] từ chính trái tim của khoa học, như một sự phát triển tiến hoá. Những nhà nghiên cứu biết các dữ kiện của khoa học phải lấy tri thức của chúng ta về thiên nhiên và tổng hợp nó thành một khối các nguyên lý tích hợp để thiết lập vũ trụ luận Pythagoras-Plato-Bruno, một bức tranh thế giới tương tự như thuyết phiếm thần của tư tưởng phương Đông, trong đó con người có thể tôn kính thiên nhiên vì thiên nhiên xứng đáng với sự kính sợ và tôn kính. Một chủ nghĩa nhân văn lấy con người làm trung tâm một cách độc hữu thì mất quân bình và cần một triết học thế giới trong đó vũ trụ vô hạn và vĩnh cửu cung cấp điểm tựa kia cho trục mà quanh đó sự tổng hợp mới có thể chuyển động và tăng trưởng.

There is a remedy for "the sickness of modern man" and many of its constituents are found in this book on the education of the future. The implementation of the principles involved is the work of humanity itself. That its theories are not beyond the need and grasp of contemporary educationists is borne out by the fact that steps are already taken in several places for the setting up of experiments in education

Có một phương thuốc cho "căn bệnh của con người hiện đại", và nhiều thành tố của nó được tìm thấy trong cuốn sách này về nền giáo dục của tương lai. Việc thực thi các nguyên lý liên quan là công việc của chính nhân loại. Sự kiện các lý thuyết của nó không vượt quá nhu cầu và tầm nắm bắt của các nhà giáo dục đương đại được chứng thực bởi thực tế rằng ở nhiều nơi, người ta đã thực hiện các bước để thiết lập những thí nghiệm

which are to express the need for synthesis. As an example of this development there is the "self-survey" project financed by the Ford Foundation out of which has come a proposal for a Department of Integrating Studies in the University of Pittsburgh. Part of the statement presenting this experiment reads as follows:

trong giáo dục nhằm diễn đạt nhu cầu tổng hợp. Như một ví dụ về sự phát triển này, có dự án "tự khảo sát" do Quỹ Ford tài trợ, từ đó đã xuất hiện một đề nghị thành lập Khoa Nghiên Cứu Tích Hợp tại Đại học Pittsburgh. Một phần của tuyên bố trình bày thí nghiệm này viết như sau:

"It has been proposed that a new department, *outside* the present three distribution fields of the Humanities, the Social Sciences and the Natural Sciences, and different from the departments *within* existing distribution fields, be established at the University of Pittsburgh. This new department shall be termed the Department of Unified Studies. It shall be concerned with seeking the interrelationships between various subject matter disciplines already available in the offerings of the University. The main objective is to cultivate the habit of reflective synthesis and find or create a body of wisdom for human evolution and personal self-development. [xi]

"Đã có đề nghị rằng một khoa mới, nằm *bên ngoài* ba lĩnh vực phân phối hiện nay là Nhân Văn, Khoa Học Xã Hội và Khoa Học Tự Nhiên, và khác với các khoa *bên trong* những lĩnh vực phân phối hiện hữu, nên được thành lập tại Đại học Pittsburgh. Khoa mới này sẽ được gọi là Khoa Nghiên Cứu Hợp Nhất. Khoa này sẽ quan tâm đến việc tìm kiếm các mối tương quan giữa những bộ môn chủ đề khác nhau đã có sẵn trong các chương trình của Đại học. Mục tiêu chính là nuôi dưỡng thói quen tổng hợp phản tư và tìm kiếm hoặc tạo ra một khối minh triết cho tiến hoá nhân loại và sự tự phát triển cá nhân. [xi]

"Since unified interpretation and understanding is not a science in its own right but a synoptic comprehension of antecedent bodies of concepts and principles, this department shall not offer degrees in its own area or 'field.' The Department of Unified Studies is primarily a service department to the students and faculty members carrying on their primary (but not more important) activities in the more specialized areas of study.

"Vì sự diễn giải và thấu hiểu hợp nhất không phải là một khoa học độc lập, mà là một sự thông hiểu tổng quát về các khối khái niệm và nguyên lý có trước, khoa này sẽ không cấp bằng trong lĩnh vực hay 'ngành' riêng của mình. Khoa Nghiên Cứu Hợp Nhất chủ yếu là một khoa phục vụ cho các sinh viên và giảng viên đang tiến hành các hoạt động chính yếu, nhưng không quan trọng hơn, của họ trong những lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt hơn.

"Until contemporary times, there has been little need for such an adjunct to our institutions of higher learning. But with the increase in size of our specialized bodies of knowledge —to the point where we are burying ourselves under the mountains of

"Cho đến thời hiện đại, rất ít có nhu cầu về một phần phụ trợ như vậy cho các cơ sở giáo dục bậc cao của chúng ta. Nhưng với sự gia tăng về quy mô của các khối tri thức chuyên môn hóa của chúng ta —đến mức chúng ta đang chôn vùi chính mình dưới những núi

information and data—the time has come to take seriously the problem of finding out what all this knowledge means. If the University cannot synthesize the overall implications of modern learning it will abdicate its historic role of providing universal principles for enlightened individuals seeking the benefits of the good life. This urgent need here requires explicit statement and recognition, if we are consciously to design a solution to the problem.

thông tin và dữ kiện—đã đến lúc phải nghiêm túc xem xét vấn đề tìm ra toàn bộ tri thức này có ý nghĩa gì. Nếu Đại học không thể tổng hợp các hàm ý toàn diện của học thuật hiện đại, nó sẽ thoái thác vai trò lịch sử của mình là cung cấp các nguyên lý phổ quát cho những cá nhân được soi sáng đang tìm kiếm các lợi ích của đời sống tốt đẹp. Nhu cầu cấp bách này ở đây đòi hỏi phải được trình bày và thừa nhận rõ ràng, nếu chúng ta muốn thiết kế một cách có ý thức một giải pháp cho vấn đề.

"The broad purpose of the *Advancement of Learning* (to use Bacon's phrase) is to throw light on four basic questions of human existence:

“Mục đích rộng lớn của *Sự Tiến Bộ của Học Thuật*, dùng cụm từ của Bacon, là soi sáng bốn câu hỏi căn bản của sự hiện hữu con người:

(1) What is man?

(1) Con người là gì?

(2) What kind of physical universe (cosmos) is it that man inhabits?

(2) Con người cư ngụ trong loại vũ trụ hồng trần nào?

(3) By what processes of evolution did the human species emerge from the matrix of nature so that man could become the self-conscious and creative individual he now is?

(3) Qua những tiến trình tiến hoá nào mà loài người đã xuất hiện từ lòng mẹ thiên nhiên để con người có thể trở thành cá nhân tự ý thức và sáng tạo như hiện nay?

(4) Knowing something about the cosmos and about human nature, what is the best kind of society for man's progressive self-evolution?

(4) Khi biết được điều gì đó về vũ trụ và về bản chất con người, loại xã hội tốt đẹp nhất cho sự tự tiến hoá tiến bộ của con người là gì?

"In seeking answers to these questions and providing students with the stimuli and data necessary to the formulation [xii] of their own answers, the instructors in the Department of Unified Studies will not pose as experts in integration. Along with interested students, the faculty members will be *seekers after synthesis*. To illustrate the type of courses contemplated, the following possibilities are suggested:

“Trong khi tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi này và cung cấp cho sinh viên các kích thích và dữ kiện cần thiết để hình thành [xii] các câu trả lời của chính họ, các giảng viên trong Khoa Nghiên Cứu Hợp Nhất sẽ không tự đặt mình như những chuyên gia về tích hợp. Cùng với các sinh viên quan tâm, các giảng viên sẽ là *những người tìm kiếm sự tổng hợp*. Để minh họa loại khóa học

được dự tính, các khả năng sau đây được đề nghị:

1. The Sociology of Knowledge.

1. Xã Hội Học về Tri Thức.

2. The Interrelationships of Religion, Philosophy, Science and Art.

2. Các Mối Tương Quan giữa Tôn Giáo, Triết Học, Khoa Học và Nghệ Thuật.

3. Information Theory, Cybernetics and Semantics.

3. Lý Thuyết Thông Tin, Điều Khiển Học và Ngữ Nghĩa Học.

4. The History and Philosophy of Science.

4. Lịch Sử và Triết Học của Khoa Học.

5. The History and Presuppositions of the Democratic Theory of Government (Ideology).

5. Lịch Sử và Các Tiền Giả Định của Lý Thuyết Dân Chủ về Chính Quyền (Hệ Tư Tưởng).

6. Contributions of Biology, Sociology and Psychiatry to Human Welfare and Progress.

6. Những Đóng Góp của Sinh Học, Xã Hội Học và Tâm Thần Học cho Phúc Lợi và Tiến Bộ của Con Người.

7. The Unity of Knowledge.

7. Sự Thống Nhất của Tri Thức.

8. The Evolution of Value Systems from Primitive Culture to Modern Industrial Civilization.

8. Sự Tiến Hoá của Các Hệ Thống Giá Trị từ Văn Hóa Nguyên Thủy đến Nền Văn Minh Công Nghiệp Hiện Đại.

"The first prerequisites of all such courses is that they shall interrelate not less than three so-called departments of study. Thus the students and faculty will be encouraged to search for vision—'seeing life steadily and as a whole.'

“Điều kiện tiên quyết đầu tiên của tất cả những khóa học như vậy là chúng phải liên hệ lẫn nhau không ít hơn ba cái gọi là khoa nghiên cứu. Như vậy, sinh viên và giảng viên sẽ được khuyến khích tìm kiếm tầm nhìn —‘nhìn đời sống một cách vững vàng và như một toàn thể.’

The Tibetan's seed-principles will find prepared soil in such experimental fields.

Các nguyên lý hạt giống của Chân sư Tây Tạng sẽ tìm thấy mảnh đất đã được chuẩn bị trong những lĩnh vực thí nghiệm như vậy.

OLIVER L. REISER

OLIVER L. REISER

Department of Philosophy

University of Pittsburgh

Pittsburgh, Pennsylvania

U.S.A.

Khoa Triết Học

Đại Học Pittsburgh

Pittsburgh, Pennsylvania

Hoa Kỳ.

CHAPTER I - The Objective of the New Education – CHƯƠNG I - Mục Tiêu của Nền Giáo Dục Mới

Introductory Statements – Các Phát Biểu Dẫn Nhập

[1] This presentation might be regarded as concerning itself with three different aspects of one general theme, which is that of the new and coming educational methods and ideas. The objective is to elucidate the cultural unfoldment of the race and to consider the next step to be taken in the mental development of humanity. Teaching, if true, must be in line with the past and must provide scope for endeavour in the present and must also hold out further enlightenment for those who have succeeded or are succeeding in attaining the indicated goals. There must be a spiritual future indicated. It is that which is required now.

[1] Bài trình bày này có thể được xem như liên quan đến ba phương diện khác nhau của một chủ đề tổng quát, đó là các phương pháp và ý tưởng giáo dục mới đang đến. Mục tiêu là làm sáng tỏ sự khai mở văn hóa của nhân loại và xem xét bước kế tiếp cần được thực hiện trong sự phát triển trí tuệ của nhân loại. Giáo huấn, nếu chân thật, phải phù hợp với quá khứ, phải cung cấp phạm vi cho nỗ lực trong hiện tại, và cũng phải mở ra sự giác ngộ xa hơn cho những người đã thành công hoặc đang thành công trong việc đạt tới các mục tiêu đã chỉ ra. Phải có một tương lai tinh thần được nêu rõ. Đó là điều hiện nay đang cần.

The word "spiritual" does not refer to religious matters, so-called. All activity which drives the human being forward towards some form of development—physical, emotional, mental, intuitional, social—if it is in advance of his present state is essentially spiritual in nature and is indicative of the livingness of the inner divine entity. The spirit of man is undying; it forever endures, progressing from point to point and stage to stage upon the Path of Evolution, unfolding steadily and sequentially the divine attributes and aspects.

Từ “tinh thần” không ám chỉ những vấn đề được gọi là tôn giáo. Mọi hoạt động thúc đẩy con người tiến tới một hình thức phát triển nào đó—hồng trần, cảm xúc, trí tuệ, trực giác, xã hội—nếu nó đi trước trạng thái hiện tại của y, thì về bản chất là tinh thần và biểu thị sức sống của thực thể thiêng liêng bên trong. Tinh thần của con người là bất diệt; nó mãi mãi trường tồn, tiến từ điểm này sang điểm khác và từ giai đoạn này sang giai đoạn khác trên Con Đường Tiến Hoá, tuần tự và đều đặn khai mở các thuộc tính và phương diện thiêng liêng.

[2] The three points of our general theme are:

[2] Ba điểm trong chủ đề tổng quát của chúng ta là:

1. The Technique of the Education of the Future.

1. Kỹ Thuật của Nền Giáo Dục Tương Lai.

2. *The Science of the Antahkarana.* This deals with the mode of bridging the gap which exists in man's consciousness between the world of ordinary human experience, the threefold world of physical-emotional-mental functioning, and the higher levels of so-called spiritual development which is the world of ideas, of intuitive perception, of spiritual insight and understanding.

2. *Khoa Học về Antahkarana.* Điều này đề cập đến phương thức bắt cầu qua khoảng cách hiện hữu trong tâm thức con người giữa thế giới kinh nghiệm nhân loại thông thường, thế giới tam phân của sự vận hành hồng trần-cảm xúc-trí tuệ, và các cấp độ cao hơn của sự phát triển gọi là tinh thần, vốn là thế giới của các ý tưởng, của nhận thức trực giác, của sự thấu hiểu và cái nhìn sâu sắc tinh thần.

3. *Methods of Building the Antahkarana.* This leads to the overcoming of the limitations—physical and psychological—which restrict man's free expression of his innate divinity. Here we can only prepare the ground for this third point because the subject involves advanced meditation practices which must be approached gradually. I have dealt with meditation in my other books.

3. *Các Phương Pháp Xây Dựng Antahkarana.* Điều này dẫn đến việc vượt qua các giới hạn—hồng trần và tâm lý—vốn hạn chế sự biểu lộ tự do của thiên tính bẩm sinh nơi con người. Ở đây chúng ta chỉ có thể chuẩn bị nền tảng cho điểm thứ ba này, vì đề tài liên quan đến các thực hành tham thiền nâng cao, vốn phải được tiếp cận dần dần. Tôi đã bàn đến tham thiền trong các sách khác của Tôi.

The question might here be asked, why it is of value to consider giving time to that which lies as yet in the future. I would reply by reminding you that "As a man thinketh, so is he." This is a truism and a platitude of occultism. Therefore, what is true of the individual is also true of the group and as a group thinks, so does it eventually react. As the group thought-waves penetrate into the mental atmosphere of humanity, men become impressed and the inaugurating of the new ways of living and of developing proceeds with increased facility. Here I seek only to give you some brief and general ideas which will serve to indicate to you the trend of my thought and the purpose which I have in mind. Perhaps the easiest way for me to do this is to formulate certain propositions which are of interest and which can carry illumination.

Ở đây có thể nêu câu hỏi rằng tại sao việc cân nhắc dành thời gian cho điều còn nằm trong tương lai lại có giá trị. Tôi xin đáp bằng cách nhắc các bạn rằng "Con người nghĩ thế nào, y là như thế ấy." Đây là một chân lý hiển nhiên và một câu nói quen thuộc của huyền bí học. Vì vậy, điều đúng với cá nhân cũng đúng với nhóm, và khi một nhóm suy nghĩ thế nào, rốt cuộc nhóm ấy sẽ phản ứng như thế. Khi các làn sóng tư tưởng nhóm thâm nhập vào bầu khí quyển trí của nhân loại, con người được gây ấn tượng và việc khai mở những lối sống và phát triển mới tiến hành với sự dễ dàng gia tăng. Ở đây, Tôi chỉ tìm cách trao cho các bạn một vài ý tưởng ngắn gọn và tổng quát, những ý tưởng sẽ giúp chỉ cho các bạn khuynh hướng tư tưởng của Tôi và mục đích Tôi đang có trong trí. Có lẽ cách dễ nhất để Tôi làm điều này là phát biểu một số mệnh đề đáng quan tâm và có thể mang lại sự soi sáng.

I. Education, up to the present time, has been occupied with the art of synthesising past history, past achievement [3] in all departments of human thought and with the attainments to date of human knowledge. It has dealt with those forms of science which the past has evolved. It is primarily backward-looking and not forward-looking. I would remind you that I am here generalising, and that there are many and notable small exceptions to this attitude.

I. Giáo dục, cho đến hiện nay, đã bận tâm với nghệ thuật tổng hợp lịch sử quá khứ, thành tựu quá khứ [3] trong mọi ngành tư tưởng nhân loại và các thành quả cho đến nay của tri thức nhân loại. Nó đã đề cập đến những hình thức khoa học mà quá khứ đã tiến hoá nên. Về căn bản, nó nhìn về phía sau chứ không nhìn về phía trước. Tôi xin nhắc các bạn rằng ở đây Tôi đang khái quát hóa, và có nhiều ngoại lệ nhỏ nhưng đáng chú ý đối với thái độ này.

II. Education has concerned itself primarily with the organising of the lower mind, and a child's calibre has been largely gauged by its reaction to accumulated information (where education is concerned), collated and collected data, sequentially handed out, digested and arranged so as to equip the child to compete with the information which other people possess.

II. Giáo dục chủ yếu đã quan tâm đến việc tổ chức hạ trí, và năng lực của một đứa trẻ phần lớn được đo lường bằng phản ứng của nó đối với thông tin tích lũy, xét về mặt giáo dục, với các dữ kiện được đối chiếu và thu thập, được trao truyền tuần tự, được tiêu hóa và sắp xếp nhằm trang bị cho đứa trẻ khả năng cạnh tranh với thông tin mà những người khác sở hữu.

III. Education to date has been largely memory training, though there is now emerging the recognition that this attitude must end. The child has to assimilate the facts that the race believes to be true, has tested in the past and found adequate. But each age has a differing standard of adequacy. The Piscean Age dealt with the detail of the endeavour to measure up to a sensed ideal. Hence we have a history which covers the method whereby tribes acquired national status through aggression, war and conquest. That has been indicative of racial achievement.

III. Giáo dục cho đến nay phần lớn là sự rèn luyện trí nhớ, dù hiện nay đang xuất hiện sự nhận thức rằng thái độ này phải chấm dứt. Đứa trẻ phải đồng hóa các sự kiện mà nhân loại tin là chân thật, đã thử nghiệm trong quá khứ và thấy là đầy đủ. Nhưng mỗi thời đại có một tiêu chuẩn khác nhau về sự đầy đủ. Kỷ Nguyên Song Ngư đã xử lý chi tiết của nỗ lực vươn tới một lý tưởng được cảm nhận. Do đó, chúng ta có một lịch sử bao quát phương pháp theo đó các bộ lạc đạt được địa vị quốc gia qua xâm lược, chiến tranh và chinh phục. Điều đó đã biểu thị thành tựu của nhân loại.

Geography has been based on a similar reaction to an idea of expansion, and through it the child learns how men, driven by economic and other necessities, have conquered territory and absorbed lands. This too has been regarded, and rightly so, as

Địa lý đã dựa trên một phản ứng tương tự đối với một ý tưởng về bành trướng, và qua đó đứa trẻ học cách con người, bị thúc đẩy bởi các nhu cầu kinh tế và các nhu cầu khác, đã chinh phục lãnh thổ và sáp nhập các vùng đất. Điều này cũng đã được xem, và

a racial achievement. The various branches of science are also regarded as constituting the conquest of areas of territory, and this again is acclaimed as racial achievement. The conquests of science, the conquests of nations, and the conquests of territory are all indicative of the Piscean method, with its idealism, its militancy, and its separativeness in all fields—religious, political and economic. But the age of synthesis, of inclusiveness and of understanding is upon us, and the new education of the [4] Aquarian Age must begin very gently to penetrate the human aura.

đúng như vậy, là một thành tựu của nhân loại. Các ngành khoa học khác nhau cũng được xem như tạo thành sự chinh phục các vùng lãnh thổ, và điều này một lần nữa được tán dương như thành tựu của nhân loại. Những cuộc chinh phục của khoa học, những cuộc chinh phục của các quốc gia, và những cuộc chinh phục lãnh thổ đều biểu thị phương pháp Song Ngư, với chủ nghĩa lý tưởng, tính hiếu chiến và tính chia rẽ của nó trong mọi lĩnh vực—tôn giáo, chính trị và kinh tế. Nhưng thời đại của tổng hợp, của tính bao gồm và của sự thấu hiểu đang ở trước chúng ta, và nền giáo dục mới của [4] Kỷ Nguyên Bảo Bình phải bắt đầu thâm nhập rất nhẹ nhàng vào hào quang nhân loại.

IV. Education is more than memory training and more than informing a child or student as to the past and its achievements. Those factors have their place, and the past must be understood and studied, for out of it must grow that which is new, its flower and its fruit. Education involves more than the investigation of a subject and the forming of subsequent conclusions leading to hypotheses which, in their own turn, lead to still more investigation and conclusions. Education is more than a sincere effort to fit a child or adult to be a good citizen, an intelligent parent and no charge upon the state. It has a far wider application than producing a human being who will be a commercial asset and not a commercial liability. Education has other objectives than rendering life enjoyable and so enabling men and women to achieve a culture which will permit them to participate with interest in all that transpires in the three worlds of human affairs. It is all the above, but should also be much more.

IV. Giáo dục còn hơn sự rèn luyện trí nhớ và hơn việc thông báo cho một đứa trẻ hay học sinh về quá khứ và các thành tựu của nó. Những yếu tố ấy có vị trí của chúng, và quá khứ phải được thấu hiểu và nghiên cứu, vì từ đó điều mới mẻ, hoa và quả của nó, phải lớn lên. Giáo dục bao hàm nhiều hơn việc khảo sát một chủ đề và hình thành các kết luận tiếp theo dẫn đến các giả thuyết, rồi chính các giả thuyết ấy lại dẫn đến nhiều khảo sát và kết luận hơn nữa. Giáo dục còn hơn một nỗ lực chân thành nhằm làm cho một đứa trẻ hay người trưởng thành thích hợp để trở thành một công dân tốt, một phụ huynh thông minh và không là gánh nặng cho nhà nước. Nó có phạm vi áp dụng rộng hơn rất nhiều so với việc tạo ra một con người sẽ là một tài sản thương mại chứ không phải một khoản nợ thương mại. Giáo dục có những mục tiêu khác ngoài việc làm cho đời sống trở nên thú vị và nhờ vậy giúp những người nam và nữ đạt được một nền văn hóa cho phép họ tham gia với sự quan tâm vào tất cả những gì diễn ra trong ba cõi giới của các sự việc nhân loại. Nó là tất cả những điều trên, nhưng cũng phải là nhiều hơn thế.

V. Education has three major objectives, from the angle of human development:

V. Giáo dục có ba mục tiêu chính, xét từ góc độ phát triển con người:

First, as has been grasped by many, it must make a man an intelligent citizen, a wise parent, and a controlled personality; it must enable him to play his part in the work of the world and fit him for living peaceably and helpfully and in harmony with his neighbours.

Trước hết, như nhiều người đã nắm bắt, nó phải làm cho con người thành một công dân thông minh, một phụ huynh minh triết, và một phàm ngã được kiểm soát; nó phải giúp y đóng vai trò của mình trong công việc của thế giới và làm cho y thích hợp để sống hòa bình, hữu ích và hòa hợp với những người láng giềng của mình.

Second, it must enable him to bridge the gap between the various aspects of his own mental nature, and herein lies the major emphasis of the instructions which I am now purposing to give you.

Thứ hai, nó phải giúp y bắt cầu qua khoảng cách giữa các phương diện khác nhau của bản chất trí tuệ nơi chính y, và chính trong điều này có trọng tâm chính của các huấn thị mà hiện nay Tôi dự định trao cho các bạn.

In the esoteric philosophy we are taught, as well you know, that on the mental plane there are three aspects of the mind, or of that mental creature we call a man. These three aspects constitute the most important part of his nature: [5]

Trong triết học nội môn, như các bạn biết rõ, chúng ta được dạy rằng trên cõi trí có ba phương diện của trí tuệ, hay của sinh vật trí tuệ mà chúng ta gọi là con người. Ba phương diện này tạo thành phần quan trọng nhất trong bản chất của y: [5]

1. His lower concrete mind, the reasoning principle. It is with this aspect of the man that our educational processes profess to deal.

1. Hạ trí cụ thể của y, nguyên khí lý luận. Chính với phương diện này của con người mà các tiến trình giáo dục của chúng ta tự nhận là xử lý.

2. That Son of Mind, which we call the Ego or Soul. This is the intelligence principle, and is called by many names in the esoteric literature, such as the Solar Angel, the Agnishvattas, the Christ principle, etc. With this, religion in the past has professed to deal.

2. Con của Trí Tuệ ấy, mà chúng ta gọi là Chân ngã hay Linh hồn. Đây là nguyên khí trí tuệ, và được gọi bằng nhiều danh xưng trong văn học nội môn, như Thái dương Thiên Thần, các Agnishvatta, nguyên khí Christ, v.v. Chính với điều này mà tôn giáo trong quá khứ đã tự nhận là xử lý.

3. The higher abstract mind, the custodian of ideas, and that which is the conveyor of illumination to the lower mind, once that lower mind is en rapport with the soul. With

3. Thượng trí trừu tượng, người gìn giữ các ý tưởng, và là cái truyền dẫn sự soi sáng đến hạ trí, một khi hạ trí ấy có quan hệ hòa hợp

this world of ideas philosophy has professed to deal.

với linh hồn. Chính với thế giới các ý tưởng này mà triết học đã tự nhận là xử lý.

We might call these three aspects:

Chúng ta có thể gọi ba phương diện này là:

The receptive mind, the mind as dealt with by the psychologists.

Trí tiếp nhận, tức trí như được các nhà tâm lý học xử lý.

The individualised mind, the Son of Mind.

Trí đã biệt ngã hóa, Con của Trí Tuệ.

The illuminating mind, the higher mind.

Trí soi sáng, thượng trí.

Third, the gap between the lower mind and the soul has to be bridged, and curiously enough humanity has always realised this and has talked therefore in terms of "achieving unity" or "making the at-one-ment" or "attaining alignment." These are all attempts to express this intuitively realised truth.

Thứ ba, khoảng cách giữa hạ trí và linh hồn phải được bắt cầu; và kỳ lạ thay, nhân loại luôn luôn nhận biết điều này, nên đã nói bằng những thuật ngữ như "đạt đến hợp nhất", "tạo nên sự nhất như" hay "đạt đến sự chỉnh hợp". Tất cả những cách nói này đều là những nỗ lực nhằm diễn đạt chân lý đã được trực giác nhận biết ấy.

VI. Education also should concern itself during the new age with the bridging of this gap between the three aspects of the mind nature: between the soul and the lower mind, thus producing at-one-ment between soul and personality; between the lower mind, the soul and the higher mind. For this the race is now ready, and for the first time in the career of humanity the bridging work can go forward on a relatively large scale. On this I need not enlarge, for it concerns the technicalities of the Ancient Wisdom, on which I have given you much in my other books. [6]

VI. Giáo dục trong kỷ nguyên mới cũng phải quan tâm đến việc bắt cầu khoảng cách này giữa ba phương diện của bản chất trí tuệ: giữa linh hồn và hạ trí, nhờ đó tạo nên sự nhất như giữa linh hồn và phàm ngã; giữa hạ trí, linh hồn và thượng trí. Nhân loại hiện nay đã sẵn sàng cho điều này, và lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, công việc bắt cầu có thể tiến hành trên một quy mô tương đối rộng lớn. Tôi không cần nói thêm về điều này, vì nó liên quan đến các chi tiết kỹ thuật của Minh Triết Ngàn Đời, về điều mà Tôi đã trao cho các bạn nhiều trong các sách khác của Tôi. [6]

VII. Education is therefore the Science of the Antahkarana. This science and this term is the esoteric way of expressing the truth of this bridging necessity. The antahkarana is the bridge the man builds—through meditation, understanding and the magical creative work of the soul—between the three

VII. Vì vậy, giáo dục là Khoa Học về Antahkarana. Khoa học này và thuật ngữ này là cách nội môn để diễn đạt chân lý về nhu cầu bắt cầu ấy. Antahkarana là cây cầu mà con người xây dựng — qua tham thiền, sự thấu hiểu và công việc sáng tạo huyền thuật của linh hồn — giữa ba phương diện

aspects of his mind nature. Therefore the primary objectives of the coming education will be:

của bản chất trí tuệ nơi y. Vì vậy, những mục tiêu chính yếu của nền giáo dục sắp đến sẽ là:

1. To produce alignment between mind and brain through a correct understanding of the inner constitution of man, particularly of the etheric body and the force centres.

1. Tạo nên sự chỉnh hợp giữa thể trí và bộ não thông qua một sự thấu hiểu đúng đắn về cấu tạo bên trong của con người, đặc biệt là thể dĩ thái và các trung tâm mãnh lực.

2. To build or construct a bridge between the brain-mind-soul, thus producing an integrated personality which is a steady developing expression of the in-dwelling soul.

2. Xây dựng hay kiến tạo một cây cầu giữa bộ não-thể trí-linh hồn, nhờ đó tạo nên một phàm ngã tích hợp, vốn là biểu hiện đang phát triển vững chắc của linh hồn nội tại.

3. To build the bridge between the lower mind, soul, higher mind, so that the illumination of the personality becomes possible.

3. Xây dựng cây cầu giữa hạ trí, linh hồn và thượng trí, để sự soi sáng của phàm ngã trở nên khả hữu.

VIII. The true education is consequently the science of linking up the integral parts of man, and also of linking him up in turn with his immediate environment, and then with the greater whole in which he has to play his part. Each aspect, regarded as a lower aspect, can ever be simply the expression of the next higher. In this phrase I have expressed a fundamental truth which embodies not only the objective, but also indicates the problem before all interested in education. This problem is to gauge rightly the centre or the focus of a man's attention and to note where the consciousness is primarily centered. Then he must be trained in such a way that a shift of that focus into a higher vehicle becomes possible. We can also express this idea in an equally true manner by saying that the vehicle which seems of paramount importance can become and should become of secondary importance as it becomes simply the instrument of that which is higher than itself. [7] If the astral (emotional) body is the centre of the

VIII. Do đó, giáo dục đích thực là khoa học liên kết các phần cấu thành của con người, đồng thời lần lượt liên kết y với môi trường trực tiếp của y, rồi với toàn thể rộng lớn hơn trong đó y phải đóng vai trò của mình. Mỗi phương diện, khi được xem như một phương diện thấp hơn, bao giờ cũng có thể chỉ là sự biểu hiện của phương diện kế tiếp cao hơn. Trong cụm từ này, Tôi đã diễn đạt một chân lý nền tảng, không chỉ hàm chứa mục tiêu mà còn chỉ ra vấn đề trước mắt tất cả những ai quan tâm đến giáo dục. Vấn đề này là đo lường đúng trung tâm hay tiêu điểm chú ý của một người, và ghi nhận nơi tâm thức chủ yếu được tập trung. Khi ấy, y phải được huấn luyện theo cách sao cho việc chuyển dịch tiêu điểm ấy vào một vận cụ cao hơn trở nên khả hữu. Chúng ta cũng có thể diễn đạt ý tưởng này theo một cách đúng không kém, bằng cách nói rằng vận cụ nào dường như có tầm quan trọng tối thượng thì có thể, và phải, trở nên có tầm quan trọng thứ yếu khi nó chỉ còn là công cụ của cái cao hơn chính nó. [7] Nếu thể cảm dục hay cảm xúc là trung

personality life, then the objective of the educational process imposed upon the subject will be to make the mind nature the dominating factor, and the astral body then becomes that which is impressed by, and is sensitive to, environing conditions, but is under the control of the mind. If the mind is the centre of personality attention, then the soul activity must be brought into fuller expression; and so on and on the work proceeds, progress being made from point to point until the top of the ladder has been reached.

tâm của đời sống phàm ngã, thì mục tiêu của tiến trình giáo dục được áp đặt lên đối tượng sẽ là làm cho bản chất trí tuệ trở thành yếu tố chi phối; khi ấy thể cảm dục trở thành cái chịu ấn tượng bởi, và nhạy cảm với, các điều kiện chung quanh, nhưng ở dưới sự kiểm soát của thể trí. Nếu thể trí là trung tâm chú ý của phàm ngã, thì hoạt động của linh hồn phải được đưa vào sự biểu hiện đầy đủ hơn; và cứ như thế công việc tiếp diễn, tiến bộ được thực hiện từ điểm này sang điểm khác cho đến khi đạt tới đỉnh của chiếc thang.

It might be noted here that this entire exegesis of the mind and of the needed bridge building is but the practical demonstration of the truth of the occult aphorism that "before a man can tread the Path he must become that Path itself." The antahkarana is the Path symbolically. This is one of the paradoxes of the esoteric science. Step by step and stage by stage, we construct that Path just as the spider spins its thread. It is that "way back" which we evolve out of ourselves; it is that Way which we also find and tread.

Ở đây có thể lưu ý rằng toàn bộ phần diễn giải này về thể trí và về việc xây cầu cần thiết chỉ là sự minh chứng thực tiễn cho chân lý của châm ngôn huyền môn rằng "trước khi một người có thể bước trên Đường Đạo, y phải trở thành chính Đường Đạo ấy". Antahkarana là Đường Đạo theo nghĩa biểu tượng. Đây là một trong những nghịch lý của khoa học nội môn. Từng bước một và từng giai đoạn một, chúng ta kiến tạo Đường Đạo ấy giống như con nhện se sợi tơ của nó. Đó là "con đường trở về" mà chúng ta tiến hoá ra từ chính mình; đó cũng là Con Đường mà chúng ta tìm thấy và bước đi.

Some Questions Answered – Một Số Câu Hỏi Được Giải Đáp

I will now attempt to deal somewhat with three questions on education asked by one of the students. I can but indicate the ideal, and in so doing I run the risk of producing an effect of being so visionary that any approach under our present system might be regarded as impossible.

Bây giờ Tôi sẽ cố gắng đề cập phần nào đến ba câu hỏi về giáo dục do một trong các môn sinh nêu ra. Tôi chỉ có thể chỉ ra lý tưởng; và khi làm như vậy, Tôi có nguy cơ tạo ra ấn tượng rằng mình quá viển vông đến nỗi mọi cách tiếp cận trong hệ thống hiện nay của chúng ta có thể bị xem là bất khả thi.

In answer to the first question, the prime function of all educators is twofold:

Để trả lời câu hỏi thứ nhất, chức năng chính yếu của mọi nhà giáo dục là nhị phân:

1. To train the brain to respond intelligently to impressions coming to it via the sense

1. Huấn luyện bộ não đáp ứng một cách thông minh với các ấn tượng đến với nó qua

apparatus and so carrying information about the outer tangible world.

bộ máy giác quan, nhờ đó mang thông tin về thế giới hữu hình bên ngoài.

2. To train the mind so that it can fulfill three duties:

2. Huấn luyện thể trí để nó có thể hoàn thành ba nhiệm vụ:

a. Deal intelligently with information relayed to it by the brain. [8]

a. Xử lý một cách thông minh thông tin được bộ não chuyển đến cho nó. [8]

b. Create thoughtforms in response to *impulses* emanating from the physical planes; to *emotional reactions* set in motion by the feeling-desire nature; to the *thought world,* in which the man's environment is found.

b. Tạo ra các hình tư tưởng để đáp ứng với *những xung động* xuất phát từ các cõi hồng trần; với *những phản ứng cảm xúc* được khơi động bởi bản chất cảm xúc-dục vọng; với *thế giới tư tưởng*, trong đó môi trường của con người được tìm thấy.

c. Orient itself to the subjective spiritual self, so that, from a condition of potentiality, the self may emerge into active government.

c. Định hướng chính nó về bản ngã tinh thần chủ quan, để từ một trạng thái tiềm năng, bản ngã có thể xuất hiện trong quyền cai quản tích cực.

In this formulation of the function of the apparatus with which all educators have to deal (the mind and the brain), I have indicated the answer to the second question asked, which was:

Trong cách trình bày này về chức năng của bộ máy mà mọi nhà giáo dục phải xử lý, tức thể trí và bộ não, Tôi đã chỉ ra câu trả lời cho câu hỏi thứ hai được nêu, đó là:

"Are there definite types of activities, changing with the growing years and based on the phases of the growth process in the individual, that make for his best all-around development?"

“Có những loại hoạt động xác định nào, thay đổi theo những năm tháng trưởng thành và đặt nền trên các giai đoạn của tiến trình tăng trưởng nơi cá nhân, giúp cho sự phát triển toàn diện tốt nhất của y hay không?”

I differ somewhat concerning the periods indicated by such occult teachers as Steiner, for though the seven year cycles have their place, the division is apt to be over-applied. I would also suggest ten year cycles of development, divided into two parts: seven of learning and three of application.

Tôi có phần khác biệt trong quan điểm về các thời kỳ do những huấn sư huyền môn như Steiner nêu ra, vì dù các chu kỳ bảy năm có vị trí của chúng, sự phân chia ấy dễ bị áp dụng quá mức. Tôi cũng đề nghị các chu kỳ phát triển mười năm, chia làm hai phần: bảy năm học hỏi và ba năm áp dụng.

In the first ten years of a child's life he is taught to deal intelligently with information

Trong mười năm đầu đời của một đứa trẻ, nó được dạy cách xử lý một cách thông minh

coming to him via the five senses to the brain. Observation, rapid response, and physical coordination as the result of intention, must be emphasised. The child must be taught to hear and see, to make contacts and to use judgment; and his fingers must then respond to creative impulses to make and produce what he sees and hears. Thus are laid the elements of the arts and crafts, of drawing and of music.

những thông tin đến với nó qua năm giác quan vào bộ não. Cần nhấn mạnh sự quan sát, sự đáp ứng nhanh và sự phối hợp thể xác như kết quả của chủ định. Đứa trẻ phải được dạy nghe và thấy, tạo các tiếp xúc và sử dụng phán đoán; rồi các ngón tay của nó phải đáp ứng với những xung động sáng tạo để làm ra và tạo nên những gì nó thấy và nghe. Như vậy, các yếu tố của nghệ thuật và thủ công, của hội họa và âm nhạc được đặt nền.

In the next ten years the mind is definitely trained to become dominant. The child is taught to rationalise his emotional and desire impulses, and to discriminate the right from the wrong, the desirable from the undesirable, and the essential from the nonessential. This can be taught him [9] through the medium of history and the intellectual training which the cycle of his life makes compulsory under the laws of the country in which he lives. A sense of values and of right standards is thus established. He is taught the distinction between memory training and thinking; between bodies of facts, ascertained by thinkers and tabulated in books, and their application to the events of objective existence, plus (and here lies a thought of real importance) their subjective cause and their relation to the world of reality of which the phenomenal world is but the symbol.

Trong mười năm kế tiếp, thể trí được huấn luyện một cách rõ rệt để trở nên chi phối. Đứa trẻ được dạy cách lý giải các xung động cảm xúc và dục vọng của nó, và phân biện điều đúng với điều sai, điều đáng mong muốn với điều không đáng mong muốn, điều thiết yếu với điều không thiết yếu. Điều này có thể được dạy cho nó [9] qua phương tiện lịch sử và sự huấn luyện trí tuệ mà chu kỳ đời sống của nó khiến trở nên bắt buộc theo luật pháp của quốc gia nơi nó sống. Nhờ vậy, một ý thức về các giá trị và các chuẩn mực đúng đắn được thiết lập. Nó được dạy sự phân biệt giữa việc rèn luyện trí nhớ và việc suy nghĩ; giữa các khối sự kiện do các nhà tư tưởng xác minh và ghi thành bảng trong sách vở, với việc áp dụng chúng vào các biến cố của đời sống khách quan, cộng thêm — và chính ở đây có một tư tưởng thật sự quan trọng — nguyên nhân chủ quan của chúng và mối liên hệ của chúng với thế giới thực tại mà thế giới hiện tượng chỉ là biểu tượng.

At the age of seventeen the study of psychology will be added to the rest of the curriculum and the nature of the soul and its relation to the World Soul will be investigated. Meditation along suitable lines will be part of the curriculum. It should be noted here, however, that the religious implications of meditation are needless. Meditation is the process whereby the objective tendencies and outgoing impulses

Ở tuổi mười bảy, môn tâm lý học sẽ được thêm vào phần còn lại của chương trình học, và bản chất của linh hồn cùng mối liên hệ của nó với Linh Hồn Thế Giới sẽ được khảo sát. Tham thiền theo những đường lối thích hợp sẽ là một phần của chương trình học. Tuy nhiên, cần lưu ý ở đây rằng những hàm ý tôn giáo của tham thiền là không cần thiết. Tham thiền là tiến trình nhờ đó các khuynh hướng khách quan và các xung động hướng

of the mind are thwarted, and it begins to be subjective, to focus and to intuit. This can be taught through the medium of deep thinking on any subject—mathematics, biology, and so forth.

ngoại của thể trí bị ngăn lại, và nó bắt đầu trở nên chủ quan, tập trung và trực giác. Điều này có thể được dạy qua phương tiện suy nghĩ sâu sắc về bất kỳ đề tài nào — toán học, sinh học, vân vân.

The tendency of the newer education should be to make the subject of the educational experiment the conscious possessor of his equipment; it should leave him standing clear-eyed before life, with open doors ahead of him into the world of objective phenomena and relationships; it should have brought him to the knowledge of a door leading into the world of Reality and through which he may pass at will and there assume and work out his relation to other souls.

Khuynh hướng của nền giáo dục mới hơn phải là làm cho đối tượng của thí nghiệm giáo dục trở thành người sở hữu có ý thức đối với trang bị của mình; nó phải để y đứng trước đời sống với đôi mắt sáng rõ, với những cánh cửa mở ra phía trước y vào thế giới của các hiện tượng và các mối liên hệ khách quan; nó phải đưa y đến sự hiểu biết về một cánh cửa dẫn vào thế giới Thực Tại, qua đó y có thể đi vào tùy ý, và tại đó đảm nhận cũng như thực hiện mối liên hệ của mình với các linh hồn khác.

This second question—relating to the type of experience which would aid the child to round out his development and be supplementary to the compulsory state curriculum—is well-nigh impossible to answer, owing to the wide differences in human beings and the practical impossibility of finding those teachers who work as souls and as minds. [10]

Câu hỏi thứ hai này — liên quan đến loại kinh nghiệm sẽ giúp đứa trẻ hoàn thiện sự phát triển của nó và bổ sung cho chương trình bắt buộc của nhà nước — gần như không thể trả lời, do những khác biệt rất rộng lớn giữa các con người và sự bất khả thi về mặt thực tiễn trong việc tìm ra những huấn sư làm việc như các linh hồn và như các thể trí. [10]

Every child should be studied in three directions. First, to ascertain the natural trend of his impulses: Are they towards physical expression, towards manual labor, in which one would include such a wide range of opportunity as that of the mechanical factory worker and the trained skill of the electrician? Is there a latent capacity for one or other of the arts, a reaction to colour and form, or a response to music and rhythm? Is the intellectual calibre one that should warrant a definitely mental training in analysis, deduction, mathematics or logic? Then perhaps as life goes on our young people will be graded into

Mỗi đứa trẻ nên được nghiên cứu theo ba hướng. Thứ nhất, để xác định khuynh hướng tự nhiên của các xung động nơi nó: Chúng hướng về biểu hiện thể xác, về lao động tay chân, trong đó người ta sẽ bao gồm một phạm vi cơ hội rộng lớn như công nhân nhà máy cơ khí và kỹ năng được đào tạo của người thợ điện chăng? Có năng lực tiềm ẩn đối với một hay nhiều nghệ thuật, một phản ứng với màu sắc và hình tướng, hay một đáp ứng với âm nhạc và nhịp điệu chăng? Tầm vóc trí tuệ có phải là loại biện minh cho một sự huấn luyện trí tuệ rõ rệt về phân tích, suy diễn, toán học hay luận lý chăng? Khi ấy, có lẽ khi đời sống tiếp diễn, lớp trẻ của chúng ta

two groups: the *mystical*, under which heading one would group those with religious, artistic and the more impractical tendencies; and the *occult*, which would include the intellectual, scientific and mental types. By the time a child is seventeen the training given should have enabled him to strike his note clearly, and should have indicated the pattern into which his life impulses will most probably run. In the first fourteen years, opportunity should be given to experiment in many fields of opportunity. Pure vocational training should not be emphasised until the later years of the educational process.

sẽ được phân loại thành hai nhóm: nhóm *thần bí*, dưới tiêu đề này người ta sẽ nhóm những người có các khuynh hướng tôn giáo, nghệ thuật và thiên về tính ít thực tiễn hơn; và nhóm *huyền môn*, bao gồm các kiểu người trí thức, khoa học và trí tuệ. Đến khi một đứa trẻ được mười bảy tuổi, sự huấn luyện được trao nên đã giúp nó xướng rõ âm điệu của mình, và nên đã chỉ ra mô hình mà các xung động đời sống của nó rất có thể sẽ đi theo. Trong mười bốn năm đầu, phải trao cơ hội để thử nghiệm trong nhiều lĩnh vực cơ hội. Huấn luyện nghề nghiệp thuần túy không nên được nhấn mạnh cho đến những năm sau của tiến trình giáo dục.

The time is coming when all children will be studied in the following directions:

Thời kỳ đang đến khi mọi trẻ em sẽ được nghiên cứu theo các hướng sau:

1. Astrologically, to determine the life tendencies and the peculiar problem of the soul.

1. Về mặt chiêm tinh, để xác định các khuynh hướng đời sống và vấn đề đặc thù của linh hồn.

2. Psychologically, supplementing the best of modern psychology with a knowledge of the Seven Ray types, which colours eastern psychology (see pages 18-23).

2. Về mặt tâm lý, bổ sung những gì tốt nhất của tâm lý học hiện đại bằng tri thức về bảy kiểu cung, điều vốn nhuộm màu tâm lý học phương Đông (xem các trang 18–23).

3. Medically, with special attention to the endocrine system, plus the usual modern methods in relation to eyes, teeth and other physiological defects. The nature of the response apparatus will be carefully studied and developed.

3. Về mặt y học, với sự chú ý đặc biệt đến hệ nội tiết, cộng với các phương pháp hiện đại thông thường liên quan đến mắt, răng và các khiếm khuyết sinh lý khác. Bản chất của bộ máy đáp ứng sẽ được nghiên cứu và phát triển cẩn thận.

4. Vocationally, so as to place them later in life where their gifts and capacities may find fullest expression [11] and enable them thus to fulfill their group obligations.

4. Về mặt nghề nghiệp, để về sau trong đời đặt chúng vào nơi mà các thiên tư và năng lực của chúng có thể tìm được sự biểu hiện đầy đủ nhất [11] và nhờ đó giúp chúng hoàn thành các bổn phận nhóm của mình.

5. Spiritually. By this I mean that the apparent age of the soul under consideration

5. Về mặt tinh thần. Qua điều này, Tôi muốn nói rằng tuổi biểu kiến của linh hồn đang

will be studied, and the place on the ladder of evolution will be approximately noted; mystical and introspective tendencies will be considered and their apparent lack noted. Coordination between:

được xét đến sẽ được nghiên cứu, và vị trí trên chiếc thang tiến hoá sẽ được ghi nhận một cách xấp xỉ; các khuynh hướng thần bí và nội quan sẽ được xem xét, và sự thiếu vắng biểu kiến của chúng cũng được ghi nhận. Sự phối hợp giữa:

a. Brain and the response apparatus in the outer world of phenomena,

a. Bộ não và bộ máy đáp ứng trong thế giới hiện tượng bên ngoài,

b. Brain and desire impulses, plus emotional reactions,

b. Bộ não và các xung động dục vọng, cộng với các phản ứng cảm xúc,

c. Brain and mind and the world of thought,

c. Bộ não và thể trí cùng thế giới tư tưởng,

d. Brain, mind and soul,

d. Bộ não, thể trí và linh hồn,

will be carefully investigated so as to bring the entire equipment of the child, latent or developed, into functioning activity and to unify it into a whole.

sẽ được khảo sát cẩn thận để đưa toàn bộ trang bị của đứa trẻ, dù tiềm ẩn hay đã phát triển, vào hoạt động chức năng và hợp nhất nó thành một toàn thể.

The third question asks:

Câu hỏi thứ ba nêu lên:

"What is the process of the unfoldment of the intellect in man? How does the higher mind manifest, if at all, in the growing years?"

“Tiến trình khai mở của trí năng nơi con người là gì? Thượng trí biểu lộ như thế nào, nếu quả có biểu lộ, trong những năm tháng trưởng thành?”

It is not possible in the short time at our command to deal here with the history of the progress of mental development. A study of its racial growth will reveal much, for every child is an epitome of the whole. A study, for instance, of the growth of the God-idea in the human consciousness would prove a profitable illustration of the phenomena of thought development. A sequence of growth might most inadequately and briefly be tabulated as follows, based upon the process of unfoldment in a human being:

Trong thời gian ngắn ngủi mà chúng ta có, không thể ở đây bàn đến lịch sử tiến bộ của sự phát triển trí tuệ. Việc nghiên cứu sự tăng trưởng của nó trong nhân loại sẽ mặc khải nhiều điều, vì mỗi đứa trẻ là hình ảnh thu nhỏ của toàn thể. Chẳng hạn, việc nghiên cứu sự tăng trưởng của ý tưởng về Thượng đế trong tâm thức nhân loại sẽ là một minh họa hữu ích về các hiện tượng của sự phát triển tư tưởng. Một chuỗi tăng trưởng có thể được lập bảng một cách rất không đầy đủ và ngắn gọn như sau, dựa trên tiến trình khai mở nơi một con người:

1. Response to impact, the infant's sense awakened. He begins to hear and see.

1. Đáp ứng với va chạm, giác quan của trẻ sơ sinh được đánh thức. Nó bắt đầu nghe và thấy.

2. Response to possession and to acquisitiveness. The child begins to appropriate, becomes self-conscious and grasps for the personal self. [12]

2. Đáp ứng với sự sở hữu và với tính chiếm hữu. Đứa trẻ bắt đầu chiếm lấy, trở nên tự ý thức và nắm bắt cho bản ngã cá nhân. [12]

3. Response to the instinct governing the animal and desire nature, and to human tendencies.

3. Đáp ứng với bản năng chi phối bản chất động vật và dục vọng, cũng như với các khuynh hướng nhân loại.

4. Response to the group. The child becomes aware of his environment and that he is an integral part of a whole.

4. Đáp ứng với nhóm. Đứa trẻ trở nên ý thức về môi trường của nó và về việc nó là một phần cấu thành của một toàn thể.

5. Response to knowledge. This begins with the impartation of informative facts, and so to the registration, through the memory, of these facts; thus are developed interest, correlation, synthesis and application to the exigencies of the life.

5. Đáp ứng với tri thức. Điều này bắt đầu bằng việc truyền đạt các sự kiện thông tin, rồi đến việc ghi nhận các sự kiện ấy qua trí nhớ; nhờ đó phát triển hứng thú, sự liên hệ, tổng hợp và áp dụng vào các đòi hỏi cấp bách của đời sống.

6. Response to the innate need to *search*. This leads to *experiment* on the physical plane, to *introspection* on the emotional plane, and to *intellectual study* and a love of reading or of listening, thus bringing the mind into some condition of activity.

6. Đáp ứng với nhu cầu bẩm sinh phải *tìm kiếm*. Điều này dẫn đến *thử nghiệm* trên cõi hồng trần, đến *nội quan* trên cõi cảm dục, và đến *nghiên cứu trí tuệ* cùng tình yêu đọc sách hay lắng nghe, nhờ đó đưa thể trí vào một trạng thái hoạt động nào đó.

7. Response to economic and sex pressure or to the law of survival. This forces him to use his equipment and knowledge and so take his place as a factor in the group life, and to promote group welfare by some aspect of active work and by the perpetuation of the species.

7. Đáp ứng với áp lực kinh tế và tính dục, hay với định luật sinh tồn. Điều này buộc y sử dụng trang bị và tri thức của mình, nhờ đó đảm nhận vị trí như một yếu tố trong đời sống nhóm, và thúc đẩy phúc lợi nhóm bằng một phương diện nào đó của công việc tích cực và bằng sự duy trì nòi giống.

8. Response to pure intellectual awareness. This leads to a conscious free use of the mind, to individual thinking, to the creation

8. Đáp ứng với nhận thức trí tuệ thuần túy. Điều này dẫn đến việc sử dụng thể trí một cách tự do và có ý thức, đến tư duy cá nhân,

of thoughtforms, and eventually to the steady orientation of the mind to a wider and wider field of realisation and awareness. These expansions of consciousness finally bring a new factor into the field of experience.

đến việc tạo ra các hình tư tưởng, và cuối cùng đến sự định hướng vững chắc của thể trí vào một lĩnh vực chứng nghiệm và nhận thức ngày càng rộng lớn hơn. Những mở rộng tâm thức này sau cùng đưa một yếu tố mới vào lĩnh vực kinh nghiệm.

9. Response to the Thinker or the soul. With the registration of this response, the man enters into his kingdom. The above and the below become as one. The objective and the subjective worlds are unified. Soul and its mechanism function as a unit.

9. Đáp ứng với Chủ Thể Tư Tưởng hay linh hồn. Khi sự đáp ứng này được ghi nhận, con người bước vào giới của y. Cái trên và cái dưới trở nên như một. Các thế giới khách quan và chủ quan được hợp nhất. Linh hồn và bộ máy của nó hoạt động như một đơn vị.

Towards this consummation all education should tend. Practically speaking, except in rare and highly evolved souls, [13] the higher mind does not manifest in children, any more than it did in infant humanity. It can only truly make its presence felt when soul and mind and brain are aligned and coordinated. Flashes of insight and vision when seen in the young, are frequently the reaction of their very sensitive response apparatus to group ideas and the dominant thoughts of their time and age, or of someone in their environment.

Mọi nền giáo dục nên hướng đến sự viên mãn này. Nói một cách thực tiễn, ngoại trừ nơi những linh hồn hiếm hoi và tiến hoá cao, [13] thượng trí không biểu lộ nơi trẻ em, cũng như nó đã không biểu lộ nơi nhân loại sơ khai. Nó chỉ thật sự có thể làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận khi linh hồn, thể trí và bộ não được chỉnh hợp và phối hợp. Những lóe sáng của minh sát và tầm nhìn khi xuất hiện nơi người trẻ thường là phản ứng của bộ máy đáp ứng rất nhạy cảm của họ đối với các ý tưởng nhóm và các tư tưởng chi phối của thời đại họ, hoặc của một người nào đó trong môi trường của họ.

Let me now deal briefly with the points raised concerning the attitude of the teacher, particularly towards adult aspirants.

Bây giờ Tôi xin đề cập ngắn gọn đến những điểm được nêu liên quan đến thái độ của huấn sư, đặc biệt đối với những người chí nguyện trưởng thành.

The true teacher must deal in truth and in sincerity with all seekers. His time (in so far as he is held by the time equation on the physical plane) is too valuable to waste in social politeness or in refraining from making critical comment where a good purpose would be served. He must depend thoroughly upon the sincerity of those whom he teaches. Nevertheless, criticism and the pointing out of faults and errors

Huấn sư chân chính phải xử lý mọi người tìm kiếm bằng chân lý và sự thành thật. Thời gian của y, trong chừng mực y bị ràng buộc bởi phương trình thời gian trên cõi hồng trần, quá quý giá để lãng phí vào lịch sự xã giao hay vào việc kiềm chế không đưa ra nhận xét phê bình khi một mục đích tốt đẹp sẽ được phục vụ. Y phải hoàn toàn dựa vào sự thành thật của những người mà y dạy. Tuy nhiên, sự phê bình và việc chỉ ra các

does not always prove helpful; it may but increase responsibility, evoke antagonism or unbelief, or produce depression—three of the most undesirable results of the use of the critical faculty.

khuyết điểm, sai lầm không phải lúc nào cũng tỏ ra hữu ích; nó có thể chỉ làm tăng trách nhiệm, gợi lên sự đối kháng hay hoài nghi, hoặc tạo ra sự chán nản — ba kết quả bất lợi nhất của việc sử dụng năng lực phê bình.

By stimulating their interest, by producing a subjective synthesis in the group he is teaching, and by fanning the flame of their spiritual aspiration, the group may arrive at a right discrimination as to their joint quality and necessities, and thus they will render the ordinary faultfinding attitude of the teacher unnecessary.

Bằng cách kích thích sự quan tâm của họ, tạo ra một tổng hợp chủ quan trong nhóm mà y đang dạy, và thổi bùng ngọn lửa khát vọng tinh thần của họ, nhóm có thể đạt đến sự phân biện đúng đắn về phẩm tính và nhu cầu chung của họ, và như thế họ sẽ khiến thái độ thường tình hay tìm lỗi của huấn sư trở nên không cần thiết.

Those upon the teaching ray will learn to teach by teaching. There is no surer method, provided it is accompanied by a deep love, personal yet at the same time impersonal, for those who are to be taught. Above everything else, I would enjoin upon you the inculcation of the group spirit, for that is the first expression of true love. Two points only would I make:

Những ai thuộc cung giảng dạy sẽ học cách giảng dạy bằng chính việc giảng dạy. Không có phương pháp nào chắc chắn hơn, miễn là nó đi kèm với một tình thương sâu xa, có tính cá nhân nhưng đồng thời vô ngã, dành cho những người sẽ được dạy. Trên hết mọi điều, Tôi muốn khuyên các bạn gieo trồng tinh thần nhóm, vì đó là biểu hiện đầu tiên của tình thương chân chính. Tôi chỉ muốn nêu hai điểm:

First of all, in teaching children up to fourteen years of age, it is necessary to bear in mind that they are emotionally [14] focussed. They need to *feel*, and rightly to feel beauty, strength and wisdom. They must not be expected to rationalise before that time, even if they show evidence of the power so to do. After fourteen years and during adolescence their mental response to truth should be drawn out and counted upon to deal with presented problems. Even if it is not there, an effort should be made to evoke it.

Trước hết, khi dạy trẻ em cho đến mười bốn tuổi, cần ghi nhớ rằng chúng được tập trung về mặt cảm xúc. [14] Chúng cần *cảm nhận*, và cảm nhận đúng về vẻ đẹp, sức mạnh và minh triết. Không nên kỳ vọng chúng lý giải trước thời điểm ấy, dù chúng có cho thấy bằng chứng về khả năng làm như vậy. Sau mười bốn tuổi và trong thời kỳ thiếu niên, sự đáp ứng trí tuệ của chúng đối với chân lý nên được gợi mở và được trông cậy để xử lý các vấn đề được trình bày. Ngay cả nếu nó chưa có đó, cũng nên nỗ lực để gợi lên nó.

Secondly, an attempt should be made to approximate the child's place upon the ladder of evolution by a study of his

Thứ hai, nên cố gắng ước định vị trí của đứa trẻ trên chiếc thang tiến hoá bằng cách nghiên cứu bối cảnh của nó, trang bị thể xác

background, his physical equipment, the nature of his response apparatus with its varied reactions, and his major interests. This enquiry sets up a subjective rapport with the child which is far more potent in its results than would be months and months of strenuously used words in the effort to convey an idea.

của nó, bản chất của bộ máy đáp ứng nơi nó với các phản ứng đa dạng, và các mối quan tâm chính của nó. Sự khảo sát này thiết lập một mối liên hệ chủ quan với đứa trẻ, mạnh mẽ hơn rất nhiều trong kết quả so với nhiều tháng nhiều tháng dùng lời lẽ một cách căng thẳng nhằm cố truyền đạt một ý tưởng.

Theory, Methods and Goals – Lý Thuyết, Phương Pháp và Mục Tiêu

All that I have to say here is still in the nature of introductory remarks. Please bear this in mind. I am anxious, however, to lay a sound foundation for our future discussions on the building of the antahkarana, so that we can work intelligently, but not critically. It is essential that as we start our work it should be based on that which is today in existence. Nature works without any gaps, and this is so even when (from the standpoint of academic science) there is an apparent hiatus between facts and known species. In transitional periods some of the bridging forms have disappeared and the gap appears to be there. But it is not so in fact. We have not yet discovered all that is to be found in the world of phenomenal appearances. We are passing through one of the great natural transitional periods at this time. We are laying the foundation for the emergence of a new species of human being —a more highly evolved unit within the human family—hence much of our problem, and much of the present failure to meet the demands [15] of the race, and to measure up to human need for development.

Tất cả những gì Tôi phải nói ở đây vẫn mang bản chất của những nhận xét nhập đề. Xin hãy ghi nhớ điều này. Tuy nhiên, Tôi nóng lòng đặt một nền tảng vững chắc cho các cuộc thảo luận tương lai của chúng ta về việc xây dựng antahkarana, để chúng ta có thể làm việc một cách thông minh, nhưng không phê phán. Điều thiết yếu là khi chúng ta bắt đầu công việc, nó phải đặt nền trên cái đang hiện hữu ngày nay. Thiên nhiên làm việc không có bất kỳ khoảng trống nào, và điều này vẫn đúng ngay cả khi, từ lập trường của khoa học hàn lâm, có một khoảng gián đoạn biểu kiến giữa các sự kiện và các loài đã biết. Trong các thời kỳ chuyển tiếp, một số hình tướng bắt cầu đã biến mất và khoảng cách dường như có đó. Nhưng sự thật không phải như vậy. Chúng ta vẫn chưa khám phá tất cả những gì có thể được tìm thấy trong thế giới của các sắc tướng hiện tượng. Vào lúc này, chúng ta đang đi qua một trong những thời kỳ chuyển tiếp tự nhiên vĩ đại. Chúng ta đang đặt nền tảng cho sự xuất hiện của một loài mới trong nhân loại — một đơn vị tiến hoá cao hơn trong gia đình nhân loại — do đó có nhiều vấn đề của chúng ta, và nhiều thất bại hiện nay trong việc đáp ứng các đòi hỏi [15] của nhân loại, cũng như trong việc đáp ứng nhu cầu phát triển của con người.

We have, in the world, a general theory as to education, and certain basic methods are

Trong thế giới, chúng ta có một lý thuyết tổng quát về giáo dục, và một số phương

universally employed. Countries vary greatly in the application of methods, and systems differ very considerably. All, however, teach these same fundamental things; they teach the youth of the country to read and write and to attain a fair measure of ability to deal with figures through instruction in elementary arithmetic. These three are curiously symbolic of the whole evolutionary unfoldment of the race.

pháp căn bản được sử dụng phổ quát. Các quốc gia khác nhau rất nhiều trong việc áp dụng các phương pháp, và các hệ thống khác biệt đáng kể. Tuy nhiên, tất cả đều dạy những điều nền tảng giống nhau; chúng dạy thanh thiếu niên của quốc gia biết đọc, biết viết và đạt được một mức khả năng khá trong việc xử lý các con số qua sự hướng dẫn về số học sơ đẳng. Ba điều này, kỳ lạ thay, là biểu tượng của toàn bộ sự khai mở tiến hoá của nhân loại.

Reading has to do with the clothing of ideas with form and is related to the first step in the creative process, wherein Deity, governed and impelled by *an idea* (embodying God's purpose and plan), converted that idea into the desired substance and clothed it with the needed outer appearance. Writing symbolises the method whereby the process is carried on, but it is of course far more personal in its implications. Reading is concerned essentially with the realisation of a clothed idea of some kind, whereas writing is, curiously enough, concerned with the individual's conscious self-relation to ideas, and his use of words in writing is the measure of the grasp he may have of these universal ideas. Arithmetic (and the power to add, to subtract, and to multiply) is related also to the creative process and concerns the production of those forms upon the physical plane which will adequately produce the idea and bring it to manifestation.

Việc đọc liên quan đến việc khoác hình tướng cho các ý tưởng, và liên hệ với bước đầu trong tiến trình sáng tạo, trong đó Thượng đế, được chi phối và thúc đẩy bởi *một ý tưởng* vốn hàm chứa mục đích và Thiên Cơ của Thượng đế, đã chuyển ý tưởng ấy thành chất liệu mong muốn và khoác cho nó sắc tướng bên ngoài cần thiết. Việc viết tượng trưng cho phương pháp nhờ đó tiến trình được tiếp tục, nhưng dĩ nhiên nó mang hàm ý cá nhân hơn nhiều. Việc đọc cốt yếu liên quan đến sự nhận biết một ý tưởng đã được khoác hình thức nào đó, trong khi việc viết, kỳ lạ thay, liên quan đến mối tự liên hệ có ý thức của cá nhân với các ý tưởng, và việc y dùng các từ trong khi viết là thước đo mức độ nắm bắt của y đối với các ý tưởng phổ quát này. Số học, cùng quyền năng cộng, trừ và nhân, cũng liên hệ với tiến trình sáng tạo và liên quan đến việc tạo ra những hình tướng trên cõi hồng trần sẽ biểu hiện đầy đủ ý tưởng và đưa nó vào sự biểu lộ.

Vision might be regarded as concerning itself with the higher levels of the mental plane, whereon the idea is sensed and seen. Writing has a more definite relation to the concrete levels of the mental plane and to the ability of the man to bring through and express these visioned ideas in his own

Tầm nhìn có thể được xem là liên quan đến các cấp độ cao hơn của cõi trí, nơi ý tưởng được cảm nhận và nhìn thấy. Việc viết có mối liên hệ xác định hơn với các cấp độ cụ thể của cõi trí và với khả năng của con người trong việc đưa xuyên qua và diễn đạt các ý tưởng đã được nhìn thấy này trong hình

particular form. Arithmetic has a definite relation to subsequent aspects of the process and to the emergence of the idea into some correlated form upon the [16] physical plane. The visioning of the thoughtform is a process which must be succeeded by the appropriation of as much energy by the idea as is needed to make it effective or "apparent" (esoterically speaking). Of this the symbolism of arithmetic is the expression.

thức đặc thù của chính y. Số học có mối liên hệ xác định với các phương diện kế tiếp của tiến trình và với sự xuất hiện của ý tưởng trong một hình thức liên hệ nào đó trên [16] cõi hồng trần. Việc hình dung hình tư tưởng là một tiến trình phải được tiếp nối bằng việc ý tưởng thu hút lấy lượng năng lượng cần thiết để làm cho nó hữu hiệu hay "hiển hiện" theo nghĩa nội môn. Biểu tượng học của số học là sự biểu hiện của điều này.

From another angle, man reads his destiny in the heavens and writes out that destiny in his life upon the earth; he reduces, knowingly or unknowingly, the idea of his soul to due and proper form, so that each life adds, subtracts and multiplies, until the sum of each soul's experiencing is complete. Thus, symbolically, the three basic ideas are held in elementary education, though their true meaning is divorced from reality and the right significance is entirely lost. All that we have, however, emerging slowly and definitely through the medium of world education, is built upon this unrealised scaffolding. The fundamental necessity which today confronts the educational world is the need to relate the process of unfolding the human mentality to the world of *meaning*, and not to the world of objective phenomena. Until the aim of education is to orient a man to this inner world of realities, we shall have the misplaced emphasis of the present time. Until we can arrive in our educational objectives at the bridging of the gap between the three lower aspects of man and the soul (a bridging which must take place upon the mental levels of consciousness), we shall make but little progress in right directions and all interim activity will be inadequate to the modern need. Until the fact of the higher mind is recognised, and the place which the lower concrete mind should fill as the servant of

Từ một góc độ khác, con người đọc vận mệnh của mình trên các tầng trời và viết ra vận mệnh ấy trong đời sống của y trên Trái Đất; y chuyển ý tưởng của linh hồn mình thành hình thức thích đáng và đúng đắn, dù biết hay không biết, để mỗi đời sống cộng thêm, trừ bớt và nhân lên, cho đến khi tổng số kinh nghiệm của mỗi linh hồn được hoàn tất. Như vậy, theo nghĩa biểu tượng, ba ý tưởng căn bản được giữ trong giáo dục sơ đẳng, dù ý nghĩa đích thực của chúng bị tách khỏi thực tại và thâm nghĩa đúng đắn hoàn toàn bị mất. Tuy nhiên, tất cả những gì chúng ta có, đang xuất hiện chậm rãi và rõ rệt qua phương tiện giáo dục thế giới, đều được xây dựng trên giàn giáo chưa được nhận biết này. Nhu cầu nền tảng đang đối diện với thế giới giáo dục ngày nay là cần liên hệ tiến trình khai mở trí tuệ con người với thế giới của *ý nghĩa*, chứ không phải với thế giới của các hiện tượng khách quan. Cho đến khi mục tiêu của giáo dục là định hướng con người về thế giới nội tại của các thực tại này, chúng ta sẽ vẫn có sự nhấn mạnh đặt sai chỗ của thời hiện tại. Cho đến khi trong các mục tiêu giáo dục của mình, chúng ta có thể đạt đến việc bắt cầu khoảng cách giữa ba phương diện thấp của con người và linh hồn, một sự bắt cầu phải diễn ra trên các cấp độ trí của tâm thức, chúng ta sẽ chỉ tiến bộ rất ít theo các hướng đúng đắn, và mọi hoạt động tạm thời sẽ không đáp ứng đủ nhu cầu hiện đại. Cho đến khi sự kiện về thượng trí được

the higher is likewise recognised, we shall have the overdevelopment of the concrete materialising faculty—with its aptitude to memorise, to correlate facts and to produce that which will meet man's lower desire—but we shall not have a humanity which can truly think. As yet, the mind reflects the lower desire nature and does not attempt to cognise the higher. [17]

công nhận, và vị trí mà hạ trí cụ thể phải đảm nhiệm như kẻ phụng sự của thượng trí cũng được công nhận, chúng ta sẽ có sự phát triển quá mức của năng lực cụ thể hoá và vật chất hoá — với khả năng ghi nhớ, liên hệ các sự kiện và tạo ra cái đáp ứng dục vọng thấp của con người — nhưng chúng ta sẽ không có một nhân loại có thể thật sự suy nghĩ. Cho đến nay, thể trí phản chiếu bản chất dục vọng thấp và không cố gắng nhận thức cái cao hơn. [17]

When the right method of training is instituted, the mind will be developed into a reflector or agent of the soul and so sensitised to the world of true values that the lower nature—emotional, mental and physical or vital—will become simply the automatic servant of the soul. The soul will then function on earth through the medium of the mind, thereby controlling its instrument, the lower mind. Yet at the same time, the mind will remain the recorder and reflector of all information coming to it from the world of the senses, from the emotional body, and will register also the thoughts and the ideas current in its environment. At present, it is alas true, the trained mind is regarded as the highest expression of which humanity is capable; it is viewed entirely as a personality, and the possibility of there being something which can use the mind, as the mind in its turn uses the physical brain, is overlooked.

Khi phương pháp huấn luyện đúng đắn được thiết lập, thể trí sẽ được phát triển thành một vật phản chiếu hay tác nhân của linh hồn, và trở nên nhạy cảm với thế giới của các giá trị chân thật đến mức bản chất thấp — cảm xúc, trí tuệ và hồng trần hay sinh lực — sẽ chỉ trở thành kẻ phụng sự tự động của linh hồn. Khi ấy linh hồn sẽ hoạt động trên Trái Đất qua phương tiện thể trí, nhờ đó kiểm soát công cụ của nó là hạ trí. Tuy nhiên, đồng thời, thể trí vẫn sẽ là bộ ghi nhận và phản chiếu mọi thông tin đến với nó từ thế giới giác quan, từ thể cảm dục, và cũng sẽ ghi nhận các tư tưởng và ý tưởng đang lưu hành trong môi trường của nó. Hiện nay, than ôi, đúng là thể trí được huấn luyện được xem là biểu hiện cao nhất mà nhân loại có khả năng đạt được; nó được nhìn hoàn toàn như một phàm ngã, và người ta bỏ qua khả năng có một cái gì đó có thể sử dụng thể trí, cũng như thể trí đến lượt nó sử dụng bộ não thể xác.

One of the things which we shall seek to do in our studies together is to grasp the relation of the world of meaning to the world of expression; we shall attempt to study the technique whereby this world of quality (which expresses itself through the world of meaning) can be entered and understood by the integrated consciousness of the intelligent human being.

Một trong những điều chúng ta sẽ tìm cách làm trong các nghiên cứu chung là nắm bắt mối liên hệ của thế giới ý nghĩa với thế giới biểu hiện; chúng ta sẽ cố gắng nghiên cứu kỹ thuật nhờ đó thế giới phẩm tính này, vốn tự biểu hiện qua thế giới ý nghĩa, có thể được bước vào và thấu hiểu bởi tâm thức tích hợp của con người thông minh.

Certain words will recur again and again as we work and study together; such words as *meaning, quality, value*—all of which stand revealed in their vital spiritual significance when man learns to grasp the fact of the higher realities and bridges the gap between his higher and his lower consciousness. The significance also of creative activity and the right understanding of what we call genius will likewise be made clearer, and in this way creative work will no longer be regarded as unique and manifesting sporadically as is now the case but will become the subject of trained attention, and so assume its normal place in man's unfoldment. It might be added here that creative activity in the field of art becomes possible when the first aspect of [18] the bridging energy of man can function and the soul (manifesting its third or lowest aspect) can begin to work. Creative work can be carried forward when two of the "knowledge petals" of the egoic lotus are unfolded. The man can produce, through knowledge and creative energy, something upon the physical plane which will be expressive of the soul's creative power. When two of the "love petals" are also unfolded, then a genius makes his appearance. This is a technical piece of information for those students who are studying the science of the Ageless Wisdom, but it is of no value to those who do not recognise symbology, or the fact of the higher ego or soul.

Một số từ sẽ lặp đi lặp lại khi chúng ta cùng làm việc và học hỏi; những từ như *ý nghĩa, phẩm tính, giá trị* — tất cả đều được mặc khải trong thâm nghĩa tinh thần sống động của chúng khi con người học cách nắm bắt sự kiện về các thực tại cao hơn và bắt cầu khoảng cách giữa tâm thức cao và thấp của y. Thâm nghĩa của hoạt động sáng tạo và sự thấu hiểu đúng về điều chúng ta gọi là thiên tài cũng sẽ trở nên rõ ràng hơn; và theo cách này, công việc sáng tạo sẽ không còn được xem là độc nhất và biểu lộ rải rác như hiện nay, mà sẽ trở thành đối tượng của sự chú ý được huấn luyện, và nhờ đó đảm nhận vị trí bình thường của nó trong sự khai mở của con người. Ở đây có thể thêm rằng hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật trở nên khả hữu khi phương diện thứ nhất của [18] năng lượng bắt cầu nơi con người có thể hoạt động, và linh hồn, biểu lộ phương diện thứ ba hay thấp nhất của nó, có thể bắt đầu làm việc. Công việc sáng tạo có thể được tiến hành khi hai "cánh hoa tri thức" của Hoa Sen Chân Ngã được khai mở. Con người có thể tạo ra, qua tri thức và năng lượng sáng tạo, một điều gì đó trên cõi hồng trần, vốn sẽ diễn đạt quyền năng sáng tạo của linh hồn. Khi hai "cánh hoa bác ái" cũng được khai mở, khi ấy một thiên tài xuất hiện. Đây là một mẩu thông tin kỹ thuật dành cho những môn sinh đang nghiên cứu khoa học của Minh Triết Ngàn Đời, nhưng nó không có giá trị đối với những ai không công nhận biểu tượng học, hay sự kiện về chân ngã cao hơn hoặc linh hồn.

It might be of value here if I clarified my use of the words "higher ego." As you know, if you have read *A Treatise on the Seven Rays*, Vols. I and II (Esoteric Psychology), the soul is an aspect of the divine energy in time and space. We are told that the Solar Logos circumscribed for His use and for the meeting of His desire, a certain measure of

Ở đây có thể hữu ích nếu Tôi làm rõ cách Tôi dùng các từ "chân ngã cao hơn". Như các bạn biết, nếu các bạn đã đọc *Luận về Bảy Cung*, quyển I và II, tức Tâm Lý Học Nội Môn, linh hồn là một phương diện của năng lượng thiêng liêng trong thời gian và không gian. Chúng ta được bảo rằng Thái dương Thượng đế đã khoanh định để Ngài sử dụng và để

the substance of space and informed it with His life and consciousness. He did this for His good purposes and in conformity with His self-realised plan and intent. Thus He submitted Himself to limitation. The human monad followed the same procedure and—in time and space—limited itself in a similar manner. On the physical plane and in the physical body, this phenomenal and transient entity controls its phenomenal appearance through the two aspects of *life* and *consciousness*. The life principle—the flow of divine energy through all forms—is temporarily seated in the heart, while the consciousness principle, the soul of all things, is located (temporarily as far as the form nature of a particular human unit is concerned) within the brain. As again you know, the life principle controls the mechanism through the medium of the blood stream, for "the blood is the life," and uses the heart as its central organ; whilst the consciousness principle [19] uses the nervous system as its instrument, with the intricate extensions of the organ of sensitivity, the spinal column.

đáp ứng dục vọng của Ngài một lượng nhất định chất liệu của không gian, rồi thấm nhuần nó bằng sự sống và tâm thức của Ngài. Ngài làm điều này vì các mục đích tốt lành của Ngài và phù hợp với Thiên Cơ cùng ý định mà Ngài tự chứng nghiệm. Như vậy, Ngài tự đặt mình vào giới hạn. Chân thần nhân loại đã theo cùng thủ tục ấy và — trong thời gian và không gian — tự giới hạn chính nó theo một cách tương tự. Trên cõi hồng trần và trong thể xác, thực thể hiện tượng và thoáng qua này kiểm soát sắc tướng hiện tượng của nó qua hai phương diện *sự sống* và *tâm thức*. Nguyên khí sự sống — dòng năng lượng thiêng liêng tuôn chảy qua mọi hình tướng — tạm thời an trú trong tim, trong khi nguyên khí tâm thức, linh hồn của muôn vật, được đặt, tạm thời xét theo bản chất hình tướng của một đơn vị nhân loại đặc thù, trong bộ não. Như các bạn cũng biết, nguyên khí sự sống kiểm soát bộ máy qua phương tiện dòng máu, vì “máu là sự sống”, và sử dụng tim như cơ quan trung tâm của nó; trong khi nguyên khí tâm thức [19] sử dụng hệ thần kinh làm công cụ của nó, với các phần mở rộng phức tạp của cơ quan nhạy cảm là cột sống.

The objective of education should therefore be the training of the mechanism to respond to the life of the soul. The higher Self or Soul is the sumtotal of the consciousness of the Monad, again in time and space. The lower self or soul is, for our purposes, as much of that sumtotal as any one person in any one life can use and express. This activity is dependent upon the type and quality of the body nature, the mechanism produced by soul activity in other lives, and the effect of reaction to environing conditions. The increasing of soul awareness, the deepening of the flow of consciousness, and the development of an inner continuity of awareness, plus the evocation of soul attributes and aspects upon the physical

Do đó, mục tiêu của giáo dục phải là huấn luyện bộ máy đáp ứng với sự sống của linh hồn. Bản Ngã Cao Siêu hay Linh Hồn là tổng số tâm thức của Chân thần, cũng trong thời gian và không gian. Phàm ngã hay linh hồn thấp, đối với các mục đích của chúng ta, là phần của tổng số ấy mà bất kỳ một người nào trong bất kỳ một đời sống nào có thể sử dụng và biểu hiện. Hoạt động này tùy thuộc vào kiểu loại và phẩm tính của bản chất thân thể, bộ máy được tạo ra bởi hoạt động linh hồn trong các đời sống khác, và tác động của phản ứng đối với các điều kiện chung quanh. Sự gia tăng nhận thức linh hồn, sự đào sâu dòng chảy tâm thức, và sự phát triển của một tính liên tục nội tại của nhận thức, cộng với việc gợi lên các thuộc tính và phương

plane through the medium of its triple mechanism, constitute the objective of all education. These aspects are, as you well know:

diện của linh hồn trên cõi hồng trần qua phương tiện bộ máy tam phân của nó, cấu thành mục tiêu của mọi nền giáo dục. Các phương diện này, như các bạn biết rõ, là:

1. *Will or purpose*. This, through education, should be developed to the point where the manifested life is governed by conscious spiritual purpose and the life tendency is correctly oriented towards reality.

1. *Ý chí hay mục đích*. Điều này, qua giáo dục, phải được phát triển đến mức đời sống biểu lộ được chi phối bởi mục đích tinh thần có ý thức và khuynh hướng đời sống được định hướng đúng đắn về thực tại.

The right direction of the will should be one of the major concerns of all true educators. The will-to-good, the will-to-beauty, and the will-to-serve must be cultivated.

Sự định hướng đúng đắn của ý chí phải là một trong những mối quan tâm chính yếu của mọi nhà giáo dục chân chính. Ý Chí-hướng Thiện, Ý Chí-hướng về Vẻ Đẹp và Ý Chí-Phụng sự phải được vun bồi.

2. *Love-wisdom.* This is essentially the unfolding of the consciousness of the whole. We call it group consciousness. Its first development is self-consciousness, which is the realisation by the soul that (in the three worlds of human evolution) man is the Three in One and One in Three. He can therefore react to the associated groups of lives which constitute his own little phenomenal appearance; self-consciousness [20] is, therefore, a stage on the way to group consciousness and is the consciousness of the Immediate.

2. *Bác Ái – Minh Triết.* Về bản chất, đây là sự khai mở tâm thức của toàn thể. Chúng ta gọi đó là tâm thức nhóm. Sự phát triển đầu tiên của nó là ngã thức, tức sự nhận biết của linh hồn rằng trong ba cõi giới của tiến hoá nhân loại, con người là Ba trong Một và Một trong Ba. Do đó, y có thể phản ứng với các nhóm sự sống liên kết vốn cấu thành sắc tướng hiện tượng nhỏ bé của chính y; vì vậy, ngã thức [20] là một giai đoạn trên đường đi đến tâm thức nhóm và là tâm thức của cái Trực Tiếp.

Through education, this self-consciousness must be unfolded until the man recognises that his consciousness is a corporate part of a greater whole. He blends then with the group interests, activities and objectives. They are eventually his and he becomes group conscious. This is love. It leads to wisdom, which is love in manifested activity. Self-interest becomes group interest. Such should be the major objective of all true educational endeavour. Love of self (self-consciousness), love of those around us (group-consciousness), become

Qua giáo dục, ngã thức này phải được khai mở cho đến khi con người nhận ra rằng tâm thức của y là một phần hợp nhất của một toàn thể lớn hơn. Khi ấy y hòa nhập với các lợi ích, hoạt động và mục tiêu của nhóm. Cuối cùng chúng trở thành của y và y trở nên có tâm thức nhóm. Đây là tình thương. Nó dẫn đến minh triết, tức tình thương trong hoạt động biểu lộ. Lợi ích bản thân trở thành lợi ích nhóm. Đó phải là mục tiêu chính yếu của mọi nỗ lực giáo dục chân chính. Tình thương bản thân, tức ngã thức, tình thương đối với những người quanh chúng ta, tức

eventually love of the whole (God consciousness). Such are the steps.

tâm thức nhóm, cuối cùng trở thành tình thương đối với toàn thể, tức tâm thức Thượng đế. Đó là các bước.

3. *Active Intelligence.* This concerns the unfolding of the creative nature of the conscious, spiritual man. It takes place through right use of the mind, with its power to intuit ideas, to respond to impact, to translate, analyse, and to construct forms for revelation. Thus the soul of man creates. This creative process can be described, as far as its steps are concerned, as follows:

3. *Trí Tuệ Hoạt Động.* Điều này liên quan đến sự khai mở bản chất sáng tạo của con người tinh thần có ý thức. Nó diễn ra qua việc sử dụng đúng thể trí, với quyền năng trực giác các ý tưởng, đáp ứng với va chạm, chuyển dịch, phân tích và kiến tạo các hình tướng cho sự mặc khải. Như vậy linh hồn của con người sáng tạo. Tiến trình sáng tạo này, xét theo các bước của nó, có thể được mô tả như sau:

a. The soul creates its physical body, its phenomenal appearance, its outer form.

a. Linh hồn sáng tạo thể xác của nó, sắc tướng hiện tượng của nó, hình tướng bên ngoài của nó.

b. The soul creates, in time and space, in line with its desires. Thus the secondary world of phenomenal things comes into being and our modern civilisation is the result of this creative activity of the soul's desire nature, limited by form. Ponder on this.

b. Linh hồn sáng tạo trong thời gian và không gian, phù hợp với các dục vọng của nó. Như vậy, thế giới thứ yếu của các sự vật hiện tượng đi vào hiện hữu, và nền văn minh hiện đại của chúng ta là kết quả của hoạt động sáng tạo này của bản chất dục vọng nơi linh hồn, bị giới hạn bởi hình tướng. Hãy suy ngẫm về điều này.

c. The soul creates through the direct agency of the lower mind and hence the appearance of the world of symbols which fill our united lives with interest, concepts, ideas and beauty, through the written word, the spoken word, and the creative [21] arts. These are the products of the thought of the thinkers of the race.

c. Linh hồn sáng tạo qua tác nhân trực tiếp của hạ trí, và từ đó có sự xuất hiện của thế giới biểu tượng, vốn làm đầy đời sống chung của chúng ta bằng hứng thú, quan niệm, ý tưởng và vẻ đẹp, qua chữ viết, lời nói và các nghệ thuật [21] sáng tạo. Đây là những sản phẩm của tư tưởng nơi các nhà tư tưởng của nhân loại.

The right direction of this already developed tendency is the aim of all true education. The nature of ideas, the modes of intuiting them, and the laws which should govern all creative work are its goals and objectives. Thus we come to the world of attributes which supplement the activity of the three

Sự định hướng đúng đắn của khuynh hướng đã phát triển này là mục đích của mọi nền giáo dục chân chính. Bản chất của các ý tưởng, các phương thức trực giác chúng, và các định luật phải chi phối mọi công việc sáng tạo là các mục tiêu và đích nhắm của nó. Như vậy, chúng ta đi đến thế giới của các

aspects, in the same way that the three major rays are enhanced and aided by the work of the four minor rays. These four attributive unfoldments in man, through the activity of the soul in manifestation, are:

thuộc tính, vốn bổ sung cho hoạt động của ba phương diện, giống như ba cung chính được tăng cường và trợ giúp bởi công việc của bốn cung phụ. Bốn sự khai mở thuộc tính này nơi con người, qua hoạt động của linh hồn trong biểu lộ, là:

4. The attribute of *harmony, produced through conflict.* This leads to release and to the eventual power to create. This is one of the attributes which education should deal with from the angle of the intuition and should hold before its exponents as personality and group objectives. It is the attribute latent in all forms and is that innate urge or discontent which leads man to struggle and progress and evolve in order finally to make atonement and union with his soul. It is the lowest aspect of that higher spiritual and monadic triad which reflects itself in the soul. It is the consciousness of harmony and beauty which drives the human unit along the path of evolution to an eventual return to his emanating Source.

4. Thuộc tính của *sự hài hòa, được tạo ra qua xung đột.* Điều này dẫn đến sự giải thoát và đến quyền năng sau cùng để sáng tạo. Đây là một trong các thuộc tính mà giáo dục phải xử lý từ góc độ trực giác, và phải đặt trước những người thực hiện nó như các mục tiêu của phàm ngã và của nhóm. Đó là thuộc tính tiềm ẩn trong mọi hình tướng, và là thôi thúc hay sự bất mãn bẩm sinh dẫn con người đến đấu tranh, tiến bộ và tiến hoá, để sau cùng tạo nên sự nhất như và hợp nhất với linh hồn của y. Đó là phương diện thấp nhất của tam nguyên tinh thần và chân thần cao hơn, vốn phản chiếu chính nó trong linh hồn. Đó là tâm thức về sự hài hòa và vẻ đẹp, thúc đẩy đơn vị nhân loại đi dọc theo con đường tiến hoá đến sự trở về sau cùng với Nguồn phát xuất của y.

Education must work, therefore, with this dissatisfaction and interpret it to those who are taught, so that they can understand themselves and work intelligently.

Vì vậy, giáo dục phải làm việc với sự bất mãn này và diễn giải nó cho những người được dạy, để họ có thể thấu hiểu chính mình và làm việc một cách thông minh.

5. The attribute of *concrete knowledge* whereby man is enabled to concretise his concepts and so build thoughtforms whereby he materialises his visions and his dreams and brings his ideas into being. This he does through the activity of the lower concrete mind. [22]

5. Thuộc tính của *tri thức cụ thể*, nhờ đó con người có khả năng cụ thể hoá các quan niệm của mình và xây dựng các hình tư tưởng, qua đó y hiện hình các tầm nhìn và ước mơ của mình, đồng thời đưa các ý tưởng của mình vào hiện hữu. Y làm điều này qua hoạt động của hạ trí cụ thể. [22]

The true work of education is to train the lower man in right discrimination and true sensitivity to the vision, so that he can build true to the purpose of his soul and produce upon the earth that which will be his

Công việc đích thực của giáo dục là huấn luyện phàm nhân trong sự phân biện đúng và sự nhạy cảm chân thật đối với tầm nhìn, để y có thể xây dựng đúng theo mục đích của linh hồn mình và tạo ra trên Trái Đất điều sẽ

contribution to the whole. It is right here that the work of modern education has to begin. Not yet can man work with intelligence in the world of ideas and of patterns; not yet is he sensitive to the true spiritual values. This is the goal for the disciple, even though the masses cannot yet function on these levels. The first thing that must be done is to train the child in the correct use of the discriminating faculty and in the power of choice and of directed purpose. He must be brought to a truer understanding of the underlying purpose of being, and be led to work with wisdom in the field of creative activity, which means, in the last analysis, in the right use of the "mind stuff" (the *chitta* of Patanjali). Thus and only thus, can he be released from the control of his lower nature.

là sự đóng góp của y cho toàn thể. Chính ở đây công việc của nền giáo dục hiện đại phải bắt đầu. Con người chưa thể làm việc với trí tuệ trong thế giới ý tưởng và mô hình; y chưa nhạy cảm với các giá trị tinh thần chân thật. Đây là mục tiêu dành cho đệ tử, dù quần chúng chưa thể hoạt động trên các cấp độ này. Điều đầu tiên phải làm là huấn luyện đứa trẻ trong việc sử dụng đúng năng lực phân biện và trong quyền năng chọn lựa cùng mục đích được định hướng. Nó phải được đưa đến một sự thấu hiểu chân thật hơn về mục đích nền tảng của hiện tồn, và được dẫn dắt để làm việc với minh triết trong lĩnh vực hoạt động sáng tạo; rốt cuộc, điều này có nghĩa là sử dụng đúng "chất liệu trí" (chitta của Patanjali). Như vậy, và chỉ như vậy, y mới có thể được giải thoát khỏi sự kiểm soát của bản chất thấp.

6. The attribute of *devotion* is the next to be considered. Devotion grows out of and is the fruit of dissatisfaction, plus the use of the faculty of choice. According to the depths of a man's discontent, and of his power to see clearly, he passes from one point of temporary satisfaction to another, each time demonstrating his devotion to a desire, to a personality, to an ideal, and to a vision, until he finally unifies himself with the ideal which is the highest possible to man. This is, first of all, the soul; and then the Oversoul or God.

6. Thuộc tính của *sùng tín* là điều kế tiếp cần được xem xét. Sùng tín phát triển từ, và là quả của, sự bất mãn cộng với việc sử dụng năng lực chọn lựa. Tùy theo chiều sâu của sự bất mãn nơi một người, và quyền năng thấy rõ của y, y chuyển từ điểm thỏa mãn tạm thời này sang điểm khác, mỗi lần biểu lộ sự sùng tín của mình đối với một dục vọng, một phàm ngã, một lý tưởng và một tầm nhìn, cho đến khi sau cùng y hợp nhất chính mình với lý tưởng cao nhất mà con người có thể đạt được. Trước hết, đó là linh hồn; rồi sau đó là Đại Hồn hay Thượng đế.

Educators are therefore faced with the opportunity of dealing intelligently with the innate idealism to be found in any child, and with the interesting task of leading the youth of the world on from one realised goal to another. But this they must do in the future from the angle of the ultimate [23] soul objective and not, as in the past, from the angle of a particular standard of national education. This is an important point, for it

Vì vậy, các nhà giáo dục đứng trước cơ hội xử lý một cách thông minh chủ nghĩa lý tưởng bẩm sinh có thể tìm thấy trong bất kỳ đứa trẻ nào, và trước nhiệm vụ thú vị là dẫn dắt thanh niên thế giới đi từ một mục tiêu đã đạt được sang một mục tiêu khác. Nhưng trong tương lai, họ phải làm điều này từ góc độ mục tiêu [23] tối hậu của linh hồn, chứ không, như trong quá khứ, từ góc độ của một tiêu chuẩn giáo dục quốc gia đặc thù.

will mark the shift of attention from the nonessential to the essential.

Đây là một điểm quan trọng, vì nó sẽ đánh dấu sự chuyển dịch chú ý từ cái không thiết yếu sang cái thiết yếu.

7. Finally the attribute of *order*, and the imposition of an established rhythm through the development of innate faculty to function under directed purpose and ritual. This particular attribute of divinity is now highly developed in one aspect, so that we have today much standardisation of humanity, and the autocratic imposition of a ritualistic rhythm upon public life in a large number of countries. It can be seen to perfection in the life in our public schools—but it is an undesirable perfection. This is partly due to the recognition that the unit or individual is only a part of a greater whole (a recognition which is much needed) and a part of the evolutionary unfoldment of the race. Owing, however, to our faulty application of any new truth it means as yet the submergence of that unit in the group, leaving him little opportunity for the free play of the individual will, intelligence, purpose and soul technique. Educators will have to work with this principle of innate attribute and this instinct to ordered rhythm, making it more creatively constructive and so providing, through it, a field for the unfoldment of soul powers.

7. Sau cùng là thuộc tính của *trật tự*, và sự áp đặt một nhịp điệu đã được thiết lập qua việc phát triển năng lực bẩm sinh để hoạt động dưới mục đích và nghi lễ được định hướng. Thuộc tính đặc thù này của thiên tính hiện nay đã được phát triển cao trong một phương diện, đến nỗi ngày nay chúng ta có nhiều sự tiêu chuẩn hoá nhân loại, và sự áp đặt độc đoán một nhịp điệu nghi lễ lên đời sống công cộng trong rất nhiều quốc gia. Nó có thể được thấy ở mức hoàn hảo trong đời sống tại các trường công của chúng ta — nhưng đó là một sự hoàn hảo không đáng mong muốn. Điều này một phần là do sự công nhận rằng đơn vị hay cá nhân chỉ là một phần của một toàn thể lớn hơn, một sự công nhận rất cần thiết, và là một phần của sự khai mở tiến hoá của nhân loại. Tuy nhiên, do việc áp dụng sai lầm của chúng ta đối với bất kỳ chân lý mới nào, điều đó hiện nay vẫn có nghĩa là sự chìm khuất của đơn vị ấy trong nhóm, khiến y có rất ít cơ hội cho sự vận hành tự do của ý chí, trí tuệ, mục đích và kỹ thuật linh hồn cá nhân. Các nhà giáo dục sẽ phải làm việc với nguyên khí của thuộc tính bẩm sinh này và với bản năng hướng đến nhịp điệu có trật tự này, làm cho nó mang tính kiến tạo sáng tạo hơn, và nhờ đó cung cấp qua nó một lĩnh vực cho sự khai mở các quyền năng của linh hồn.

I have digressed thus far so as to instill certain of the basic ideas which should underlie the educational tendencies. These thoughts, coupled with those already given, constitute a statement of the objectives before the educators of the world which you would find it of value to consider. Earlier I suggested the goal. I now link that goal up with possibilities, for I have here touched

Tôi đã đi ra ngoài đề tài đến mức này để gieo vào một số ý tưởng căn bản phải nằm dưới các khuynh hướng giáo dục. Những tư tưởng này, kết hợp với những điều đã được trao, cấu thành một phát biểu về các mục tiêu trước mắt những nhà giáo dục của thế giới, mà các bạn sẽ thấy là đáng để suy xét. Trước đây Tôi đã đề nghị mục tiêu. Bây giờ Tôi liên kết mục tiêu ấy với các khả năng, vì ở đây Tôi

upon the [24] equipment (aspects and attributes) which is found, in some stage of development, in every human being. It is with these hidden traits and instincts that the future educational systems must work. They must not work, as they do today, with the brain apparatus and with the lowest aspects of the mind; nor must they lay their emphasis upon the effort to impress upon that brain and mind the facts, so-called, of the evolutionary process and of physical plane investigation.

đã chạm đến [24] trang bị, tức các phương diện và thuộc tính, được tìm thấy ở một giai đoạn phát triển nào đó trong mọi con người. Chính với các nét tính cách và bản năng ẩn tàng này mà các hệ thống giáo dục tương lai phải làm việc. Chúng không được làm việc, như hiện nay, với bộ máy não bộ và với các phương diện thấp nhất của thể trí; cũng không được đặt trọng tâm vào nỗ lực in sâu vào bộ não và thể trí ấy những sự kiện gọi là của tiến trình tiến hoá và của sự khảo sát trên cõi hồng trần.

The above remarks will serve to show you that the true educator should be working with energies in a world of energy; that these energies are tinged and qualified by distinctive divine attributes, and that each human being therefore can be regarded as an aggregate of energies, dominated by some one particular type of energy which serves to make him distinctive among his fellows, and which produces the differences among human beings. If it is true that there are seven major types of energy qualifying all forms, and that these in their turn are subdivided into forty-nine types of qualified energy, the complexity of the problem emerges clearly. If it is true that all these distinctive energies play constantly upon energy-substance (spirit-matter), producing "the myriad forms which make up the form of God" (*Bhagavad Gita*, XI), and that each child is the microcosmical representation (at some stage of development) of the Macrocosm, the magnitude of the problem becomes evident, and the extent of our demanded service will call forth to the utmost the powers which any human being can express at any given moment in time and space.

Những nhận xét trên sẽ giúp các bạn thấy rằng nhà giáo dục chân chính phải làm việc với các năng lượng trong một thế giới năng lượng; rằng các năng lượng này được nhuộm màu và định tính bởi các thuộc tính thiêng liêng riêng biệt; và do đó mỗi con người có thể được xem như một tổng hợp các năng lượng, bị chi phối bởi một loại năng lượng đặc thù nào đó, vốn khiến y trở nên khác biệt giữa các đồng loại và tạo ra những khác biệt giữa các con người. Nếu đúng là có bảy loại năng lượng chính định tính mọi hình tướng, và đến lượt chúng lại được chia nhỏ thành bốn mươi chín loại năng lượng đã được định tính, thì sự phức tạp của vấn đề hiện ra rõ ràng. Nếu đúng là tất cả những năng lượng riêng biệt này không ngừng tác động lên chất liệu-năng lượng, tức tinh thần-vật chất, tạo ra "vô số hình tướng hợp thành hình tướng của Thượng đế" (Bhagavad Gita, XI), và mỗi đứa trẻ là sự biểu hiện tiểu thiên địa, ở một giai đoạn phát triển nào đó, của Đại thiên địa, thì tầm vóc của vấn đề trở nên hiển nhiên, và phạm vi phụng sự được đòi hỏi nơi chúng ta sẽ kêu gọi đến mức tối đa các quyền năng mà bất kỳ con người nào có thể biểu hiện tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian và không gian.

You will note that these words "in time and space" have repeatedly recurred in this

Các bạn sẽ lưu ý rằng những từ "trong thời gian và không gian" đã lặp đi lặp lại trong

instruction. Why is this? Because it must constantly be remembered that we are living in the world of illusion—an illusion which is temporary and transient and which will some day disappear, taking with it the illusion of appearance, the illusion of evolutionary [25] unfoldment, the illusion of separativeness, and the illusion of distinctive identity—that illusion which makes us say *"I am."* The educator of the future will start his service to the child with the recognition of this ephemeral and transient misconception of the soul, and will deal primarily with the mind aspect, and not with the imposition of as much imparted organised knowledge concerning phenomenal existence as the memory of the child is capable of grasping. How can I illustrate this changed attitude to you in the simplest form? Perhaps by pointing out that, whereas today parents and guardians of the child spend much of their time in answering or evading questions posed by the awakening consciousness of the child, in time to come the situation will be reversed. Parents will ceaselessly meet the demands of the emerging intelligence of the child by always enquiring of the child, Why? Why ask this? Why is it thus?—and so throwing always the responsibility of answering the questions upon the child, yet at the same time dropping the solution of the question subtly into the child's mind.

huấn thị này. Tại sao vậy? Bởi vì cần luôn ghi nhớ rằng chúng ta đang sống trong thế giới của ảo tưởng — một ảo tưởng tạm thời và thoáng qua, một ngày kia sẽ biến mất, mang theo nó ảo tưởng về sắc tướng, ảo tưởng về sự khai mở [25] tiến hoá, ảo tưởng về sự chia rẽ, và ảo tưởng về bản sắc riêng biệt — ảo tưởng khiến chúng ta nói *"Tôi là."* Nhà giáo dục của tương lai sẽ bắt đầu sự phụng sự của mình đối với đứa trẻ bằng sự công nhận quan niệm sai lầm phù du và thoáng qua này của linh hồn, và sẽ chủ yếu xử lý phương diện trí tuệ, chứ không áp đặt càng nhiều tri thức có tổ chức được truyền đạt về sự hiện hữu hiện tượng càng tốt, theo mức trí nhớ của đứa trẻ có thể nắm bắt. Làm thế nào Tôi có thể minh họa thái độ đã thay đổi này cho các bạn dưới hình thức đơn giản nhất? Có lẽ bằng cách chỉ ra rằng, trong khi ngày nay cha mẹ và người giám hộ của đứa trẻ dành nhiều thời gian để trả lời hoặc né tránh các câu hỏi do tâm thức đang thức tỉnh của đứa trẻ nêu ra, thì trong thời gian tới tình thế sẽ đảo ngược. Cha mẹ sẽ không ngừng đáp ứng các đòi hỏi của trí tuệ đang xuất hiện nơi đứa trẻ bằng cách luôn hỏi đứa trẻ: Tại sao? Tại sao hỏi điều này? Tại sao lại như vậy? — và như thế luôn đặt trách nhiệm trả lời các câu hỏi lên đứa trẻ, nhưng đồng thời khéo léo gieo lời giải của câu hỏi vào thể trí của đứa trẻ.

This process will begin in the fifth year of the child's life; the seeking intelligence (which is the child itself) will always be forced by the teacher into the position of *inward* search, not outer demand for a reply which can be memorised and which rests upon the authority of the older person. If this seems to you as yet impossible, remember that the children who will or have come into incarnation, after the period of increased stimulation found between the

Tiến trình này sẽ bắt đầu vào năm thứ năm của đời sống đứa trẻ; trí tuệ tìm kiếm — chính là đứa trẻ — sẽ luôn được huấn sư đưa vào vị thế tìm kiếm *bên trong*, chứ không phải đòi hỏi bên ngoài một câu trả lời có thể học thuộc lòng và đặt nền trên uy quyền của người lớn tuổi hơn. Nếu điều này hiện nay đối với các bạn dường như chưa thể thực hiện, hãy nhớ rằng những đứa trẻ sẽ hoặc đã lâm phàm sau thời kỳ kích thích gia tăng trong những năm từ 1935 đến 1942, thông

years 1935 and 1942, will normally and naturally respond to this evocation of the mind element.

thường và tự nhiên sẽ đáp ứng với sự gợi lên yếu tố trí tuệ này.

One of the major functions of those who train the infant minds of the race will be to determine, as early as possible in life, which of the seven determining energies are controlling in each case. The technique to be later applied will then be built upon this important initial decision—hence again, the growing responsibility of the [26] educator. A child's note and quality will be early determined, and his whole planned training will grow out of this basic recognition. This is not yet possible, but will shortly be so, when the quality and nature of any individual etheric body can be scientifically discovered. This development is not as distant as might be supposed or anticipated.

Một trong những chức năng chính yếu của những người huấn luyện các thể trí thơ ấu của nhân loại sẽ là xác định, càng sớm càng tốt trong đời sống, năng lượng nào trong bảy năng lượng quyết định đang kiểm soát trong từng trường hợp. Kỹ thuật sẽ được áp dụng về sau khi ấy sẽ được xây dựng trên quyết định ban đầu quan trọng này — do đó, một lần nữa, trách nhiệm ngày càng lớn của nhà giáo dục [26]. Âm điệu và phẩm tính của một đứa trẻ sẽ sớm được xác định, và toàn bộ sự huấn luyện được hoạch định cho nó sẽ phát sinh từ sự nhận biết căn bản này. Điều này hiện chưa thể thực hiện, nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ có thể, khi phẩm tính và bản chất của bất kỳ thể dĩ thái cá nhân nào cũng có thể được khám phá một cách khoa học. Sự phát triển này không xa xôi như người ta có thể giả định hay dự đoán.

It is not my intention to deal with the details of this process, nor to elaborate the methods whereby the children of the race can be trained. Our objective is to deal with the more universal and immediate necessity of bridging the gap between the different aspects of the lower self, so that an integrated personality emerges; and then of bridging the gap between the soul and the spiritual triad, so that there can be the free play of consciousness and complete identification with the *One Life*, thus leading to the loss of the sense of separateness and to the merging of the part with the Whole, with no loss of identity but with no recognition of self-identification.

Tôi không có ý định đề cập đến các chi tiết của tiến trình này, cũng không triển khai các phương pháp nhờ đó con cái của nhân loại có thể được huấn luyện. Mục tiêu của chúng ta là bàn đến nhu cầu phổ quát hơn và cấp thiết hơn: bắt cầu qua khoảng cách giữa các phương diện khác nhau của phàm ngã, để một phàm ngã tích hợp xuất hiện; rồi bắt cầu qua khoảng cách giữa linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần, để có thể có sự vận hành tự do của tâm thức và sự đồng hóa hoàn toàn với *Sự Sống Duy Nhất*, nhờ đó dẫn đến sự mất đi cảm thức chia cách và sự hòa nhập của phần vào Toàn Thể, không mất bản sắc nhưng cũng không còn sự nhận biết về sự đồng hóa với bản ngã.

Here an interesting point should be carefully noted. It holds the key to future racial unfoldment. For it the new science of

Ở đây cần cẩn thận lưu ý một điểm thú vị. Điểm ấy nắm giữ chìa khóa cho sự khai mở tương lai của nhân loại. Khoa học mới về

psychology, which has developed so remarkably during the past thirty years, is preparing us. Students should train themselves to distinguish between the sutratma and the antahkarana, between the life thread and the thread of consciousness. One thread is the basis of immortality and the other the basis of continuity. Herein lies a fine distinction for the investigator. One thread (the sutratma) links and vivifies all forms into one functioning whole and embodies in itself the will and the purpose of the expressing entity, be it man, God or a crystal. The other thread (the antahkarana) embodies the response of the consciousness within the form to a steadily expanding range of contacts within the environing whole.

tâm lý học, vốn đã phát triển đáng kể trong ba mươi năm qua, đang chuẩn bị chúng ta cho điều đó. Các đạo sinh nên tự rèn luyện để phân biệt giữa sutratma và antahkarana, giữa sinh mệnh tuyến và sợi dây tâm thức. Một sợi dây là nền tảng của sự bất tử, còn sợi kia là nền tảng của tính liên tục. Chính trong đó có một phân biệt tinh tế dành cho nhà khảo cứu. Một sợi dây — sutratma — liên kết và làm sinh động mọi hình tướng thành một toàn thể vận hành duy nhất, và tự nó hiện thân ý chí cùng mục đích của thực thể đang biểu lộ, dù là con người, Thượng đế hay một tinh thể. Sợi dây kia — antahkarana — hiện thân sự đáp ứng của tâm thức bên trong hình tướng đối với một phạm vi tiếp xúc ngày càng mở rộng trong toàn thể bao quanh.

The sutratma is the direct stream of life, unbroken and immutable, which can be regarded symbolically as a direct stream of living energy flowing from the centre to the periphery, [27] and from the source to the outer expression or the phenomenal appearance. It is the *life*. It produces the individual process and the evolutionary unfoldment of all forms. It is, therefore, the path of life, which reaches from the monad to the personality, via the soul. This is the thread soul and it is one and indivisible. It conveys the energy of life and finds its final anchor in the centre of the human heart and at some central focal point in all forms of divine expression. Naught is and naught remains but life.

Sutratma là dòng trực tiếp của sự sống, không đứt đoạn và bất biến, có thể được xem một cách biểu tượng như một dòng năng lượng sống trực tiếp chảy từ trung tâm ra ngoại vi, [27] và từ nguồn đến biểu hiện bên ngoài hay sắc tướng hiện tượng. Nó là *sự sống*. Nó tạo ra tiến trình cá nhân và sự khai mở tiến hóa của mọi hình tướng. Do đó, nó là con đường của sự sống, vươn từ chân thần đến phàm ngã, qua linh hồn. Đây là sợi dây linh hồn, và nó là một, không thể phân chia. Nó truyền dẫn năng lượng của sự sống và tìm được điểm neo cuối cùng trong trung tâm tim của con người, cũng như tại một điểm tập trung trung tâm nào đó trong mọi hình tướng biểu lộ thiêng liêng. Không có gì hiện hữu và không có gì còn lại ngoài sự sống.

The consciousness thread (antahkarana) is the result of the union of life and substance or of the basic energies which constitute the first differentiation in time and space; this produces something different, which only emerges as a third divine manifestation,

Sợi dây tâm thức — antahkarana — là kết quả của sự hợp nhất giữa sự sống và chất liệu, hay giữa các năng lượng căn bản cấu thành sự biến phân đầu tiên trong thời gian và không gian; điều này tạo ra một điều khác biệt, vốn chỉ xuất hiện như biểu lộ thiêng

after the union of the basic dualities has taken place. It is the thread which is woven as a result of the appearance of life in form upon the physical plane. Speaking again symbolically, it might be said that the sutratma works from above downward and is the precipitation of life into the outer manifestation. The antahkarana is woven, evolved, and created as the result of this primary creation, and works from below upwards, from the without to the within, from the world of exoteric phenomena into the world of subjective realities and of meaning.

liêng thứ ba sau khi sự hợp nhất của các nhị nguyên căn bản đã diễn ra. Đó là sợi dây được dệt nên như kết quả của sự xuất hiện của sự sống trong hình tướng trên cõi hồng trần. Lại nói theo biểu tượng, có thể nói rằng sutratma hoạt động từ trên xuống dưới và là sự ngưng tụ của sự sống vào biểu lộ bên ngoài. Antahkarana được dệt nên, tiến hóa và được sáng tạo như kết quả của sự sáng tạo sơ khởi này, và hoạt động từ dưới lên trên, từ bên ngoài vào bên trong, từ thế giới của các hiện tượng ngoại môn vào thế giới của các thực tại nội tại và của ý nghĩa.

This "Path of Return," by means of which the race is withdrawn from outer emphasis and begins to recognise and register those inner conscious knowledges of that which is not phenomenal, has already (through the evolutionary process) reached a point of development wherein some human beings can follow along this path from the physical consciousness to the emotional, and from the emotional to the mental. That part of the work is already accomplished in many thousands of cases and what is now required is facility and right use of this power. This thread of energy, coloured by conscious sentient response, is later [28] coloured by the discriminating consciousness of the mind, and this produces that inner integration which makes man eventually an efficient thinking being. At first, this thread is used purely for lower selfish interests; it steadily gets stronger and more potent as time goes on, until it is a definite, clear, strong thread reaching from the outer physical life, from a point within the brain, straight through to the inner mechanism. This thread, however, is not identified with the mechanism, but with the consciousness in man. Through the means of this thread a man becomes aware of his emotional life in its many forms (note this phraseology), and

“Con Đường Trở Về” này, nhờ đó nhân loại được rút khỏi sự nhấn mạnh bên ngoài và bắt đầu nhận biết cũng như ghi nhận những tri thức có ý thức bên trong về điều không thuộc hiện tượng, đã — qua tiến trình tiến hóa — đạt đến một điểm phát triển trong đó một số con người có thể đi theo con đường này từ tâm thức hồng trần đến tâm thức cảm dục, và từ tâm thức cảm dục đến tâm thức trí. Phần công việc ấy đã hoàn tất trong nhiều nghìn trường hợp, và điều hiện nay cần đến là sự thành thạo cùng cách sử dụng đúng quyền năng này. Sợi dây năng lượng này, được nhuộm màu bởi sự đáp ứng hữu cảm có ý thức, về sau [28] được nhuộm màu bởi tâm thức phân biện của thể trí, và điều này tạo ra sự tích hợp bên trong khiến con người cuối cùng trở thành một sinh linh tư duy hữu hiệu. Ban đầu, sợi dây này được sử dụng thuần túy cho các lợi ích ích kỷ thấp kém; nó dần dần trở nên mạnh hơn và quyền năng hơn theo thời gian, cho đến khi nó là một sợi dây xác định, rõ ràng, mạnh mẽ, vươn từ đời sống hồng trần bên ngoài, từ một điểm trong bộ não, thẳng đến bộ máy bên trong. Tuy nhiên, sợi dây này không đồng hóa với bộ máy, mà với tâm thức trong con người. Nhờ sợi dây này, con người nhận biết đời sống cảm xúc của mình dưới nhiều hình thức — hãy lưu ý cách diễn đạt này —

through it he becomes aware of the world of thought; he learns to think and begins to function consciously on the mental plane, in which the thinkers of the race—a steadily increasing number—live and move and have their being. Increasingly he learns to tread this path of consciousness, and thereby ceases to be identified with the animal outer form and learns to identify himself with the inner qualities and attributes. He lives first the life of dreams, and then the life of thought. Then the time comes when this lower aspect of the antahkarana is completed, and the first great conscious unity is consummated. The man is an integrated, conscious, living personality. The thread of continuity between the three lower aspects of the man is established and can be used. It stretches, if such a term can be used (my intent being entirely pictorial), from the centre of the head to the mind, which is in its turn a centre of energy in the world of thought. At the same time, this antahkarana is interwoven with the thread of life or the sutratma which emerges from the heart centre. The objective of evolution in form is now relatively complete.

và nhờ nó y nhận biết thế giới tư tưởng; y học suy nghĩ và bắt đầu hoạt động một cách có ý thức trên cõi trí, nơi các nhà tư tưởng của nhân loại — một số lượng ngày càng gia tăng — sống, vận động và hiện tồn. Càng ngày y càng học cách bước đi trên con đường tâm thức này, và nhờ đó chấm dứt đồng hóa với hình tướng thú tính bên ngoài, đồng thời học đồng hóa mình với các phẩm tính và thuộc tính bên trong. Trước hết y sống đời sống của mộng tưởng, rồi đến đời sống của tư tưởng. Sau đó đến lúc phương diện thấp này của antahkarana được hoàn tất, và sự hợp nhất có ý thức vĩ đại đầu tiên được viên mãn. Con người là một phàm ngã tích hợp, có ý thức và sống động. Sợi dây liên tục giữa ba phương diện thấp của con người được thiết lập và có thể được sử dụng. Nó vươn, nếu có thể dùng một thuật ngữ như vậy — ý định của Tôi hoàn toàn mang tính hình ảnh — từ trung tâm đầu đến thể trí, vốn đến lượt nó là một trung tâm năng lượng trong thế giới tư tưởng. Đồng thời, antahkarana này được đan xen với sợi dây sự sống hay sutratma vốn xuất lộ từ trung tâm tim. Mục tiêu của tiến hóa trong hình tướng giờ đây đã tương đối hoàn tất.

When this stage has been reached, the sensitive feeling-out into the environing universe still continues. Man weaves a thread which is like the thread the spider weaves so amazingly. He reaches out still further into his possible [29] environment and then discovers an aspect of himself of which he had little dreamt in the early stages of his development. He discovers the soul and then passes through the illusion of duality. This is a necessary but not a permanent stage. It is one which characterises the aspirant of this world cycle, perhaps I should say this manvantara or world period. He seeks to merge himself with the soul, to identify himself, the conscious personality, with that

Khi giai đoạn này đã đạt được, sự dò tìm nhạy cảm vào vũ trụ bao quanh vẫn tiếp tục. Con người dệt một sợi dây giống như sợi dây mà con nhện dệt một cách kỳ diệu. Y vươn xa hơn nữa vào môi trường khả hữu [29] của mình, rồi khám phá một phương diện của chính mình mà trong các giai đoạn đầu của sự phát triển, y hầu như chưa từng mơ tới. Y khám phá linh hồn rồi đi qua ảo tưởng của nhị nguyên. Đây là một giai đoạn cần thiết nhưng không thường tồn. Đó là giai đoạn đặc trưng cho người chí nguyện của chu kỳ thế giới này, có lẽ Tôi nên nói là của giai kỳ sinh hóa này hay thời kỳ thế giới này. Y tìm cách hòa nhập mình với linh hồn, đồng hóa chính mình, phàm ngã có ý thức, với linh hồn đang phủ bóng ấy. Chính tại điểm này,

overshadowing soul. It is at this point, technically speaking, that the true building of the antahkarana must be begun. It is the bridge between the personality and the soul.

nói theo kỹ thuật, việc xây dựng antahkarana thật sự phải được bắt đầu. Nó là cây cầu giữa phàm ngã và linh hồn.

The recognition of this constitutes the problem with which the modern educator is faced. It is a problem that has always existed but it has concerned the individual hitherto more than the group. Now it concerns the group, for so many of the sons of men are ready for this building. Down the ages individuals have built their individual bridges between the higher and the lower, but so successful has been the evolutionary process that today the time has come for a group understanding of this emerging technique, for a group bridging, leading to a consequent or subsequent group revelation. This provides the modern opportunity in the field of education. It indicates the responsibility of the educator and points out the necessity for a new unfoldment in educational methods. The "group aspirant" must be met and the group antahkarana must be built. This, however, when rightly understood, will not negate individual effort. That always must be met; but the group understanding will increasingly aid the individual.

Sự nhận biết điều này cấu thành vấn đề mà nhà giáo dục hiện đại đang đối diện. Đó là một vấn đề luôn luôn tồn tại, nhưng cho đến nay nó liên quan đến cá nhân nhiều hơn là nhóm. Giờ đây nó liên quan đến nhóm, vì rất nhiều người con của nhân loại đã sẵn sàng cho việc xây dựng này. Qua các thời đại, các cá nhân đã xây dựng những cây cầu riêng của họ giữa cái cao và cái thấp, nhưng tiến trình tiến hóa đã thành công đến mức hôm nay thời điểm đã đến cho một sự thấu hiểu nhóm về kỹ thuật đang xuất hiện này, cho một sự bắt cầu nhóm, dẫn đến một sự mặc khải nhóm kế tiếp hay hệ quả. Điều này đem lại cơ hội hiện đại trong lĩnh vực giáo dục. Nó chỉ ra trách nhiệm của nhà giáo dục và nêu rõ sự cần thiết của một sự khai mở mới trong các phương pháp giáo dục. "Người chí nguyện nhóm" phải được đáp ứng và antahkarana nhóm phải được xây dựng. Tuy nhiên, khi được thấu hiểu đúng, điều này sẽ không phủ nhận nỗ lực cá nhân. Nỗ lực ấy luôn luôn phải được đáp ứng; nhưng sự thấu hiểu nhóm sẽ ngày càng trợ giúp cá nhân.

Coordination and Integration – Sự Điều Hợp và Sự Tích Hợp

Thus far we have been occupied with generalisations as to the educational processes later to be applied, with the mental apparatus which comes under definite and planned training, and which is subjectively and superconsciously [30] influenced during the process. I am presuming that you already grasp the necessity for the building of the antahkarana and for this bridging work. It is wise also to accept the fact that we are in a

Cho đến đây, chúng ta đã bận tâm với những khái quát về các tiến trình giáo dục sẽ được áp dụng về sau, với bộ máy trí tuệ vốn được đưa vào sự huấn luyện xác định và có kế hoạch, và vốn chịu ảnh hưởng chủ quan cũng như siêu thức [30] trong tiến trình ấy. Tôi giả định rằng các bạn đã nắm được sự cần thiết của việc xây dựng antahkarana và của công việc bắt cầu này. Cũng là khôn ngoan khi chấp nhận sự kiện rằng chúng ta đang ở vị thế bắt đầu tiến trình xác định

position to begin the definite process of constructing the link or bridge between the various aspects of man's nature, so that instead of differentiation there will be unity, and instead of a fluid, moving attention, directed here and there into the field of material living and emotional relationships, we shall learn to control the mind and to bridge the divisions, and so can direct at will the lower attention in any desired manner. Thus all aspects of man, spiritual and natural, can be focussed where needed.

nhằm kiến tạo mối liên kết hay cây cầu giữa các phương diện khác nhau của bản chất con người, để thay vì biến phân sẽ có sự hợp nhất, và thay vì một sự chú ý linh động, chuyển động, hướng chỗ này chỗ kia vào lĩnh vực đời sống vật chất và các quan hệ cảm xúc, chúng ta sẽ học kiểm soát thể trí và bắt cầu qua các phân chia, nhờ đó có thể tùy ý hướng sự chú ý thấp theo bất kỳ cách nào mong muốn. Như vậy, mọi phương diện của con người, tinh thần và tự nhiên, có thể được tập trung nơi cần thiết.

This bridging work has in part already been done. Humanity has as a whole already bridged the gap between the emotional astral nature and the physical man. As I said elsewhere:

Công việc bắt cầu này một phần đã được thực hiện. Nhân loại nói chung đã bắt cầu qua khoảng cách giữa bản chất cảm dục cảm xúc và con người hồng trần. Như Tôi đã nói ở nơi khác:

We might generalise in the following manner as to the stages of growth and consequent ability to become the agent of ever increasing powers, tapping the resources of dynamic energy in the three worlds:

Chúng ta có thể khái quát theo cách sau về các giai đoạn tăng trưởng và khả năng hệ quả để trở thành tác nhân của các quyền năng ngày càng gia tăng, khai thác các nguồn năng lượng năng động trong ba cõi giới:

Lower types of humanity use the sutratma as it passes through the etheric body.

Các kiểu người thấp của nhân loại sử dụng sutratma khi nó đi qua thể dĩ thái.

Average men utilise almost entirely that part of the sutratma which passes through the astral plane. Their reactions are largely based on desire, and are emotional.

Những người trung bình hầu như hoàn toàn sử dụng phần sutratma đi qua cõi cảm dục. Các phản ứng của họ phần lớn đặt nền trên dục vọng và mang tính cảm xúc.

Intellectual men utilise the sutratma as it passes through the lower levels of the mental plane, down through the astral to the physical in its two sections. Their activities are energised by mind and not by desire, as in the earlier cases.

Những người trí thức sử dụng sutratma khi nó đi qua các cấp thấp của cõi trí, xuống qua cõi cảm dục đến cõi hồng trần trong hai phần của nó. Các hoạt động của họ được tiếp năng lượng bởi thể trí chứ không bởi dục vọng, như trong các trường hợp trước.

Aspirants of the physical plane use the sutratma as it passes through the two lower

Những người chí nguyện trên cõi hồng trần sử dụng sutratma khi nó đi qua hai cõi phụ

subplanes of the [31] abstract levels of the mental plane, and are beginning gradually to build the antahkarana, or the bridge between the Triad and the Personality. The power of the Ego can begin to make itself felt.

thấp của các cấp trừu tượng [31] thuộc cõi trí, và dần dần bắt đầu xây dựng antahkarana, hay cây cầu giữa Tam nguyên tinh thần và Phàm ngã. Quyền năng của Chân ngã có thể bắt đầu được cảm nhận.

Applicants for initiation and initiates up to the third initiation use both the sutratma and the antahkarana, employing them as a unit. The power of the Triad begins to pour through, thus energising all human activities upon the physical plane, and vitalising in ever increasing degree the man's thought forms. The key to the formation of the Mayavirupa is found in the right comprehension of the process.

Những người xin điểm đạo và các điểm đạo đồ cho đến lần điểm đạo thứ ba sử dụng cả sutratma lẫn antahkarana, vận dụng chúng như một đơn vị. Quyền năng của Tam nguyên tinh thần bắt đầu tuôn chảy qua, nhờ đó tiếp năng lượng cho mọi hoạt động của con người trên cõi hồng trần, và tiếp sinh lực ở mức ngày càng gia tăng cho các hình tư tưởng của con người. Chìa khóa để hình thành Mayavirupa được tìm thấy trong sự thấu hiểu đúng tiến trình này.

A TREATISE ON COSMIC FIRE, PP. 959-960.

LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ, TR. 959-960.

It should be noted here that *the bridging has to be done in the consciousness aspect*, and concerns the continuity of man's awareness of life in all his various aspects. The energy which is used in connecting, in consciousness, the physical man and the astral body is focussed in the solar plexus. Speaking in symbolical terms, many today are carrying that bridge forward and linking the mind with the two aspects already linked. This thread of energy emanates from, or is anchored in, the head. A few people are steadily linking the soul and the mind, which in its turn is linked with the other two aspects. The soul energy, when linked with the other threads, has its anchor in the heart. A very few people (the initiates of the world) having effected all the lower syntheses, are now occupied with bringing about a still higher union with that triple Reality which uses the soul as its medium of expression, just as the soul in its turn is

Ở đây cần lưu ý rằng *việc bắt cầu phải được thực hiện trong phương diện tâm thức*, và liên quan đến tính liên tục của sự nhận biết của con người về sự sống trong mọi phương diện khác nhau của y. Năng lượng được sử dụng để liên kết, trong tâm thức, con người hồng trần và thể cảm dục được tập trung trong tùng thái dương. Nói theo ngôn ngữ biểu tượng, ngày nay nhiều người đang đưa cây cầu ấy tiến xa hơn và liên kết thể trí với hai phương diện đã được liên kết. Sợi dây năng lượng này xuất lộ từ, hay được neo trong, đầu. Một số ít người đang đều đặn liên kết linh hồn và thể trí, vốn đến lượt nó được liên kết với hai phương diện kia. Năng lượng linh hồn, khi liên kết với các sợi dây khác, có điểm neo trong tim. Một số rất ít người — các điểm đạo đồ của thế giới — sau khi đã thực hiện tất cả các tổng hợp thấp, hiện đang bận tâm với việc đem lại một sự hợp nhất còn cao hơn với Thực Tại tam phân ấy, vốn sử dụng linh hồn như phương tiện biểu lộ của nó, cũng như linh hồn đến lượt mình đang

endeavouring to use its shadow, the threefold lower man.

nỗ lực sử dụng bóng của nó, tức phàm nhân tam phân.

These distinctions and unifications are matters of form, [32] symbols in speech, and are used to express events and happenings in the world of energies and forces in connection with which man is definitely implicated. It is to these unifications that we refer when the subject of initiation is under consideration.

Những phân biệt và hợp nhất này là các vấn đề của hình tướng, [32] là những biểu tượng trong lời nói, và được dùng để diễn đạt các biến cố và diễn tiến trong thế giới của các năng lượng và mãnh lực, mà con người chắc chắn có liên hệ. Chính các sự hợp nhất này là điều chúng ta nói đến khi chủ đề điểm đạo được xem xét.

The life thread, the silver cord or the sutratma, is, as far as man is concerned, dual in nature. The life thread proper, which is one of the two threads which constitute the antahkarana, is anchored in the heart, whilst the other thread which embodies the principle of consciousness, is anchored in the head. This you already know, but this I feel the need constantly to reiterate. In the work of the evolutionary cycle, however, man has to repeat what God has already done. He must himself create, in both the world of consciousness and of life. Like a spider, man spins connecting threads, and thus bridges and makes contact with his environment, thereby gaining experience and sustenance. The spider symbol is often used in the ancient occult books and the scriptures of India in connection with this activity of the human being. The threads which man creates are triple and with the two basic threads which have been created by the soul, constitute the five types of energy which make man a conscious human being. The triple threads created by man are anchored in the solar plexus, the head and the heart. When the astral body and the mind nature are beginning to function as a unit, and the soul also is consciously connected (do not forget that it is always unconsciously linked), an extension of this fivefold thread—the basic two and the

Sợi dây sự sống, ngân tuyến hay sutratma, xét theo con người, có bản chất kép. Sợi dây sự sống đúng nghĩa, vốn là một trong hai sợi dây cấu thành antahkarana, được neo trong tim, trong khi sợi dây kia, hiện thân nguyên khí tâm thức, được neo trong đầu. Điều này các bạn đã biết, nhưng Tôi cảm thấy cần liên tục nhắc lại. Tuy nhiên, trong công việc của chu kỳ tiến hóa, con người phải lặp lại điều Thượng đế đã làm. Chính y phải sáng tạo, trong cả thế giới tâm thức lẫn thế giới sự sống. Như con nhện, con người kéo ra các sợi dây liên kết, và nhờ vậy bắt cầu cũng như tiếp xúc với môi trường của mình, qua đó đạt được kinh nghiệm và dưỡng chất. Biểu tượng con nhện thường được dùng trong các sách huyền môn cổ và thánh thư Ấn Độ liên quan đến hoạt động này của con người. Các sợi dây mà con người tạo ra có tính tam phân và, cùng với hai sợi dây căn bản do linh hồn tạo ra, cấu thành năm loại năng lượng làm cho con người trở thành một con người có ý thức. Các sợi dây tam phân do con người tạo ra được neo trong tùng thái dương, đầu và tim. Khi thể cảm dục và bản chất trí tuệ bắt đầu hoạt động như một đơn vị, và linh hồn cũng được liên kết một cách có ý thức — đừng quên rằng nó luôn luôn được liên kết một cách vô thức — một sự mở rộng của sợi dây ngũ phân này, tức hai sợi căn bản và ba sợi của con người, được đưa đến trung tâm cổ họng; khi điều đó xảy ra, con người có thể

human three—is carried to the throat centre; when that occurs man can become a conscious creator on the physical plane. From these major lines of energy lesser lines can radiate at will. It is upon this knowledge that all future intelligent psychic unfoldment must be based.

trở thành một nhà sáng tạo có ý thức trên cõi hồng trần. Từ các đường năng lượng chính này, những đường phụ có thể tỏa ra tùy ý. Chính trên tri thức này mà mọi sự khai mở thông linh có trí tuệ trong tương lai phải được đặt nền.

In the above paragraph and its implications you have a brief and inadequate statement as to the Science of the [33] Antahkarana. I have endeavoured to express this in terms, symbolic if you will, which will convey some general idea of the process to your minds. We can learn much through the use of the pictorial and visual imagination. Many aspirants have already established the following links of the bridging antahkarana:

Trong đoạn trên và các hàm ý của nó, các bạn có một trình bày ngắn gọn và chưa đầy đủ về Khoa Học [33] Antahkarana. Tôi đã cố gắng diễn đạt điều này bằng những thuật ngữ, có thể nói là biểu tượng, nhằm truyền đạt cho thể trí các bạn một ý niệm tổng quát nào đó về tiến trình. Chúng ta có thể học được nhiều qua việc sử dụng sự tưởng tượng bằng hình ảnh và thị giác. Nhiều người chí nguyện đã thiết lập các liên kết sau đây của antahkarana bắt cầu:

1. From the physical to the vital or etheric body. This is really an extension of the life thread between the heart and the spleen.

1. Từ thể xác đến thể sinh lực hay thể dĩ thái. Đây thật ra là một sự mở rộng của sợi dây sự sống giữa tim và lá lách.

2. From the physical and the vital, regarding them as a unity, to the astral or emotional vehicle. This thread emanates from, or is anchored in, the solar plexus, and is carried upward by means of the aspiration till it anchors itself in the love petals of the egoic lotus.

2. Từ thể xác và thể sinh lực, được xem như một nhất thể, đến vận cụ cảm dục hay cảm xúc. Sợi dây này xuất lộ từ, hay được neo trong, tùng thái dương, và được đưa lên trên nhờ khát vọng cho đến khi nó tự neo trong các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã.

3. From the physical and astral vehicles to the mental body. One terminal is anchored in the head, and the other in the knowledge petals of the egoic lotus, being carried forward by an act of the will.

3. Từ các vận cụ hồng trần và cảm dục đến thể trí. Một đầu mút được neo trong đầu, và đầu kia trong các cánh hoa tri thức của Hoa Sen Chân Ngã, được đưa tiến tới bằng một hành động của ý chí.

Many, too, are in process of linking the three lower aspects, which we call the personality, with the soul itself, through meditation, discipline, service and directed attention. When this has been accomplished, a definite relation is established between the sacrifice

Nhiều người cũng đang trong tiến trình liên kết ba phương diện thấp, mà chúng ta gọi là phàm ngã, với chính linh hồn, qua tham thiền, kỷ luật, phụng sự và sự chú ý có định hướng. Khi điều này đã được hoàn thành, một quan hệ xác định được thiết lập giữa các

or will petals of the egoic lotus and the head and heart centres, thus producing a synthesis between consciousness, the soul and the life principle. The process of establishing this interlinking and interrelation, and the strengthening of the bridge thus constructed, goes on until the third initiation. The lines of force are then so interrelated that the soul and its mechanism of expression are a unity. A higher blending and fusing can then go on.

cánh hoa hy sinh hay ý chí của Hoa Sen Chân Ngã và các trung tâm đầu cùng tim, nhờ đó tạo ra một tổng hợp giữa tâm thức, linh hồn và nguyên khí sự sống. Tiến trình thiết lập sự liên kết và tương quan này, cùng việc củng cố cây cầu đã được kiến tạo như thế, tiếp diễn cho đến lần điểm đạo thứ ba. Khi ấy, các đường mãnh lực tương quan với nhau đến mức linh hồn và bộ máy biểu lộ của nó là một nhất thể. Một sự hòa trộn và dung hợp cao hơn khi ấy có thể tiếp diễn.

It is necessary for me to stop at this point and indicate that all the above are simply word pictures of a process of [34] energy interrelations, and have a definite value if they can introduce and make real to you the fact of the indicated processes. Some aspirants and students have the mystical consciousness highly developed, and are therefore apt to resent and regard as unnecessary the more technical and intellectual presentation of a truth which they sense and know, but which remains a truth yet undefined. It is my purpose to assist you towards a greater definiteness of realisation and expression; this should in no way detract from the wonder and the beauty of what you sense, but should increase your power to know and also to make available to others the knowledge which you have gained. In the past the mystic expressed his realisation through love and practical kindness, expressing it on the physical plane through charitable deeds and self-sacrifice, and on emotional levels by his aspiration, his vision, and his ability to express the love of God to the world. The mystic today continues with the same process, but under the evolutionary urge becomes capable of more than this. He should be able to formulate his knowledge intelligently and to express his awareness clearly, in order that he may share it with the public which is steadily growing in intelligence, but greatly

Tôi cần dừng lại ở điểm này và chỉ ra rằng tất cả những điều trên chỉ là các hình ảnh bằng lời về một tiến trình [34] tương quan năng lượng, và chúng có giá trị xác định nếu có thể giới thiệu và làm cho các bạn thấy thực tế của các tiến trình được nêu ra. Một số người chí nguyện và đạo sinh có tâm thức thần bí phát triển cao, và vì vậy dễ bực bội cũng như xem là không cần thiết cách trình bày chân lý có tính kỹ thuật và trí thức hơn — một chân lý mà họ cảm nhận và biết, nhưng vẫn còn là chân lý chưa được định nghĩa. Mục đích của Tôi là trợ giúp các bạn đạt đến sự xác định lớn hơn trong chứng nghiệm và biểu đạt; điều này tuyệt nhiên không nên làm giảm đi sự kỳ diệu và vẻ đẹp của điều các bạn cảm nhận, mà phải gia tăng quyền năng biết của các bạn, cũng như khả năng làm cho tri thức mà các bạn đã đạt được trở nên hữu ích cho người khác. Trong quá khứ, nhà thần bí biểu đạt sự chứng nghiệm của mình qua tình thương và lòng nhân ái thực tiễn, biểu lộ nó trên cõi hồng trần qua các việc bác ái và sự hy sinh bản thân, và trên các cấp độ cảm dục qua khát vọng, tầm nhìn, và khả năng biểu đạt tình thương của Thượng đế đối với thế giới. Nhà thần bí ngày nay vẫn tiếp tục cùng tiến trình ấy, nhưng dưới thúc đẩy tiến hóa, y trở nên có khả năng làm nhiều hơn thế. Y phải có thể hình thành tri thức của mình một cách thông minh và biểu đạt sự nhận biết của mình một cách rõ ràng, để có thể chia sẻ nó

needs the vision. I therefore beg of you not to resent the technical formulation of truth, for if education means anything at all, and if we are to consider the ways in which education is to be applied to bring about this bridging and synthesis, it is essential that we avoid that mental laziness and mystical inertia which are characteristic of so many mystics and the line of least resistance for many would-be disciples.

với công chúng vốn đang ngày càng phát triển về trí tuệ nhưng rất cần tầm nhìn. Vì vậy, Tôi xin các bạn đừng bực bội trước việc hình thức hóa chân lý theo kỹ thuật, vì nếu giáo dục có bất kỳ ý nghĩa nào, và nếu chúng ta phải xem xét những cách thức giáo dục cần được áp dụng để đem lại sự bắt cầu và tổng hợp này, thì điều thiết yếu là chúng ta tránh sự lười biếng trí tuệ và Quán tính thần bí vốn đặc trưng cho rất nhiều nhà thần bí và là con đường ít trở ngại nhất đối với nhiều người muốn làm đệ tử.

It is necessary therefore that we grasp the facts that:

Do đó, chúng ta cần nắm vững các sự kiện rằng:

1. The new education will primarily be concerned with the scientific and conscious bridging between the various aspects of the human being, thus producing coordination and synthesis and an increased [35] expansion of consciousness through the establishing of right lines of energy.

1. Nền giáo dục mới trước hết sẽ liên quan đến việc bắt cầu một cách khoa học và có ý thức giữa các phương diện khác nhau của con người, nhờ đó tạo ra sự điều hợp và tổng hợp cùng một sự mở rộng [35] tâm thức gia tăng qua việc thiết lập các đường năng lượng đúng.

2. The task of the new education is therefore the coordination of the personality, eventually bringing about its at-one-ment with the soul.

2. Vì vậy, nhiệm vụ của nền giáo dục mới là sự điều hợp phàm ngã, cuối cùng đem lại sự nhất thể hóa của nó với linh hồn.

3. The new education will deal with, analyse and interpret the laws of thought, because the mind will be regarded as the link between the soul and the brain. These laws are the means whereby:

3. Nền giáo dục mới sẽ đề cập đến, phân tích và diễn giải các định luật của tư tưởng, bởi vì thể trí sẽ được xem như mối liên kết giữa linh hồn và bộ não. Các định luật này là phương tiện nhờ đó:

a. Ideas are intuited.

a. Các ý tưởng được trực nhận.

b. Ideals are promulgated.

b. Các lý tưởng được truyền bá.

c. Mental concepts or thoughtforms are constructed which in due time will make their impact telepathically upon the minds of men.

c. Các khái niệm trí tuệ hay hình tư tưởng được kiến tạo, và đúng thời sẽ tạo ấn tượng viễn cảm lên thể trí của con người.

4. The new education will organise and develop the lower concrete mind.

4. Nền giáo dục mới sẽ tổ chức và phát triển hạ trí cụ thể.

5. It will teach the human being to think from universals to particulars, as well as to undertake the analysis of particulars. There will consequently be less emphasis in future schools upon the training of the memory. Interest will greatly aid the will to recall.

5. Nó sẽ dạy con người suy nghĩ từ cái phổ quát đến cái đặc thù, cũng như tiến hành phân tích các cái đặc thù. Do đó, trong các trường học tương lai sẽ ít nhấn mạnh hơn vào việc huấn luyện ký ức. Sự quan tâm sẽ trợ giúp rất nhiều cho ý chí hồi tưởng.

6. The new education will make a man a good citizen by developing the rational aspects of his consciousness and life, teaching him to use his inherited, acquired and endowed equipment for the evidencing of the social consciousness and attitudes.

6. Nền giáo dục mới sẽ làm cho con người trở thành một công dân tốt bằng cách phát triển các phương diện lý trí của tâm thức và đời sống của y, dạy y sử dụng trang bị thừa hưởng, thu đạt và được ban cho của mình để biểu lộ tâm thức và thái độ xã hội.

7. Above all else, the educators in the new age will endeavour to teach man the science of unifying the three aspects of himself which are covered by the general title of mental aspects:

7. Trên hết mọi điều, các nhà giáo dục trong kỷ nguyên mới sẽ nỗ lực dạy con người khoa học hợp nhất ba phương diện của chính y, vốn được bao gồm dưới danh xưng chung là các phương diện trí tuệ:

a. The lower concrete mind.

a. Hạ trí cụ thể.

b. The Son of Mind, the Soul, the Self.

b. Con của Trí Tuệ, Linh hồn, Bản Ngã.

c. The higher, abstract or intuitional mind.

c. Thượng trí, trí trừu tượng hay trí trực giác.

or:

hay:

a. The receptive mind or common-sense. [36]

a. Trí tiếp nhận hay lương tri. [36]

b. The individualised mind.

b. Trí đã biệt ngã hóa.

c. The illuminating mind.

c. Trí soi sáng.

8. The educators in the new age will deal with the processes or methods to be employed in bridging the gaps in consciousness between the different aspects. Thus the Science of the Antahkarana will be brought definitely to the attention of the public.

8. Các nhà giáo dục trong kỷ nguyên mới sẽ đề cập đến các tiến trình hay phương pháp được sử dụng để bắt cầu qua các khoảng cách trong tâm thức giữa các phương diện khác nhau. Như vậy, Khoa Học Antahkarana sẽ được đưa một cách xác định đến sự chú ý của công chúng.

9. The extension of this concept of bridging will be developed to include not only the internal history of man, but also the bridging between him and his fellowmen on all levels.

9. Sự mở rộng của khái niệm bắt cầu này sẽ được phát triển để bao gồm không chỉ lịch sử nội tại của con người, mà còn cả sự bắt cầu giữa y và đồng loại của y trên mọi cấp độ.

10. It will include also the training of the human mechanism to respond to life impacts, and to the soul. This soul is essentially intelligence, vitally used on each plane. It functions as the discriminating mind on the mental plane, as the sensitive consciousness on the emotional plane, and as the active participator in physical life. This intelligent activity is always used from the wisdom angle.

10. Nó cũng sẽ bao gồm việc huấn luyện bộ máy con người để đáp ứng với các tác động của sự sống và với linh hồn. Linh hồn này về bản chất là trí tuệ, được sử dụng một cách sống động trên mỗi cõi. Nó hoạt động như thể trí phân biện trên cõi trí, như tâm thức nhạy cảm trên cõi cảm dục, và như người tham dự tích cực trong đời sống hồng trần. Hoạt động trí tuệ này luôn luôn được sử dụng từ góc độ minh triết.

11. The new education will take into consideration:

11. Nền giáo dục mới sẽ xét đến:

a. The mind and its relation to the energy body, the etheric body, which underlies the nervous system and which galvanises the physical body into activity.

a. Thể trí và mối quan hệ của nó với thể năng lượng, tức thể dĩ thái, vốn nằm bên dưới hệ thần kinh và kích hoạt thể xác đi vào hoạt động.

b. The mind and its relation to the brain.

b. Thể trí và mối quan hệ của nó với bộ não.

c. The mind and its relation to the seven centres of force in the etheric body, and their externalisation and utilisation through the medium of the major nerve plexi to be found in the human body, and their relation (which will become increasingly obvious) to the endocrine glands.

c. Thể trí và mối quan hệ của nó với bảy trung tâm mãnh lực trong thể dĩ thái, cũng như sự ngoại hiện và việc sử dụng chúng qua trung gian của các đám rối thần kinh chính được tìm thấy trong cơ thể con người, và mối quan hệ của chúng — vốn sẽ ngày

càng trở nên hiển nhiên — với các tuyến nội tiết.

d. The brain as the coordinating factor in the dense body, and its capacity to direct the activities of the man through the medium of the nervous system. [37]

d. Bộ não như yếu tố điều hợp trong thể đậm đặc, và khả năng của nó trong việc điều khiển các hoạt động của con người qua trung gian hệ thần kinh. [37]

In the above statements you will see how large is our theme, and yet it is one which I intend to cover with the utmost brevity, writing only a fundamental textbook which will serve as a signpost for the production of the new culture which will distinguish the Aquarian Age. Other disciples will later elaborate my theme, but the subject is as yet so little understood that much that could be said would be meaningless, even to the most intelligent.

Trong các phát biểu trên, các bạn sẽ thấy chủ đề của chúng ta rộng lớn biết bao, nhưng đó là một chủ đề mà Tôi dự định trình bày hết sức ngắn gọn, chỉ viết một sách giáo khoa căn bản sẽ đóng vai trò như cột chỉ đường cho việc sản sinh nền văn hóa mới vốn sẽ phân biệt Kỷ Nguyên Bảo Bình. Các đệ tử khác về sau sẽ triển khai chủ đề của Tôi, nhưng đề tài này hiện vẫn còn được thấu hiểu quá ít đến nỗi nhiều điều có thể nói ra sẽ vô nghĩa, ngay cả đối với những người thông minh nhất.

Modern education is beginning to give some attention to the nature of the mind and to the laws of thought. In this connection we owe much to psychology and philosophy. There is also an increasing interest in the Science of Endocrinology as a material means of producing changes, usually in deficient children and morons. Nevertheless, until modern educators begin to admit the possibility that there are central units in man which underlie the tangible and visible mechanism, and will also admit the possibility of a central powerhouse of energy behind the mind, progress in education will be relatively at a standstill; the child will not receive the initial training and the foundational ideas which will enable him to become a self-directed, intelligent human being. Psychology, with its emphasis upon the three aspects of man—thought, emotional feeling, and the bodily organism —has already made a vital contribution and is doing much to bring about radical

Giáo dục hiện đại đang bắt đầu dành một ít chú ý cho bản chất của thể trí và các định luật tư tưởng. Trong mối liên hệ này, chúng ta chịu ơn nhiều đối với tâm lý học và triết học. Cũng có một sự quan tâm ngày càng tăng đối với Khoa Học Nội Tiết như một phương tiện vật chất để tạo ra những thay đổi, thường nơi trẻ em khiếm khuyết và những người thiểu năng trí tuệ. Tuy nhiên, cho đến khi các nhà giáo dục hiện đại bắt đầu thừa nhận khả năng rằng có những đơn vị trung tâm trong con người nằm bên dưới bộ máy hữu hình và có thể chạm thấy, đồng thời cũng thừa nhận khả năng có một trạm năng lượng trung tâm phía sau thể trí, thì tiến bộ trong giáo dục sẽ tương đối đình trệ; đứa trẻ sẽ không nhận được sự huấn luyện ban đầu và các ý tưởng nền tảng giúp nó trở thành một con người thông minh, tự định hướng. Tâm lý học, với sự nhấn mạnh vào ba phương diện của con người — tư tưởng, cảm xúc, và cơ cấu thân xác — đã có một đóng góp thiết yếu và đang làm nhiều việc để đem

changes in our educational systems. Much remains to be done. The interpretation of men in terms of energy and the grasping of the seven types of energy which determine a man and his activities, will bring about immediate changes.

lại những thay đổi căn bản trong các hệ thống giáo dục của chúng ta. Vẫn còn nhiều điều phải làm. Việc diễn giải con người theo năng lượng và việc nắm bắt bảy loại năng lượng quyết định một con người và các hoạt động của y sẽ đem lại những thay đổi tức thời.

CHAPTER II - The Cultural Unfoldment of the Race – CHƯƠNG II - Sự Khai Mở Văn Hóa của Nhân Loại

Civilisation and Culture – Văn Minh và Văn Hóa

[38] Much emphasis is being laid today upon education—coordinating, relational, psychological, vocational and equipping. To this must be added the old method of memory training and the attempt either to infuse religion into the mind of the child or to omit it with decision and with purpose. Modern education has been primarily competitive, nationalistic and, therefore, separative. It has trained the child to regard the material values as of major importance, to believe that his particular nation is also of major importance and that every other nation is secondary; it has fed pride and fostered the belief that he, his group and his nation are infinitely superior to other people and peoples. He is taught consequently to be a one-sided person with his world values wrongly adjusted and his attitudes to life distinguished by bias and prejudice. The rudiments of the arts are taught him in order to enable him to function with the needed efficiency in a competitive setting and in his particular vocational environment. To read, to write and to be able to add and do elementary arithmetic are regarded as the minimum requirement; to know something of past events—historical, geographical, literary, philosophical and scientific—are likewise added in many countries and for certain classes of people. Some of the literature of the world is also brought to his attention. [39]

[38] Ngày nay, người ta đang đặt nhiều nhấn mạnh lên giáo dục — điều hợp, quan hệ, tâm lý, nghề nghiệp và trang bị. Vào đó phải thêm phương pháp cũ về huấn luyện ký ức và nỗ lực hoặc truyền tôn giáo vào thể trí đứa trẻ, hoặc loại bỏ nó một cách dứt khoát và có chủ đích. Giáo dục hiện đại về căn bản mang tính cạnh tranh, quốc gia chủ nghĩa và vì thế chia rẽ. Nó đã huấn luyện đứa trẻ xem các giá trị vật chất là quan trọng bậc nhất, tin rằng quốc gia riêng của nó cũng quan trọng bậc nhất và mọi quốc gia khác đều thứ yếu; nó đã nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh và bồi đắp niềm tin rằng nó, nhóm của nó và quốc gia của nó vượt trội vô hạn so với những người và các dân tộc khác. Do đó, nó được dạy trở thành một con người phiến diện, với các giá trị thế giới của nó bị điều chỉnh sai lệch và thái độ của nó đối với đời sống mang dấu ấn của thiên kiến và thành kiến. Những yếu tố sơ đẳng của nghệ thuật được dạy cho nó để giúp nó hoạt động với hiệu quả cần thiết trong một bối cảnh cạnh tranh và trong môi trường nghề nghiệp riêng của nó. Biết đọc, biết viết, có thể cộng và làm số học sơ đẳng được xem là yêu cầu tối thiểu; biết đôi điều về các biến cố quá khứ — lịch sử, địa lý, văn học, triết học và khoa học — cũng được thêm vào tại nhiều quốc gia và cho một số tầng lớp người. Một phần văn học thế giới cũng được đưa đến sự chú ý của nó. [39]

The general level of world information is high but usually biassed, influenced either by national or religious prejudices, serving thus to make a man a citizen of his own

Mức độ thông tin chung của thế giới là cao nhưng thường thiên lệch, chịu ảnh hưởng hoặc bởi thành kiến quốc gia hoặc bởi thành kiến tôn giáo, do đó phục vụ cho việc làm

country but not a human being with world relations. World citizenship is not emphasised. The teaching imparted stimulates the latent mass consciousness of the child, and evokes the memory (racial and individual) through the impartation of facts —uncorrelated facts—most of them unrelated to daily living. These facts could serve (if used as seed thoughts in meditation and technically employed) to recover from that race consciousness and racial memory, not only national history but past history as well. I mention this in order to emphasise the danger of such undue emphasis upon the past, for if this were done on a large scale it would prove disastrous; it would put a premium on racial and national ideals and objectives and would lead rapidly to racial crystallisation and senility—metaphorically speaking. An example of an effort in this direction was seen going on in Germany, and in a lesser way in Italy; it culminated in the Axis. Fortunately, the tide of life in the youth of any nation can be trusted to swing the thought of the race into a better direction than the evocation of past glory, so-called, and the emphasising of the things which should be left behind.

cho con người trở thành công dân của đất nước mình nhưng không phải là một con người có quan hệ thế giới. Tư cách công dân thế giới không được nhấn mạnh. Việc giảng dạy được truyền đạt kích thích tâm thức quần chúng tiềm ẩn của đứa trẻ, và gợi lên ký ức — của nhân loại và của cá nhân — qua việc truyền đạt các sự kiện: những sự kiện không được liên kết với nhau, phần lớn không liên quan đến đời sống hằng ngày. Những sự kiện này có thể phục vụ — nếu được sử dụng như các tư tưởng hạt giống trong tham thiền và được vận dụng theo kỹ thuật — để khôi phục từ tâm thức nhân loại và ký ức nhân loại ấy không chỉ lịch sử quốc gia mà cả lịch sử quá khứ nữa. Tôi đề cập điều này để nhấn mạnh nguy cơ của sự nhấn mạnh quá mức như vậy vào quá khứ, vì nếu việc này được thực hiện trên quy mô lớn, nó sẽ chứng tỏ là tai hại; nó sẽ đề cao các lý tưởng và mục tiêu chủng tộc cũng như quốc gia, và sẽ nhanh chóng dẫn đến sự kết tinh và già cỗi của nhân loại — nói theo ẩn dụ. Một ví dụ về nỗ lực theo hướng này đã được thấy đang diễn ra ở Đức, và ở mức độ nhỏ hơn tại Ý; nó đạt đến đỉnh điểm trong phe Trục. May thay, dòng triều sự sống nơi tuổi trẻ của bất kỳ quốc gia nào cũng có thể được tin cậy sẽ xoay chuyển tư tưởng của nhân loại theo một hướng tốt đẹp hơn việc gợi lại cái gọi là vinh quang quá khứ và nhấn mạnh những điều nên để lại phía sau.

I would like here to enlarge somewhat upon the interpretation of the much used words (frequently also misused): culture and civilisation. For it is the production of some form of culture—material or spiritual, or material and spiritual—which is the objective of all education. Education is the major agent in the world.

Ở đây Tôi muốn mở rộng đôi chút về cách diễn giải hai từ được sử dụng rất nhiều — và thường cũng bị sử dụng sai — là văn hóa và văn minh. Bởi vì việc sản sinh một hình thức văn hóa nào đó — vật chất hay tinh thần, hoặc vật chất và tinh thần — là mục tiêu của mọi nền giáo dục. Giáo dục là tác nhân chính yếu trên thế giới.

Civilisation is the reaction of humanity to the purpose of any particular world period.

Văn minh là phản ứng của nhân loại đối với mục đích của bất kỳ thời kỳ thế giới đặc thù

In each age, some idea must be expressed in the current racial idealism. In Atlantean times, the idea that predominated was basically sensory religious idealism or mysticism, expressing itself in terms of approach to a felt but unseen deity, an expression of the [40] way of feeling. Yet there were highly sensitive races, composed of nations and groups who laboured over the development of the feeling nature, consciously sometimes, but mostly unconsciously. Their attitude to each other, as individuals or nations, was primarily sensitive and emotional—a state of consciousness (I cannot say state of mind) most difficult for the modern Aryan race to grasp, or even intuit, for with us the mind is beginning to function. Their attitude to the deity was equally sensitive, and their religious activities were mystical and devotional, devoid of any mental understanding. They were significantly emotional in reactions to beauty, to the terror evoked by divinity and to the emotional characteristics of God, to the sense of light and to wonder. The mysterious, the sense of awe, the following blindly of some recognised "sensitive" of a higher order than the ordinary human being, and the interpretation of God and nature in terms of feeling-perception—these laid the basis of that ancient civilisation and have largely coloured our present racial attitudes, at least up until the advent of Christ, Who wrought great changes in the human consciousness and ushered in a new civilisation. Children are still largely Atlantean in their consciousness; it is with them a form of recapitulation, analogous to the prenatal stage; the same recapitulation goes forward upon the Path when a man develops the mystical consciousness anew, after he has evoked his mental nature and prior to unfolding true occult awareness or knowledge and the reactions of the higher

nào. Trong mỗi thời đại, một ý tưởng nào đó phải được biểu đạt trong lý tưởng của nhân loại đương thời. Vào thời Atlantis, ý tưởng chiếm ưu thế về căn bản là chủ nghĩa lý tưởng tôn giáo cảm giác hay thần bí học, biểu lộ qua cách tiếp cận một Thượng đế được cảm nhận nhưng vô hình, một biểu hiện của [40] con đường cảm xúc. Tuy nhiên, đã có những giống dân rất nhạy cảm, gồm các quốc gia và nhóm đã lao động cho sự phát triển bản chất cảm xúc, đôi khi một cách có ý thức, nhưng phần lớn là vô thức. Thái độ của họ đối với nhau, với tư cách cá nhân hay quốc gia, chủ yếu là nhạy cảm và cảm xúc — một trạng thái tâm thức, Tôi không thể nói là trạng thái trí tuệ, rất khó để giống dân Arya hiện đại nắm bắt, hay thậm chí trực nhận, vì nơi chúng ta thể trí đang bắt đầu hoạt động. Thái độ của họ đối với Thượng đế cũng nhạy cảm như vậy, và các hoạt động tôn giáo của họ mang tính thần bí và sùng tín, thiếu mọi thấu hiểu trí tuệ. Họ có phản ứng nổi bật về cảm xúc trước cái đẹp, trước nỗi kinh sợ do thiên tính gợi lên và trước các đặc tính cảm xúc của Thượng đế, trước cảm thức về ánh sáng và sự kỳ diệu. Cái huyền nhiệm, cảm thức kính sợ, việc đi theo một cách mù quáng một “người nhạy cảm” được công nhận thuộc một cấp bậc cao hơn con người thông thường, và việc diễn giải Thượng đế cùng thiên nhiên theo cảm nhận bằng cảm xúc — những điều này đã đặt nền tảng cho nền văn minh cổ xưa ấy và phần lớn đã nhuộm màu các thái độ hiện tại của nhân loại chúng ta, ít nhất cho đến khi Đức Christ xuất hiện, Đấng đã tạo ra những thay đổi lớn trong tâm thức nhân loại và khai mở một nền văn minh mới. Trẻ em vẫn phần lớn mang tâm thức Atlantis; nơi chúng, đó là một hình thức tóm lược lại, tương tự như giai đoạn tiền sinh; cùng sự tóm lược ấy cũng tiếp diễn trên Đường Đạo khi con người phát triển lại tâm thức thần bí, sau khi y đã gợi lên bản chất trí tuệ của mình và trước khi khai mở sự nhận biết hay

mind. The problem before Education is to take the Atlantean consciousness of the child and make it Aryan or mental. The Atlanteans had no educational system as we understand the term. The kings and priests intuited; the masses obeyed.

tri thức huyền môn đích thực cùng các phản ứng của thượng trí. Vấn đề trước Giáo dục là lấy tâm thức Atlantis của đứa trẻ và làm cho nó trở thành Arya hay trí tuệ. Người Atlantis không có hệ thống giáo dục như chúng ta hiểu thuật ngữ này. Các vua và tu sĩ trực nhận; quần chúng vâng phục.

In the present race a different civilised attitude is emerging and is nearing its consummation. In each age, some idea functions and expresses itself in both racial and national idealisms. Its basic trend down the centuries has [41] produced our modern world and this has been strictly materialistic. A nation today is regarded as civilised when it is awakened to mental values and at the same time it is demanding material values; and when the mind (the lower mind)—in its memory aspect, its discriminating and separative aspects, its analysing functions, and its ability to formulate concrete ideas based on material perception, material desire and material purposes—is receiving the training which will make a material civilisation, and has made our material civilisation what it is today. With the emphasis shifting away from feeling-perception to mental attitudes towards life, with the desire to make the material life of the citizen of every nation the dominant factor in the national thought, with the mind unfoldment consecrated to material living, and with science definitely committed to the enunciation only of the provable and concerned only with the energies of material effect, is it any wonder that the major consideration of our modern civilisation lies in the field of the economic life? We are occupied with material conditions, with the object of increasing possessions, with bettering worldly situations, elaborating physical plane living, and substituting the tangible for the intangible, the concrete for the spiritual, and

Trong nhân loại hiện nay, một thái độ văn minh khác đang xuất hiện và đang tiến gần đến sự viên mãn. Trong mỗi thời đại, một ý tưởng nào đó hoạt động và tự biểu đạt trong cả lý tưởng của nhân loại lẫn lý tưởng quốc gia. Khuynh hướng căn bản của nó qua nhiều thế kỷ [41] đã tạo ra thế giới hiện đại của chúng ta, và thế giới này hoàn toàn mang tính duy vật. Ngày nay, một quốc gia được xem là văn minh khi nó thức tỉnh trước các giá trị trí tuệ và đồng thời đòi hỏi các giá trị vật chất; và khi thể trí — hạ trí — trong phương diện ký ức của nó, các phương diện phân biện và chia rẽ của nó, các chức năng phân tích của nó, và khả năng hình thành các ý tưởng cụ thể dựa trên nhận thức vật chất, dục vọng vật chất và mục đích vật chất, đang nhận được sự huấn luyện sẽ tạo nên một nền văn minh vật chất, và đã làm cho nền văn minh vật chất của chúng ta thành như ngày nay. Khi trọng tâm chuyển khỏi cảm nhận bằng cảm xúc sang các thái độ trí tuệ đối với đời sống, khi có ước muốn làm cho đời sống vật chất của công dân mỗi quốc gia trở thành yếu tố chi phối trong tư tưởng quốc gia, khi sự khai mở thể trí được thánh hiến cho đời sống vật chất, và khi khoa học dứt khoát cam kết chỉ phát biểu điều có thể chứng minh và chỉ quan tâm đến các năng lượng của hiệu quả vật chất, thì có gì đáng ngạc nhiên khi mối quan tâm chính của nền văn minh hiện đại chúng ta nằm trong lĩnh vực đời sống kinh tế? Chúng ta bận tâm với các điều kiện vật chất, với mục tiêu gia tăng tài sản, cải thiện hoàn cảnh thế gian, mở rộng đời sống trên cõi hồng trần, và thay thế cái vô hình bằng cái hữu hình, cái tinh thần

physical values for the subjective values. However, these latter must some day emerge into expression.

bằng cái cụ thể, và các giá trị chủ quan bằng các giá trị hồng trần. Tuy nhiên, một ngày nào đó các giá trị sau này phải xuất hiện trong biểu đạt.

The above statement is superficial and of so general a character that it does not deal with the relatively small minority who do sense these larger values and are working to bring about their emergence into the racial life. These people are the custodians for the advance ideals of the current civilisation, but the energy which they release works out frequently in the establishment, temporarily, of the more concrete values. My remarks are only partial, and the facts equally so. I exaggerate perhaps; yet maybe I do not. Nevertheless, the fact remains that the two great civilisations about which we can really know anything—the Aryan [42] and the Atlantean—present two extreme objectives or positions towards which the humanity of the two periods directed and still direct their attention.

Phát biểu trên là hời hợt và có tính tổng quát đến mức nó không đề cập đến thiểu số tương đối nhỏ những người thật sự cảm nhận các giá trị lớn lao hơn này và đang làm việc để đem lại sự xuất hiện của chúng trong đời sống nhân loại. Những người này là các vị giữ gìn những lý tưởng tiến bộ của nền văn minh hiện thời, nhưng năng lượng mà họ phóng thích thường biểu lộ qua việc tạm thời thiết lập các giá trị cụ thể hơn. Những nhận xét của Tôi chỉ là từng phần, và các sự kiện cũng vậy. Có lẽ Tôi phóng đại; nhưng cũng có thể không. Tuy nhiên, sự kiện vẫn còn đó rằng hai nền văn minh lớn mà về chúng chúng ta thật sự có thể biết điều gì đó — Arya [42] và Atlantis — trình bày hai mục tiêu hay vị trí cực đoan mà nhân loại của hai thời kỳ đã và vẫn đang hướng sự chú ý đến.

The Atlantean civilisation was definitely religious in its attitudes; religion was the commonplace of life and the *raison d'être* of all that was. The world after death was the subject of interest and unwavering, unquestioning belief. The subtle influences emanating from the unseen realms, the forces of nature and man's relation to them through a keen sensitivity, and the entire gamut of his emotional attitudes constituted the life of the race, and coloured all that there was or might have been of embryo thought. The result of all this, inherited by us when history as we now have it arose (from the time of the flood, whenever that might have been), can be expressed by such words as animism, spiritualism, lower psychism and feeling. The sense of God, the sense of immortality,

Nền văn minh Atlantis chắc chắn mang tính tôn giáo trong các thái độ của nó; tôn giáo là điều thường nhật của đời sống và là lý do tồn tại của mọi sự. Thế giới sau khi chết là đối tượng quan tâm và là niềm tin không lay chuyển, không chất vấn. Những ảnh hưởng tinh tế xuất lộ từ các cõi vô hình, các mãnh lực của thiên nhiên và quan hệ của con người với chúng qua một sự nhạy cảm sắc bén, cùng toàn bộ thang bậc thái độ cảm xúc của y đã cấu thành đời sống của nhân loại ấy, và nhuộm màu tất cả những gì đã có hoặc có thể đã có của tư tưởng phôi thai. Kết quả của tất cả điều này, được chúng ta thừa hưởng khi lịch sử như hiện nay chúng ta có đã phát sinh — từ thời trận lụt, bất kể thời điểm ấy là khi nào — có thể được diễn đạt bằng những từ như thuyết vật linh, thần linh học, thông linh thấp và cảm xúc. Cảm thức về Thượng

the sense of subtler inner relationships, the sense of worship and the undue sensitivity of modern man is our outstanding heritage from the civilisations which existed upon old Atlantis.

đế, cảm thức về sự bất tử, cảm thức về các quan hệ nội tại tinh tế hơn, cảm thức thờ phụng và sự nhạy cảm quá mức của con người hiện đại là di sản nổi bật của chúng ta từ các nền văn minh đã tồn tại trên Atlantis cổ xưa.

Upon all this basic structure the exact opposite is being imposed today, and in the reaction—normal, right and developing—man is laying a superstructure in which the emphasis is increasingly upon the tangible, the material, the seen, and upon that which can be proved, diagnosed, analysed, and utilised for the improving of man's outer life and his material position upon the planet. Both civilisations have gone too far, and in the swing of the pendulum we shall inevitably return to a middle position, to the "noble middle path." This middle way, utilising the best and the highest ideals which the two preceding civilisations have produced, will characterise the coming Aquarian Age and its civilisations. Such an expression of the material and the immaterial, of the seen and the unseen, of the tangible and the spiritual has ever been the goal and the objective of those who comprehend the true meaning of culture. In [43] the last analysis, and for the purposes of our theme, civilisation concerns the masses and the racial consciousness, while culture concerns the individual and the unseen spiritual man. Therefore a civilisation which is a full expression of true culture lies far ahead in the development of the race.

Ngày nay, trên toàn bộ cấu trúc căn bản này, điều hoàn toàn đối lập đang được áp đặt; và trong phản ứng — bình thường, đúng đắn và đang phát triển — con người đang dựng lên một thượng tầng trong đó sự nhấn mạnh ngày càng đặt vào cái có thể chạm thấy, cái vật chất, cái được thấy, và vào những gì có thể được chứng minh, chẩn đoán, phân tích và sử dụng để cải thiện đời sống bên ngoài của con người cũng như vị trí vật chất của y trên hành tinh. Cả hai nền văn minh đều đã đi quá xa, và trong sự dao động của quả lắc, chắc chắn chúng ta sẽ trở về một vị trí trung đạo, “con đường trung đạo cao quý.” Con đường trung đạo này, sử dụng những lý tưởng tốt đẹp nhất và cao cả nhất mà hai nền văn minh trước đã tạo ra, sẽ đặc trưng cho Kỷ Nguyên Bảo Bình sắp đến và các nền văn minh của nó. Một sự biểu đạt như vậy của cái vật chất và cái phi vật chất, cái hữu hình và cái vô hình, cái có thể chạm thấy và cái tinh thần, luôn luôn là mục tiêu và đối tượng của những người thấu hiểu ý nghĩa chân thật của văn hóa. Rốt ráo [43] và vì mục đích của chủ đề chúng ta, văn minh liên quan đến quần chúng và tâm thức nhân loại, trong khi văn hóa liên quan đến cá nhân và con người tinh thần vô hình. Vì vậy, một nền văn minh là biểu hiện trọn vẹn của văn hóa chân chính vẫn còn ở rất xa phía trước trong sự phát triển của nhân loại.

Culture is the approximation of the two ways —feeling and mind; of two worlds—sensitivity and thought; and of the attitudes, relational in nature, which will enable a man to live as an intelligent, subjective being in a

Văn hóa là sự tiệm cận của hai con đường — cảm xúc và trí tuệ; của hai thế giới — sự nhạy cảm và tư tưởng; và của các thái độ có bản chất quan hệ, vốn sẽ giúp con người sống như một sinh linh chủ quan thông

tangible physical world. The man of culture relates the world of meaning to the world of appearances and regards them in his mind (thus recognising them with his brain, an indication of an established link or relationship) as constituting one world with two aspects. He moves with equal freedom in both worlds, and with simultaneity as far as his consciousness or his sense of awareness is concerned. Even in Atlantean times there were those who comprehended the significance of culture as an outgrowth of civilisation.

minh trong một thế giới hồng trần hữu hình. Con người có văn hóa liên hệ thế giới của ý nghĩa với thế giới của sắc tướng, và trong thể trí y xem chúng — do đó nhận biết chúng bằng bộ não, một dấu hiệu của một mối liên kết hay quan hệ đã được thiết lập — như cấu thành một thế giới với hai phương diện. Y vận động với sự tự do ngang nhau trong cả hai thế giới, và đồng thời xét theo tâm thức hay cảm thức nhận biết của y. Ngay cả vào thời Atlantis cũng đã có những người thấu hiểu thâm nghĩa của văn hóa như một kết quả phát sinh từ văn minh.

The masses must be civilised as a step towards giving them that culture which will make of them true and significant human beings. A human being has perforce to be a man, capable of living in the world of external realities, and at the same time capable of recognising himself as living in an inner world, as a mind and a soul. He then expresses an inner subjective life of such potency that it controls and dominates the physical plane life, motivating it and giving it true direction. This attitude of the human being and the task of bringing this condition of consciousness to fruition, have been regarded for centuries as the task of organised religion, whereas it is essentially and necessarily that of education. It is true that the Church in ancient days was the educator of the time, but the emphasis was laid upon the inner and subjective life, and as a rule no attempt was made to fuse and blend the two—outer material well-being and inner spiritual existence. Education is the task of the outstanding [44] thinkers of the race and the responsibility of all governments, one however that they seldom recognise.

Quần chúng phải được văn minh hóa như một bước tiến đến việc ban cho họ nền văn hóa sẽ làm cho họ trở thành những con người chân thật và có thâm nghĩa. Một con người tất yếu phải là một người có khả năng sống trong thế giới của các thực tại bên ngoài, đồng thời có khả năng nhận biết chính mình như đang sống trong một thế giới bên trong, như một thể trí và một linh hồn. Khi ấy y biểu đạt một đời sống chủ quan bên trong có quyền năng đến mức nó kiểm soát và chi phối đời sống trên cõi hồng trần, thúc đẩy nó và ban cho nó hướng đi chân thật. Thái độ này của con người và nhiệm vụ đưa tình trạng tâm thức này đến chỗ thành tựu đã được xem trong nhiều thế kỷ là nhiệm vụ của tôn giáo có tổ chức, trong khi về bản chất và tất yếu đó là nhiệm vụ của giáo dục. Đúng là Giáo hội trong thời cổ là nhà giáo dục của thời ấy, nhưng sự nhấn mạnh được đặt vào đời sống bên trong và chủ quan, và thông thường không có nỗ lực nào nhằm dung hợp và hòa trộn hai điều — an lạc vật chất bên ngoài và hiện hữu tinh thần bên trong. Giáo dục là nhiệm vụ của các nhà tư tưởng nổi bật [44] của nhân loại và là trách nhiệm của mọi chính phủ, tuy nhiên đó là điều họ hiếm khi nhận ra.

Finally, we shall seek to see what are the basic ideas (beginning with the recognised instincts) which have led man, step by step, to his present struggle for world betterment, group elevation and natural self-determination with a view—unconscious for the most part—of providing a better organ of expression within the living organism, humanity.

Cuối cùng, chúng ta sẽ tìm cách thấy đâu là các ý tưởng căn bản — bắt đầu từ các bản năng được nhận biết — đã dẫn con người, từng bước một, đến cuộc đấu tranh hiện nay của y cho sự cải thiện thế giới, sự nâng cao nhóm và quyền tự quyết tự nhiên, với mục đích — phần lớn là vô thức — cung cấp một cơ quan biểu đạt tốt hơn bên trong cơ cấu sống động là nhân loại.

It is therefore a platitude and truism to state that humanity is today passing through a crisis of immense proportions. The causes of this crisis must be sought in many factors. They lie in the past, in the growth through evolution of certain basic tendencies in man; in past mistakes, present opportunities and the powerful activity of the Hierarchy of Love.* The future is of great promise, provided man can learn the lessons of the present which have been clearly presented to him; he must accept them and understand clearly the nature of his problem and of the crisis with its many ramifications and various implications.

Vì vậy, nói rằng nhân loại ngày nay đang trải qua một cuộc khủng hoảng có tầm vóc rộng lớn là một điều quá quen thuộc và hiển nhiên. Các nguyên nhân của cuộc khủng hoảng này phải được tìm trong nhiều yếu tố. Chúng nằm trong quá khứ, trong sự tăng trưởng qua tiến hóa của một số khuynh hướng căn bản nơi con người; trong những sai lầm quá khứ, những cơ hội hiện tại và hoạt động mạnh mẽ của Thánh Đoàn Bác Ái.* Tương lai đầy hứa hẹn, miễn là con người có thể học các bài học của hiện tại đã được trình bày rõ ràng cho y; y phải chấp nhận chúng và thấu hiểu rõ bản chất vấn đề của mình cũng như bản chất của cuộc khủng hoảng với nhiều phân nhánh và các hàm ý khác nhau của nó.

* One of the threemajor centres through which Deity manifests: Shamball, where the Will of God is known; Hierarchy,where the Love of God holds sway; Humanity, embodying the Intelligence aspect of God.

* Một trong ba trung tâm chính yếu qua đó Thượng đế biểu lộ: Shamballa, nơi Ý Chí của Thượng Đế được biết đến; Thánh Đoàn, nơi Tình thương của Thượng đế ngự trị; Nhân loại, hiện thân phương diện Trí Tuệ của Thượng đế.

The seething turmoil in which the masses of the people are now living and the emergence of one or two key people in every nation have a close relationship. These key people make their voices heard and evoke attention; their ideas are followed—rightly or wrongly —with attention, appreciation or distrust.

Sự hỗn loạn sôi sục trong đó quần chúng nhân dân hiện đang sống và sự xuất hiện của một hay hai nhân vật then chốt trong mỗi quốc gia có mối quan hệ mật thiết. Những nhân vật then chốt này làm cho tiếng nói của họ được nghe thấy và gợi lên sự chú ý; các ý tưởng của họ được đi theo — đúng

hay sai — với sự chú ý, tán thưởng hoặc nghi ngờ.

The slow and careful formation of the New Group of World Servers is indicative of the crisis. They are overseeing or ushering in the New Age and are present at the birth pangs of the new civilisation and the coming into manifestation of a new race, a new culture and a new world outlook. The work is necessarily slow and those of you who are immersed in the problems and pains find it hard to view [45] the future with assurance or to interpret the present with clarity.

Sự hình thành chậm rãi và cẩn trọng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là dấu hiệu của cuộc khủng hoảng. Họ đang trông nom hay mở đường cho Kỷ Nguyên Mới và hiện diện trong những cơn đau sinh nở của nền văn minh mới, cũng như sự đi vào biểu lộ của một nhân loại mới, một văn hóa mới và một thế giới quan mới. Công việc tất yếu là chậm rãi, và những ai trong các bạn đang chìm trong các vấn đề và đau khổ thấy khó nhìn [45] tương lai với sự tin chắc hoặc diễn giải hiện tại với sự rõ ràng.

In the field of education united action is essential. Surely a basic unity of objectives should govern the educational systems of the nations, even though uniformity of method and of techniques may not be possible. Differences of language, of background and of culture will and should always exist; they constitute the beautiful tapestry of human living down the ages. But much that has hitherto militated against right human relations must and should be eliminated.

Trong lĩnh vực giáo dục, hành động thống nhất là điều thiết yếu. Chắc chắn một sự thống nhất căn bản về mục tiêu nên chi phối các hệ thống giáo dục của các quốc gia, dù sự đồng dạng về phương pháp và kỹ thuật có thể không khả thi. Những khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh và văn hóa sẽ và nên luôn luôn tồn tại; chúng tạo thành tấm thảm đẹp đẽ của đời sống nhân loại qua các thời đại. Nhưng nhiều điều cho đến nay đã chống lại các quan hệ đúng đắn giữa người với người phải và nên được loại bỏ.

In the teaching of history, for instance, are we to revert to the bad old ways wherein each nation glorifies itself at the expense frequently of other nations, in which facts are systematically garbled, in which the pivotal points in history are the various wars down the ages—a history, therefore, of aggression, of the rise of a material and selfish civilisation and one which had the nationalistic and, therefore, separative spirit, which has fostered racial hatred and stimulated national prides? The first historical date usually remembered by the average British child is "William, the Conqueror, 1066." The American child

Chẳng hạn, trong việc giảng dạy lịch sử, liệu chúng ta có trở lại những lối cũ tệ hại trong đó mỗi quốc gia tự tôn vinh mình, thường là bằng cái giá của các quốc gia khác; trong đó các sự kiện bị bóp méo một cách có hệ thống; trong đó các điểm then chốt trong lịch sử là những cuộc chiến tranh khác nhau qua các thời đại — vì vậy là một lịch sử của xâm lược, của sự trỗi dậy của một nền văn minh vật chất và ích kỷ, và một nền văn minh có tinh thần quốc gia chủ nghĩa, do đó chia rẽ, đã nuôi dưỡng thù hận chủng tộc và kích thích niềm kiêu hãnh quốc gia? Niên đại lịch sử đầu tiên thường được đứa trẻ Anh trung bình nhớ đến là “William, Người Chinh

remembers the landing of the Pilgrim Fathers and the gradual taking of the country from its rightful inhabitants, and perhaps the Boston Tea Party. The heroes of history are all warriors—Alexander the Great, Julius Caesar, Attila the Hun, Richard Coeur de Lion, Napoleon, George Washington and many others. Geography is largely history in another form but presented in a similar manner—a history of discovery, investigation and seizure, followed frequently by wicked and cruel treatment of the inhabitants of the discovered lands. Greed, ambition, cruelty and pride are the keynotes of our teaching of history and geography.

Phục, 1066." Đứa trẻ Mỹ nhớ đến cuộc đổ bộ của các Cha Hành Hương và việc dần dần chiếm lấy đất nước từ những cư dân chính đáng của nó, và có lẽ cả sự kiện Tiệc Trà Boston. Các anh hùng của lịch sử đều là chiến binh — Alexander Đại Đế, Julius Caesar, Attila người Hung, Richard Sư Tâm, Napoleon, George Washington và nhiều người khác. Địa lý phần lớn là lịch sử dưới một hình thức khác nhưng được trình bày theo cách tương tự — một lịch sử của khám phá, khảo sát và chiếm đoạt, thường theo sau bởi sự đối xử độc ác và tàn nhẫn với cư dân của các vùng đất được khám phá. Tham lam, tham vọng, tàn ác và kiêu hãnh là các chủ âm trong việc giảng dạy lịch sử và địa lý của chúng ta.

These wars, aggression and thefts which have distinguished every great nation without exception are facts and cannot be denied. Surely, however, the lessons of the evils which they wrought (culminating in the war 1914-1945) can be [46] pointed out and the ancient causes of present day prejudices and dislikes can be shown and their futility emphasised. Is it not possible to build our theory of history upon the great and good ideas which have conditioned the nations and made them what they are, and emphasize the creativity which has distinguished all of them? Can we not present more effectively the great cultural epochs which—suddenly appearing in some one nation—enriched the entire world and gave to humanity its literature, its art and its vision?

Những cuộc chiến tranh, sự xâm lược và các hành vi cướp đoạt vốn đã làm nổi bật mọi quốc gia lớn, không ngoại lệ, là những sự kiện có thật và không thể phủ nhận. Tuy nhiên, chắc chắn có thể [46] chỉ ra những bài học về các tai họa mà chúng đã gây nên, lên đến cực điểm trong cuộc chiến 1914–1945; có thể nêu rõ những nguyên nhân cổ xưa của các thành kiến và ác cảm hiện nay, đồng thời nhấn mạnh sự vô ích của chúng. Chẳng phải chúng ta có thể xây dựng lý thuyết lịch sử của mình trên những ý tưởng lớn lao và tốt đẹp vốn đã tác động lên các quốc gia và làm cho họ trở thành như hiện nay, đồng thời nhấn mạnh tính sáng tạo đã làm nổi bật tất cả các quốc gia ấy sao? Chẳng phải chúng ta có thể trình bày hữu hiệu hơn những thời kỳ văn hóa vĩ đại, khi đột nhiên xuất hiện trong một quốc gia nào đó, đã làm phong phú toàn thế giới và đem đến cho nhân loại văn chương, nghệ thuật và tầm nhìn của nó sao?

The war produced great migrations. Armies marched and fought in every part of the world; persecuted peoples escaped from one land to another; welfare workers went from

Chiến tranh đã tạo ra những cuộc di dân lớn. Quân đội hành quân và chiến đấu ở khắp mọi nơi trên thế giới; các dân tộc bị bách hại trốn thoát từ xứ này sang xứ khác; những

country to country, serving the soldiers, salvaging the sick, feeding the hungry and studying conditions. The world today is very, very small and men are discovering (sometimes for the first time in their lives) that humanity is one and that all men, no matter what the colour of their skin or the country in which they live, resemble each other. We are all intermingled today. The United States is composed of people from every known country; over fifty different races or nations compose the U.S.S.R. The United Kingdom is a Commonwealth of Nations, independent nations bound together into one group. India is composed of a multiplicity of peoples, religions and tongues—hence her problem. The world itself is a great fusing pot, out of which the One Humanity is emerging. This necessitates a drastic change in our methods of presenting history and geography. Science has always been universal. Great art and literature have always belonged to the world. It is upon these facts that the education to be given to the children of the world must be built—upon our similarities, our creative achievements, our spiritual idealisms, and our points of contact. Unless this is done the wounds of the nations will never be healed and the barriers which have existed for centuries will never be removed.

người hoạt động phúc lợi đi từ nước này sang nước khác, phụng sự binh sĩ, cứu giúp người bệnh, nuôi ăn người đói và nghiên cứu các điều kiện sống. Thế giới ngày nay thật sự rất nhỏ, và con người đang khám phá, đôi khi lần đầu tiên trong đời mình, rằng nhân loại là một và rằng tất cả mọi người, bất kể màu da hay quốc gia họ đang sống, đều giống nhau. Ngày nay tất cả chúng ta đều hòa trộn với nhau. Hoa Kỳ gồm những người đến từ mọi quốc gia được biết đến; hơn năm mươi chủng tộc hay quốc gia khác nhau hợp thành Liên bang Xô viết. Vương quốc Anh là một Khối Thịnh vượng chung gồm các quốc gia độc lập được liên kết thành một nhóm. Ấn Độ gồm nhiều dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ — vì thế có vấn đề của quốc gia này. Chính thế giới là một nồi luyện hợp vĩ đại, từ đó Một Nhân Loại đang xuất hiện. Điều này đòi hỏi một sự thay đổi triệt để trong các phương pháp trình bày lịch sử và địa lý của chúng ta. Khoa học luôn luôn có tính phổ quát. Nghệ thuật và văn chương vĩ đại luôn thuộc về thế giới. Chính trên các sự kiện này mà nền giáo dục dành cho trẻ em thế giới phải được xây dựng — trên những điểm tương đồng của chúng ta, những thành tựu sáng tạo của chúng ta, những lý tưởng tinh thần của chúng ta, và những điểm tiếp xúc của chúng ta. Nếu điều này không được thực hiện, các vết thương của các quốc gia sẽ không bao giờ được chữa lành, và những hàng rào đã tồn tại hàng thế kỷ sẽ không bao giờ được gỡ bỏ.

The educators who face the present world opportunity [47] should see to it that a sound foundation is laid for the coming civilisation; they must undertake that it is general and universal in its scope, truthful in its presentation and constructive in its approach. What initial steps the educators of the different countries take will inevitably determine the nature of the coming civilisation. They must prepare for a

Các nhà giáo dục đang đối diện với cơ hội của thế giới hiện nay [47] phải bảo đảm rằng một nền tảng vững chắc được đặt xuống cho nền văn minh sắp đến; họ phải đảm trách sao cho nền tảng ấy có phạm vi tổng quát và phổ quát, chân thật trong cách trình bày và xây dựng trong phương pháp tiếp cận. Những bước đầu tiên mà các nhà giáo dục của các quốc gia khác nhau thực hiện chắc chắn sẽ quyết định bản chất của nền văn minh sắp

renaissance of all the arts and for a new and free flow of the creative spirit in man. They must lay an emphatic importance upon those great moments in human history wherein man's divinity flamed forth and indicated new ways of thinking, new modes of human planning and thus changed for all time the trend of human affairs. These moments produced the Magna Charta; they gave emphasis, through the French Revolution, to the concepts of liberty, equality and fraternity; they formulated the American Bill of Rights and on the high seas in our own time they gave us the Atlantic Charter and the Four Freedoms. These are the great concepts which must govern the new age with its nascent civilisation and its future culture. If the children of today are taught the significance of these five great declarations and are, at the same time, taught the futility of hate and war, there is hope of a better and happier as well as of a safer world.

đến. Họ phải chuẩn bị cho một thời phục hưng của mọi nghệ thuật và cho một dòng chảy mới mẻ, tự do của tinh thần sáng tạo trong con người. Họ phải đặt sự nhấn mạnh rõ rệt vào những khoảnh khắc vĩ đại trong lịch sử nhân loại, khi thiên tính của con người bừng cháy và chỉ ra những cách tư duy mới, những phương thức hoạch định nhân loại mới, và nhờ đó thay đổi mãi mãi chiều hướng của các sự việc nhân loại. Những khoảnh khắc ấy đã tạo ra Đại Hiến Chương; qua Cách mạng Pháp, chúng đã nhấn mạnh các quan niệm về tự do, bình đẳng và huynh đệ; chúng đã hình thành Tuyên ngôn Nhân quyền Hoa Kỳ, và trên biển cả trong thời đại của chính chúng ta, chúng đã đem đến cho chúng ta Hiến chương Đại Tây Dương và Bốn Quyền Tự Do. Đây là những quan niệm vĩ đại phải cai quản kỷ nguyên mới, với nền văn minh đang manh nha và nền văn hóa tương lai của nó. Nếu trẻ em ngày nay được dạy thâm nghĩa của năm tuyên ngôn vĩ đại này, đồng thời được dạy về sự vô ích của hận thù và chiến tranh, thì vẫn có hy vọng về một thế giới tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn và cũng an toàn hơn.

Two major ideas should be taught to the children of every country. They are: *the value of the individual and the fact of the one humanity.* The war boys and girls have learnt, from appearances, that human life has small value; the fascist countries have taught that the individual is of no value except in so far as he implements the designs of some dictator—a Mussolini or a Hitler. In other countries, some people and some groups—through hereditary position or financial assets—are regarded as of importance and the rest of the nation as of little importance. In still other countries, the individual regards himself of so much importance and his right to please himself of so much moment that his relation to the whole is entirely lost. Yet the value of the

Hai ý tưởng lớn phải được dạy cho trẻ em của mọi quốc gia. Đó là: *giá trị của cá nhân và sự kiện về một nhân loại duy nhất.* Các bé trai và bé gái thời chiến đã học được, qua vẻ ngoài, rằng đời sống con người có giá trị rất nhỏ; các quốc gia phát xít đã dạy rằng cá nhân không có giá trị gì, ngoại trừ trong mức độ y thực hiện các kế hoạch của một nhà độc tài nào đó — một Mussolini hay một Hitler. Ở những quốc gia khác, một số người và một số nhóm, do địa vị thừa kế hay tài sản tài chính, được xem là quan trọng, còn phần còn lại của quốc gia thì bị xem là ít quan trọng. Ở những quốc gia khác nữa, cá nhân tự xem mình là quá quan trọng và quyền làm vui lòng bản thân mình là quá hệ trọng đến nỗi mối liên hệ của y với toàn thể bị mất hẳn. Tuy vậy, giá trị của cá nhân và sự tồn tại

individual and the existence of that whole we call *Humanity* [48] are most closely related. This needs emphasising. These two principles, when properly taught and understood, will lead to the intensive culture of the individual and then to his recognition of his responsibility as an integral part of the whole body of humanity.

của toàn thể mà chúng ta gọi là *Nhân Loại* [48] có liên hệ mật thiết nhất với nhau. Điều này cần được nhấn mạnh. Hai nguyên lý này, khi được dạy và được thấu hiểu đúng đắn, sẽ dẫn đến việc vun bồi sâu sắc cá nhân, rồi đến sự nhận biết của y về trách nhiệm của mình như một phần không thể tách rời của toàn thể nhân loại.

In the schools of today (grammar or primary schools, high schools or secondary schools, universities or colleges, using terms in general use) there can be seen an imperfect and symbolic picture of the triple objectives of the new education: Civilisation, Culture, Unification.

Trong các trường học ngày nay, dù là trường sơ đẳng hay tiểu học, trung học hay trung học bậc hai, đại học hay cao đẳng, dùng các thuật ngữ thông dụng, có thể thấy một bức tranh bất toàn và mang tính biểu tượng về ba mục tiêu của nền giáo dục mới: Văn minh, Văn hóa, Hợp nhất.

The grammar or primary schools might be regarded as the custodians of civilisation; they must fit the child for citizenship, teach him his place as a social unit, and emphasise his group relations, thus fitting him for intelligent living and evoking the racial memory through the courses given, in order to lay the foundation for his human relations. Reading, writing and arithmetic, elementary history (with the emphasis upon world history), geography and poetry will be taught. They must teach him certain basic and important facts of living, foundational truths, coordination and control.

Các trường sơ đẳng hay tiểu học có thể được xem là những người gìn giữ văn minh; họ phải chuẩn bị đứa trẻ cho tư cách công dân, dạy y vị trí của mình như một đơn vị xã hội, và nhấn mạnh các mối liên hệ nhóm của y, nhờ đó giúp y thích hợp với đời sống thông minh và gợi lên ký ức chủng tộc qua các môn học được đưa ra, nhằm đặt nền tảng cho các mối quan hệ nhân loại của y. Đọc, viết và số học, lịch sử sơ đẳng, với sự nhấn mạnh vào lịch sử thế giới, địa lý và thi ca sẽ được dạy. Họ phải dạy y một số sự kiện cơ bản và quan trọng của đời sống, các chân lý nền tảng, sự phối hợp và kiểm soát.

The high schools or the secondary schools should regard themselves as the custodians of culture; they should emphasise the larger values of history and literature and give some understanding of art. They should begin to train the boy or girl for that future profession or mode of life which it is obvious will condition them. Citizenship will be taught in larger terms and the world of true values be pointed out and idealism consciously and definitely cultivated. The

Các trường trung học hay trung học bậc hai nên xem mình là những người gìn giữ văn hóa; họ nên nhấn mạnh những giá trị rộng lớn hơn của lịch sử và văn chương, đồng thời đem lại một mức thấu hiểu nào đó về nghệ thuật. Họ nên bắt đầu huấn luyện cậu bé hay cô bé cho nghề nghiệp tương lai hoặc lối sống mà rõ ràng sẽ tác động lên họ. Tư cách công dân sẽ được dạy theo những phạm vi rộng lớn hơn, và thế giới của các giá trị chân thật sẽ được chỉ ra; chủ nghĩa lý tưởng sẽ

practical application of ideals will be emphasised. They should teach the youth of the world in such a manner that he will begin to fuse the world of appearances and the world of values and of meaning in his consciousness. He should begin to relate the worlds of objective outer living and of inner subjective existence. I am choosing my words with care. [49]

được vun bồi một cách có ý thức và rõ rệt. Việc ứng dụng thực tiễn các lý tưởng sẽ được nhấn mạnh. Họ nên dạy thanh niên thế giới theo cách khiến y bắt đầu dung hợp thế giới của các sắc tướng với thế giới của các giá trị và ý nghĩa trong tâm thức của mình. Y nên bắt đầu liên hệ các thế giới của đời sống khách quan bên ngoài với sự hiện tồn chủ quan bên trong. Tôi đang chọn lời một cách cẩn trọng. [49]

Our colleges and universities should be a higher extension of all that has been already done. They should beautify and complete the structure already erected and should deal more directly with the world of meaning. International problems—economic, social, political and religious—should be considered and the man or woman related still more definitely to the world as a whole. This in no way indicates neglect of individual or national problems or undertakings but it seeks to incorporate them into the whole as integral and effective parts, and thus avoid the separative attitudes which have brought about the downfall of our modern world.

Các cao đẳng và đại học của chúng ta nên là sự mở rộng cao hơn của tất cả những gì đã được thực hiện. Chúng nên làm đẹp và hoàn tất cấu trúc đã được dựng lên, và nên bàn đến Thế giới của ý nghĩa một cách trực tiếp hơn. Các vấn đề quốc tế — kinh tế, xã hội, chính trị và tôn giáo — nên được xem xét, và người nam hay người nữ nên được liên hệ rõ rệt hơn nữa với thế giới như một toàn thể. Điều này hoàn toàn không hàm ý sự sao lãng các vấn đề hay công cuộc cá nhân hoặc quốc gia, mà tìm cách đưa chúng vào toàn thể như những phần không thể tách rời và hữu hiệu, nhờ đó tránh các thái độ chia rẽ đã đem lại sự sụp đổ cho thế giới hiện đại của chúng ta.

The college or the university should in reality be the correspondence in the field of education to the world of the Hierarchy; it should be the custodian of those methods, techniques and systems of thought and of life which will *relate a human being to the world of souls*, to the Kingdom of God, and not only to other human beings upon the physical plane; not only to the world of phenomena but also to the inner world of values and quality.

Cao đẳng hay đại học, trong thực tế, nên là sự tương ứng trong lĩnh vực giáo dục với thế giới của Thánh Đoàn; nó nên là nơi gìn giữ những phương pháp, kỹ thuật và hệ thống tư tưởng cũng như đời sống vốn sẽ *liên hệ một con người với thế giới của các linh hồn*, với Thiên Giới, chứ không chỉ với những con người khác trên cõi hồng trần; không chỉ với thế giới hiện tượng, mà còn với thế giới bên trong của các giá trị và phẩm tính.

Again I repeat, this fitting of a man for citizenship in the Kingdom of God is not essentially a religious activity, to be handled by the exponents of the great world

Một lần nữa, Tôi nhắc lại rằng việc chuẩn bị một con người cho tư cách công dân trong Thiên Giới, về bản chất, không phải là một hoạt động tôn giáo để những người đại diện

religions. It should be the task of the higher education, giving purpose and significance to all that has been done. If this seems idealistic and impossible to you, let me assure you that by the time the Aquarian Age is in full flower, this will be the assured and recognised objective of the educators of that time.

của các tôn giáo lớn trên thế giới xử lý. Đó nên là nhiệm vụ của giáo dục bậc cao, đem lại mục đích và thâm nghĩa cho tất cả những gì đã được thực hiện. Nếu điều này có vẻ lý tưởng và bất khả đối với các bạn, hãy để Tôi bảo đảm với các bạn rằng khi Kỷ nguyên Bảo Bình nở rộ trọn vẹn, đây sẽ là mục tiêu chắc chắn và được thừa nhận của các nhà giáo dục thời ấy.

The following sequence suggests itself as we consider the curriculum to be planned for the youth of the immediate generations:

Trình tự sau đây tự gợi ra khi chúng ta xem xét chương trình học cần được hoạch định cho thanh niên của các thế hệ gần kề:

Primary education.... Civilisation.... Ages 1-14

Giáo dục tiểu học.... Văn minh.... Tuổi 1-14

Secondary education.. Culture.. Ages 14-21

Giáo dục trung học.. Văn hóa.. Tuổi 14-21

Higher education..... Spiritual.. Ages 21-28

Giáo dục bậc cao..... Tinh thần.. Tuổi 21-28

It is only our economic material emphasis and pressure which force the young to work before they are mature. [50] It should also be remembered (and this is being more widely recognised) that the quality of the young children now coming into incarnation is steadily getting better and higher. They are in many cases abnormally intelligent, and what you (in your technical parlance) call their I.Q. is frequently phenomenally high. This will be increasingly the case, until young people of fourteen will have the equipment and intelligence of the brilliant college men and women of today.

Chỉ có sự nhấn mạnh và áp lực vật chất kinh tế của chúng ta mới buộc người trẻ phải làm việc trước khi họ trưởng thành. [50] Cũng cần nhớ rằng, và điều này đang được thừa nhận rộng rãi hơn, phẩm tính của những trẻ em nhỏ tuổi hiện nay đang lâm phàm đang đều đặn trở nên tốt đẹp hơn và cao hơn. Trong nhiều trường hợp, chúng thông minh một cách khác thường, và điều mà các bạn, theo ngôn ngữ kỹ thuật của mình, gọi là chỉ số thông minh của chúng thường cao một cách phi thường. Điều này sẽ ngày càng xảy ra, cho đến khi thanh niên mười bốn tuổi sẽ có trang bị và trí tuệ của những người nam và nữ đại học xuất sắc ngày nay.

It is not possible for me to prove the truth of these statements, but a study of the race and of the modern child in our more civilised countries will indicate trends and tendencies which may make my position sounder in your final estimation. You would

Tôi không thể chứng minh chân lý của những phát biểu này, nhưng một sự nghiên cứu về nhân loại và về trẻ em hiện đại trong các quốc gia văn minh hơn của chúng ta sẽ chỉ ra những chiều hướng và khuynh hướng có thể làm cho lập trường của Tôi trở nên

all do well to study carefully this distinction between culture and civilisation.

vững chắc hơn trong sự đánh giá cuối cùng của các bạn. Tất cả các bạn sẽ được lợi nhiều nếu nghiên cứu cẩn thận sự phân biệt này giữa văn hóa và văn minh.

Putting this same truth in other words, and recognising as a basic premise the essentially supernormal potentialities of the human being, we might say that:

Diễn đạt cùng chân lý ấy bằng những lời khác, và thừa nhận như một tiền đề căn bản các tiềm năng về bản chất là siêu bình thường của con người, chúng ta có thể nói rằng:

The first effort of education to civilise the child will be to train and rightly direct his instincts.

Nỗ lực đầu tiên của giáo dục nhằm văn minh hóa đứa trẻ sẽ là huấn luyện và định hướng đúng các bản năng của y.

The second obligation upon the educators will be to bring about his true culture, by training him to use his intellect rightly.

Nghĩa vụ thứ hai đặt lên các nhà giáo dục sẽ là đem lại nền văn hóa chân thật cho y, bằng cách huấn luyện y sử dụng trí năng của mình một cách đúng đắn.

The third duty of education will be to evoke and to develop the intuition.

Bổn phận thứ ba của giáo dục sẽ là gợi lên và phát triển trực giác.

When these three are developed and functioning you will have a civilised, cultured and spiritually awakened human being. A man will then be instinctively correct, intellectually sound, and intuitively aware. His soul, his mind, and his brain will be functioning as they should and in right relation to each other, thus again producing coordination and correct alignment. Some day an analysis will be made of the contribution of the three great continents—Asia, Europe and America—to this triple unfoldment, as far as the Aryan race is concerned. The glory of humanity must, however, be remembered; it consists in this: each race has produced those who have expressed the highest [51] which was possible in their day and time—men who blended in themselves the triplicity of instinct, intellect and intuition. Their numbers were relatively few in the early

Khi ba điều này được phát triển và hoạt động, các bạn sẽ có một con người văn minh, có văn hóa và được đánh thức về tinh thần. Khi ấy, con người sẽ đúng đắn theo bản năng, vững vàng về trí năng và nhận biết bằng trực giác. Linh hồn, thể trí và bộ não của y sẽ hoạt động như chúng phải hoạt động và trong mối liên hệ đúng đắn với nhau, nhờ đó lại tạo ra sự phối hợp và sự chỉnh hợp đúng. Một ngày nào đó, người ta sẽ phân tích sự đóng góp của ba lục địa lớn — Á Châu, Âu Châu và Mỹ Châu — vào sự khai mở tam phân này, xét trong phạm vi giống dân Arya. Tuy nhiên, vinh quang của nhân loại phải được ghi nhớ; nó nằm ở điều này: mỗi giống dân đã sản sinh những người biểu lộ điều cao nhất [51] có thể có trong ngày và thời của họ — những người nam đã hòa trộn trong chính họ bộ ba bản năng, trí năng và trực giác. Số lượng của họ tương đối ít trong những giai đoạn đầu của sự khai mở

stages of mankind's unfoldment, but the process of speeding up the development is rapidly going forward, and many are today fitting themselves for the "higher education" in the true sense of the term. Much more will be accomplished when the educators of the world grasp the purpose of the process as a whole planned unfoldment, and will then give their attention to the instinctual, intellectual and intuitive training of the race in such a manner that the whole twenty-eight years of training will be seen as an ordered, directed process, and the goal will be clearly visioned.

nhân loại, nhưng tiến trình tăng tốc sự phát triển đang nhanh chóng tiến tới, và ngày nay nhiều người đang chuẩn bị cho “giáo dục bậc cao” theo nghĩa chân thật của thuật ngữ này. Nhiều điều hơn nữa sẽ được thành tựu khi các nhà giáo dục thế giới nắm bắt mục đích của tiến trình như một sự khai mở có kế hoạch toàn thể, rồi dành sự chú ý của họ cho việc huấn luyện bản năng, trí năng và trực giác của nhân loại theo cách khiến toàn bộ hai mươi tám năm huấn luyện được thấy như một tiến trình có trật tự, được định hướng, và mục tiêu được nhìn thấy rõ ràng.

It will be apparent, then, that those to be taught will be gauged from the angles upon which I have touched:

Khi ấy, các bạn sẽ thấy rõ rằng những người được dạy sẽ được đánh giá từ các góc độ mà Tôi đã đề cập:

a. Those capable of being rightly civilised. This refers to the mass of men.

a. Những người có khả năng được văn minh hóa đúng đắn. Điều này chỉ khối đông con người.

b. Those capable of being carried forward into the world of culture. This includes a very large number.

b. Những người có khả năng được đưa tiến vào thế giới văn hóa. Điều này bao gồm một số lượng rất lớn.

c. Those who can add to the assets of civilisation and culture "the equipment" required for the process of functioning as conscious souls, not only in the three worlds of instinctual and intellectual living, but in the world of spiritual being also, and yet with complete continuity of consciousness and with a complete triple integration.

c. Những người có thể thêm vào các tài sản của văn minh và văn hóa “trang bị” cần thiết cho tiến trình hoạt động như những linh hồn có ý thức, không chỉ trong ba cõi giới của đời sống bản năng và trí năng, mà còn trong thế giới của hiện tồn tinh thần nữa, song vẫn với sự liên tục hoàn toàn của tâm thức và với một sự tích hợp tam phân trọn vẹn.

Not all can pass into the higher grades, and this must be appreciated. The gauging of ability will be based upon an understanding of the ray types (the science of esoteric psychology), on a comprehension of the condition of the glandular and physiological

Không phải tất cả đều có thể bước vào các cấp cao hơn, và điều này phải được nhận thức. Việc đánh giá năng lực sẽ dựa trên sự thấu hiểu các kiểu cung, tức khoa học của Tâm Lý Học Nội Môn, trên sự lĩnh hội tình trạng của trang bị tuyến nội tiết và sinh lý,

equipment, upon certain specific tests, and upon the new form of astrology.

trên một số trắc nghiệm đặc thù, và trên hình thức chiêm tinh học mới.

I would here make a simple request to the earnest student. Ponder on the following four statements: [52]

Ở đây, Tôi muốn đưa ra một yêu cầu đơn giản với đạo sinh nghiêm túc. Hãy suy ngẫm bốn phát biểu sau: [52]

1. The antahkarana expresses the quality of the magnetism which opens the door into the teaching centre of the Great White Lodge.

1. Antahkarana biểu lộ phẩm tính của từ điện vốn mở cánh cửa vào trung tâm giáo huấn của Thánh Đoàn.

2. The antahkarana is the conscious integrating force.

2. Antahkarana là mãnh lực tích hợp có ý thức.

3. The antahkarana is the medium of light transference.

3. Antahkarana là trung gian của sự chuyển dịch ánh sáng.

4. The antahkarana concerns the continuity of man's perception.

4. Antahkarana liên quan đến sự liên tục trong tri giác của con người.

The Process of Unfoldment – Tiến Trình Khai Mở

I would like to add to the preceding analogy one more, which will serve to clarify the process of unfoldment in your minds and make the entire theme (from the racial angle) still more clear and definite:

Tôi muốn thêm vào phép tương đồng trước một phép tương đồng nữa, vốn sẽ giúp làm sáng tỏ tiến trình khai mở trong trí các bạn và làm cho toàn bộ chủ đề, xét từ góc độ nhân loại, còn rõ ràng và xác định hơn:

General racial development.... Civilisation.... Path of Purification

Sự phát triển chung của nhân loại.... Văn minh.... Con Đường Thanh Lọc

Training of the Intelligentsia... Culture..... Path of Discipleship

Huấn luyện giới trí thức... Văn hóa..... Con Đường Đệ Tử

Production of the Illuminati.... Illumination... Path of Initiation

Sản sinh những người được soi sáng.... Sự soi sáng... Con Đường Điểm Đạo

It will be apparent to you, therefore, that the whole goal of the future and of the present effort, is to bring humanity to the point where it—occultly speaking—"enters into

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ rằng toàn bộ mục tiêu của tương lai và của nỗ lực hiện tại là đưa nhân loại đến điểm mà, nói theo huyền bí học, y "bước vào ánh sáng". Toàn bộ chiều

light." The entire trend of the present urge forward, which can be noted so distinctly in the race, is to enable the race to acquire knowledge, to transmute it into wisdom by the aid of the understanding, and thus to become "fully enlightened." *Enlightenment is the major goal of education.*

hướng của sự thôi thúc tiến tới hiện nay, vốn có thể được nhận thấy rất rõ trong nhân loại, là giúp nhân loại đạt được tri thức, chuyển hóa nó thành minh triết nhờ sự thấu hiểu, và do đó trở nên "được giác ngộ trọn vẹn". *Giác ngộ là mục tiêu chủ yếu của giáo dục.*

It is precisely in this region of thought and of recognition that the distinction is found between the work of the Buddha and the work of the Christ. The Buddha achieved "Enlightenment" and was the first of our humanity to do so. Lesser grades of enlightenment have been frequently achieved by many previously incarnating Sons of God. Christ, because of the attainment of the Buddha and because of His own point in evolution, was enabled to inaugurate a new era and institute a new goal, wherein another divine principle was enabled to come into manifestation and to achieve [53] general recognition. He inaugurated the "age of love" and gave to the people an expression of a new divine aspect, that of love. The Buddha culminated the "age of knowledge." The Christ began the "age of love." Both ages embody and express two major divine principles. Thus the new education has been made possible by the work of the Buddha. This will indicate to you how slowly evolution moves. The new religion has been made possible by the work and the life of the Christ. Speaking esoterically, the knowledge petals of the human egoic lotus have unfolded, and the Buddha accelerated the rapid action of this happening. Now the love petals of the egoic lotus of the human family are also unfolding —the rapidity of this occurrence being the result of Christ's action. Can you understand the significance of what I am attempting to tell you, and can you grasp the meaning of what I am going to say?

Chính trong vùng tư tưởng và nhận biết này mà người ta tìm thấy sự phân biệt giữa công việc của Đức Phật và công việc của Đức Christ. Đức Phật đã đạt "Giác Ngộ" và là Đấng đầu tiên trong nhân loại chúng ta làm được điều đó. Những cấp độ giác ngộ thấp hơn đã thường được nhiều Con của Thượng đế lâm phàm trước đó đạt đến. Đức Christ, nhờ thành tựu của Đức Phật và nhờ chính điểm tiến hoá của Ngài, đã có thể khai mở một kỷ nguyên mới và thiết lập một mục tiêu mới, trong đó một nguyên khí thiêng liêng khác có thể đi vào biểu hiện và đạt được [53] sự thừa nhận phổ quát. Ngài khai mở "kỷ nguyên của bác ái" và đem đến cho nhân dân sự biểu lộ của một phương diện thiêng liêng mới, tức bác ái. Đức Phật đã đưa "kỷ nguyên tri thức" đến cực điểm. Đức Christ bắt đầu "kỷ nguyên bác ái". Cả hai kỷ nguyên đều hàm chứa và biểu lộ hai nguyên lý thiêng liêng chủ yếu. Như vậy, nền giáo dục mới đã trở nên khả hữu nhờ công việc của Đức Phật. Điều này sẽ chỉ cho các bạn thấy tiến hoá vận hành chậm chạp biết bao. Tôn giáo mới đã trở nên khả hữu nhờ công việc và đời sống của Đức Christ. Nói một cách nội môn, các cánh hoa tri thức của Hoa sen chân ngã nhân loại đã khai mở, và Đức Phật đã thúc đẩy nhanh hành động mau lẹ của sự kiện này. Giờ đây, các cánh hoa bác ái của Hoa sen chân ngã của gia đình nhân loại cũng đang khai mở — tốc độ của biến cố này là kết quả của hành động của Đức Christ. Các bạn có thể thấu hiểu thâm nghĩa của điều Tôi đang cố gắng nói với các bạn không, và các bạn có

thể nắm bắt ý nghĩa của điều Tôi sắp nói không?

The points that I am seeking to make are as follows:

Những điểm Tôi đang tìm cách nêu ra như sau:

Because the three knowledge petals of the human egoic lotus are now racially unfolded (and when I use the word "racial" I mean the human family and not the Aryan race), it is now possible for the love petals to unfold. The energy flowing from the outer tier of petals has had a triple effect:

Vì ba cánh hoa tri thức của Hoa sen chân ngã nhân loại hiện nay đã khai mở về mặt nhân loại, và khi Tôi dùng từ "nhân loại", Tôi muốn nói gia đình nhân loại chứ không phải giống dân Arya, nên hiện nay các cánh hoa bác ái có thể khai mở. Năng lượng tuôn chảy từ tầng ngoài của các cánh hoa đã có một hiệu quả tam phân:

1. It has vitalised the entire body of humanity, and has produced the present speed, intelligent (or should I say "intellectual"?) civilisation, and our modern culture, wherever it is found. The brain of humanity is now open to vitalisation, hence mass education.

1. Nó đã tiếp sinh lực cho toàn thể nhân loại, và đã tạo ra tốc độ hiện nay, nền văn minh thông minh, hay Tôi nên nói là "trí năng", và nền văn hóa hiện đại của chúng ta, bất cứ nơi nào nó được tìm thấy. Bộ não của nhân loại hiện nay đã mở ra cho sự tiếp sinh lực, vì thế có giáo dục đại chúng.

2. It has opened a channel so that the love petals can vitalise the astral body of humanity, thus leading to general cooperation and group love. The heart of humanity is now open to vitalisation, hence the philanthropic, goodwill and welfare movements of today.

2. Nó đã mở một kênh để các cánh hoa bác ái có thể tiếp sinh lực cho thể cảm dục của nhân loại, nhờ đó dẫn đến sự hợp tác chung và tình thương nhóm. Trái tim của nhân loại hiện nay đã mở ra cho sự tiếp sinh lực, vì thế có các phong trào từ thiện, thiện chí và phúc lợi ngày nay.

3. It will make possible, eventually, the vitalising of the mind body by the will or sacrifice petals, and [54] this will give awareness of the Plan, directed purpose, and group synthesis.

3. Cuối cùng, nó sẽ làm cho việc tiếp sinh lực cho thể trí bằng các cánh hoa ý chí hay hi sinh trở nên khả hữu, và [54] điều này sẽ đem lại sự nhận biết Thiên Cơ, mục đích được định hướng, và sự tổng hợp nhóm.

The first of these three knowledge petals opened in Lemurian times and brought a measure of light to the physical plane consciousness of humanity. The second opened in Atlantean times and brought light to the astral plane. And in our race, the

Cánh hoa tri thức thứ nhất trong ba cánh hoa ấy đã mở ra vào thời Lemuria và đem một mức độ ánh sáng đến cho tâm thức cõi hồng trần của nhân loại. Cánh hoa thứ hai mở ra vào thời Atlantis và đem ánh sáng đến cõi cảm dục. Và trong giống dân của chúng

Aryan, the third petal opened and brought the light of mental knowledge to man. Thus was completed (in the three races) the arduous task of vitalising the threefold manifested world (physical, astral, mental), and the energy of intelligence became a powerful, ruling factor. Now the task of vitalising man with the energy of love is proceeding and making much progress, and the effects (because they emanate from the second aspect of divinity) will be produced with great facility, and in the realm of conscious awareness. I say this for your encouragement.

ta, giống dân Arya, cánh hoa thứ ba mở ra và đem ánh sáng của tri thức trí tuệ đến cho con người. Như vậy đã hoàn tất, trong ba giống dân, nhiệm vụ khó nhọc là tiếp sinh lực cho thế giới biểu hiện tam phân, gồm hồng trần, cảm dục và trí, và năng lượng của trí tuệ đã trở thành một yếu tố mạnh mẽ, cai quản. Giờ đây, nhiệm vụ tiếp sinh lực cho con người bằng năng lượng bác ái đang tiếp diễn và đạt nhiều tiến bộ, và các hiệu quả, vì chúng xuất lộ từ phương diện thứ hai của thiên tính, sẽ được tạo ra rất dễ dàng, và trong lĩnh vực nhận biết có ý thức. Tôi nói điều này để khích lệ các bạn.

Through the activity of the energy of knowledge you have:

Qua hoạt động của năng lượng tri thức, các bạn có:

Civilisation.....Culture.....Illumination

Văn minh.....Văn hóa.....Sự soi sáng

and in the second case you will have:

và trong trường hợp thứ hai, các bạn sẽ có:

Cooperation.....Loving
Understanding.....Group Love

Hợp tác.....Sự thấu hiểu đầy bác ái.....Tình thương nhóm

There are higher correspondences for which we have as yet no adequate words.

Có những tương ứng cao hơn mà đến nay chúng ta chưa có từ ngữ thích đáng.

Cooperative goodwill is all that can, at this time, be expected from the masses, and this is the sublimation of the forces released through civilisation. *Loving understanding* should be the hallmark of the cultured, wiser group, plus an ability to correlate the world of meaning with the world of outer effects. Ponder on this sentence. *Group love* is, and must be, the outstanding characteristic of the Illuminati of the world, and it is at this time the motivating power of the Masters of the Wisdom, until such time that enough disciples are expressive of this particular force

Thiện chí hợp tác là tất cả những gì, vào lúc này, có thể được mong đợi từ quần chúng, và đây là sự thăng hoa của các mãnh lực được phóng thích qua văn minh. *Sự thấu hiểu đầy bác ái* nên là dấu hiệu đặc trưng của nhóm có văn hóa và minh triết hơn, cộng với khả năng liên hệ Thế giới của ý nghĩa với thế giới của các hiệu quả bên ngoài. Hãy suy ngẫm câu này. *Tình thương nhóm* là, và phải là, đặc tính nổi bật của những người được soi sáng trên thế giới, và vào lúc này nó là quyền năng thúc đẩy của các Chân sư Minh Triết, cho đến khi có đủ số đệ tử biểu lộ mãnh lực đặc biệt này

[55] When the will or sacrifice petals of the human egoic lotus are opened, there will then be the appearance of a still higher triad of correspondences. These will be known as:

[55] Khi các cánh hoa ý chí hay hi sinh của Hoa sen chân ngã nhân loại được mở ra, bấy giờ sẽ có sự xuất hiện của một bộ ba tương ứng còn cao hơn nữa. Những điều này sẽ được biết đến là:

Participation.....Purpose.....Precipitation

Tham dự.....Mục đích.....Ngưng tụ

Therefore, as a result of the evolutionary processes in humanity, there will appear the following category of forces or energies, each of them demonstrating certain definite qualities, and they will parallel the opening of the petals in the human lotus.

Do đó, như kết quả của các tiến trình tiến hoá trong nhân loại, sẽ xuất hiện loại mãnh lực hay năng lượng sau đây, mỗi loại biểu lộ một số phẩm tính xác định, và chúng sẽ song hành với sự mở ra của các cánh hoa trong Hoa sen nhân loại.

EDUCATION AND SCIENCE - I. KNOWLEDGE PETALS

GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC - I. CÁC CÁNH HOA TRI THỨC

Civilisation..... Culture.....Illumination

Văn minh..... Văn hóa.....Sự soi sáng

The Masses of Men..The Intellectuals...Spiritual Man

Quần chúng nhân loại..Giới trí thức...Con người tinh thần

Path of Discipleship.. Path of Initiation.. Path of Purification

Con Đường Đệ Tử.. Con Đường Điểm Đạo.. Con Đường Thanh Lọc

Plus

Cộng thêm

RELIGION AND PHILOSOPHY - II. LOVE PETALS

TÔN GIÁO VÀ TRIẾT HỌC - II. CÁC CÁNH HOA BÁC ÁI

Cooperation..... Loving Understanding. Group Love

Hợp tác..... Sự thấu hiểu đầy bác ái. Tình thương nhóm

The Intellectuals....World Aspirants.....The Hierarchy

Giới trí thức....Những người chí nguyện thế giới.....Thánh Đoàn

Plus

Cộng thêm

Participation.....Purpose.....Precipitation

Tham dự.....Mục đích.....Ngưng tụ

(in the Plan).. (Directed Will of all Disciples).. (of the Plan by the Hierarchy)

trong Thiên Cơ.. Ý Chí được định hướng của mọi đệ tử.. của Thiên Cơ bởi Thánh Đoàn

You can note from the tabulation that the love petals are indeed showing signs of opening and this will make clear to you the possibility of certain hoped-for events. The world has to move forward regularly and in order. Premature happenings are usually disastrous.

Các bạn có thể nhận thấy từ bảng kê rằng các cánh hoa bác ái quả thật đang cho thấy những dấu hiệu mở ra, và điều này sẽ làm rõ cho các bạn khả năng xảy ra một số biến cố được hy vọng. Thế giới phải tiến tới đều đặn và có trật tự. Những sự kiện xảy ra quá sớm thường gây tai họa.

All this concerns the cultural unfoldment of the race and is proceeding apace. When the conditioning factors are better understood and their method and purpose are grasped, we shall see an effort on the part of those interested in education to move with greater rapidity; this will hasten the achievement of culture by the masses, and the attainment of illumination by the more intellectual group.

Tất cả điều này liên quan đến sự khai mở văn hóa của nhân loại và đang tiến triển nhanh chóng. Khi các yếu tố tác động được thấu hiểu tốt hơn, và phương pháp cũng như mục đích của chúng được nắm bắt, chúng ta sẽ thấy một nỗ lực từ phía những người quan tâm đến giáo dục nhằm tiến nhanh hơn; điều này sẽ thúc đẩy thành tựu văn hóa nơi quần chúng, và sự đạt đến soi sáng nơi nhóm trí thức hơn.

There is one point that I would like to make here. In the future, illumination will be viewed primarily from the intellectual angle and the whole subject will be approached mentally, and not so definitely (as is the case today) from the angle of religion. Illumination, mysticism and religion have gone hand in hand. One of the major contributions of the present age to the unfoldment of the race has been the growing recognition that spirituality is not to be confused with and confined to the acceptance and the following of the precepts contained in the world Scriptures; it cannot be held down to the implications given to

Có một điểm Tôi muốn nêu ra ở đây. Trong tương lai, sự soi sáng sẽ được nhìn chủ yếu từ góc độ trí năng, và toàn bộ chủ đề sẽ được tiếp cận bằng trí tuệ, chứ không quá rõ rệt, như trường hợp ngày nay, từ góc độ tôn giáo. Sự soi sáng, Thần bí học và tôn giáo đã đi đôi với nhau. Một trong những đóng góp chủ yếu của thời đại hiện nay cho sự khai mở của nhân loại là sự thừa nhận ngày càng tăng rằng tinh thần không được lẫn lộn với, và bị giới hạn trong, việc chấp nhận và tuân theo các giáo huấn chứa trong các Kinh điển thế giới; nó không thể bị giữ chặt trong những hàm ý mà một giai cấp giáo sĩ chính thống gán cho các Kinh điển ấy, và các khuynh

these Scriptures by an orthodox priestly caste, nor can the trends of ancient theologies govern. God can be known by His works, and these works can be more easily appreciated through the revelations [57] of science than by the hymns, prayers and sermons of the churches throughout the world. What then will be the task of the churches in the future? And what will be the major objective of the coming new religion? Primarily it will be to bring about the opening of the love petals, thus inaugurating an era of true cooperation, loving understanding and group love. This will be done by training the people and the individual in the rules of Right Approach.

hướng của các thần học cổ xưa cũng không thể cai quản nó. Thượng đế có thể được biết qua các công trình của Ngài, và các công trình này có thể được trân trọng dễ dàng hơn qua những mặc khải [57] của khoa học hơn là qua thánh ca, lời cầu nguyện và bài giảng của các giáo hội trên khắp thế giới. Vậy nhiệm vụ của các giáo hội trong tương lai sẽ là gì? Và mục tiêu chủ yếu của tôn giáo mới sắp đến sẽ là gì? Chủ yếu, đó sẽ là làm cho các cánh hoa bác ái mở ra, nhờ đó khai mở một kỷ nguyên của sự hợp tác chân thật, sự thấu hiểu đầy bác ái và tình thương nhóm. Điều này sẽ được thực hiện bằng cách huấn luyện quần chúng và cá nhân trong các quy luật của Sự Tiếp Cận Đúng.

The keynote of the new education is essentially right interpretation of life past and present and its relation to the future of mankind; the keynote of the new religion must and should be right approach to God, transcendent in nature and immanent in man, whilst the keynote of the new science of politics and of government will be right human relations and for both of these education must prepare the child.

Chủ âm của nền giáo dục mới về bản chất là sự diễn giải đúng đắn đời sống quá khứ và hiện tại cùng mối liên hệ của nó với tương lai của nhân loại; chủ âm của tôn giáo mới phải là, và nên là, sự tiếp cận đúng đắn với Thượng đế, siêu việt trong bản chất và nội tại trong con người, trong khi chủ âm của khoa học mới về chính trị và chính quyền sẽ là các mối quan hệ nhân loại đúng đắn; và giáo dục phải chuẩn bị đứa trẻ cho cả hai điều này.

Those working in these three groups must eventually proceed in the closest cooperation, and it is for this planned understanding and this intelligent activity of mankind that the new education must prepare. In the above comments, plus what I have given earlier, you have the few suggestions which I have sought to make in connection with the cultural unfoldment of the race. The true history of humanity, which is long and varied and lost in the speculative indications of the esotericists (which, when true, are seldom susceptible of proof), have brought humanity to a point in its evolution wherein the light of knowledge

Những người hoạt động trong ba nhóm này cuối cùng phải tiến hành trong sự hợp tác chặt chẽ nhất, và chính cho sự thấu hiểu được hoạch định này cùng hoạt động thông minh này của nhân loại mà nền giáo dục mới phải chuẩn bị. Trong các nhận xét trên đây, cộng với những gì Tôi đã đưa ra trước đó, các bạn có một vài gợi ý mà Tôi đã tìm cách nêu ra liên quan đến sự khai mở văn hóa của nhân loại. Lịch sử chân thật của nhân loại, vốn dài lâu, đa dạng và bị mất hút trong các chỉ dẫn mang tính suy đoán của các nhà bí truyền học, những chỉ dẫn mà khi đúng thì hiếm khi có thể chứng minh được, đã đưa nhân loại đến một điểm trong tiến

is definitely permeating the dark places of the earth. A mass of information is now available to those who have the ability to read and write—and the number of these is growing every day—whilst the means of transmission and of communication have practically annihilated time and brought the whole world together as a functioning unit. A very high level of educational attainment is also emerging in all civilised countries. The average citizen is in possession of a vast amount of data on every imaginable subject. Much of it is ill-digested and [58] unusable, yet it tends to the general elevation of the mental process. The output of men's thoughts in writing and in speech, embodying that which is old, that which is new and modern, and that which is superficial and relatively worthless, is so vast today that it is impossible to register it, and the lifetime of a book is brief. To crown all, there is a definite effort to bring the resources of education within the reach of every man upon the planet. This eventually will be done, and the intended type of education will accomplish the following things, thus laying the ground for the future unfoldment of the higher and better education:

hoá của mình, nơi ánh sáng tri thức đang thấm nhuần rõ rệt các nơi tối tăm của Trái Đất. Một khối lượng thông tin hiện nay đã sẵn có cho những ai có khả năng đọc và viết, và số người này đang tăng lên từng ngày, trong khi các phương tiện truyền tải và giao tiếp hầu như đã xóa bỏ thời gian và đưa toàn thế giới lại với nhau như một đơn vị hoạt động. Một mức thành tựu giáo dục rất cao cũng đang xuất hiện trong mọi quốc gia văn minh. Công dân trung bình đang sở hữu một lượng dữ kiện rộng lớn về mọi chủ đề có thể tưởng tượng. Phần lớn trong đó được tiêu hóa kém và [58] không dùng được, tuy nhiên nó có khuynh hướng nâng cao chung tiến trình trí tuệ. Sản lượng tư tưởng của con người trong chữ viết và lời nói, bao gồm điều cũ, điều mới và hiện đại, cùng điều nông cạn và tương đối vô giá trị, ngày nay rộng lớn đến mức không thể ghi nhận hết, và đời sống của một cuốn sách thì ngắn ngủi. Trên hết, có một nỗ lực rõ rệt nhằm đưa các tài nguyên giáo dục đến trong tầm tay của mọi người trên hành tinh. Cuối cùng điều này sẽ được thực hiện, và loại hình giáo dục được dự định sẽ hoàn thành những điều sau đây, nhờ đó đặt nền cho sự khai mở tương lai của nền giáo dục cao hơn và tốt đẹp hơn:

1. Make available to the average citizen what has "come to light" in the past.

1. Làm cho công dân trung bình tiếp cận được những gì đã “ra ánh sáng” trong quá khứ.

2. Evoke interest in the new sciences and knowledge which are coming to light in the present.

2. Gợi lên sự quan tâm đến các khoa học và tri thức mới đang ra ánh sáng trong hiện tại.

3. Develop the memory and the power to recognise that which is presented to the mind.

3. Phát triển ký ức và quyền năng nhận ra điều được trình bày cho thể trí.

4. Correlate the past with the present.

4. Liên hệ quá khứ với hiện tại.

5. Train citizens in the rights and nature of possession, with the attention to the processes of enjoyment and right use of the material and intellectual gifts of life, and their relation to the group.

5. Huấn luyện công dân về quyền hạn và bản chất của sở hữu, với sự chú ý đến các tiến trình hưởng dụng và sử dụng đúng các ân huệ vật chất và trí năng của đời sống, cùng mối liên hệ của chúng với nhóm.

6. Indicate, after due study, the right vocation.

6. Chỉ ra, sau khi nghiên cứu thích đáng, thiên hướng nghề nghiệp đúng.

7. Teach the methods whereby the coordination of the Personality can be brought about.

7. Dạy các phương pháp nhờ đó sự phối hợp của Phàm ngã có thể được tạo ra.

All this will turn the man out into the arena of life with a certain amount of knowledge of what has been discovered in the past and what is his intellectual heritage; with a certain amount of mental activity, which can be developed and trained if the man himself so desires it and brings it about by the right handling of himself in relation to his environment; with certain mental ideals, dreams and speculations, which can be transmuted into valuable assets if the man is dowered with persistence, if his imaginative faculties have not been dulled by an unbalanced, enforced curriculum, [59] and if he has been fortunate enough to have a wise teacher and some understanding senior friends.

Tất cả điều này sẽ đưa con người vào đấu trường đời sống với một mức tri thức nào đó về những gì đã được khám phá trong quá khứ và về di sản trí năng của y; với một mức hoạt động trí tuệ nào đó, có thể được phát triển và huấn luyện nếu chính con người mong muốn và thực hiện điều đó bằng cách xử lý đúng bản thân trong mối liên hệ với môi trường của mình; với một số lý tưởng, giấc mơ và suy tưởng trí tuệ, có thể được chuyển hoá thành những tài sản có giá trị nếu con người được ban cho tính kiên trì, nếu các năng lực tưởng tượng của y không bị làm cùn mòn bởi một chương trình học cưỡng bách, mất cân bằng, [59] và nếu y đủ may mắn để có một huấn sư minh triết cùng một vài người bạn lớn tuổi có sự thấu hiểu.

It will be apparent to you also that the task of the new education is to take the civilised masses and lead them on to the point where they are cultured; to take likewise the cultured people and train them in the ways of the Illuminati. Eventually it will be found that what is now taught in the schools of the esotericists will be part of the acknowledged curriculum imposed upon the rising generation, and that the teaching given to the advanced, thinking people of the world

Các bạn cũng sẽ thấy rõ rằng nhiệm vụ của nền giáo dục mới là tiếp nhận các quần chúng văn minh và dẫn họ đến điểm mà họ trở nên có văn hóa; cũng vậy, tiếp nhận những người có văn hóa và huấn luyện họ theo những đường lối của những người được soi sáng. Cuối cùng, người ta sẽ thấy rằng những gì hiện nay được dạy trong các trường của các nhà bí truyền học sẽ trở thành một phần của chương trình học được thừa nhận, áp đặt cho thế hệ đang lớn lên, và rằng giáo huấn hiện nay được đưa ra cho những người

today will be adapted to the needs of the youth of the period.

tiên tiến, biết suy nghĩ của thế giới sẽ được thích nghi với nhu cầu của thanh niên thời kỳ ấy.

The Nature of Esotericism – Bản Chất của Huyền Bí Học

Educators in the new age will lay an increasing emphasis upon the esoteric approach, and it might be of service if I here attempted to define esotericism in terms of the general average intelligence of esoteric students and their point in evolution. I would remind you that true esotericism is a far deeper thing (from the angle of the Hierarchy) than you can appreciate.

Các nhà giáo dục trong kỷ nguyên mới sẽ đặt sự nhấn mạnh ngày càng tăng vào phương pháp tiếp cận nội môn, và có thể hữu ích nếu ở đây Tôi cố gắng định nghĩa huyền bí học theo các thuật ngữ phù hợp với trí tuệ trung bình nói chung của các đạo sinh nội môn và điểm tiến hoá của họ. Tôi muốn nhắc các bạn rằng huyền bí học chân thật là một điều sâu xa hơn nhiều, xét từ góc độ Thánh Đoàn, so với điều các bạn có thể nhận thức.

One of the most inadequate of the definitions of esotericism is that it concerns that which is concealed and hidden and which, even though suspected, still remains unknown. The inference is that to be an esotericist is to be among those who seek to penetrate into a certain secret realm to which the ordinary student is not permitted to penetrate. If this were all that it is, then every scientist and every mystic would represent the approach of the mental type and of the developed emotional type to the world of esotericism and of the hidden realities. This would not, however, be accurate. The mystic is never a true esotericist, for he is not dealing in his consciousness with energies and forces, but with that vague "Something other" (called God, the Christ, the Beloved) and therefore, in reality, with that which satisfies the hunger of his soul. The scientist who is [60] now so rapidly dealing with and entering into the world of forces and energies, is in reality a true esotericist—even if, in his effort to control the sought-for energies, he denies their source. That is of relatively

Một trong những định nghĩa bất toàn nhất về huyền bí học là cho rằng nó liên quan đến điều bị che giấu và ẩn tàng, và dù bị nghi ngờ là có, vẫn còn chưa được biết. Hàm ý là trở thành một nhà bí truyền học tức là thuộc về những người tìm cách thâm nhập vào một cõi bí mật nào đó mà đạo sinh thông thường không được phép thâm nhập. Nếu đó là tất cả bản chất của nó, thì mọi nhà khoa học và mọi nhà thần bí đều sẽ đại diện cho phương pháp tiếp cận của kiểu trí tuệ và kiểu cảm xúc phát triển đối với thế giới của huyền bí học và các thực tại ẩn tàng. Tuy nhiên, điều này không chính xác. Nhà thần bí không bao giờ là một nhà bí truyền học chân thật, vì trong tâm thức của y, y không đề cập đến các năng lượng và mãnh lực, mà đến một "Điều Gì Khác" mơ hồ, được gọi là Thượng đế, Đức Christ, Đấng Yêu Dấu, và do đó, trong thực tế, đến điều thỏa mãn cơn đói của linh hồn y. Nhà khoa học hiện nay [60] đang nhanh chóng xử lý và đi vào thế giới của các mãnh lực và năng lượng, trong thực tế là một nhà bí truyền học chân thật — cho dù trong nỗ lực kiểm soát các năng lượng được tìm kiếm, ông phủ nhận nguồn gốc của chúng. Điều đó

small moment; later he will recognise their emanating source.

tương đối ít quan trọng; về sau ông sẽ nhận ra nguồn xuất lộ của chúng.

The basic approach for all who endeavour to grasp esotericism, or to teach esoteric students, is to lay the emphasis upon the world of energies and to recognise that behind all happenings in the world of phenomena (and by that I mean the three worlds of human evolution) exists the world of energies; these are of the greatest diversity and complexity, but all of them move and work under the Law of Cause and Effect. It is hardly necessary for me therefore to indicate the very practical nature of this definition and its applicability to the life of the individual aspirant, to community life and world affairs, or to the immediate conditioning levels of experimental spiritual energies which are constantly seeking impact upon or contact with the world of phenomena. This they do, under spiritual direction, in order to implement the Plan. The above statement is foundational in its importance; all other definitions are implicit in it, and it is the first important truth anent esotericism which must be learnt and applied by each aspirant to the mystery and the universality of that which moves the worlds and underlies the evolutionary process.

Phương pháp tiếp cận căn bản cho tất cả những ai nỗ lực nắm bắt huyền bí học, hoặc dạy các đạo sinh nội môn, là đặt sự nhấn mạnh vào thế giới của các năng lượng và nhận ra rằng đằng sau mọi sự kiện trong thế giới hiện tượng, và qua đó Tôi muốn nói ba cõi giới của tiến hoá nhân loại, có tồn tại thế giới của các năng lượng; chúng vô cùng đa dạng và phức tạp, nhưng tất cả đều chuyển động và hoạt động dưới Định luật Nhân Quả. Vì vậy, hầu như không cần thiết để Tôi chỉ ra bản chất rất thực tiễn của định nghĩa này và khả năng áp dụng của nó vào đời sống của từng người chí nguyện, vào đời sống cộng đồng và các sự việc thế giới, hoặc vào các cấp độ tác động trực tiếp của những năng lượng tinh thần thử nghiệm vốn không ngừng tìm cách tạo va chạm hoặc tiếp xúc với thế giới hiện tượng. Chúng làm điều này dưới sự chỉ đạo tinh thần, nhằm thực hiện Thiên Cơ. Phát biểu trên có tầm quan trọng nền tảng; mọi định nghĩa khác đều hàm chứa trong đó, và đó là chân lý quan trọng đầu tiên liên quan đến huyền bí học mà mỗi người chí nguyện phải học và áp dụng vào sự huyền nhiệm và tính phổ quát của điều làm chuyển động các thế giới và nằm bên dưới tiến trình tiến hoá.

The first task of the esotericist is to comprehend the nature of the energies which are seeking to condition him and which work out into expression on the physical plane through the medium of his equipment or his vehicle of manifestation. The esoteric student has, therefore, to grasp that:

Nhiệm vụ đầu tiên của nhà bí truyền học là lĩnh hội bản chất của các năng lượng đang tìm cách tác động lên y và biểu lộ trên cõi hồng trần qua trung gian trang bị của y hay vận cụ biểu hiện của y. Vì vậy, đạo sinh nội môn phải nắm bắt rằng:

1. He is an aggregation of forces, inherited and conditioned by what he has been, plus a great antagonistic force which is not a

1. Y là một tập hợp các mãnh lực, được thừa hưởng và được tác động bởi những gì y đã từng là, cộng với một mãnh lực đối kháng

principle and which we call the physical body. [61]

2. He is sensitive to and should be increasingly aware of certain energies, at present unknown and of no use to him; of these he must eventually become aware, if he is to move deeper into the world of hidden forces. They may be energies which, for him, would be evil were he to work with them, and these must be distinguished and discarded; there are others which he must learn to use, for they would prove beneficial and would increase his knowledge, and should therefore be regarded as good. Bear in mind, however, that energies per se are neither bad nor good. The Great White Lodge, our spiritual Hierarchy, and the Black Lodge employ the same universal energies but with different motives and objectives; both groups are groups of trained esotericists.

The esotericist in training has, therefore:

1. To become aware of the nature of the forces which constitute his personality equipment and which he himself magnetically brought into expression in the three worlds. They form a combination of active forces; he must learn to differentiate between strictly physical energy, which is automatic in its response to other and inner energies, and those which come from emotional and mental levels of consciousness, focussing through the etheric body which, in turn, motivates and galvanises his physical vehicle into certain activities.

2. To become sensitive to the impelling energies of the soul, emanating from the higher mental levels. These seek to control

lớn lao vốn không phải là một nguyên khí và chúng ta gọi là thể xác. [61]

2. Y nhạy cảm với, và nên ngày càng nhận biết, một số năng lượng hiện nay chưa được biết và không hữu dụng đối với y; cuối cùng y phải nhận biết những năng lượng này nếu muốn đi sâu hơn vào thế giới của các mãnh lực ẩn tàng. Chúng có thể là những năng lượng mà đối với y sẽ là xấu nếu y làm việc với chúng, và chúng phải được phân biện và loại bỏ; có những năng lượng khác mà y phải học cách sử dụng, vì chúng sẽ chứng tỏ là có lợi và sẽ gia tăng tri thức của y, do đó nên được xem là tốt. Tuy nhiên, hãy ghi nhớ rằng các năng lượng chính chúng không xấu cũng không tốt. Thánh Đoàn, Thánh Đoàn của chúng ta, và Hắc đoàn đều sử dụng cùng các năng lượng phổ quát, nhưng với các động cơ và mục tiêu khác nhau; cả hai nhóm đều là các nhóm nhà bí truyền học được huấn luyện.

Do đó, nhà bí truyền học đang được huấn luyện phải:

1. Trở nên nhận biết bản chất của các mãnh lực cấu thành trang bị phàm ngã của y và chính y đã đưa chúng vào biểu lộ trong ba cõi thấp bằng từ tính. Chúng tạo thành một tổ hợp các mãnh lực hoạt động; y phải học phân biệt giữa năng lượng thuần túy hồng trần, vốn tự động trong sự đáp ứng với các năng lượng khác và bên trong, với những năng lượng đến từ các cấp độ tâm thức cảm dục và trí, tập trung qua thể dĩ thái, thể này đến lượt nó thúc đẩy và kích hoạt vận cụ hồng trần của y vào một số hoạt động nhất định.

2. Trở nên nhạy cảm với các năng lượng thôi thúc của linh hồn, xuất lộ từ các cấp độ thượng trí. Những năng lượng này tìm cách

the forces of the threefold man when a certain definite point in evolution is reached.

kiểm soát các mãnh lực của con người tam phân khi đạt đến một điểm tiến hoá xác định nào đó.

3. To recognise the conditioning energies in his environment, [62] seeing them not as events or circumstances but as *energy in action;* by this means he learns to find his way behind the scene of outer happenings into the world of energies, seeking contact and qualifying for the bringing about of certain activities. He thus acquires entrance into the world of meaning. Events, circumstances, happenings and physical phenomena of every kind are simply symbols of what is occurring in the inner worlds, and it is into these worlds that the esotericist must enter as far as his perception permits; he will sequentially discover worlds which will call for his scientific penetration.

3. Nhận ra các năng lượng tác động trong môi trường của y, [62] thấy chúng không phải như các biến cố hay hoàn cảnh, mà như *năng lượng trong hành động;* nhờ phương tiện này, y học cách tìm đường đi ra phía sau cảnh tượng của các sự kiện bên ngoài, vào thế giới của các năng lượng, tìm kiếm sự tiếp xúc và hội đủ điều kiện để tạo ra một số hoạt động nhất định. Nhờ vậy, y có được lối vào Thế giới của ý nghĩa. Các biến cố, hoàn cảnh, sự kiện và hiện tượng hồng trần thuộc mọi loại chỉ đơn giản là các biểu tượng của những gì đang xảy ra trong các thế giới bên trong, và nhà bí truyền học phải bước vào các thế giới ấy trong mức độ tri giác của y cho phép; tuần tự, y sẽ khám phá các thế giới đòi hỏi sự thâm nhập khoa học của y.

4. For the majority of aspirants, the Hierarchy itself remains an esoteric realm which demands discovery and which will accept penetration. I am choosing my words with care in an effort to evoke your esoteric response.

4. Đối với đa số người chí nguyện, chính Thánh Đoàn vẫn là một cõi nội môn đòi hỏi được khám phá và sẽ chấp nhận sự thâm nhập. Tôi đang chọn lời một cách cẩn trọng trong nỗ lực gợi lên sự đáp ứng nội môn của các bạn.

Beyond this point of humanity's destined goal I seek not to go; to initiates and disciples who have not yet taken the Initiation of Transfiguration, the higher realms of awareness and the "secret Place of the Most High" (the Council Chamber of Sanat Kumara) remain deeply esoteric. It is a higher realm of energies—planetary, extra-planetary and inter-planetary; with them educators have no concern and with their consideration the teaching staff of an esoteric school is not called upon to deal. The task is to train students in the recognition of energy and force; to discriminate between the various types of

Vượt quá điểm này của mục tiêu đã được định mệnh cho nhân loại, Tôi không tìm cách đi xa hơn; đối với các điểm đạo đồ và đệ tử chưa trải qua cuộc Điểm Đạo Biến Hình, các cõi nhận biết cao hơn và "Nơi Bí Mật của Đấng Tối Cao", tức Phòng Hội Đồng của Đức Sanat Kumara, vẫn còn sâu xa huyền bí. Đó là một cõi cao hơn của các năng lượng — hành tinh, ngoài hành tinh và liên hành tinh; các nhà giáo dục không liên quan đến chúng, và ban giảng huấn của một trường nội môn không được kêu gọi để bàn đến chúng. Nhiệm vụ là huấn luyện đạo sinh nhận biết năng lượng và mãnh lực; phân biện giữa các loại năng lượng khác nhau, cả

energy, both in relation to themselves and to world affairs, and to begin to relate that which is seen and experienced to that which is unseen, conditioning and determining. This is the esoteric task.

trong mối liên hệ với chính họ lẫn với các sự việc thế giới, và bắt đầu liên hệ điều được thấy và trải nghiệm với điều không được thấy, vốn tác động và quyết định. Đây là nhiệm vụ nội môn.

There is a tendency among esoteric students, particularly those in the older Piscean groups, to regard any interest in the energies producing world events or which concern governments and politics as antagonistic to esoteric and [63] spiritual endeavour. But the newer esotericism which the more modern groups and the more mental types will sponsor sees all events and world movements and national governments, plus all political circumstances, as expressions of the energies to be found in the inner world of esoteric research; therefore they see no sound reason for excluding such an important aspect of human affairs from their reasoning and thinking and from the discovery of those new truths and techniques which may bring about the new era of right human relations. They ask: Why omit political research from the spiritual curriculum? They deem it to be of equal if not of greater importance than the activity of the churches; governments condition people and aid in the production of any current civilisation, forcing the masses of men into certain needed lines of thought. The churches and men everywhere need to learn that there is nothing in the entire world of phenomena, of forces and of energies, which cannot be brought under the control of that which is spiritual. All that exists is, in reality, spirit in manifestation. The masses today are becoming politically-minded, and this is viewed by the Masters as a great step forward. When the spiritually-minded people of the world include this relatively new area of human thought and its international activity within the field of

Có một khuynh hướng nơi các đạo sinh nội môn, đặc biệt những người thuộc các nhóm Song Ngư cũ, là xem mọi quan tâm đến các năng lượng tạo ra các biến cố thế giới hoặc liên quan đến chính quyền và chính trị như đối nghịch với nỗ lực nội môn và [63] tinh thần. Nhưng huyền bí học mới hơn, mà các nhóm hiện đại hơn và các kiểu người trí tuệ hơn sẽ bảo trợ, nhìn mọi biến cố, các phong trào thế giới và chính quyền quốc gia, cộng với mọi hoàn cảnh chính trị, như những biểu lộ của các năng lượng được tìm thấy trong thế giới bên trong của nghiên cứu nội môn; vì vậy họ không thấy có lý do vững chắc nào để loại trừ một phương diện quan trọng như thế của các sự việc nhân loại khỏi lý luận và suy nghĩ của họ, cũng như khỏi việc khám phá những chân lý và kỹ thuật mới có thể đem lại kỷ nguyên mới của các mối quan hệ nhân loại đúng đắn. Họ hỏi: Tại sao lại bỏ nghiên cứu chính trị ra khỏi chương trình tinh thần? Họ xem nó có tầm quan trọng ngang bằng, nếu không muốn nói là lớn hơn, hoạt động của các giáo hội; các chính quyền tác động lên dân chúng và trợ giúp trong việc tạo ra bất cứ nền văn minh hiện hành nào, buộc quần chúng nhân loại đi vào một số đường lối tư tưởng cần thiết. Các giáo hội và con người ở khắp nơi cần học rằng không có gì trong toàn bộ thế giới hiện tượng, mãnh lực và năng lượng mà không thể được đặt dưới sự kiểm soát của điều thuộc tinh thần. Mọi điều hiện hữu, trong thực tế, là tinh thần trong biểu hiện. Quần chúng ngày nay đang trở nên quan tâm đến chính trị, và các Chân sư xem đây là một bước tiến lớn. Khi những người có khuynh hướng tinh thần trên thế giới đưa lĩnh vực tương đối mới này của tư tưởng

their esoteric research, very great progress will be made.

nhân loại và hoạt động quốc tế của nó vào trong phạm vi nghiên cứu nội môn của họ, một tiến bộ rất lớn sẽ được thực hiện.

Let me give you one simple illustration: War is, factually, a great explosion of energies and forces, generated on the inner planes where the esotericist ought to be working (but is seldom to be found), and finding its dire and catastrophic expression upon the physical plane. This is indicated today by the constant use of the terms "Forces of Light" and "Forces of Evil." When the inner, esoteric and predisposing causes of war are discovered through esoteric research, then war and wars will come to an end. This is in the nature of truly esoteric work, but is scorned by present day esotericists who regard themselves as spiritually [64] superior to such affairs and—in their ivory tower—concentrate on their own development, plus a little philosophy.

Hãy để Tôi cho các bạn một minh họa đơn giản: Chiến tranh, trên thực tế, là một vụ bùng nổ lớn của các năng lượng và mãnh lực, được tạo ra trên các cõi bên trong, nơi nhà bí truyền học lẽ ra phải làm việc, nhưng hiếm khi được tìm thấy, và tìm thấy sự biểu lộ khốc liệt, thảm họa của nó trên cõi hồng trần. Điều này ngày nay được chỉ ra qua việc sử dụng thường xuyên các thuật ngữ "Mãnh lực Ánh sáng" và "Mãnh lực Tà ác". Khi các nguyên nhân bên trong, nội môn và tạo khuynh hướng của chiến tranh được khám phá qua nghiên cứu nội môn, khi ấy chiến tranh và các cuộc chiến sẽ chấm dứt. Điều này thuộc bản chất của công việc nội môn chân thật, nhưng bị các nhà bí truyền học ngày nay khinh thường, những người tự xem mình là cao hơn về mặt tinh thần [64] so với những sự việc như thế và, trong tháp ngà của họ, tập trung vào sự phát triển riêng của mình, cộng với một ít triết lý.

One point should here be stated: Esotericism is not in any way of a mystical and vague nature. It is a science—essentially the science of the soul of all things—and has its own terminology, experiments, deductions and laws. When I say "soul," I refer to the animating consciousness found throughout nature and on those levels which lie outside the territory usually called nature. Students are apt to forget that every level of awareness, from the highest to the lowest, is an aspect of the cosmic physical plane, and is therefore (from the angle of evolutionary process) material in nature, and (from the angle or point of view of certain divine Observers) definitely tangible and formed of creative substance. The esotericist is dealing with substance all the time; he is concerned

Ở đây cần nêu một điểm: Huyền bí học hoàn toàn không có bản chất thần bí và mơ hồ. Nó là một khoa học — về bản chất là khoa học về linh hồn của vạn vật — và có thuật ngữ, thí nghiệm, suy luận và định luật riêng của nó. Khi Tôi nói "linh hồn", Tôi chỉ tâm thức làm sinh động được tìm thấy khắp thiên nhiên và trên những cấp độ nằm ngoài khu vực thường được gọi là thiên nhiên. Các đạo sinh dễ quên rằng mọi cấp độ nhận biết, từ cao nhất đến thấp nhất, đều là một phương diện của cõi hồng trần vũ trụ, và do đó, xét từ góc độ tiến trình tiến hoá, có bản chất vật chất, và xét từ góc độ hay quan điểm của một số Đấng Quan Sát thiêng liêng, rõ ràng là hữu hình và được tạo bằng chất liệu sáng tạo. Nhà bí truyền học luôn luôn xử lý chất liệu; y quan tâm đến chất liệu sống động,

with that living, vibrant substance of which the worlds are made and which—inherited as it is from a previous solar system—is coloured by past events, and is (as has been said) "already tinged with karma." It should also be noted that just as the physical plane, so familiar to us, is not regarded as a principle by the esoteric student, so the cosmic physical plane (from the standpoint of the cosmic lives) is likewise "not a principle." I give you here much food for thought.

rung động, từ đó các thế giới được tạo nên, và vì được thừa hưởng từ một hệ mặt trời trước, nó mang màu sắc của các biến cố quá khứ, và như đã nói, "đã nhuốm màu nghiệp quả". Cũng cần lưu ý rằng cũng như cõi hồng trần rất quen thuộc với chúng ta không được đạo sinh nội môn xem là một nguyên khí, thì cõi hồng trần vũ trụ, xét từ lập trường của các Sự sống vũ trụ, cũng "không phải là một nguyên khí". Ở đây Tôi đưa cho các bạn nhiều điều đáng suy ngẫm.

It might be stated that the esotericist is occupied in discovering and working with those principles which energise each level of the cosmic physical plane and which are, in reality, aspects of the qualified life energy which is working in and through unprincipled substance. His task is to shift the focus of his attention away from the substance-form side of existence and to become aware of that which has been the source of form production on any specific level. It is his task to develop within himself the needed responsiveness and sensitivity to the quality of the life dominating any form until he arrives eventually at the quality of the ONE LIFE [65] which animates the planet and within Whose activity we live and move and have our being.

Có thể nói rằng nhà bí truyền học bận rộn trong việc khám phá và làm việc với những nguyên lý tiếp sinh lực cho mỗi cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ, và trong thực tế là các phương diện của năng lượng sự sống có phẩm tính, đang hoạt động trong và xuyên qua chất liệu vô nguyên khí. Nhiệm vụ của y là chuyển trọng tâm chú ý khỏi phía chất liệu-hình tướng của hiện tồn và trở nên nhận biết điều đã là nguồn của việc tạo hình tướng trên bất cứ cấp độ đặc thù nào. Nhiệm vụ của y là phát triển trong chính mình khả năng đáp ứng và sự nhạy cảm cần thiết đối với phẩm tính của sự sống đang chi phối bất cứ hình tướng nào, cho đến khi cuối cùng y đạt đến phẩm tính của SỰ SỐNG DUY NHẤT [65] đang làm sinh động hành tinh và trong hoạt động của Đấng ấy, chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu.

To do this, he must first of all discover the nature of his own qualified energies (and here the nature of the governing rays enters in) which are expressing themselves through his three lower vehicles of manifestation, and later through his integrated personality. Having arrived at a measure of this knowledge and having oriented himself towards the qualified life aspect, he begins to develop the subtle, inner mechanism through which contact can be

Để làm điều này, trước hết y phải khám phá bản chất các năng lượng có phẩm tính của chính mình, và ở đây bản chất của các cung cai quản đi vào, vốn đang biểu lộ qua ba vận cụ biểu hiện thấp của y, và về sau qua phàm ngã tích hợp của y. Khi đã đạt đến một mức độ tri thức này và đã định hướng bản thân về phía phương diện sự sống có phẩm tính, y bắt đầu phát triển bộ máy tinh tế, bên trong, qua đó có thể tạo tiếp xúc với các phương diện tổng quát và phổ quát hơn. Y học cách

made with the more general and universal aspects. He learns to differentiate between the quality or karmic predispositions of the "unprincipled" substance of which his form and all forms are made, and the qualified principles which are seeking expression through those forms and, incidentally, to redeem, salvage and purify them so that the substance of the next solar system will be of a higher order than that of the present one, and consequently more responsive to the will aspect of the Logos.

phân biệt giữa phẩm tính hay các khuynh hướng nghiệp quả của chất liệu "vô nguyên khí" mà hình tướng của y và mọi hình tướng được tạo nên từ đó, với các nguyên lý có phẩm tính đang tìm cách biểu lộ qua các hình tướng ấy, và nhân tiện, cứu chuộc, cứu vớt và thanh lọc chúng, để chất liệu của hệ mặt trời kế tiếp sẽ thuộc một trật tự cao hơn chất liệu của hệ hiện nay, và do đó đáp ứng hơn với phương diện ý chí của Thượng đế.

Viewed from this angle, *esotericism is the science of redemption*, and of this all World Saviours are the everlasting symbol and exponents. It was to redeem substance and its forms that the planetary Logos came into manifestation, and the entire Hierarchy with its great Leader, the Christ (the present world Symbol), might be regarded as a hierarchy of redeemers, skilled in the science of redemption. Once They have mastered this science, They can then pass on to the Science of Life and deal with the energies which will eventually hold and use the qualified, redeemed and then principled substance and forms. It is the redemption of unprincipled substance, its creative restoration and spiritual integration, which is Their goal; the fruits of Their labour will be seen in the third and final solar system. Their activity will produce a great spiritual and planetary fusion, of which the fusion of personality and soul (at a certain point upon [66] the path of evolution) is the symbol in the microcosmic sense. You can see by this the close relation between the work of the individual aspirant or disciple as he redeems, salvages and purifies his threefold body of manifestation and the work of the planetary Logos as He performs a similar task in connection with the "three periodical vehicles" through which He works: His

Nhìn từ góc độ này, *huyền bí học là khoa học cứu chuộc*, và mọi Đấng Cứu Thế của thế gian đều là biểu tượng và những vị diễn giải vĩnh cửu của khoa học ấy. Chính để cứu chuộc chất liệu và các hình tướng của nó mà Đức Hành Tinh Thượng Đế đã đi vào biểu hiện; và toàn thể Thánh Đoàn, cùng với vị Lãnh Đạo vĩ đại của mình là Đức Christ, Biểu Tượng thế giới hiện nay, có thể được xem như một Thánh đoàn gồm những đấng cứu chuộc, thông thạo khoa học cứu chuộc. Một khi Các Ngài đã làm chủ khoa học này, Các Ngài có thể tiến sang Khoa Học Sự Sống và bàn đến các năng lượng rốt cuộc sẽ nắm giữ và sử dụng chất liệu cùng các hình tướng đã được định phẩm, được cứu chuộc và rồi được nguyên khí hóa. Mục tiêu của Các Ngài là sự cứu chuộc chất liệu chưa được nguyên khí hóa, sự phục hồi sáng tạo và sự tích hợp tinh thần của nó; thành quả kỳ công của Các Ngài sẽ được thấy trong hệ mặt trời thứ ba và cuối cùng. Hoạt động của Các Ngài sẽ tạo ra một sự dung hợp tinh thần và hành tinh vĩ đại, mà sự dung hợp giữa phàm ngã và linh hồn, ở một điểm nào đó trên [66] con đường tiến hóa, là biểu tượng theo nghĩa tiểu thiên địa. Từ điều này, các bạn có thể thấy mối liên hệ mật thiết giữa công việc của người chí nguyện hay đệ tử cá nhân, khi y cứu chuộc, giải cứu và thanh luyện thân thể biểu hiện tam phân của mình, với công việc của Đức Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài thực hiện

personality vehicle, His soul expression and His monadic aspect.

một nhiệm vụ tương tự liên quan đến "ba hiện thể chu kỳ" qua đó Ngài hoạt động: hiện thể phàm ngã của Ngài, biểu hiện linh hồn của Ngài và phương diện chân thần của Ngài.

By means of all that I have said you will realise that I am endeavouring to take the vagueness out of the word "esotericism," and to indicate the extremely scientific and practical nature of the enterprise upon which all esotericists are embarked.

Nhờ tất cả những điều Tôi đã nói, các bạn sẽ nhận ra rằng Tôi đang cố gắng loại bỏ tính mơ hồ khỏi từ "huyền bí học", và chỉ ra bản chất hết sức khoa học và thực tiễn của công cuộc mà mọi nhà bí truyền học đều đang dấn thân vào.

Esoteric study, when coupled with esoteric living, reveals in time the world of meaning and leads eventually to the world of significances. The esotericist starts by endeavouring to discover the reason *why*; he wrestles with the problem of happenings, events, crises and circumstances in order to arrive at the meaning they should hold for him; when he has ascertained the meaning of any specific problem, he uses it as an invitation to penetrate more deeply into the newly revealed world of meaning; he then learns to incorporate his little personal problems into the problem of the larger Whole, thus losing sight of the little self and discovering the larger Self. The true esoteric viewpoint is always that of the larger Whole. He finds the world of meaning spread like an intricate network over all activity and every aspect of the phenomenal world. Of this network the etheric web is the symbol and design; and the etheric web to be found between the centres up the individual spinal column is its microcosmic correspondence, like a series of doors of entrance into the larger world of meaning. This, in reality, concerns the true Science of the Centres to which I have frequently referred. They are modes of conscious entry (when developed and functioning) into a world of subjective

Việc học hỏi nội môn, khi đi đôi với đời sống nội môn, theo thời gian sẽ mặc khải Thế giới của ý nghĩa và cuối cùng dẫn đến Thế giới của thâm nghĩa. Nhà bí truyền học khởi đầu bằng nỗ lực khám phá lý do *tại sao*; y vật lộn với vấn đề của các biến cố, sự kiện, khủng hoảng và hoàn cảnh để đạt đến ý nghĩa mà chúng phải mang đối với y; khi đã xác định được ý nghĩa của bất cứ vấn đề cụ thể nào, y dùng nó như một lời mời gọi để thâm nhập sâu hơn vào Thế giới của ý nghĩa vừa được mặc khải; rồi y học cách đưa những vấn đề cá nhân nhỏ bé của mình vào trong vấn đề của Tổng Thể lớn hơn, nhờ đó mất hút khỏi tầm nhìn cái ngã nhỏ bé và khám phá Bản Ngã lớn hơn. Quan điểm nội môn chân chính luôn luôn là quan điểm của Tổng Thể lớn hơn. Y thấy Thế giới của ý nghĩa trải rộng như một mạng lưới phức tạp trên mọi hoạt động và mọi phương diện của thế giới hiện tượng. Mạng lưới dĩ thái là biểu tượng và mô hình của mạng lưới này; và mạng lưới dĩ thái được tìm thấy giữa các trung tâm dọc theo cột sống của cá nhân là tương ứng tiểu thiên địa của nó, như một chuỗi cửa vào trong Thế giới của ý nghĩa rộng lớn hơn. Thật ra, điều này liên quan đến Khoa Học chân chính về các Trung Tâm mà Tôi đã thường nhắc đến. Khi đã phát triển và hoạt động, chúng là những phương thức đi vào một cách hữu thức trong một thế giới của

realities [67] and into hitherto unknown phases of the divine consciousness.

các thực tại chủ quan [67] và trong những giai đoạn cho đến nay chưa được biết của tâm thức thiêng liêng.

Esotericism is not, however, concerned with the centres as such, and esotericism is not an effort scientifically to awaken the centres, as many students think. Esotericism really is training in the ability to function freely in the world of meaning; it is *not* occupied with any aspect of the mechanical form; it is occupied entirely with the soul aspect—the aspect of Saviour, Redeemer and Interpreter—and with the mediating principle between life and substance. This mediating principle is the soul of the individual aspirant or disciple (if one may use such misleading wording); it is also the anima mundi in the world as a whole.

Tuy nhiên, huyền bí học không liên quan đến các trung tâm như là chính chúng, và huyền bí học không phải là một nỗ lực đánh thức các trung tâm một cách khoa học, như nhiều đạo sinh vẫn nghĩ. Huyền bí học thực sự là sự rèn luyện khả năng hoạt động tự do trong Thế giới của ý nghĩa; nó *không* bận tâm đến bất cứ phương diện nào của hình tướng cơ giới; nó hoàn toàn bận tâm đến phương diện linh hồn, phương diện của Đấng Cứu Độ, Đấng Cứu Chuộc và Đấng Diễn Giải, cùng với nguyên khí trung gian giữa sự sống và chất liệu. Nguyên khí trung gian này là linh hồn của người chí nguyện hay đệ tử cá nhân, nếu có thể dùng cách diễn đạt dễ gây hiểu lầm như thế; nó cũng là linh hồn thế giới trong toàn thể thế gian.

Esotericism therefore involves a life lived in tune with the inner subjective realities; it is only possible when the student is intelligently polarised and mentally focussed; it is only useful when the student can move among these inner realities with skill and understanding. Esotericism involves also comprehension of the relation between forces and energies and the power to use energy for the strengthening, and then for the creative use of the forces contacted; hence their redemption. Esotericism uses the forces of the third aspect (that of intelligent substance) as recipients of the energies of the two higher aspects and, in so doing, salvages substance. Esotericism is the art of "bringing down to earth" those energies which emanate from the highest sources and there "grounding them" or anchoring them. As illustration: it was an esoteric activity of a world-wide group of students which resulted in the

Do đó, huyền bí học bao hàm một đời sống được sống hòa điệu với các thực tại chủ quan bên trong; điều đó chỉ có thể có khi đạo sinh được phân cực một cách thông minh và được tập trung trí tuệ; nó chỉ hữu ích khi đạo sinh có thể di chuyển giữa các thực tại bên trong này với kỹ năng và sự thấu hiểu. Huyền bí học cũng bao hàm sự lĩnh hội mối liên hệ giữa các mãnh lực và các năng lượng, cùng quyền năng sử dụng năng lượng để củng cố, rồi để dùng một cách sáng tạo các mãnh lực đã tiếp xúc; do đó có sự cứu chuộc của chúng. Huyền bí học sử dụng các mãnh lực của phương diện thứ ba, tức chất liệu thông tuệ, như những chủ thể tiếp nhận các năng lượng của hai phương diện cao hơn và, khi làm như vậy, giải cứu chất liệu. Huyền bí học là nghệ thuật “đưa xuống Trái Đất” những năng lượng xuất phát từ các nguồn cao nhất và ở đó “nối đất chúng” hay neo giữ chúng. Để minh họa: chính hoạt động nội môn của một nhóm đạo sinh trên toàn thế giới đã đưa

giving out of the teaching anent the New Group of World Servers, *(A Treatise on White Magic, pages 398-433; A Treatise on the Seven Rays, Vol. II Esoteric Psychology, pages 629-751).* thereby grounding and fixing in the consciousness of humanity the fact of the existence and work of this basically subjective group; thus the work of that group was focussed and their redeeming activity intensified.

đến việc ban ra giáo huấn liên quan đến Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, *Luận về Chánh Thuật, các trang 398-433; Luận về Bảy Cung, Tập II Tâm Lý Học Nội Môn, các trang 629-751.* qua đó nối đất và cố định trong tâm thức nhân loại sự kiện về sự tồn tại và công việc của nhóm có bản chất chủ yếu là chủ quan này; nhờ vậy công việc của nhóm ấy được tập trung và hoạt động cứu chuộc của họ được tăng cường.

[68] All true esoteric activity produces light and illumination; it results in the inherited light of substance being intensified and qualified by the higher light of the soul—in the case of humanity consciously functioning. It is therefore possible to define esotericism and its activity in terms of light, but I refrain from doing so because of the vagueness and the mystical application hitherto developed by esotericists in past decades. If esotericists would accept, in its simplest form, the pronouncement of modern science that substance and light are synonymous terms, and would recognise also that the light which they can bring to bear on substance (the application of energy to force) is equally substantial in nature, a far more intelligent approach would be made. The esotericist does deal with light in its three aspects, but it is preferable today to attempt a different approach until—through development, trial and experiment—the esotericist knows these triple differentiations in a practical sense and not just theoretically and mystically. We have to live down some of the mistakes of the past.

[68] Mọi hoạt động nội môn chân chính đều tạo ra ánh sáng và sự soi sáng; nó khiến ánh sáng kế thừa của chất liệu được tăng cường và định phẩm bởi ánh sáng cao hơn của linh hồn, trong trường hợp nhân loại hoạt động một cách hữu thức. Do đó, có thể định nghĩa huyền bí học và hoạt động của nó theo ánh sáng, nhưng Tôi không làm như vậy vì tính mơ hồ và cách ứng dụng thần bí mà các nhà bí truyền học trong những thập niên qua đã phát triển. Nếu các nhà bí truyền học chịu chấp nhận, dưới hình thức đơn giản nhất, tuyên bố của khoa học hiện đại rằng chất liệu và ánh sáng là những thuật ngữ đồng nghĩa, và cũng nhận ra rằng ánh sáng mà họ có thể đem tác động lên chất liệu, tức sự ứng dụng năng lượng vào mãnh lực, cũng có bản chất chất liệu như nhau, thì một cách tiếp cận thông minh hơn nhiều sẽ được thực hiện. Nhà bí truyền học quả thật bàn đến ánh sáng trong ba phương diện của nó, nhưng ngày nay nên thử một cách tiếp cận khác cho đến khi, qua phát triển, thử thách và thực nghiệm, nhà bí truyền học biết những biến phân tam phân này theo nghĩa thực tiễn chứ không chỉ theo lý thuyết và thần bí. Chúng ta phải sống vượt qua một số sai lầm của quá khứ.

I have given you many other definitions in my various books, and some of them were quite simple; they can carry meaning today

Tôi đã đưa cho các bạn nhiều định nghĩa khác trong các sách khác nhau của Tôi, và một số định nghĩa ấy khá đơn giản; ngày nay chúng có thể mang ý nghĩa, và về sau sẽ có

and will come to have more abstruse significances to you later on.

I would challenge all esotericists to attempt the practical approach which I have here outlined. I would ask them to live redemptive lives, to unfold their innate mental sensitivity, and to work continuously with the meaning which is to be found behind all individual, community, national and world affairs. If this is done, then the light will suddenly and increasingly shine upon your ways. You can become light-bearers, knowing then that "in that light you will see Light"—and so will your fellowmen.

những thâm nghĩa sâu kín hơn đối với các bạn.

Tôi muốn thách thức mọi nhà bí truyền học thử áp dụng cách tiếp cận thực tiễn mà Tôi đã phác thảo ở đây. Tôi muốn yêu cầu họ sống những đời sống cứu chuộc, khai mở sự nhạy bén trí tuệ bẩm sinh của họ, và làm việc liên tục với ý nghĩa được tìm thấy phía sau mọi sự vụ cá nhân, cộng đồng, quốc gia và thế giới. Nếu làm được như vậy, ánh sáng sẽ đột nhiên và ngày càng chiếu rọi trên các con đường của các bạn. Các bạn có thể trở thành những người mang ánh sáng, bấy giờ biết rằng “trong ánh sáng ấy các bạn sẽ thấy Ánh Sáng”, và đồng loại của các bạn cũng vậy.

CHAPTER III - The Next Step in the Mental Development of Humanity – CHƯƠNG III - Bước Kế Tiếp trong Sự Phát Triển Trí Tuệ của Nhân Loại

The Present Transition Period – Thời Kỳ Chuyển Tiếp Hiện Nay

[69] There are three immediate steps ahead of the educational systems of the world, and some progress has already been made towards taking them. Bear in mind that under the evolutionary urge such steps are often made without any understanding of the true objectives, or any real grasp of the emerging significance and purpose. They are simply made because the need of the time makes them the obvious next step, because the old system is failing to accomplish its intended purpose, because the results are patently undesirable, and because some man of vision works out a newer method and imposes his will upon those around him in order to demonstrate the new ideal. These three immediate steps are:

[69] Có ba bước trước mắt dành cho các hệ thống giáo dục của thế giới, và một số tiến bộ đã được thực hiện hướng tới việc tiến hành chúng. Hãy ghi nhớ rằng dưới thôi thúc tiến hóa, những bước như thế thường được thực hiện mà không có sự thấu hiểu nào về các mục tiêu chân chính, hay bất cứ sự nắm bắt thực sự nào về thâm nghĩa và mục đích đang xuất hiện. Chúng được thực hiện đơn giản vì nhu cầu của thời đại khiến chúng trở thành bước kế tiếp hiển nhiên, vì hệ thống cũ không hoàn thành được mục đích đã định, vì các kết quả rõ ràng là không đáng mong muốn, và vì một người có tầm nhìn xây dựng một phương pháp mới hơn rồi áp đặt ý chí của mình lên những người chung quanh để chứng minh lý tưởng mới. Ba bước trước mắt ấy là:

First: The development of more adequate means of understanding and studying the human being. This will be made possible in three ways:

Thứ nhất: Sự phát triển những phương tiện thích đáng hơn để thấu hiểu và nghiên cứu con người. Điều này sẽ có thể thực hiện bằng ba cách:

1. The growth and the development of the *Science of Psychology.* This is the science of the essential man, and is at this time being more generally recognised as useful to, and consistent with, the right development of the human unit. The various schools of psychology, [70] so numerous and separative, will each eventually contribute its particular and peculiar truth, and thus the real science of the soul will emerge from this synthesis.

1. Sự tăng trưởng và phát triển của *Khoa Học Tâm Lý.* Đây là khoa học về con người bản yếu, và vào lúc này đang được công nhận rộng rãi hơn là hữu ích cho, và phù hợp với, sự phát triển đúng đắn của đơn vị nhân loại. Các trường phái tâm lý học khác nhau, [70] rất nhiều và phân ly, cuối cùng mỗi trường phái sẽ đóng góp chân lý riêng biệt và đặc thù của mình, và như thế khoa học chân chính về linh hồn sẽ xuất hiện từ sự tổng hợp này.

2. The growth and the development of the *Science of the Seven Rays*. This science will throw light upon racial and individual types; it will clearly formulate the nature of individual and racial problems, it will indicate the forces and energies which are struggling for expression in the individual and in the race; and when the two major rays and the three minor rays (which meet in every man) are recognised and studied by the educator in connection with the individual, the result will be right individual and group training, and correct vocational indications.

2. Sự tăng trưởng và phát triển của *Khoa Học về Bảy Cung*. Khoa học này sẽ soi sáng các kiểu mẫu nhân loại và cá nhân; nó sẽ trình bày rõ ràng bản chất của các vấn đề cá nhân và nhân loại, chỉ ra các mãnh lực và năng lượng đang đấu tranh để biểu hiện trong cá nhân và trong nhân loại; và khi hai cung chính cùng ba cung phụ, vốn gặp nhau trong mỗi con người, được nhà giáo dục nhận biết và nghiên cứu liên quan đến cá nhân, kết quả sẽ là sự rèn luyện cá nhân và nhóm đúng đắn, cùng những chỉ dẫn nghề nghiệp chính xác.

3. The acceptance of the *Teaching anent the Constitution of Man* given by the esotericists, with the implied relation of soul and body, the nature of those bodies, their qualities and purpose, and the interrelation existing between the soul and the three vehicles of expression in the three worlds of human endeavour.

3. Sự chấp nhận *Giáo Huấn liên quan đến Cấu Tạo của Con Người* do các nhà bí truyền học đưa ra, với mối liên hệ hàm ngụ giữa linh hồn và thân thể, bản chất của các thể ấy, các phẩm tính và mục đích của chúng, và sự tương quan hiện hữu giữa linh hồn với ba hiện thể biểu hiện trong ba cõi của nỗ lực nhân loại.

In order to bring this about, the best that the East has to offer and the knowledge of the West will have to be made available. The training of the physical body, the control of the emotional body, and the development of right mental apprehension must proceed sequentially, with due attention to the time factor, and also to that period wherein planned coordination of all aspects of the man should be carefully developed.

Để đưa điều này thành hiện thực, điều tốt nhất mà phương Đông có thể cống hiến và tri thức của phương Tây sẽ phải được đem ra sử dụng. Sự rèn luyện thể xác, sự kiểm soát thể cảm dục, và sự phát triển khả năng lĩnh hội trí tuệ đúng đắn phải diễn tiến tuần tự, với sự chú ý thích đáng đến yếu tố thời gian, cũng như đến giai đoạn trong đó sự phối hợp có kế hoạch của mọi phương diện nơi con người cần được phát triển cẩn thận.

Second: The recognition of the facts of *Esoteric Astrology.*

Thứ hai: Sự công nhận các sự kiện của *Chiêm Tinh Học Nội Môn.*

When this becomes possible there will be an opportunity to train the child from its earliest breath. A careful record will be kept of that exact moment, the moment of birth, or [71] of the first breath, often accompanied

Khi điều này trở nên có thể, sẽ có cơ hội rèn luyện đứa trẻ từ hơi thở đầu tiên của nó. Một hồ sơ cẩn thận sẽ được giữ về khoảnh khắc chính xác ấy, khoảnh khắc chào đời, hay [71] hơi thở đầu tiên, thường đi kèm với tiếng

by the first cry. Character delineations will be noted and compared with the developing subject and also with the ray chart, and the relation of these two—the horoscope and the ray chart—will be subjected to a careful analysis every seven years. These processes will guide the educator in the necessary steps which should be taken wisely to hasten the child's unfoldment. Modern ordinary astrology, with its prevision factor, its emphasis upon the nonessential points and upon the physical concerns of the incarnated soul, will be gradually superseded by the recognition of relationships, of life objectives, of basic character predispositions and of the soul purpose, and much will then become possible to the wise friend and guide of youth—which is what every educator should aim to be.

khóc đầu tiên. Những phác họa tính cách sẽ được ghi nhận và so sánh với đối tượng đang phát triển cũng như với biểu đồ cung, và mối liên hệ giữa hai điều này, tức lá số chiêm tinh và biểu đồ cung, sẽ được phân tích cẩn thận mỗi bảy năm. Các tiến trình này sẽ hướng dẫn nhà giáo dục trong những bước cần thiết phải được thực hiện một cách khôn ngoan để thúc đẩy sự khai mở của đứa trẻ. Chiêm tinh học thông thường hiện đại, với yếu tố tiên đoán, sự nhấn mạnh vào các điểm không thiết yếu và vào những mối quan tâm hồng trần của linh hồn nhập thể, sẽ dần dần được thay thế bởi sự công nhận các mối liên hệ, các mục tiêu đời sống, những khuynh hướng tính cách căn bản và mục đích của linh hồn; và khi đó nhiều điều sẽ trở nên khả hữu đối với người bạn và người hướng dẫn khôn ngoan của tuổi trẻ, đó là điều mà mọi nhà giáo dục nên nhắm tới.

Third: The admittance of the fact of the *Law of Rebirth* as a governing, natural process.

Thứ ba: Sự thừa nhận sự kiện của *Định Luật Tái Sinh* như một tiến trình tự nhiên có tính cai quản.

This will serve as a determining factor in the racial life and will bring much light into the educational Field. The tracing and relating of basic trends to past racial unfoldments and to ancient racial episodes will prove of interest and of import, and though the recovery of past lives will be of no interest, the recognition of characteristics which have been inherited from the past will serve real purpose. Young people will then be studied from the standpoint of their probable point upon the ladder of evolution, and will be grouped as:

Điều này sẽ đóng vai trò như một yếu tố quyết định trong đời sống nhân loại và sẽ đem nhiều ánh sáng vào lĩnh vực giáo dục. Việc truy nguyên và liên hệ các khuynh hướng căn bản với những sự khai mở nhân loại trong quá khứ và với các giai đoạn nhân loại cổ xưa sẽ tỏ ra đáng quan tâm và quan trọng; và dù việc phục hồi các kiếp sống quá khứ sẽ không có gì đáng quan tâm, sự nhận biết các đặc tính được kế thừa từ quá khứ sẽ phục vụ một mục đích thực sự. Bấy giờ người trẻ sẽ được nghiên cứu từ lập trường điểm có thể có của họ trên nấc thang tiến hóa, và sẽ được phân nhóm như sau:

a. Lemurians, with physical predispositions.

a. Người Lemuria, với các khuynh hướng hồng trần.

b. Atlanteans, with emotional dominance.

b. Người Atlantis, với sự thống trị cảm xúc.

c. Aryans, with mental tendencies and inclinations.

c. Người Arya, với các xu hướng và khuynh hướng trí tuệ.

d. New race, with group qualities and consciousness and idealistic vision.

d. Giống dân mới, với các phẩm tính và tâm thức nhóm cùng tầm nhìn lý tưởng.

The time factor (from the angle of present attainment and possible goal in the immediate life) will be carefully considered, [72] and in this way there will be no lost motion; the boy or girl will meet with understanding help and with analysis, but not with ignorance and criticism; they will be safeguarded and not punished; they will be stimulated and not held back; they will be occultly recognised, and therefore will not constitute a problem.

Yếu tố thời gian, xét từ góc độ thành tựu hiện tại và mục tiêu khả hữu trong đời sống trước mắt, sẽ được cân nhắc cẩn thận, [72] và theo cách này sẽ không có chuyển động vô ích; bé trai hay bé gái sẽ gặp được sự trợ giúp đầy thấu hiểu và sự phân tích, chứ không phải sự vô minh và phê phán; chúng sẽ được bảo vệ chứ không bị trừng phạt; chúng sẽ được kích thích chứ không bị kìm hãm; chúng sẽ được nhận biết một cách huyền bí, và vì thế sẽ không tạo thành một vấn đề.

It will be obvious to you that some decades must elapse before such a state of affairs can become possible and usual, but you will note that I have said "decades" and not "centuries." The earlier experiments along this line will become possible only in small schools of specially selected children or small colleges with a picked and trained faculty, cautiously ready to experiment. It is only by the demonstration of the advantage of the above methods of studying and training children that national educational authorities will be convinced of the light which these modes of approach to the delicate task of fitting the human being for life, can throw upon the problem. At the same time, it is essential that such schools and colleges preserve as much of the ordinary demanded curriculum as is possible, so as to be able to demonstrate their adequacy when in competition with other recognised educational systems.

Các bạn sẽ thấy rõ rằng một vài thập niên phải trôi qua trước khi một tình trạng như thế có thể trở nên khả hữu và thông thường, nhưng các bạn sẽ lưu ý rằng Tôi đã nói “thập niên” chứ không phải “thế kỷ”. Những thử nghiệm ban đầu theo hướng này chỉ có thể trở nên khả hữu trong các trường nhỏ dành cho những trẻ em được tuyển chọn đặc biệt, hoặc các trường cao đẳng nhỏ với đội ngũ giảng viên được lựa chọn và huấn luyện, sẵn sàng thử nghiệm một cách thận trọng. Chỉ bằng việc chứng minh lợi ích của các phương pháp nghiên cứu và rèn luyện trẻ em nêu trên, các cơ quan giáo dục quốc gia mới được thuyết phục về ánh sáng mà những cách tiếp cận này có thể chiếu rọi lên vấn đề tinh tế là chuẩn bị con người cho đời sống. Đồng thời, điều thiết yếu là các trường học và cao đẳng như thế phải giữ lại càng nhiều càng tốt chương trình học thông thường được yêu cầu, để có thể chứng minh tính đầy đủ của mình khi cạnh tranh với các hệ thống giáo dục được công nhận khác.

If a true understanding of the seven ray types, of the constitution of man and of astrology, plus a right application of a synthetic psychology is of any use at all, it must demonstrate itself in the production of a correctly coordinated, wisely developed, highly intelligent and mentally directed human being.

Nếu sự thấu hiểu chân chính về bảy kiểu cung, về cấu tạo của con người và về chiêm tinh học, cộng với việc áp dụng đúng đắn một tâm lý học tổng hợp, có bất cứ giá trị nào, thì nó phải tự chứng minh qua việc tạo ra một con người được phối hợp đúng đắn, phát triển khôn ngoan, có trí tuệ cao và được trí tuệ định hướng.

The trouble with the majority of the previous attempts to impose a form of the new age education upon the modern child has been of a twofold nature:

Vấn đề của phần lớn những nỗ lực trước đây nhằm áp đặt một hình thức giáo dục kỷ nguyên mới lên trẻ em hiện đại có bản chất nhị phân:

First, there has been no compromise between the present form of education and the desired ideal; there has been no scientific bridging done; and no attempt has been made to correlate the best of the present methods (probably well adapted to the child of the period) and some of the more [73] appropriate methods embodied in the new vision, particularly those which can be easily approximated to those in use. Only in this way can the sequential steps be taken, until the new education is an accomplished fact and the old and the new techniques are welded into one appropriate whole. The visionary idealist has hitherto held the field and thus slowed up the process.

Thứ nhất, không có sự dung hòa nào giữa hình thức giáo dục hiện nay và lý tưởng mong muốn; không có sự bắt cầu khoa học nào được thực hiện; và cũng không có nỗ lực nào nhằm tương quan những gì tốt nhất của các phương pháp hiện tại, có lẽ rất thích hợp với trẻ em của thời kỳ này, với một số phương pháp [73] thích hợp hơn được thể hiện trong tầm nhìn mới, đặc biệt là những phương pháp có thể dễ dàng gần với những phương pháp đang được sử dụng. Chỉ theo cách này các bước tuần tự mới có thể được thực hiện, cho đến khi nền giáo dục mới trở thành một sự kiện đã hoàn thành và các kỹ thuật cũ cùng mới được hàn gắn thành một tổng thể thích hợp. Cho đến nay, nhà duy tâm viễn kiến đã chiếm lĩnh lĩnh vực này và vì thế làm chậm tiến trình.

Second, the new methods can be tried out successfully only through the medium of most carefully selected children. These children must be watched from babyhood, their parents must be willing to cooperate in the task of providing right early conditions and right atmosphere, and their lives (their case histories) must be studied along the lines suggested earlier in this instruction.

Thứ hai, các phương pháp mới chỉ có thể được thử nghiệm thành công qua trung gian của những trẻ em được tuyển chọn hết sức cẩn thận. Những trẻ này phải được quan sát từ lúc sơ sinh, cha mẹ chúng phải sẵn lòng hợp tác trong nhiệm vụ cung cấp các điều kiện ban đầu đúng đắn và bầu không khí đúng đắn, và đời sống của chúng, tức các hồ sơ trường hợp của chúng, phải được nghiên

cứu theo những đường hướng đã được gợi ý trước đó trong huấn thị này.

Visionary, mystical hopes and dreams are useful in so far as they indicate a possible goal; they are of small use in determining process and method. The imposition of the new age ways in education, upon a child who is basically Atlantean or early Aryan in his consciousness, is a fruitless task and will do little really to help him. It is for this reason that a careful analysis of the child must be made from the very moment of birth. Then, with as full information as possible, the educator will endeavour to meet the need of the three major types of children: The Atlantean, or basically emotional, sensuous type; the early Aryan, or emotional-mental type; the later Aryan or early New Age type, which will be predominantly mental, and at the same time idealistic, brilliant, coordinated, and a personality.

Những hy vọng và giấc mơ viễn kiến, thần bí, hữu ích chừng nào chúng chỉ ra một mục tiêu khả hữu; chúng ít hữu ích trong việc xác định tiến trình và phương pháp. Việc áp đặt các đường lối giáo dục của kỷ nguyên mới lên một đứa trẻ về căn bản là Atlantis hoặc Arya sơ kỳ trong tâm thức của y là một nhiệm vụ vô ích và thật sự chẳng giúp được y bao nhiêu. Chính vì lý do này mà phải thực hiện một phân tích cẩn thận về đứa trẻ ngay từ khoảnh khắc chào đời. Khi đó, với thông tin đầy đủ nhất có thể, nhà giáo dục sẽ cố gắng đáp ứng nhu cầu của ba kiểu trẻ em chính: kiểu Atlantis, hay kiểu về căn bản là cảm xúc và cảm giác; kiểu Arya sơ kỳ, hay kiểu cảm xúc-trí tuệ; kiểu Arya hậu kỳ hay kiểu Kỷ Nguyên Mới sơ kỳ, vốn sẽ chủ yếu là trí tuệ, đồng thời lý tưởng, sáng chói, phối hợp và là một phàm ngã.

The question here arises: How can such methods be employed without the whole process appearing too much like a laboratory experiment in which the child is regarded as a specimen—or a sample child—to be subjected to certain types of impression in which he is deprived of that free scope to be himself—an individual (which seems at all times so desirable and necessary)—and in which the entire process appears as an infringement of the dignity which is the [74] heritage of every human being? Such educational questions and objectives sound important and fine and imposing, but what do they really mean?

Ở đây nảy sinh câu hỏi: Làm sao có thể sử dụng các phương pháp như thế mà toàn bộ tiến trình không có vẻ quá giống một thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, trong đó đứa trẻ được xem như một mẫu vật, hay một đứa trẻ mẫu, để chịu những loại ấn tượng nào đó, trong đó y bị tước mất phạm vi tự do để là chính mình, một cá nhân, điều dường như lúc nào cũng đáng mong muốn và cần thiết, và trong đó toàn bộ tiến trình có vẻ như xâm phạm phẩm giá vốn là [74] di sản của mọi con người? Những câu hỏi và mục tiêu giáo dục như thế nghe có vẻ quan trọng, tốt đẹp và uy nghi, nhưng chúng thực sự hàm ý điều gì?

I have suggested that the textbooks be rewritten in terms of right human relations and not from the present nationalistic and separative angles. I have also pointed out

Tôi đã gợi ý rằng các sách giáo khoa nên được viết lại theo tinh thần những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, chứ không theo các góc nhìn quốc gia chủ nghĩa

certain basic ideas which should be immediately inculcated: the unique value of the individual, the beauty of humanity, the relation of the individual to the whole and his responsibility to fit into the general picture in a constructive manner and voluntarily; I have noted the imminence of the coming spiritual renaissance. To all of these I would like to add that one of our immediate educational objectives must be the elimination of the competitive spirit and the substitution of the cooperative consciousness. Here the question at once arises: How can one achieve this and at the same time bring about a high level of individual attainment? Is not competition a major spur to all endeavour? This has hitherto been so, but it need not be.

và phân ly hiện nay. Tôi cũng đã chỉ ra một số ý tưởng căn bản cần được gieo vào ngay lập tức: giá trị độc nhất của cá nhân, vẻ đẹp của nhân loại, mối liên hệ của cá nhân với toàn thể và trách nhiệm của y trong việc hòa nhập vào bức tranh chung một cách xây dựng và tự nguyện; Tôi đã ghi nhận sự gần kề của cuộc phục hưng tinh thần sắp đến. Với tất cả những điều này, Tôi muốn thêm rằng một trong các mục tiêu giáo dục trước mắt của chúng ta phải là loại bỏ tinh thần cạnh tranh và thay thế bằng tâm thức hợp tác. Ở đây câu hỏi lập tức nảy sinh: Làm sao người ta có thể đạt được điều này mà đồng thời tạo ra một mức độ thành tựu cá nhân cao? Chẳng phải cạnh tranh là một động lực chính cho mọi nỗ lực sao? Cho đến nay điều này đã là như vậy, nhưng không nhất thiết phải như thế.

Today the average child is, for the first five or six years of his life, the victim of his parents' ignorance or selfishness or lack of interest. He is frequently kept quiet and out of the way because his parents are too busy with their own affairs to give him the needed time—busy with nonessential matters, compared to the important and essential business of giving their child a right start upon the pathway of life in this incarnation. He is left to his own resources or those of some ignorant nursemaid, at a stage when a destructive little animal should be developed into a constructive little citizen. He is sometimes petted and often scolded. He is dragged hither and thither, according to his parents' whims and interest, and he is sent to school with a sense of relief on their part, in order to get him occupied and out of the way. At school, he is frequently under the care of some young, ignorant though well-meaning person whose task it is to teach him the rudiments of civilisation—a certain superficial [75] attitude and form of manners which should govern his relations

Ngày nay, đứa trẻ trung bình, trong năm hay sáu năm đầu đời, là nạn nhân của sự vô minh, ích kỷ hoặc thiếu quan tâm của cha mẹ. Y thường bị giữ cho yên lặng và tránh sang một bên vì cha mẹ y quá bận rộn với công việc riêng của họ nên không dành cho y thời gian cần thiết, bận rộn với những điều không thiết yếu, khi so với công việc quan trọng và thiết yếu là cho con họ một khởi đầu đúng đắn trên con đường đời sống trong lần lâm phàm này. Y bị phó mặc cho những nguồn lực của chính mình hoặc của một người giữ trẻ vô minh nào đó, ở giai đoạn khi một con thú nhỏ phá hoại cần được phát triển thành một công dân nhỏ mang tính xây dựng. Đôi khi y được cưng chiều và thường bị la mắng. Y bị kéo đi chỗ này chỗ nọ, tùy theo các ý thích và mối quan tâm của cha mẹ, và y được gửi đến trường với cảm giác nhẹ nhõm từ phía họ, để y được bận rộn và không vướng chân. Ở trường, y thường ở dưới sự chăm sóc của một người trẻ tuổi, vô minh dù có thiện chí, có nhiệm vụ dạy y những điều sơ đẳng của văn minh, tức một thái độ [75] và hình thức lễ nghi khá hời hợt

to the world of men, an ability to read and write and figure, and a smattering (rudimentary indeed) of history and geography and good form in speech and writing.

vốn phải cai quản các mối quan hệ của y với thế giới con người, khả năng đọc, viết và tính toán, cùng một chút ít, thật ra là sơ đẳng, về lịch sử, địa lý và phép tắc tốt đẹp trong lời nói và chữ viết.

By that time however the mischief is done and the form which his later educational processes may take, from the age of eleven onward, is of small moment. An orientation has been effected, an attitude (usually defensive, and therefore inhibiting) has been established, a form of behaviour has been enforced or imposed which is superficial, and which is not based upon the realities of right relationships. The true person which is found in every child—expansive, outgoing and well-meaning as are the bulk of children in infancy—has consequently been driven within, out of sight, and has hidden itself behind an outer shell which custom and tuition have enforced. Add to this a multitude of misunderstandings on the part of loving but superficial and well-intentioned parents, a long series of small catastrophes in relation to others, and it is obvious that the majority of children get off to a wrong start and begin life basically handicapped. The damage done to children in the plastic and pliable years is often irremediable and is responsible for much of the pain and suffering in later life. What then can be done? What, apart from the more technical approaches outlined by me in earlier parts of this instruction, should be the effort on the part of parents and educators?

Tuy nhiên, đến lúc ấy thì sự tổn hại đã xảy ra, và hình thức mà các tiến trình giáo dục về sau của y có thể mang, từ tuổi mười một trở đi, chỉ còn ít quan trọng. Một định hướng đã được tạo lập, một thái độ, thường là phòng vệ và do đó ức chế, đã được thiết lập, một hình thức hành vi hời hợt đã bị cưỡng đặt hay áp đặt, và không đặt nền trên các thực tại của những mối quan hệ đúng đắn. Con người chân thật được tìm thấy trong mọi đứa trẻ, rộng mở, hướng ngoại và đầy thiện ý như phần lớn trẻ em trong thời thơ ấu, vì thế đã bị đẩy vào bên trong, khuất khỏi tầm nhìn, và đã ẩn mình sau một lớp vỏ bên ngoài do tập quán và sự dạy dỗ cưỡng đặt. Thêm vào đó là vô số hiểu lầm từ phía các bậc cha mẹ thương yêu nhưng hời hợt và có thiện chí, một chuỗi dài những thảm họa nhỏ trong quan hệ với người khác, và hiển nhiên là phần lớn trẻ em đã khởi đầu sai lạc và bắt đầu đời sống với bất lợi căn bản. Tổn hại gây ra cho trẻ em trong những năm mềm dẻo và dễ uốn nắn thường không thể sửa chữa và chịu trách nhiệm cho nhiều đau đớn, khổ sở trong đời sống về sau. Vậy có thể làm gì? Ngoài những cách tiếp cận kỹ thuật hơn mà Tôi đã phác thảo trong các phần trước của huấn thị này, cha mẹ và nhà giáo dục nên nỗ lực điều gì?

First, and above everything else, the effort should be made to provide an atmosphere wherein certain qualities can flourish and emerge.

Trước hết, và trên hết mọi điều, cần nỗ lực cung cấp một bầu không khí trong đó một số phẩm tính có thể nảy nở và xuất hiện.

1. *An atmosphere of love*, wherein fear is cast out and the child realises he has no cause for timidity, shyness or caution, and one in which he receives courteous treatment at the hands of others, and is expected also to render equally courteous treatment in return. This is rare indeed to find in schoolrooms [76] or in homes for that matter. This atmosphere of love is not an emotional, sentimental form of love but is based upon a realisation of the potentialities of the child as an individual, on a sense of true responsibility, freedom from prejudice, racial antagonisms, and above everything else, *upon compassionate tenderness*. This compassionate tenderness is founded on the recognition of the difficulty of living, upon sensitivity to the child's normally affectionate response, and upon a knowledge that love always draws forth what is best in child and man.

1. *Một bầu không khí của tình thương*, trong đó sợ hãi bị xua đi và đứa trẻ nhận ra rằng y không có lý do gì để rụt rè, nhút nhát hay dè dặt, và trong đó y nhận được sự đối xử nhã nhặn từ người khác, đồng thời cũng được mong đợi đáp lại bằng sự nhã nhặn tương tự. Quả thật điều này hiếm thấy trong lớp học [76] hay trong gia đình. Bầu không khí tình thương này không phải là một hình thức tình thương xúc cảm, ủy mị, mà đặt nền trên việc nhận ra các tiềm năng của đứa trẻ như một cá nhân, trên ý thức trách nhiệm chân thật, sự thoát khỏi thành kiến, các đối kháng chủng tộc, và trên hết mọi điều, *trên sự dịu dàng đầy lòng bi mẫn*. Sự dịu dàng đầy lòng bi mẫn này đặt nền trên việc nhận biết khó khăn của đời sống, trên sự nhạy bén đối với đáp ứng trìu mến bình thường của đứa trẻ, và trên tri thức rằng tình thương luôn khơi dậy điều tốt đẹp nhất nơi trẻ em và con người.

2. *An atmosphere of patience,* wherein the child can become, normally and naturally, a seeker after the light of knowledge; wherein he is sure of always meeting with a quick response to inquiry and a careful reply to all questions, and wherein there is never the sense of speed or hurry. Most children's natures are warped by the rush and hurry of those with whom they are perforce associated. There is no time to instruct them and to reply to their small and most necessary inquiries, and the time factor therefore becomes a menace to right development, and leads eventually to a life of evasions and of wrong perspectives. Their standard of values becomes distorted by watching those with whom they live, and much of it is brought to their attention by the impatience which is displayed towards them. This impatience on the part of those upon whom they are so pathetically dependent, sows in them the seeds of

2. *Một bầu không khí của sự kiên nhẫn*, trong đó đứa trẻ có thể trở thành, một cách bình thường và tự nhiên, người tìm kiếm ánh sáng tri thức; trong đó y chắc chắn luôn gặp được sự đáp ứng nhanh chóng đối với thắc mắc và lời trả lời cẩn thận cho mọi câu hỏi, và trong đó không bao giờ có cảm giác vội vã hay gấp gáp. Bản chất của phần lớn trẻ em bị làm lệch lạc bởi sự hối hả và vội vã của những người mà chúng buộc phải gắn bó. Không có thời gian để chỉ dạy chúng và trả lời những thắc mắc nhỏ bé nhưng rất cần thiết của chúng, và vì thế yếu tố thời gian trở thành một mối đe dọa đối với sự phát triển đúng đắn, cuối cùng dẫn đến một đời sống né tránh và những viễn cảnh sai lạc. Chuẩn mực giá trị của chúng bị bóp méo khi quan sát những người sống cùng chúng, và phần lớn điều ấy được đưa vào sự chú ý của chúng qua sự thiếu kiên nhẫn được bộc lộ đối với chúng. Sự thiếu kiên nhẫn này từ phía những người mà chúng phụ thuộc một cách

irritation, and more lives are ruined by irritation than can be counted.

đáng thương như thế gieo vào chúng những hạt giống bực bội, và nhiều đời sống bị hủy hoại bởi sự bực bội hơn mức có thể đếm được.

3. *An atmosphere of ordered activity*, wherein the child can learn the first rudiments of responsibility. The children who are coming into incarnation at this time, and who can profit by the new type of education, are necessarily on the very verge of soul consciousness. One of the first indications of such soul contact is a [77] rapidly developing sense of responsibility. This should be carefully borne in mind. for the shouldering of small duties and the sharing of responsibility (which is always concerned with some form of group relation) is a potent factor in determining a child's character and future vocation.

3. *Một bầu không khí của hoạt động có trật tự*, trong đó đứa trẻ có thể học những điều sơ đẳng đầu tiên của trách nhiệm. Những trẻ em đang đi vào lâm phàm vào lúc này, và có thể hưởng lợi từ loại hình giáo dục mới, tất yếu ở ngay ngưỡng của tâm thức linh hồn. Một trong những dấu hiệu đầu tiên của sự tiếp xúc linh hồn như thế là [77] một ý thức trách nhiệm phát triển nhanh chóng. Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận, vì việc gánh vác những bổn phận nhỏ và chia sẻ trách nhiệm, vốn luôn liên quan đến một hình thức quan hệ nhóm nào đó, là một yếu tố mạnh mẽ trong việc xác định tính cách và nghề nghiệp tương lai của đứa trẻ.

4. *An atmosphere of understanding*, wherein a child is always sure that the reasons and motives for his actions will be recognised, and that those who are his older associates will always comprehend the nature of his motivating impulses, even though they may not always approve of what he has done or of his activities. Many of the things which the average child does are not in themselves naughty or wicked or intentionally bad. They are frequently prompted by a thwarted inquiring spirit, by the desire to retaliate for some injustice (based on the adult's lack of understanding his motivation), by an inability to employ time rightly (for the directional will is often, at this age, entirely quiescent and will not become active until the mind is beginning to function), and by the urge to attract attention—a necessary urge in the development of self-consciousness, but one which needs understanding and most careful guidance.

4. *Một bầu không khí của sự thấu hiểu*, trong đó đứa trẻ luôn chắc chắn rằng các lý do và động cơ cho hành động của y sẽ được nhận biết, và rằng những người là bạn đồng hành lớn tuổi hơn của y sẽ luôn lĩnh hội bản chất của các xung lực thúc đẩy y, dù họ không phải lúc nào cũng tán thành điều y đã làm hay các hoạt động của y. Nhiều điều mà đứa trẻ trung bình làm tự thân không hư hỏng, độc ác hay cố ý xấu. Chúng thường được thúc đẩy bởi một tinh thần tìm hiểu bị cản trở, bởi mong muốn đáp trả một bất công nào đó, dựa trên việc người lớn không thấu hiểu động cơ của y, bởi sự bất lực trong việc sử dụng thời gian đúng đắn, vì ý chí định hướng thường ở tuổi này hoàn toàn tĩnh lặng và sẽ không trở nên hoạt động cho đến khi thể trí bắt đầu vận hành, và bởi thôi thúc thu hút sự chú ý, một thôi thúc cần thiết trong sự phát triển ngã thức, nhưng là điều cần được thấu hiểu và hướng dẫn hết sức cẩn thận.

It is the older generation who foster in a child an early and most unnecessary sense of guilt, of sinfulness and of wrongdoing. So much emphasis is laid upon petty little things that are not really wrong but are annoying to the parent or teacher, that a true sense of wrong (which is the recognition of failure to preserve right relations with the group) gets overlaid and is not recognised for what it is. The many small and petty sins, imposed upon children by the constant reiteration of "No," by the use of the word "naughty." and based largely on parental failure to understand and occupy the child, are of no real moment. If these [78] aspects of the child's life are rightly handled, then the truly wrong things, the infringements upon the rights of others, the encroachments of individual desire upon group requirements and conditions, and the hurting or damaging of others in order to achieve personal gain, will emerge in right perspective and at the right time. Then the voice of conscience (which is the whisper of the soul) will not be deadened, and the child will not become anti-social. He only becomes anti-social when he has not met with understanding and therefore does not understand or when circumstances demand too much of him.

Chính thế hệ lớn tuổi nuôi dưỡng nơi đứa trẻ một cảm giác tội lỗi, tội lỗi đạo đức và làm sai quá sớm và hết sức không cần thiết. Người ta đặt quá nhiều nhấn mạnh lên những điều nhỏ nhặt vụn vặt vốn thật ra không sai, nhưng gây khó chịu cho cha mẹ hay thầy cô, đến nỗi ý thức chân thật về điều sai, tức sự nhận biết việc không duy trì những mối quan hệ đúng đắn với nhóm, bị phủ lấp và không được nhận ra đúng như nó là. Nhiều lỗi nhỏ và vụn vặt, áp đặt lên trẻ em bằng sự lặp đi lặp lại liên tục tiếng “Không”, bằng việc dùng từ “hư”, và phần lớn dựa trên thất bại của cha mẹ trong việc thấu hiểu và tạo việc cho đứa trẻ, thật ra chẳng có tầm quan trọng thực sự nào. Nếu những [78] phương diện này của đời sống đứa trẻ được xử lý đúng đắn, thì những điều thật sự sai, những vi phạm quyền lợi của người khác, những sự lấn át của dục vọng cá nhân lên các yêu cầu và điều kiện của nhóm, và việc làm tổn thương hay gây thiệt hại cho người khác để đạt lợi ích cá nhân, sẽ xuất hiện trong viễn cảnh đúng đắn và vào đúng lúc. Khi ấy tiếng nói của lương tâm, vốn là tiếng thì thầm của linh hồn, sẽ không bị làm cho cùn mòn, và đứa trẻ sẽ không trở nên phản xã hội. Y chỉ trở nên phản xã hội khi y không gặp được sự thấu hiểu và vì thế không thấu hiểu, hoặc khi hoàn cảnh đòi hỏi quá nhiều ở y.

You might inquire here, after considering these four types of atmosphere regarded as essential preliminary steps to the new education: How, in this case, do you make allowance for inherited instinct, normal inclination based upon the point in evolution and character tendencies which are determined by ray forces and astrological influences?

Ở đây, sau khi cân nhắc bốn loại bầu không khí được xem là những bước sơ khởi thiết yếu cho nền giáo dục mới, các bạn có thể hỏi: Trong trường hợp này, làm sao các bạn xét đến bản năng kế thừa, khuynh hướng bình thường dựa trên điểm tiến hoá và các xu hướng tính cách được xác định bởi các mãnh lực cung và các ảnh hưởng chiêm tinh?

I have not emphasised them there, even while recognising them as conditioning

Tôi đã không nhấn mạnh chúng ở đó, dù vẫn nhận biết chúng như những yếu tố tác động

factors which must receive attention, because I have been dealing with the unnecessary and vast accumulation of imposed difficulties which are not innate in the child or truly characteristic of him, but which are the result of his environment and the failure of his home circle and existing educational agencies rightly to aid him in making his adjustments to life and his period. When there is wise handling from infancy, when the child is regarded as the most important concern of his parents and teachers (because he is the future in embryo), and when, at the same time, he is taught a sense of proportion by right integration into the little world of which he is a part, we shall see the major lines of difficulty, the basic character trends and the gaps in his equipment emerge clearly. They will not be hidden until the years of adolescence by the little sins and evasions and by the petty embryonic complexes, which have been imposed upon him by others and did not form a part of his innate equipment when he came [79] into incarnation. Then these major difficulties can be handled in an enlightened manner, and those basic tendencies which are undesirable can be offset through the wisdom of the educator, plus the cooperation and understanding of the child. *He will understand because he is understood and consequently fearless.*

cần được chú ý, bởi vì Tôi đang bàn đến sự tích lũy rộng lớn và không cần thiết của những khó khăn bị áp đặt, vốn không bẩm sinh nơi đứa trẻ hay thật sự đặc trưng cho y, mà là kết quả của môi trường và thất bại của vòng gia đình cùng các cơ quan giáo dục hiện hữu trong việc trợ giúp y đúng đắn để điều chỉnh với đời sống và thời kỳ của y. Khi có sự xử lý khôn ngoan từ thời thơ ấu, khi đứa trẻ được xem là mối quan tâm quan trọng nhất của cha mẹ và thầy cô, vì y là tương lai còn ở dạng phôi thai, và khi đồng thời y được dạy Ý thức về tỉ lệ bằng sự tích hợp đúng đắn vào thế giới nhỏ bé mà y là một phần, chúng ta sẽ thấy các đường hướng khó khăn chính, các xu hướng tính cách căn bản và những thiếu sót trong trang bị của y xuất hiện rõ ràng. Chúng sẽ không bị che giấu cho đến những năm thiếu niên bởi các lỗi nhỏ, sự né tránh và các phức cảm phôi thai vụn vặt đã bị người khác áp đặt lên y và không phải là một phần trang bị bẩm sinh của y khi y đi [79] vào lâm phàm. Khi ấy những khó khăn chính này có thể được xử lý một cách giác ngộ, và những khuynh hướng căn bản không đáng mong muốn có thể được hóa giải nhờ minh triết của nhà giáo dục, cộng với sự hợp tác và thấu hiểu của đứa trẻ. *Y sẽ thấu hiểu vì y được thấu hiểu và do đó không sợ hãi.*

Let us now formulate a more extended plan for the future education of the children of the world. We have noted that in spite of universal educational processes and many centres of learning in every country, we have not yet succeeded in giving our young people the kind of education which will enable them to live wholly and constructively. The development of world education has been progressively along three main lines, starting in the East and

Bây giờ chúng ta hãy hình thành một kế hoạch mở rộng hơn cho nền giáo dục tương lai của trẻ em thế giới. Chúng ta đã ghi nhận rằng bất chấp các tiến trình giáo dục phổ quát và nhiều trung tâm học tập ở mọi quốc gia, chúng ta vẫn chưa thành công trong việc trao cho người trẻ loại giáo dục sẽ giúp họ sống trọn vẹn và mang tính xây dựng. Sự phát triển của giáo dục thế giới đã diễn tiến theo ba đường hướng chính, khởi đầu ở phương Đông và ngày nay đạt đến đỉnh cao ở

culminating today in the West. Naturally, I am speaking only in terms of the last two or three thousand years. In Asia, we have had the intensive training, down the centuries, of certain carefully chosen individuals and a complete neglect of the masses. Asia and Asia alone has produced those outstanding figures who are, even today, the object of universal veneration—Lao Tze, Confucius, the Buddha, Shri Krishna and the Christ. They have set Their mark upon millions and still do.

phương Tây. Dĩ nhiên, Tôi chỉ nói trong phạm vi hai hay ba ngàn năm gần đây. Ở châu Á, qua nhiều thế kỷ, chúng ta đã có sự rèn luyện chuyên sâu dành cho một số cá nhân được lựa chọn cẩn thận và sự bỏ mặc hoàn toàn đối với quần chúng. Châu Á, và chỉ châu Á, đã sản sinh những nhân vật xuất chúng mà ngay cả ngày nay vẫn là đối tượng của sự tôn kính phổ quát: Lão Tử, Khổng Tử, Đức Phật, Shri Krishna và Đức Christ. Các Ngài đã in dấu ấn của Các Ngài lên hàng triệu người và vẫn tiếp tục như vậy.

Then in Europe, we have had educational attention concentrated upon a few privileged groups, giving them a carefully planned cultural training but teaching only the necessary rudiments of learning to the masses. This produced periodically such important epochs of cultural expression as the Elizabethan period, the Renaissance, the poets and writers of the Victorian era and the poets and musicians of Germany, as well as the clusters of artists whose memory is perpetuated in the Italian School, the Dutch and the Spanish groups.

Sau đó, ở châu Âu, chúng ta đã có sự chú ý giáo dục tập trung vào một vài nhóm đặc quyền, trao cho họ một sự rèn luyện văn hóa được hoạch định cẩn thận nhưng chỉ dạy quần chúng những điều sơ đẳng cần thiết của học vấn. Điều này định kỳ tạo ra những thời đại quan trọng của biểu hiện văn hóa như thời kỳ Elizabeth, thời Phục Hưng, các thi sĩ và tác giả của kỷ nguyên Victoria, các thi sĩ và nhạc sĩ của Đức, cũng như các nhóm nghệ sĩ mà ký ức của họ được lưu truyền trong Trường phái Ý, các nhóm Hà Lan và Tây Ban Nha.

Finally, in the newer countries of the world, such as the United States, Australia and Canada, mass education was instituted and was largely copied throughout the entire civilised world. The general level of cultural attainment [80] became much lower; the level of mass information and competency considerably higher. The question now arises: What will be the next evolutionary development in the educational world?

Cuối cùng, tại các quốc gia mới hơn của thế giới, như Hoa Kỳ, Úc và Canada, giáo dục đại chúng đã được thiết lập và phần lớn được sao chép trên toàn thế giới văn minh. Mức độ thành tựu văn hóa chung [80] trở nên thấp hơn nhiều; mức độ thông tin và năng lực của đại chúng cao hơn đáng kể. Bây giờ câu hỏi nảy sinh: Sự phát triển tiến hóa kế tiếp trong thế giới giáo dục sẽ là gì?

Let us remember one important thing. What education can do along undesirable lines has been well demonstrated in Germany with its wrecking of idealism, its inculcation of wrong human relations and attitudes and its glorification of all that is most selfish, brutal

Chúng ta hãy nhớ một điều quan trọng. Điều giáo dục có thể làm theo những đường hướng không đáng mong muốn đã được chứng minh rõ ràng ở Đức, với việc phá hủy chủ nghĩa lý tưởng, gieo vào những mối quan hệ và thái độ sai lạc giữa người với

and aggressive. Germany has proved that educational processes when properly organised and supervised, systematically planned and geared to an ideology, are potent in effect, especially if the child is taken young enough and if he is shielded from all contrary teaching for a long enough time. Let us remember at the same time that this demonstrated potency can work two ways and that what has been wrought out along wrong lines can be equally successful along right ones.

người, và tôn vinh mọi điều ích kỷ, tàn bạo và hiếu chiến nhất. Đức đã chứng minh rằng các tiến trình giáo dục, khi được tổ chức và giám sát đúng mức, được hoạch định có hệ thống và gắn vào một hệ tư tưởng, có hiệu quả mạnh mẽ, nhất là nếu đứa trẻ được tiếp nhận đủ sớm và nếu y được che chắn khỏi mọi giáo huấn trái ngược trong một thời gian đủ dài. Đồng thời, chúng ta hãy nhớ rằng uy lực đã được chứng minh này có thể vận hành theo hai cách, và điều đã được thực hiện theo những đường hướng sai lạc cũng có thể thành công tương tự theo những đường hướng đúng đắn.

We need also to realise that we must do two things: We must place the emphasis educationally upon those who are under sixteen years of age (and the younger the better) and. secondly. that we must begin with what we have, even whilst recognising the limitations of the present systems. We must strengthen those aspects which are good and desirable; we must develop the new attitudes and techniques which will fit a child for complete living and so make him truly human—a creative, constructive member of the human family. The very best of all that is past must be preserved but should only be regarded as the foundation for a better system and a wiser approach to *the goal of world citizenship*.

Chúng ta cũng cần nhận ra rằng chúng ta phải làm hai điều: Chúng ta phải đặt trọng tâm giáo dục vào những người dưới mười sáu tuổi, và càng nhỏ càng tốt; thứ hai, chúng ta phải bắt đầu với những gì chúng ta đang có, dù vẫn nhận biết các giới hạn của các hệ thống hiện tại. Chúng ta phải củng cố những phương diện tốt đẹp và đáng mong muốn; chúng ta phải phát triển các thái độ và kỹ thuật mới sẽ chuẩn bị đứa trẻ cho đời sống trọn vẹn, và như thế làm cho y thật sự là con người, một thành viên sáng tạo, xây dựng của gia đình nhân loại. Điều tốt đẹp nhất của tất cả quá khứ phải được gìn giữ, nhưng chỉ nên được xem như nền tảng cho một hệ thống tốt hơn và một cách tiếp cận khôn ngoan hơn đối với *mục tiêu công dân thế giới*.

It might be of value at this point to define what education can be, if it is impulsed by true vision and made responsive to sensed world need and to the demands of the times.

Ở điểm này, có thể hữu ích nếu định nghĩa giáo dục có thể là gì, nếu nó được thúc đẩy bởi tầm nhìn chân chính và được làm cho đáp ứng với nhu cầu thế giới được cảm nhận cùng những đòi hỏi của thời đại.

Education is the training, intelligently given, which will enable the youth of the world to contact their environment with intelligence and sanity, and adapt themselves to the [81]

Giáo dục là sự rèn luyện được trao một cách thông minh, giúp thanh niên thế giới tiếp xúc với môi trường của họ bằng trí tuệ và sự lành mạnh, và thích nghi với [81] các điều

existing conditions. This today is of prime importance and is one of the signposts in a world which has fallen to pieces.

kiện hiện hữu. Ngày nay điều này có tầm quan trọng hàng đầu và là một trong những cột mốc chỉ đường trong một thế giới đã tan vỡ.

Education is a process whereby the child is equipped with the information which will enable him to act as a good citizen and perform the functions of a wise parent. It should take into consideration his inherent tendencies, his racial and national attributes, and then endeavour to add to these that knowledge which will lead him to work constructively in his particular world setting and prove himself a useful citizen. The general trend of his education will be more psychological than in the past and the information thus gained will be geared to his peculiar situation. All children have certain assets and should be taught how to use them; these they share with the whole of humanity, irrespective of race or nationality. Educators will, therefore, lay emphasis in the future upon:

Giáo dục là một tiến trình qua đó đứa trẻ được trang bị thông tin sẽ giúp y hành động như một công dân tốt và thực hiện các chức năng của một bậc cha mẹ khôn ngoan. Nó phải xét đến các khuynh hướng vốn có của y, các thuộc tính chủng tộc và quốc gia của y, rồi cố gắng thêm vào những điều ấy tri thức sẽ dẫn y đến việc làm việc một cách xây dựng trong bối cảnh thế giới riêng của y và chứng tỏ mình là một công dân hữu ích. Xu hướng chung của nền giáo dục dành cho y sẽ mang tính tâm lý nhiều hơn quá khứ, và thông tin thu được như thế sẽ được điều chỉnh theo hoàn cảnh đặc thù của y. Mọi trẻ em đều có một số tài sản và cần được dạy cách sử dụng chúng; những điều này chúng chia sẻ với toàn thể nhân loại, bất kể chủng tộc hay quốc tịch. Do đó, trong tương lai các nhà giáo dục sẽ nhấn mạnh vào:

1. A developing mental control of the emotional nature.

1. Sự phát triển kiểm soát trí tuệ đối với bản chất cảm xúc.

2. Vision or the capacity to see beyond what is, to what might be.

2. Tầm nhìn, hay khả năng thấy vượt khỏi cái đang là, đến cái có thể là.

3. Inherited, factual knowledge upon which it will be possible to superimpose the wisdom of the future.

3. Tri thức sự kiện kế thừa, trên đó có thể đặt chồng lên minh triết của tương lai.

4. Capacity wisely to handle relationships and to recognise and assume responsibility.

4. Khả năng xử lý các mối quan hệ một cách khôn ngoan và nhận biết cũng như đảm nhận trách nhiệm.

5. The power to use the mind in two ways:

5. Quyền năng sử dụng thể trí theo hai cách:

a. As the "commonsense" (using this word in its old connotation), analysing and

synthesising the information conveyed by the five senses.

a. Như "lương tri", dùng từ này theo hàm nghĩa cũ của nó, phân tích và tổng hợp thông tin được truyền bởi năm giác quan.

b. As a searchlight, penetrating into the world of ideas and of abstract truth.

b. Như một đèn pha, xuyên vào thế giới của các ý tưởng và chân lý trừu tượng.

Knowledge comes from two directions. It is the result of the intelligent use of the five senses and it is also developed from the attempt to seize upon and understand ideas. Both of these are implemented by curiosity and investigation. [82]

Tri thức đến từ hai hướng. Nó là kết quả của việc sử dụng thông minh năm giác quan, và cũng được phát triển từ nỗ lực nắm bắt và thấu hiểu các ý tưởng. Cả hai điều này được thực hiện nhờ tính hiếu kỳ và sự điều tra. [82]

Education should be of three kinds and all three are necessary to bring humanity to a needed point of development.

Giáo dục nên có ba loại, và cả ba đều cần thiết để đưa nhân loại đến một điểm phát triển cần thiết.

It is. first of all, a process of acquiring facts—past and present—and of then learning to infer and gather from this mass of information. gradually accumulated. that which can be of practical use in any given situation. This process involves the fundamentals of our present educational systems.

Trước hết, đó là một tiến trình thu nhận các sự kiện, quá khứ và hiện tại, rồi học cách suy luận và rút ra từ khối thông tin được tích lũy dần dần này điều có thể hữu dụng trong bất cứ tình huống nhất định nào. Tiến trình này bao hàm các nền tảng của các hệ thống giáo dục hiện nay của chúng ta.

It is, secondly, a process of learning wisdom as an outgrowth of knowledge and of grasping understandingly the meaning which lies behind the outer imparted facts. It is the power to apply knowledge in such a manner that sane living and an understanding point of view, plus an intelligent technique of conduct, are the natural results. This also involves training for specialised activities. based upon innate tendencies, talents or genius.

Thứ hai, đó là một tiến trình học minh triết như sự phát triển từ tri thức, và nắm bắt với sự thấu hiểu ý nghĩa nằm phía sau các sự kiện bên ngoài được truyền đạt. Đó là quyền năng áp dụng tri thức theo cách mà đời sống lành mạnh và một quan điểm thấu hiểu, cộng với một kỹ thuật hành xử thông minh, trở thành các kết quả tự nhiên. Điều này cũng bao hàm sự rèn luyện cho các hoạt động chuyên biệt, dựa trên các khuynh hướng bẩm sinh, tài năng hay thiên tài.

It is, finally, a process whereby unity or a sense of synthesis is cultivated. Young people in the future will be taught to think of themselves in relation to the group, to the

Cuối cùng, đó là một tiến trình qua đó sự hợp nhất hay ý thức tổng hợp được vun trồng. Trong tương lai, người trẻ sẽ được dạy suy nghĩ về chính mình trong mối liên hệ

family unit and to the nation in which their destiny has put them. They will also be taught to think in terms of world relationship and of their nation in relation to other nations. This covers training for citizenship, for parenthood, and for world understanding; it is basically psychological and should convey an understanding of humanity. When this type of training is given, we shall develop men and women who are both civilised and cultured and who will also possess the capacity to move forward (as life unfolds) into that world of meaning which underlies the world of outer phenomena and who will begin to view human happenings in terms of the deeper spiritual and universal values.

với nhóm, với đơn vị gia đình và với quốc gia mà định mệnh đã đặt họ vào. Họ cũng sẽ được dạy suy nghĩ theo các mối quan hệ thế giới và về quốc gia của họ trong mối liên hệ với các quốc gia khác. Điều này bao gồm sự rèn luyện cho tư cách công dân, cho vai trò làm cha mẹ, và cho sự thấu hiểu thế giới; về căn bản nó có tính tâm lý và phải truyền đạt một sự thấu hiểu về nhân loại. Khi loại rèn luyện này được trao, chúng ta sẽ phát triển những người nam và nữ vừa văn minh vừa có văn hóa, và cũng sở hữu khả năng tiến tới, khi đời sống khai mở, vào Thế giới của ý nghĩa nằm bên dưới thế giới của các hiện tượng bên ngoài, và họ sẽ bắt đầu nhìn các biến cố nhân loại theo các giá trị tinh thần và phổ quát sâu xa hơn.

Education should be the process whereby youth is taught to reason from cause to effect, to know the reason why certain actions are bound inevitably to produce certain results and why (given a certain emotional and mental equipment, plus an ascertained psychological rating) definite life trends [83] can be determined and certain professions and life careers provide the right setting for development and a useful and profitable field of experience. Some attempts along this line have been undertaken by certain colleges and schools in an effort to ascertain the psychological aptitudes of a boy or a girl for certain vocations but the whole effort is still amateurish in nature. When made more scientific it opens the door for training in the sciences; it gives significance and meaning to history, biography and learning and thus avoids the bare impartation of facts and the crude process of memory training which has been distinctive of past methods.

Giáo dục phải là tiến trình qua đó tuổi trẻ được dạy lý luận từ nguyên nhân đến kết quả, biết lý do tại sao một số hành động tất yếu phải tạo ra một số kết quả nhất định, và tại sao, khi có một trang bị cảm xúc và trí tuệ nào đó, cộng với một mức đánh giá tâm lý đã được xác định, các xu hướng đời sống rõ rệt [83] có thể được xác định, và một số nghề nghiệp cùng sự nghiệp đời sống cung cấp bối cảnh đúng đắn cho sự phát triển và một lĩnh vực kinh nghiệm hữu ích, có lợi. Một số nỗ lực theo hướng này đã được một số trường cao đẳng và trường học thực hiện nhằm xác định các năng khiếu tâm lý của một bé trai hay bé gái đối với một số nghề nghiệp, nhưng toàn bộ nỗ lực vẫn còn mang bản chất nghiệp dư. Khi được làm cho khoa học hơn, nó mở cửa cho sự rèn luyện trong các khoa học; nó đem lại thâm nghĩa và ý nghĩa cho lịch sử, tiểu sử và học vấn, nhờ đó tránh việc truyền đạt sự kiện trần trụi và tiến trình thô sơ của rèn luyện trí nhớ vốn là nét đặc trưng của các phương pháp quá khứ.

The new education will consider a child with due reference to his heredity, his social

Nền giáo dục mới sẽ xem xét đứa trẻ với sự tham chiếu thích đáng đến di truyền của y,

position, his national conditioning, his environment and his individual mental and emotional equipment and will seek to throw the entire world of effort open to him, pointing out that apparent barriers to progress are only spurs to renewed endeavour and thus seeking to "lead him out" (the true meaning of the word "education") from any limiting condition and train him to think in terms of constructive world citizenship. Growth and still more growth will be emphasised.

vị trí xã hội của y, tác động quốc gia lên y, môi trường của y và trang bị trí tuệ cùng cảm xúc cá nhân của y, và sẽ tìm cách mở ra cho y toàn bộ thế giới nỗ lực, chỉ ra rằng các rào cản bề ngoài đối với tiến bộ chỉ là những thôi thúc cho nỗ lực được đổi mới, và như thế tìm cách "dẫn y ra", nghĩa chân chính của từ "giáo dục", khỏi bất cứ điều kiện giới hạn nào, đồng thời rèn luyện y suy nghĩ theo tinh thần công dân thế giới mang tính xây dựng. Sự tăng trưởng, và càng tăng trưởng hơn nữa, sẽ được nhấn mạnh.

The educator of the future will approach the problem of youth from the angle of the *instinctual* reaction of the children, their *intellectual* capacity and their *intuitional* potentiality. In infancy and in the earlier school grades, the development of right instinctual reactions will be watched and cultivated; in the later grades, in what is equivalent to the high schools or the secondary schools, the intellectual unfoldment and control of the mental processes will be emphasised, whilst in the colleges and universities the unfoldment of the intuition, the importance of ideals and ideas and the development of abstract thinking and perception will be fostered; this latter phase will be soundly based upon the previous sound intellectual foundation. These three factors—instinct, intellect and intuition—provide the keynotes for the three scholastic institutions through which every [84] young person will pass and through which, today, many thousands do pass.

Nhà giáo dục của tương lai sẽ tiếp cận vấn đề tuổi trẻ từ góc độ phản ứng *bản năng* của trẻ em, năng lực *trí năng* của chúng và tiềm năng *trực giác* của chúng. Trong thời thơ ấu và các lớp học đầu tiên, sự phát triển những phản ứng bản năng đúng đắn sẽ được quan sát và vun trồng; ở các lớp cao hơn, tương đương với trung học phổ thông hay trung học, sự khai mở trí năng và kiểm soát các tiến trình trí tuệ sẽ được nhấn mạnh; trong khi ở các trường cao đẳng và đại học, sự khai mở trực giác, tầm quan trọng của các lý tưởng và ý tưởng, cùng sự phát triển tư duy và tri giác trừu tượng sẽ được nuôi dưỡng; giai đoạn sau này sẽ được đặt nền vững chắc trên nền tảng trí năng lành mạnh trước đó. Ba yếu tố này, bản năng, trí năng và trực giác, cung cấp các chủ âm cho ba cơ sở học đường mà mọi [84] người trẻ sẽ đi qua và qua đó, ngày nay, nhiều ngàn người đang đi qua.

In the future, education will make a far wider use of psychology than heretofore. A trend in this direction is definitely to be seen. The nature—physical, vital, emotional and mental—of the boy or girl will be carefully investigated and his incoherent life

Trong tương lai, giáo dục sẽ sử dụng tâm lý học rộng rãi hơn nhiều so với trước đây. Một xu hướng theo hướng này rõ ràng đang được thấy. Bản chất, hồng trần, sinh lực, cảm xúc và trí tuệ, của bé trai hay bé gái sẽ được khảo sát cẩn thận, và các mục đích đời sống thiếu

purposes directed along right lines; he will be taught to recognise himself as the one who acts, who feels and who thinks. Thus the responsibility of the central "I," or the occupant of the body will be taught. This will alter the entire present attitude of the youth of the world to their surroundings and foster, from the earliest days, the recognition of a part to be played and a responsibility to be assumed and that education is a method of preparation for that useful and interesting future.

mạch lạc của y sẽ được định hướng theo các đường lối đúng đắn; y sẽ được dạy nhận biết chính mình như người hành động, người cảm nhận và người suy nghĩ. Như thế trách nhiệm của cái “Tôi” trung tâm, hay cư dân của thể xác, sẽ được dạy. Điều này sẽ thay đổi toàn bộ thái độ hiện tại của tuổi trẻ thế giới đối với môi trường chung quanh và nuôi dưỡng, từ những ngày đầu tiên, sự nhận biết một vai trò phải đảm nhận, một trách nhiệm phải gánh vác, và rằng giáo dục là một phương pháp chuẩn bị cho tương lai hữu ích và thú vị ấy.

It, therefore, becomes increasingly apparent that the coming education could be defined in a new and broader sense as the Science of Right Human Relations and of Social Organisation. This gives a comparatively new purpose to any curriculum imparted and yet indicates that nothing hitherto included need be excluded, only a better motivation will be obvious and a nationalistic, selfish presentation avoided. If history is, for instance, presented on the basis of the conditioning ideas which have led humanity onward and not on the basis of aggressive wars and international or national thievery, then education will concern itself with the right perception and use of ideas, of their transformation into working ideals and their application as the will-to-good, the will-to-truth and the will-to-beauty. Thus a much needed alteration of humanity's aims from our present competitive and materialistic objectives into those that will more fully express the Golden Rule will come about and right relations between individuals, groups, parties, nations and throughout the entire international world will be established.

Do đó, ngày càng hiển nhiên rằng nền giáo dục sắp đến có thể được định nghĩa theo một nghĩa mới và rộng hơn như Khoa Học về Những Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa Người Với Người và về Tổ Chức Xã Hội. Điều này đem lại một mục đích tương đối mới cho bất cứ chương trình học nào được truyền đạt, nhưng vẫn cho thấy rằng không điều gì đã được bao gồm từ trước đến nay cần bị loại bỏ; chỉ có động cơ tốt hơn sẽ trở nên rõ ràng, và cách trình bày quốc gia chủ nghĩa, ích kỷ sẽ được tránh. Chẳng hạn, nếu lịch sử được trình bày trên nền tảng các ý tưởng tác động đã dẫn nhân loại tiến tới, chứ không trên nền tảng các cuộc chiến tranh xâm lược và sự trộm cướp quốc tế hay quốc gia, thì giáo dục sẽ quan tâm đến sự tri giác đúng đắn và việc sử dụng các ý tưởng, đến sự chuyển đổi chúng thành các lý tưởng hoạt động và sự áp dụng chúng như Ý Chí-hướng Thiện, ý chí hướng chân lý và ý chí hướng cái đẹp. Nhờ vậy, một sự thay đổi rất cần thiết trong các mục tiêu của nhân loại, từ các mục tiêu cạnh tranh và duy vật hiện nay sang những mục tiêu sẽ biểu hiện đầy đủ hơn Quy Luật Vàng, sẽ diễn ra, và những mối quan hệ đúng đắn giữa các cá nhân, nhóm, đảng phái, quốc gia và trên toàn bộ thế giới quốc tế sẽ được thiết lập.

Increasingly, education should be concerned with the [85] wholes of life as well as with the details of daily individual living. The child, as an individual, will be developed and equipped, trained and motivated and taught then his responsibilities to the whole and the value of the contribution which he can and must make to the group.

Ngày càng nhiều, giáo dục phải quan tâm đến [85] các tổng thể của đời sống cũng như các chi tiết của đời sống cá nhân hằng ngày. Đứa trẻ, với tư cách một cá nhân, sẽ được phát triển và trang bị, rèn luyện và tạo động lực, rồi được dạy các trách nhiệm của y đối với toàn thể và giá trị của sự đóng góp mà y có thể và phải thực hiện cho nhóm.

It is perhaps a platitude to say that education should occupy itself necessarily with the development of the reasoning powers of the child and not primarily—as is now usually the case—with the training of the memory and the parrot-like recording of facts and dates and uncorrelated and ill-digested items of information. The history of the growth of man's perceptive faculties under differing national and racial conditions is of profound interest. The outstanding figures of history, literature and art and of religion will surely be studied from the angle of their effort and their influence for good or evil upon their period; the quality and purpose of their leadership will be considered. Thus the child will absorb a vast amount of historical information, of creative activity and of idealism and philosophy not only with the maximum of ease but with permanent effect upon his character.

Có lẽ là một điều sáo mòn khi nói rằng giáo dục tất yếu phải bận tâm đến sự phát triển các quyền năng lý luận của đứa trẻ, chứ không chủ yếu, như hiện nay thường là trường hợp, đến việc rèn luyện trí nhớ và sự ghi chép như con vẹt các sự kiện, niên đại cùng các mẩu thông tin rời rạc, chưa được tương quan và tiêu hóa kém. Lịch sử về sự tăng trưởng các năng lực tri giác của con người dưới những điều kiện quốc gia và chủng tộc khác nhau có mối quan tâm sâu sắc. Các nhân vật nổi bật của lịch sử, văn học, nghệ thuật và tôn giáo chắc chắn sẽ được nghiên cứu từ góc độ nỗ lực của họ và ảnh hưởng tốt hay xấu của họ lên thời kỳ của họ; phẩm tính và mục đích của sự lãnh đạo của họ sẽ được xem xét. Như thế đứa trẻ sẽ hấp thu một lượng lớn thông tin lịch sử, hoạt động sáng tạo, chủ nghĩa lý tưởng và triết học, không chỉ với mức dễ dàng tối đa mà còn với hiệu quả lâu dài lên tính cách của y.

The continuity of effort, the effects upon civilisation of ancient tradition, good and evil happenings and the interplay of varying cultural aspects of civilisation will be brought to his attention and the dry-as-dust information, dates and names will fall into the discard. All branches of human knowledge could, in this way, become alive and reach a new level of constructive usefulness. There is already a definite tendency in this direction and it is good and sound. The past of humanity as the

Sự liên tục của nỗ lực, các hiệu quả của truyền thống cổ xưa lên văn minh, những biến cố tốt và xấu, và sự tương tác của các phương diện văn hóa khác nhau của văn minh sẽ được đưa vào sự chú ý của y, còn những thông tin khô như bụi, niên đại và tên gọi sẽ bị loại bỏ. Theo cách này, mọi ngành tri thức của con người có thể trở nên sống động và đạt đến một mức độ hữu dụng xây dựng mới. Đã có một xu hướng rõ rệt theo hướng này, và điều đó là tốt đẹp, lành mạnh. Quá khứ của nhân loại như nền tảng

foundation for present happenings and the present as the determining factor for the future, will increasingly be recognised and thus great and needed changes will be brought about in human psychology as a whole.

cho các biến cố hiện tại, và hiện tại như yếu tố quyết định tương lai, sẽ ngày càng được công nhận, và như thế những thay đổi lớn lao, cần thiết sẽ được tạo ra trong tâm lý nhân loại nói chung.

The creative aptitude of the human being should also, under the new era, receive fuller attention; the child will be spurred on to individual effort suited to his temperament [86] and capacity. Thus he will be induced to contribute what he can of beauty to the world and of right thought to the sumtotal of human thinking; he will be encouraged to investigate and the world of science will open up before him. Behind all these applied incentives, the motives of goodwill and right human relations will be found.

Năng khiếu sáng tạo của con người cũng phải, dưới kỷ nguyên mới, nhận được sự chú ý đầy đủ hơn; đứa trẻ sẽ được thúc đẩy hướng tới nỗ lực cá nhân phù hợp với khí chất [86] và năng lực của y. Như thế y sẽ được dẫn dắt để đóng góp những gì y có thể về cái đẹp cho thế giới và về tư tưởng đúng đắn cho tổng số tư duy của nhân loại; y sẽ được khuyến khích điều tra, và thế giới khoa học sẽ mở ra trước y. Phía sau tất cả những thôi thúc được áp dụng này, sẽ thấy các động cơ của thiện chí và những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người.

Finally, education should surely present the hypothesis of the soul in man as the interior factor which produces the good, the true and the beautiful. Creative expression and humanitarian effort will, therefore, receive a logical basis. This will not be done through a theological or doctrinal presentation, as is today the case, but as presenting a problem for investigation and as an effort to answer the question: What is man; what is his intrinsic purpose in the scheme of things? The livingness of the influence and the proclaimed purpose behind the constant appearance of spiritual, cultural and artistic world leaders down the ages will be studied and their lives subjected to research, both historical and psychological. This will open up before the youth of the world the entire problem of leadership and of motive. Education will, therefore, be given in the form of human interest, human achievement and human possibility. This will be done in such a manner that the

Sau cùng, giáo dục chắc chắn nên trình bày giả thuyết về linh hồn trong con người như yếu tố nội tại tạo ra điều thiện, điều chân và điều mỹ. Do đó, sự biểu đạt sáng tạo và nỗ lực nhân đạo sẽ nhận được một nền tảng hợp lý. Điều này sẽ không được thực hiện qua một sự trình bày thần học hay giáo điều, như trường hợp ngày nay, mà như việc nêu ra một vấn đề để khảo cứu và như một nỗ lực trả lời câu hỏi: Con người là gì; mục đích nội tại của y trong hệ thống vạn vật là gì? Tính sống động của ảnh hưởng và mục đích được tuyên bố phía sau sự xuất hiện liên tục của các nhà lãnh đạo tinh thần, văn hóa và nghệ thuật trên thế giới qua các thời đại sẽ được nghiên cứu, và đời sống của họ sẽ được khảo cứu cả về phương diện lịch sử lẫn tâm lý. Điều này sẽ mở ra trước thanh niên thế giới toàn bộ vấn đề về lãnh đạo và động cơ. Do đó, giáo dục sẽ được trao truyền dưới hình thức quan tâm của con người, thành tựu của con người và khả năng của con người. Điều này sẽ được thực hiện theo cách sao cho nội dung

content of the student's mind will not only be enriched with historical and literary facts but his imagination will be fired, and his ambition and aspiration evoked along true and right lines; the world of past human effort will be presented to him in a truer perspective and the future thrown open to him also in an appeal for his individual effort and personal contribution.

thể trí của học sinh không chỉ được làm phong phú bằng các sự kiện lịch sử và văn học, mà sự tưởng tượng của y cũng được khơi cháy, và hoài bão cùng khát vọng của y được gợi lên theo những đường hướng chân thật và đúng đắn; thế giới của nỗ lực nhân loại trong quá khứ sẽ được trình bày cho y trong một viễn cảnh chân thật hơn, và tương lai cũng sẽ được mở ra trước y như một lời kêu gọi đến nỗ lực cá nhân và sự đóng góp riêng của y.

What I have written above in no way implies an indictment of past methods except in so far that the world today itself presents an indictment; it does not either constitute an impractical vision or a mystical hope, based on wishful thinking. It concerns an attitude to life and the future which many thousands of people hold today, and among them [87] many, many educators in every country. The errors and mistakes of the past techniques are obvious but there is no need to waste time in emphasising them or in piling up instances. What is needed is a realisation of the immediate opportunity, plus the recognition that the required shift in objectives and change in methods will take much time. We shall have to train our teachers differently and much time will be lost as we grope for the new and better ways, develop the new textbooks and find the men and women who can be impressed with the new vision and who will work for the new civilisation. I have sought only to emphasise principles and I do this with the recognition that many of them are by no means new but that they require new emphasis. I have endeavoured to show that now is the day of opportunity, for everything has to be built up again, for everything has been destroyed in the greater part of the world. The war has demonstrated that we have not taught aright. A better educational system should, therefore, be worked out which will present

Những gì Tôi đã viết ở trên hoàn toàn không hàm ý một sự kết án các phương pháp trong quá khứ, ngoại trừ trong chừng mực chính thế giới ngày nay tự nó đưa ra sự kết án; nó cũng không tạo thành một tầm nhìn phi thực tiễn hay một hy vọng thần bí dựa trên tư duy mong cầu. Nó liên quan đến một thái độ đối với đời sống và tương lai mà ngày nay nhiều ngàn người đang nắm giữ, và trong số họ [87] có rất, rất nhiều nhà giáo dục ở mọi quốc gia. Những sai lầm và lỗi lầm của các kỹ thuật quá khứ là hiển nhiên, nhưng không cần phí thời gian nhấn mạnh chúng hay chồng chất thêm các ví dụ. Điều cần thiết là sự nhận biết về cơ hội trước mắt, cộng với sự công nhận rằng sự chuyển đổi cần thiết trong các mục tiêu và sự thay đổi trong các phương pháp sẽ mất nhiều thời gian. Chúng ta sẽ phải đào tạo các giáo viên của mình theo một cách khác, và nhiều thời gian sẽ mất đi khi chúng ta dò dẫm tìm những phương cách mới và tốt đẹp hơn, phát triển những sách giáo khoa mới, và tìm những người nam và nữ có thể được gây ấn tượng bởi tầm nhìn mới và sẽ làm việc cho nền văn minh mới. Tôi chỉ tìm cách nhấn mạnh các nguyên lý, và Tôi làm điều này với sự công nhận rằng nhiều nguyên lý trong số đó hoàn toàn không mới, nhưng chúng cần được nhấn mạnh theo cách mới. Tôi đã cố gắng cho thấy rằng hiện nay là ngày của cơ hội, vì mọi sự phải được xây dựng lại, bởi mọi sự đã bị phá hủy trong phần lớn thế giới. Chiến

the possibilities of human living in such a manner that barriers will be broken down, prejudices removed and a training given to the developing child which will enable him, when grownup, to live with other men in harmony and goodwill. This can be done, if patience and understanding are developed and if educators realise that "where there is no vision, the people perish."

tranh đã chứng minh rằng chúng ta đã không dạy dỗ đúng đắn. Do đó, một hệ thống giáo dục tốt đẹp hơn cần được hoạch định, hệ thống ấy sẽ trình bày những khả năng của đời sống con người theo cách sao cho các rào cản sẽ bị phá vỡ, các định kiến được loại bỏ, và một sự đào tạo được trao cho đứa trẻ đang phát triển, giúp y khi trưởng thành có thể sống với những người khác trong sự hài hòa và thiện chí. Điều này có thể được thực hiện nếu sự kiên nhẫn và thấu hiểu được phát triển, và nếu các nhà giáo dục nhận ra rằng "nơi nào không có tầm nhìn, dân chúng sẽ diệt vong."

An international system of education, developed in joint conference by broadminded teachers and educational authorities in every country, is today a crying need and would provide a major asset in preserving world peace. Steps towards this are already being taken and today groups of educators are getting together and discussing the formation of a better system which will guarantee that the children of the different nations (beginning with the millions of children now demanding education) will be taught truth, without bias or prejudice. World democracy will take form when men everywhere are regarded in reality as equal; when boys [88] and girls are taught that it does not matter whether a man is an Asiatic, an American, a European, British, a Jew or a Gentile but only that each has an historical background and history which enables him to contribute something to the good of the whole, and that the major requirement is an attitude of goodwill and a constant effort to foster right human relations. World Unity will be a fact when the children of the world are taught that religious differences are largely a matter of birth; that if a man is born in Italy, the probability is that he will be a Roman Catholic; if he is born a Jew, he will follow

Một hệ thống giáo dục quốc tế, được phát triển trong hội nghị chung bởi các giáo viên và nhà chức trách giáo dục có đầu óc rộng mở ở mọi quốc gia, ngày nay là một nhu cầu cấp thiết và sẽ cung cấp một tài sản lớn trong việc gìn giữ hòa bình thế giới. Những bước tiến hướng tới điều này đã và đang được thực hiện, và ngày nay các nhóm nhà giáo dục đang cùng nhau thảo luận về việc hình thành một hệ thống tốt đẹp hơn, bảo đảm rằng trẻ em của các quốc gia khác nhau, bắt đầu với hàng triệu trẻ em hiện đang đòi hỏi giáo dục, sẽ được dạy chân lý, không thiên lệch hay định kiến. Nền dân chủ thế giới sẽ thành hình khi con người ở khắp nơi thực sự được xem là bình đẳng; khi các bé trai [88] và bé gái được dạy rằng việc một người là người châu Á, người Mỹ, người châu Âu, người Anh, người Do Thái hay người không phải Do Thái không quan trọng, mà chỉ quan trọng rằng mỗi người đều có một bối cảnh lịch sử và một lịch sử giúp y đóng góp điều gì đó cho lợi ích của toàn thể, và rằng yêu cầu chính yếu là một thái độ thiện chí cùng nỗ lực liên tục nhằm nuôi dưỡng những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người. Sự Thống Nhất Thế Giới sẽ là một sự kiện khi trẻ em thế giới được dạy rằng những khác biệt tôn giáo phần lớn là vấn đề sinh ra ở đâu; rằng nếu một người sinh ra ở Ý, khả

the Jewish teaching; if born in Asia, he may be a Mohammedan, a Buddhist, or belong to one of the Hindu sects; if born in other countries, he may be a Protestant and so on. He will learn that the religious differences are largely the result of man made quarrels over human interpretations of truth. Thus gradually, our quarrels and differences will be offset and the idea of the One Humanity will take their place.

năng là y sẽ là người Công giáo La Mã; nếu y sinh ra là người Do Thái, y sẽ theo giáo huấn Do Thái; nếu sinh ra ở châu Á, y có thể là người Hồi giáo, Phật tử, hoặc thuộc một trong các giáo phái Ấn giáo; nếu sinh ra ở các quốc gia khác, y có thể là người Tin Lành, vân vân. Y sẽ học rằng những khác biệt tôn giáo phần lớn là kết quả của các cuộc tranh cãi do con người tạo ra quanh những diễn giải của con người về chân lý. Như vậy, dần dần, các cuộc tranh cãi và khác biệt của chúng ta sẽ được hóa giải, và ý tưởng về Nhân Loại Duy Nhất sẽ thay thế chúng.

Much greater care will have to be given in picking and training the teachers of the future. Their mental attainments and their knowledge of their particular subject will be of importance, but more important still will be the need for them to be free from prejudice and to see all men as members of a great family. The educator of the future will need to be more of a trained psychologist than he is today. Besides imparting academic knowledge, he will realise that his major task is to evoke out of his class of students a real sense of responsibility; no matter what he has to teach—history, geography, mathematics, languages, science in its various branches or philosophy—he will relate it all to the Science of Right Human Relations and try to give a truer perspective than in the past upon social organisation.

Cần phải dành sự chăm sóc lớn hơn nhiều trong việc chọn lựa và đào tạo các giáo viên của tương lai. Những thành tựu trí tuệ của họ và kiến thức của họ về môn học chuyên biệt sẽ quan trọng, nhưng còn quan trọng hơn nữa là nhu cầu họ phải thoát khỏi định kiến và thấy mọi người như các thành viên của một gia đình lớn. Nhà giáo dục của tương lai sẽ cần là một nhà tâm lý học được đào luyện nhiều hơn so với ngày nay. Ngoài việc truyền đạt kiến thức học thuật, y sẽ nhận ra rằng nhiệm vụ chính yếu của y là gợi lên từ lớp học sinh của mình một ý thức thực sự về trách nhiệm; bất kể y phải dạy điều gì—lịch sử, địa lý, toán học, ngôn ngữ, khoa học trong các ngành khác nhau hay triết học—y sẽ liên hệ tất cả với Khoa Học về Những Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa Người Với Người và cố gắng trao một viễn cảnh chân thật hơn so với quá khứ về tổ chức xã hội.

When the young people of the future—under the proposed application of principles—are civilised, cultured and responsive to world citizenship, we shall have a world of men awakened, creative and possessing a true sense of values [89] and a sound and constructive outlook on world affairs. It will

Khi những người trẻ của tương lai—dưới sự áp dụng được đề xuất của các nguyên lý—trở nên văn minh, có văn hóa và đáp ứng với quyền công dân thế giới, chúng ta sẽ có một thế giới gồm những con người đã thức tỉnh, sáng tạo và sở hữu một ý thức chân thật về các giá trị [89] cùng một quan điểm lành mạnh và xây dựng về các sự vụ thế giới. Sẽ

take a long time to bring this about, but it is not impossible as history itself has proved.

cần một thời gian dài để đem điều này thành hiện thực, nhưng nó không phải là bất khả, như chính lịch sử đã chứng minh.

It will be only common sense, however, to realise that this integration is not possible for every student passing through the hands of our teachers. All, however, no matter what their initial capacity, can be trained in the Science of Right Human Relations and thus respond to the major objective of the coming educational systems. Indications of this can be seen on every hand but as yet the emphasis is not laid on it when training teachers or influencing parents. Much, very much, has been done by enlightened groups of men in all lands and this they have done whilst studying the requirements for citizenship, whilst undertaking research work connected with correct social relations (communal, national and international) and through the many organisations which are trying to bring to the mass of human beings a sense of responsibility for human happiness and human welfare. Nevertheless, the real work along these lines should be started in infancy so that the consciousness of the child (so easily directed) can from its earliest days assume an unselfish attitude towards his associates. It can be started very simply if the parents so desire; it can be carried forward progressively if parents and teachers demonstrate in their own lives what they teach. Finally the time will come, under these conditions, when in late adolescence a crisis, needed and planned, is precipitated in the young person's life, and he will then stabilise himself in the particular manner in which destiny ordains that he shall fulfil his task of right relationship through the means of *vocational service.*

Tuy nhiên, chỉ là lẽ thường khi nhận ra rằng sự tích hợp này không thể có đối với mọi học sinh đi qua tay các giáo viên của chúng ta. Tuy nhiên, tất cả, bất kể năng lực ban đầu của họ là gì, đều có thể được đào tạo trong Khoa Học về Những Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa Người Với Người và do đó đáp ứng với mục tiêu chính yếu của các hệ thống giáo dục sắp đến. Các dấu hiệu của điều này có thể thấy ở mọi nơi, nhưng cho đến nay sự nhấn mạnh vẫn chưa được đặt vào đó khi đào tạo giáo viên hay tác động đến cha mẹ. Nhiều, rất nhiều điều đã được thực hiện bởi các nhóm người giác ngộ ở mọi xứ sở, và họ đã làm điều này trong khi nghiên cứu các yêu cầu đối với quyền công dân, trong khi đảm nhiệm công việc khảo cứu liên quan đến các mối quan hệ xã hội đúng đắn, cộng đồng, quốc gia và quốc tế, và qua nhiều tổ chức đang cố gắng đem đến cho đại chúng nhân loại một ý thức trách nhiệm đối với hạnh phúc và phúc lợi của con người. Tuy nhiên, công việc thực sự theo các đường hướng này nên bắt đầu từ thời thơ ấu, để tâm thức của đứa trẻ, vốn rất dễ được định hướng, ngay từ những ngày đầu tiên có thể nhận lấy một thái độ không ích kỷ đối với các bạn đồng hành của y. Điều đó có thể bắt đầu rất đơn giản nếu cha mẹ mong muốn như vậy; nó có thể được tiến hành dần dần nếu cha mẹ và giáo viên chứng minh trong đời sống riêng của họ điều họ dạy. Sau cùng, dưới những điều kiện này, thời gian sẽ đến khi, vào cuối tuổi thiếu niên, một cuộc khủng hoảng cần thiết và được hoạch định được ngưng tụ trong đời sống của người trẻ, và bấy giờ y sẽ tự ổn định mình theo cách đặc thù mà định mệnh chỉ định để y hoàn thành nhiệm vụ của mình về mối quan hệ

đúng đắn thông qua phương tiện của *phụng sự theo thiên hướng nghề nghiệp.*

It is bridging work which has now to be done —bridging between what is today and what can be in the future. If, during the next 150 years, we develop this technique of bridging the many cleavages found in the human family and in offsetting the racial hatreds and the separative attitudes of nations and people, we shall have succeeded in implementing [90] a world in which war will be impossible and humanity will be realising itself as one human family and not as a fighting aggregate of many nations and people, competitively engaged in getting the best of each other and successfully fostering prejudices and hatred. This has, as we have seen, been the history of the past. Man has been developed from an isolated animal, prompted only by the instincts of self -preservation, eating, and mating, through the stages of family life, tribal life and national life to the point where today a still broader ideal is grasped by him—international unity or the smooth functioning of the One Humanity. This growing idealism is fighting its way into the forefront of the human consciousness in spite of all separative enmities. It is largely responsible for the present chaos and for the banding together of the United Nations. It has produced the conflicting ideologies which are seeking world expression; it has produced the dramatic emergence of national saviours (so-called), world prophets and world workers, idealists, opportunists, dictators, investigators and humanitarians. These conflicting idealisms are a wholesome sign, whether we agree with them or not. They are definitely exploiting the human demand—urgent and right—for better conditions, for more light and understanding, for greater cooperation, for

Công việc bắt cầu là điều hiện nay phải được thực hiện—bắt cầu giữa điều đang là hôm nay và điều có thể là trong tương lai. Nếu trong 150 năm tới, chúng ta phát triển kỹ thuật bắt cầu qua nhiều rạn nứt được tìm thấy trong gia đình nhân loại, và trong việc hóa giải những hận thù chủng tộc cùng thái độ chia rẽ của các quốc gia và các dân tộc, chúng ta sẽ thành công trong việc thực hiện [90] một thế giới trong đó chiến tranh sẽ là điều bất khả, và nhân loại sẽ nhận ra chính mình như một gia đình nhân loại duy nhất, chứ không phải như một tập hợp đấu tranh gồm nhiều quốc gia và dân tộc, cạnh tranh với nhau để giành phần hơn và nuôi dưỡng thành công các định kiến và hận thù. Như chúng ta đã thấy, đây đã là lịch sử của quá khứ. Con người đã được phát triển từ một con vật cô lập, chỉ bị thúc đẩy bởi các bản năng tự bảo tồn, ăn uống và giao phối, qua các giai đoạn của đời sống gia đình, đời sống bộ tộc và đời sống quốc gia, đến điểm mà ngày nay một lý tưởng còn rộng lớn hơn được y nắm bắt—sự thống nhất quốc tế hay sự vận hành thông suốt của Nhân Loại Duy Nhất. Chủ nghĩa lý tưởng đang lớn mạnh này đang tự mở đường tiến lên hàng đầu trong tâm thức nhân loại, bất chấp mọi thù nghịch chia rẽ. Nó chịu trách nhiệm phần lớn cho tình trạng hỗn loạn hiện tại và cho sự liên kết của Liên Hiệp Quốc. Nó đã tạo ra các hệ tư tưởng xung đột đang tìm cách biểu đạt trên thế giới; nó đã tạo ra sự xuất hiện đầy kịch tính của những vị cứu tinh quốc gia, gọi là như vậy, các nhà tiên tri thế giới và những người hoạt động thế giới, các nhà lý tưởng, những kẻ cơ hội, các nhà độc tài, các nhà khảo cứu và những người nhân đạo. Những chủ nghĩa lý tưởng xung đột này là một dấu hiệu lành mạnh, dù chúng ta có đồng ý với chúng hay không. Chúng chắc chắn đang khai thác nhu cầu của con người

security and peace and plenty in the place of terror, fear and starvation.

—khẩn thiết và đúng đắn—về những điều kiện tốt đẹp hơn, về nhiều ánh sáng và sự thấu hiểu hơn, về sự hợp tác lớn hơn, về an ninh, hòa bình và sung túc thay cho kinh hoàng, sợ hãi và đói khát.

It is difficult for modern man to conceive of a time when there will be no racial, national or separative religious consciousness present in human thinking. It was equally difficult for prehistoric man to conceive of a time when there would be national thinking and this is a good thing for us to bear in mind. The time when humanity will be able to think in universal terms still lies far ahead but the fact that we can speak of it, desire it and plan for it is surely the guarantee that it is not impossible. Humanity has always progressed from stage to stage of enlightenment and from glory to glory. We are today on our way to a far better civilisation [91] than the world has ever known and towards conditions which will ensure a much happier humanity and which will see the end of national differences, of class distinctions (whether based on an hereditary or a financial status) and which will ensure a fuller and richer life for everyone.

Thật khó cho con người hiện đại quan niệm về một thời kỳ khi trong tư tưởng nhân loại sẽ không còn hiện diện tâm thức chủng tộc, quốc gia hay tôn giáo chia rẽ. Cũng khó như vậy đối với con người tiền sử khi quan niệm về một thời kỳ sẽ có tư tưởng quốc gia, và đây là một điều tốt để chúng ta ghi nhớ. Thời kỳ khi nhân loại có thể tư duy bằng những thuật ngữ phổ quát vẫn còn nằm rất xa phía trước, nhưng sự kiện rằng chúng ta có thể nói về nó, mong muốn nó và hoạch định cho nó chắc chắn là bảo đảm rằng nó không phải là điều bất khả. Nhân loại luôn tiến bộ từ giai đoạn này sang giai đoạn khác của giác ngộ và từ vinh quang này đến vinh quang khác. Ngày nay chúng ta đang trên đường đi tới một nền văn minh tốt đẹp hơn nhiều [91] so với bất cứ nền văn minh nào thế giới từng biết, và hướng tới những điều kiện sẽ bảo đảm một nhân loại hạnh phúc hơn nhiều, sẽ chứng kiến sự kết thúc của các khác biệt quốc gia, của các phân biệt giai cấp, dù dựa trên địa vị thừa kế hay tài chính, và sẽ bảo đảm một đời sống đầy đủ và phong phú hơn cho mọi người.

It will be obvious that very many decades must elapse before such a state of affairs will be actively present—but it will be decades and not centuries, if humanity can learn the lessons of war and if the reactionary and the conservative peoples in every nation can be prevented from swinging civilisation back on to the bad old lines. But a beginning can immediately be made. Simplicity should be our watchword for it is simplicity which will kill our old materialistic way of living. *Cooperative goodwill* is surely the first idea to

Hiển nhiên là rất nhiều thập niên phải trôi qua trước khi một tình trạng sự việc như thế có mặt một cách hoạt động—nhưng sẽ là các thập niên chứ không phải các thế kỷ, nếu nhân loại có thể học các bài học của chiến tranh, và nếu những người phản động cùng bảo thủ trong mọi quốc gia có thể bị ngăn không cho kéo nền văn minh trở lại các đường lối cũ tồi tệ. Nhưng một khởi đầu có thể được thực hiện ngay lập tức. Sự giản dị nên là khẩu hiệu của chúng ta, vì chính sự giản dị sẽ giết chết lối sống duy vật cũ của

be presented to the masses and taught in our schools, thereby guaranteeing the new and better civilisation. *Loving understanding*, intelligently applied, should be the hallmark of the cultured and wiser groups, plus effort on their part to relate the world of meaning to the world of outer efforts —for the benefit of the masses. *World Citizenship* as an expression of both goodwill and understanding should be the goal of the enlightened everywhere and the hallmark of the spiritual man, and in these three, you have right relations established between education, religion and politics.

chúng ta. *Thiện chí hợp tác* chắc chắn là ý tưởng đầu tiên cần được trình bày cho quần chúng và được dạy trong trường học của chúng ta, nhờ đó bảo đảm nền văn minh mới và tốt đẹp hơn. *Sự thấu hiểu thương yêu*, được áp dụng một cách thông minh, nên là dấu hiệu của các nhóm có văn hóa và minh triết hơn, cộng với nỗ lực của họ nhằm liên hệ Thế giới của ý nghĩa với thế giới của những nỗ lực bên ngoài—vì lợi ích của quần chúng. *Quyền Công Dân Thế Giới*, như một biểu hiện của cả thiện chí lẫn sự thấu hiểu, nên là mục tiêu của những người giác ngộ ở khắp nơi và là dấu hiệu của con người tinh thần; và trong ba điều này, các bạn có những mối quan hệ đúng đắn được thiết lập giữa giáo dục, tôn giáo và chính trị.

All the work being done now is definitely transitional work and therefore most difficult. It infers a bridging process between the old and the new, and would present almost insuperable difficulties were it not for the fact that the coming two generations will bring in those types of egos who are competent to deal with the problem. Upon this fact those of you who are concerned with the educational system and situation, and who are bewildered by the presented vision and by the task of approximating the cherished possibilities, must rest back with confidence. Clear thinking, much love and a sense of true compromise (note this phrase) will do much to lay the needed foundations and keep the door of the [92] future wide open. A balancing process is going forward in this interim period, and to it the modern educator should pay due attention.

Tất cả công việc đang được thực hiện hiện nay chắc chắn là công việc chuyển tiếp, và do đó cực kỳ khó khăn. Nó hàm ý một tiến trình bắt cầu giữa cái cũ và cái mới, và sẽ đưa ra những khó khăn hầu như không thể vượt qua nếu không vì sự kiện rằng hai thế hệ sắp đến sẽ mang vào những loại chân ngã có năng lực đề cập đến vấn đề này. Những ai trong các bạn quan tâm đến hệ thống và tình hình giáo dục, và đang bối rối trước tầm nhìn được trình bày cũng như trước nhiệm vụ làm cho các khả năng được yêu quý trở nên gần đúng với hiện thực, phải dựa vào sự kiện này với niềm tin tưởng. Tư duy rõ ràng, nhiều tình thương và một ý thức về sự thỏa hiệp chân thật, hãy lưu ý cụm từ này, sẽ làm được nhiều điều để đặt các nền tảng cần thiết và giữ cho cánh cửa của [92] tương lai rộng mở. Một tiến trình cân bằng đang diễn ra trong giai đoạn chuyển tiếp này, và nhà giáo dục hiện đại nên dành sự chú ý thích đáng cho nó.

I can perhaps indicate the nature of this process. I have stated here and elsewhere

Có lẽ Tôi có thể chỉ ra bản chất của tiến trình này. Ở đây và ở nơi khác, Tôi đã nói rằng linh hồn neo chính nó vào thân thể ở hai điểm:

that the soul anchors itself in the body at two points:

1. There is a thread of energy, which we call the life or spirit aspect, anchored in the heart. It uses the blood stream, as is well known, as its distributing agency and, through the medium of the blood, life-energy carries regenerating power and coordinating energy to all the physical organisms and keeps the body "whole."

2. There is a thread of energy, which we call the consciousness aspect or the faculty of soul knowledge, anchored in the centre of the head. It controls that response mechanism which we call the brain, and through its medium it directs activity and induces awareness throughout the body by means of the nervous system.

These two energy factors, which are recognised by human beings as life and knowledge, or as living energy and intelligence, are the two poles of a child's being. The task ahead of him is to develop consciously the middle or balancing aspect which is love or *group relationship*, in order that knowledge should be subordinated to the group need and interests, and that living energy should be turned consciously and with intention into the group whole. In doing this a true balance will be achieved and it will be brought about by the recognition that the *Way of Service* is a scientific technique for the achieving of this balance. Educators therefore have three things to bear in mind during this present period of transition: [93]

1. To reorient the knowledge, the consciousness aspect or the sense of awareness in the child in such a manner that he realises from infancy that all that he has

1. Có một sợi dây năng lượng mà chúng ta gọi là phương diện sự sống hay tinh thần, được neo trong tim. Như đã biết rõ, nó dùng dòng máu làm tác nhân phân phối của mình, và qua trung gian của máu, năng lượng sự sống mang quyền năng tái sinh và năng lượng phối hợp đến mọi cơ quan hồng trần và giữ cho thân thể được “toàn vẹn.”

2. Có một sợi dây năng lượng mà chúng ta gọi là phương diện tâm thức hay năng lực tri thức của linh hồn, được neo trong trung tâm đầu. Nó kiểm soát bộ máy đáp ứng mà chúng ta gọi là bộ não, và qua trung gian của bộ não, nó chỉ đạo hoạt động và khơi dẫn sự nhận biết khắp thân thể bằng phương tiện hệ thần kinh.

Hai yếu tố năng lượng này, được con người công nhận là sự sống và tri thức, hay là năng lượng sống và trí tuệ, là hai cực trong hiện tồn của một đứa trẻ. Nhiệm vụ trước mắt y là phát triển một cách có ý thức phương diện trung gian hay quân bình, vốn là tình thương hay *mối quan hệ nhóm*, để tri thức được đặt dưới nhu cầu và lợi ích của nhóm, và để năng lượng sống được chuyển hướng một cách có ý thức và có chủ đích vào toàn thể nhóm. Khi làm điều này, một sự quân bình chân thật sẽ đạt được, và nó sẽ được mang lại bởi sự công nhận rằng *Con Đường Phụng Sự* là một kỹ thuật khoa học để đạt được sự quân bình này. Do đó, các nhà giáo dục có ba điều cần ghi nhớ trong giai đoạn chuyển tiếp hiện tại này: [93]

1. Tái định hướng tri thức, phương diện tâm thức hay ý thức nhận biết trong đứa trẻ theo cách sao cho y nhận ra từ thời thơ ấu rằng tất cả những gì y đã được dạy hay đang được dạy

been taught or is being taught is with the view to the good of others more than of himself. He will therefore be trained to be definitely forward looking. Information as to the past history of the race will be given to him from the angle of the racial growth in consciousness and not so much from the angle of the *facts* of material or aggressive achievement as is now the case. As the past, in the child's mind, is correlated with the present, his capacity to correlate, unify and bridge, in the different aspects of his life and on various planes, will be developed.

đều nhằm tới lợi ích của người khác hơn là của chính y. Do đó, y sẽ được đào luyện để chắc chắn hướng về phía trước. Thông tin về lịch sử quá khứ của nhân loại sẽ được trao cho y từ góc độ sự tăng trưởng của nhân loại trong tâm thức, chứ không quá nhiều từ góc độ các *sự kiện* của thành tựu vật chất hay hiếu chiến như trường hợp hiện nay. Khi quá khứ, trong thể trí của đứa trẻ, được liên hệ với hiện tại, năng lực của y trong việc liên hệ, hợp nhất và bắt cầu, trong các phương diện khác nhau của đời sống y và trên các cõi khác nhau, sẽ được phát triển.

2. To teach him that the life which he feels pulsing through his veins is only one small part of the total life pulsing throughout all forms, all kingdoms in nature, all planets, and the solar system. He will learn that he shares it with all that exists, and that therefore a true "blood Brotherhood" is everywhere to be found. Consequently, from the very start of his life, he can be taught *relationship*, and this the small child will be apt to recognise more quickly than will the average adult, trained in the ways and attitudes of the old age. When these two realisations—responsibility and relationship—are inculcated in the child from infancy, then the third objective of the new education will come with greater ease.

2. Dạy y rằng sự sống mà y cảm thấy đang đập nhịp qua các tĩnh mạch của mình chỉ là một phần nhỏ của toàn bộ sự sống đang đập nhịp khắp mọi hình tướng, mọi giới trong thiên nhiên, mọi hành tinh và hệ mặt trời. Y sẽ học rằng y chia sẻ nó với tất cả những gì hiện hữu, và do đó một "tình huynh đệ cùng huyết thống" chân thật có thể được tìm thấy ở khắp nơi. Do đó, ngay từ khởi đầu đời sống của y, y có thể được dạy về *mối quan hệ*, và điều này đứa trẻ nhỏ sẽ dễ nhận ra nhanh hơn người trưởng thành trung bình, vốn được đào luyện theo các phương cách và thái độ của thời đại cũ. Khi hai nhận biết này—trách nhiệm và mối quan hệ—được gieo vào đứa trẻ từ thời thơ ấu, thì mục tiêu thứ ba của nền giáo dục mới sẽ đến dễ dàng hơn.

3. The unification in consciousness of the life impulse and the urge to knowledge will lead eventually to a planned activity. This planned activity will constitute service, and this, in its turn, will do three things for the child who is taught to practice it:

3. Sự hợp nhất trong tâm thức giữa xung lực sự sống và thôi thúc hướng tới tri thức cuối cùng sẽ dẫn đến một hoạt động được hoạch định. Hoạt động được hoạch định này sẽ tạo thành sự phụng sự, và đến lượt nó, điều này sẽ làm ba việc cho đứa trẻ được dạy thực hành nó:

a. It will serve as a directional agency from the earliest years, finally indicating vocation and avocation and thus aiding in the choice of a life career. [94]

a. Nó sẽ phụng sự như một tác nhân định hướng từ những năm đầu đời, cuối cùng chỉ ra thiên hướng nghề nghiệp và hoạt động

phụ trợ, và như vậy trợ giúp trong việc lựa chọn sự nghiệp đời sống. [94]

b. It will draw out the best that is in the child and will make him a magnetic radiating centre in the place where he is. It will enable him to attract to himself those who can help him or be helped by him, those who can serve him and whom he best can serve.

b. Nó sẽ khơi mở điều tốt nhất có trong đứa trẻ và sẽ làm cho y trở thành một trung tâm từ tính và tỏa rạng tại nơi y đang ở. Nó sẽ giúp y thu hút đến với mình những người có thể giúp y hoặc được y giúp, những người có thể phụng sự y và những người mà y có thể phụng sự tốt nhất.

c. It will therefore make him definitely *creative*, and so enable him to spin that thread of energy which, when added to the life thread and to the consciousness thread, will link head, heart and throat into one unified and functioning agency.

c. Do đó, nó chắc chắn sẽ làm cho y trở nên *sáng tạo*, và như thế giúp y xe nên sợi dây năng lượng ấy, khi được thêm vào sinh mệnh tuyến và thức tuyến, sẽ liên kết đầu, tim và cổ họng thành một tác nhân hợp nhất và vận hành.

The meeting of the three aforesaid requirements will be the primary step (made on a racial scale) to the building of the antahkarana or the bridge between:

Việc đáp ứng ba yêu cầu nói trên sẽ là bước đầu tiên, được thực hiện trên quy mô nhân loại, hướng tới việc xây dựng antahkarana hay cây cầu giữa:

1. Various aspects of the form nature.

1. Các phương diện khác nhau của bản chất hình tướng.

2. The personality and the soul.

2. Phàm ngã và linh hồn.

3. The man and other human beings.

3. Con người và những con người khác.

4. The man as a member of the human family, and his environing world.

4. Con người với tư cách là một thành viên của gia đình nhân loại, và thế giới bao quanh y.

You will note from this that education should be basically concerned with relations and interrelations, with the bridging or the healing of cleavages, and thus with the restoration of unity or synthesis. The establishment of the Science of Right Relations is the next immediate step in the

Từ điều này, các bạn sẽ lưu ý rằng giáo dục về căn bản nên quan tâm đến các mối quan hệ và tương quan, đến việc bắt cầu hay chữa lành các rạn nứt, và do đó đến việc phục hồi sự thống nhất hay tổng hợp. Việc thiết lập Khoa Học về Những Mối Quan Hệ Đúng Đắn là bước kế tiếp trước mắt trong sự khai mở

mental unfoldment of the race. It is the major activity of the new education.

trí tuệ của nhân loại. Đó là hoạt động chính yếu của nền giáo dục mới.

The Aquarian Age – Thời Đại Bảo Bình

As a result of the bridging work which will be done in the immediate one hundred and fifty years ahead of us, the technique of bridging the various cleavages found in the human family, and of weaving into one strong cable the various threads of energy which tenuously, as yet, connect the various aspects of the inner man with the outer form, will have made [95] so much progress that the bulk of the intelligent people in the world and of all classes and nations will be integrated personalities. When this is the case, the science of the antahkarana will be a planned part of their training. Today, as we study this science and its related sciences of meditation and service, the appeal will be only to the world aspirants and disciples. Its usefulness will only be found at present to be for those special incarnating souls who are today coming into incarnation with such rapidity as a response to the world's need for help. But later the appeal will be general and its usefulness more nearly universal.

Như kết quả của công việc bắt cầu sẽ được thực hiện trong một trăm năm mươi năm ngay trước mắt chúng ta, kỹ thuật bắt cầu qua các rạn nứt khác nhau được tìm thấy trong gia đình nhân loại, và kỹ thuật dệt thành một sợi cáp mạnh mẽ duy nhất các sợi dây năng lượng khác nhau vốn cho đến nay mới chỉ nối kết mong manh các phương diện khác nhau của con người bên trong với hình tướng bên ngoài, sẽ đạt được [95] tiến bộ lớn đến mức phần đông những người thông minh trên thế giới, thuộc mọi giai cấp và quốc gia, sẽ là các phàm ngã tích hợp. Khi điều này xảy ra, khoa học về antahkarana sẽ là một phần được hoạch định trong sự đào tạo của họ. Ngày nay, khi chúng ta nghiên cứu khoa học này và các khoa học liên hệ của nó về tham thiền và phụng sự, sự hấp dẫn của nó sẽ chỉ hướng đến những người chí nguyện và đệ tử thế giới. Hiện tại, tính hữu dụng của nó sẽ chỉ được thấy đối với những linh hồn nhập thể đặc biệt hiện đang đi vào nhập thể rất nhanh chóng như một đáp ứng với nhu cầu được giúp đỡ của thế giới. Nhưng về sau, sự hấp dẫn sẽ mang tính phổ quát, và tính hữu dụng của nó sẽ gần như phổ quát hơn.

It is needless for me to outline for you the nature of the educational systems of the Aquarian Age because they would prove most unsuitable at this time. I mention them as it is necessary to remember that the work done during the next two centuries in the field of education is definitely temporary and balancing, and that out of the fulfillment of the task assigned to education will grow those more permanent systems

Tôi không cần phác họa cho các bạn bản chất của các hệ thống giáo dục trong Thời Đại Bảo Bình, vì vào lúc này chúng sẽ tỏ ra rất không thích hợp. Tôi đề cập đến chúng vì cần nhớ rằng công việc được thực hiện trong hai thế kỷ tới trong lĩnh vực giáo dục chắc chắn là tạm thời và có tính cân bằng, và rằng từ sự hoàn thành nhiệm vụ được giao cho giáo dục sẽ nảy sinh những hệ thống bền vững hơn, vốn trong thời đại mới sẽ được thấy đang nở rộ ở khắp nơi.

which, in the new age, will be found flourishing everywhere.

Three major sciences will eventually dominate the field of education in the new age. They will not negate the activities of modern science but will integrate them into a wider subjective whole. These three sciences are:

1. *The Science of the Antahkarana.* This is the new and true science of the mind, which will utilise mental substance for the building of the bridge between personality and soul, and then between the soul and the spiritual triad. This constitutes active work in substance subtler than the substance of the three worlds of ordinary human evolution. It concerns the substance of the three higher levels of the mental plane. These symbolic bridges, when constructed, will facilitate the stream or flow of consciousness and will produce that continuity of consciousness, or that sense of unimpeded awareness, which will finally end the fear of death, [96] negate all sense of separateness, and make a man responsive in his brain consciousness to impressions coming to him from the higher spiritual realms or from the Mind of God. Thus he will more easily be initiated into the purposes and plans of the Creator.

2. *The Science of Meditation.* At present meditation is associated in the minds of men with religious matters. But that relates only to theme. The science can be applied to every possible life process. In reality, this science is a subsidiary branch, preparatory to the Science of the Antahkarana. It is really the true science of occult bridge building or bridging in consciousness. By its means, particularly in the early stages, the building process is facilitated. It is one of the major

Ba khoa học chính yếu cuối cùng sẽ chi phối lĩnh vực giáo dục trong thời đại mới. Chúng sẽ không phủ nhận các hoạt động của khoa học hiện đại, mà sẽ tích hợp chúng vào một toàn thể chủ quan rộng lớn hơn. Ba khoa học này là:

1. *Khoa Học về Antahkarana.* Đây là khoa học mới và chân thật về thể trí, sẽ sử dụng chất liệu trí để xây dựng cây cầu giữa phàm ngã và linh hồn, rồi giữa linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần. Điều này tạo thành công việc hoạt động trong chất liệu tinh vi hơn chất liệu của ba cõi thuộc tiến hoá nhân loại thông thường. Nó liên quan đến chất liệu của ba cấp độ cao hơn của cõi trí. Những cây cầu biểu tượng này, khi được xây dựng, sẽ làm dễ dàng dòng chảy hay luồng chảy của tâm thức, và sẽ tạo ra sự liên tục của tâm thức, hay ý thức nhận biết không bị cản trở, điều cuối cùng sẽ chấm dứt nỗi sợ chết, [96] phủ nhận mọi ý thức chia rẽ, và làm cho con người trong tâm thức não bộ của y đáp ứng với các ấn tượng đến với y từ những cảnh giới tinh thần cao hơn hay từ Trí của Thượng đế. Như vậy, y sẽ dễ dàng hơn được khai mở vào các mục đích và Thiên Cơ của Đấng Sáng Tạo.

2. *Khoa Học về Tham Thiền.* Hiện nay, tham thiền trong thể trí con người được liên kết với các vấn đề tôn giáo. Nhưng điều đó chỉ liên quan đến chủ đề. Khoa học này có thể được áp dụng cho mọi tiến trình đời sống khả hữu. Trong thực tế, khoa học này là một nhánh phụ trợ, chuẩn bị cho Khoa Học về Antahkarana. Nó thực sự là khoa học chân thật về việc xây cầu huyền bí hay bắt cầu trong tâm thức. Nhờ phương tiện của nó, đặc biệt trong các giai đoạn đầu, tiến trình xây

ways of spiritual functioning; it is one of the many ways to God; it relates the individual mind eventually to the higher mind and later to the Universal Mind. It is one of the major building techniques and will eventually dominate the new educational methods in schools and colleges. It is intended primarily to:

dựng được làm dễ dàng. Nó là một trong những phương cách chính yếu của sự vận hành tinh thần; nó là một trong nhiều con đường đến Thượng đế; cuối cùng nó liên hệ thể trí cá nhân với thượng trí và về sau với Vũ Trụ Trí. Nó là một trong những kỹ thuật xây dựng chính yếu và cuối cùng sẽ chi phối các phương pháp giáo dục mới trong các trường học và đại học. Nó chủ yếu nhằm:

a. Produce sensitivity to the higher impressions.

a. Tạo ra sự nhạy cảm đối với các ấn tượng cao hơn.

b. Build the first half of the antahkarana, that between the personality and the soul.

b. Xây dựng nửa đầu của antahkarana, tức phần giữa phàm ngã và linh hồn.

c. Produce an eventual continuity of consciousness. Meditation is essentially the science of light, because it works in the substance of light. One branch of it is concerned with the science of visualisation because, as the light continues to bring revelation, the power to visualise can grow with the aid of the illumined mind, and the later work of training the disciple to create is then made possible. It might be added here that the building of the second half of the antahkarana (that which bridges the gap in consciousness between the soul and the spiritual triad) is called the science of vision, because [97] just as the first half of the bridge is built through the use of mental substance, so the second half is built through the use of light substance.

c. Tạo ra sự liên tục cuối cùng của tâm thức. Tham thiền về bản chất là khoa học về ánh sáng, bởi vì nó làm việc trong chất liệu của ánh sáng. Một nhánh của nó liên quan đến khoa học về sự hình dung, bởi khi ánh sáng tiếp tục đem lại sự mặc khải, quyền năng hình dung có thể tăng trưởng với sự trợ giúp của thể trí được soi sáng, và khi ấy công việc về sau nhằm đào tạo đệ tử sáng tạo trở nên khả hữu. Có thể thêm ở đây rằng việc xây dựng nửa thứ hai của antahkarana, tức phần bắt cầu qua khoảng trống trong tâm thức giữa linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần, được gọi là khoa học về tầm nhìn, bởi vì [97] cũng như nửa đầu của cây cầu được xây dựng qua việc sử dụng chất liệu trí, thì nửa thứ hai được xây dựng qua việc sử dụng chất liệu ánh sáng.

3. *The Science of Service* grows normally and naturally out of the successful application of the other two sciences. As the linking up of soul and personality proceeds, and as the knowledge of the plan and the light of the soul pour into the brain consciousness, the normal result is the subordination of the lower to the higher. Identification with group purposes and plans is the natural

3. *Khoa Học về Phụng Sự* tăng trưởng một cách bình thường và tự nhiên từ sự áp dụng thành công hai khoa học kia. Khi sự nối kết giữa linh hồn và phàm ngã tiến hành, và khi tri thức về Thiên Cơ cùng ánh sáng của linh hồn tuôn vào tâm thức não bộ, kết quả bình thường là sự đặt cái thấp dưới cái cao. Sự đồng hoá với các mục đích và Thiên Cơ của nhóm là thuộc tính tự nhiên của linh hồn.

attribute of the soul. As this identification is carried forward on mental and soul levels, it produces a corresponding activity in the personal life and this activity we call service. Service is the true science of creation and is a scientific method of establishing continuity.

Khi sự đồng hoá này được tiến hành trên các cấp độ trí và linh hồn, nó tạo ra một hoạt động tương ứng trong đời sống cá nhân, và hoạt động này chúng ta gọi là phụng sự. Phụng sự là khoa học chân thật của sự sáng tạo và là một phương pháp khoa học để thiết lập sự liên tục.

These three sciences will be regarded eventually as the three major concerns of the educational process and upon them will the emphasis increasingly be placed.

Ba khoa học này cuối cùng sẽ được xem là ba mối quan tâm chính yếu của tiến trình giáo dục, và sự nhấn mạnh sẽ ngày càng được đặt vào chúng.

We have now laid the ground for a consideration of the three sciences which will dominate the thought of educators in the coming age. The building and the development of the antahkarana, the development of the power to control life and to work white magic through the science of meditation, and also the science of service whereby group control and group relationship are fostered and developed—these are the three fundamental sciences which will guide the psychologist and the educator of the future. These will also cause a radical change in the attitude of parents towards their children and in the methods which they employ to train and teach them when they are very young and in the formative years of their consciousness.

Giờ đây chúng ta đã đặt nền tảng cho việc xem xét ba khoa học sẽ chi phối tư tưởng của các nhà giáo dục trong thời đại sắp đến. Việc xây dựng và phát triển antahkarana, việc phát triển quyền năng kiểm soát đời sống và thực hành Chánh Thuật qua khoa học tham thiền, cũng như khoa học phụng sự nhờ đó sự kiểm soát nhóm và mối quan hệ nhóm được nuôi dưỡng và phát triển—đây là ba khoa học nền tảng sẽ hướng dẫn nhà tâm lý học và nhà giáo dục của tương lai. Chúng cũng sẽ gây ra một sự thay đổi triệt để trong thái độ của cha mẹ đối với con cái họ và trong các phương pháp họ sử dụng để đào tạo và dạy dỗ chúng khi chúng còn rất nhỏ và trong những năm tháng định hình tâm thức.

It should here be remembered that these parents themselves will have been brought up under this new and different regime and will themselves have been developed [98] under this changed mode of approaching the educational process. What may therefore seem to you mystical and vague (because of its newness, or its idealism and its emphasis upon a seeming abstract group consciousness), will seem to them normal and natural. What I am here outlining to you is a possibility which lies ahead for the

Ở đây cần nhớ rằng chính các bậc cha mẹ này sẽ được nuôi dạy dưới chế độ mới và khác biệt này, và chính họ sẽ được phát triển [98] dưới phương thức đã thay đổi này trong cách tiếp cận tiến trình giáo dục. Do đó, điều có thể dường như thần bí và mơ hồ đối với các bạn, vì tính mới mẻ của nó, hay vì chủ nghĩa lý tưởng của nó và sự nhấn mạnh của nó vào một tâm thức nhóm có vẻ trừu tượng, sẽ dường như bình thường và tự nhiên đối với họ. Điều Tôi đang phác họa cho các bạn ở đây là một khả năng nằm phía

next two or three generations; I am also referring to a recognition which a new educational ideology will normally permit to govern the mode of instruction.

trước cho hai hoặc ba thế hệ tới; Tôi cũng đang đề cập đến một sự công nhận mà một hệ tư tưởng giáo dục mới sẽ tự nhiên cho phép chi phối phương thức giảng dạy.

CHAPTER IV - The Culture of the Individual – CHƯƠNG IV - Văn Hóa của Cá Nhân

[99] The culture of the individual will be approached from three angles, each contributing to the completed whole which is to make the individual: an intelligent citizen of two worlds (the world of objective existence and the inner world of meaning), a wise parent, a controlled and directed personality. We shall now proceed to take up these points.

[99] Văn hóa của cá nhân sẽ được tiếp cận từ ba góc độ, mỗi góc độ đóng góp vào toàn thể hoàn chỉnh vốn sẽ làm cho cá nhân trở thành: một công dân thông minh của hai thế giới, thế giới của hiện hữu khách quan và thế giới bên trong của ý nghĩa, một bậc cha mẹ minh triết, một phàm ngã được kiểm soát và định hướng. Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục bàn đến những điểm này.

I have not elaborated the teaching of the Aquarian Age nor dealt at all with the educational systems of that time. It is of no service to you to do so, and I am unable to really aid your thought if I jump you forward two hundred years into a civilisation and a culture of which, as yet, only the faintest indications can be seen. It is of more value if I lay the emphasis upon the emerging ideas which will govern future procedure in the next generation and carry the world through the most difficult transitional period which it has ever seen.

Tôi đã không khai triển giáo huấn của Thời Đại Bảo Bình, cũng không đề cập chút nào đến các hệ thống giáo dục của thời ấy. Làm như vậy không phụng sự gì cho các bạn, và Tôi không thể thực sự trợ giúp tư tưởng của các bạn nếu Tôi đưa các bạn nhảy vọt về phía trước hai trăm năm vào một nền văn minh và một nền văn hóa mà cho đến nay chỉ có thể thấy những dấu hiệu mờ nhạt nhất. Sẽ có giá trị hơn nếu Tôi đặt sự nhấn mạnh vào những ý tưởng đang xuất hiện, vốn sẽ chi phối phương thức tiến hành trong tương lai ở thế hệ kế tiếp và đưa thế giới đi qua giai đoạn chuyển tiếp khó khăn nhất mà nó từng thấy.

Certain basic ideals, emerging out of the current ideologies, are beginning to make their impact upon public consciousness. These ideals in themselves are essentially human reactions to divine ideas; they are consequently not entirely free from error and are necessarily coloured by the calibre of the minds which are formulating them; they are inevitably conditioned by past history, by national tradition and by racial trends of thought. There is, nevertheless, a curious uniformity about them, even when expressed by the followers [100] of widely diverging world idealism. If we are properly

Một số lý tưởng căn bản, đang xuất hiện từ các hệ tư tưởng hiện thời, đang bắt đầu tác động lên tâm thức công chúng. Tự thân các lý tưởng này về bản chất là các phản ứng của con người đối với những ý tưởng thiêng liêng; do đó chúng không hoàn toàn thoát khỏi sai lầm và tất yếu bị nhuốm màu bởi tầm vóc của những thể trí đang hình thành chúng; chúng không tránh khỏi chịu tác động bởi lịch sử quá khứ, bởi truyền thống quốc gia và bởi các khuynh hướng tư tưởng của nhân loại. Tuy nhiên, có một sự đồng dạng kỳ lạ nơi chúng, ngay cả khi được diễn đạt bởi những người theo [100] các chủ

to understand these ideas and are to lay a right foundation, it would be of value perhaps if we discussed some of these universal attitudes and considered what they indicate in the light of the present world problems, and the indications of the coming world which we can draw therefrom.

nghĩa lý tưởng thế giới hết sức khác biệt. Nếu chúng ta muốn thấu hiểu đúng đắn các ý tưởng này và đặt một nền tảng đúng, có lẽ sẽ hữu ích nếu chúng ta thảo luận một vài thái độ phổ quát này và xem xét chúng chỉ ra điều gì dưới ánh sáng của các vấn đề thế giới hiện nay, cũng như những dấu hiệu của thế giới sắp đến mà chúng ta có thể rút ra từ đó.

The Angle of Citizenship – Góc Độ Quyền Công Dân

There is a growing feeling amongst the citizens of most nations that the major task of the educational systems is to fit the child for citizenship. By that they mean that it is the task of the State and of the taxpayers so to train the child that he may be a cooperative, intelligent part of that organised whole which we call a nation; that he may be so disciplined that he can take his part in and make his contribution to the State and thus can be of social value yet play a distinct individual part, and at the same time a group-directed part, in the life of the community wherein he has been born and in which he must necessarily sustain himself; that his individual life and interests count less than the corporate life, and that the preliminary lesson he must be taught is the fact that he is a unit in a functioning group of similar units, each of whom is expected to contribute his quota of good to the whole.

Có một cảm nhận ngày càng tăng nơi công dân của hầu hết các quốc gia rằng nhiệm vụ chính yếu của các hệ thống giáo dục là chuẩn bị cho đứa trẻ trở thành công dân. Qua điều đó, họ muốn nói rằng nhiệm vụ của Nhà nước và của những người đóng thuế là đào tạo đứa trẻ sao cho y có thể là một phần hợp tác và thông minh của toàn thể có tổ chức mà chúng ta gọi là một quốc gia; sao cho y có thể được rèn kỷ luật để đảm nhận phần việc của mình và đóng góp cho Nhà nước, và như vậy có thể có giá trị xã hội, nhưng vẫn đóng một phần cá nhân riêng biệt, đồng thời là một phần được nhóm định hướng, trong đời sống của cộng đồng nơi y đã sinh ra và trong đó y nhất thiết phải tự duy trì; rằng đời sống và lợi ích cá nhân của y ít quan trọng hơn đời sống tập thể, và rằng bài học sơ khởi y phải được dạy là sự kiện y là một đơn vị trong một nhóm đang vận hành gồm các đơn vị tương tự, mỗi đơn vị được kỳ vọng đóng góp phần thiện của mình cho toàn thể.

The initial germ of this idea (amazing as it may seem) started when the first school was organised, thousands of years ago. These schools were very small at first, educating only a favoured few, but leading up gradually (usually via religious organisations) to that mass education and compulsory tuition which distinguishes the modern State schools, whose task it

Mầm mống ban đầu của ý tưởng này, dù có vẻ đáng kinh ngạc, đã bắt đầu khi ngôi trường đầu tiên được tổ chức, hàng ngàn năm trước. Những trường này lúc đầu rất nhỏ, chỉ giáo dục một ít người được ưu ái, nhưng dần dần dẫn tới, thường qua các tổ chức tôn giáo, nền giáo dục quần chúng và việc học tập bắt buộc vốn phân biệt các trường công lập hiện đại, mà nhiệm vụ rõ rệt

noticeably is to prepare millions of young people in the world for intelligent, but directed, citizenship.

của chúng là chuẩn bị hàng triệu người trẻ trên thế giới cho quyền công dân thông minh, nhưng được định hướng.

Today, among the so-called enlightened nations, some kind of compulsory education is imposed upon the masses; the children of all nations are taught reading, writing and [101] the rudiments of arithmetic. They are supposed thereby to have a general idea of world conditions taught—geographically, historically and economically—and are supposed thereby to achieve some recognition, objectively and naturally, of the processes and reasons why the various nations have come to be what they are and where they are, and so to have gained a consciousness of a general planetary picture. The changing outlines of this picture are today producing mental flexibility in children, and this is, in many ways, a definite asset.

Ngày nay, trong số các quốc gia được gọi là giác ngộ, một hình thức giáo dục bắt buộc nào đó được áp đặt lên quần chúng; trẻ em của mọi quốc gia được dạy đọc, viết và [101] các nguyên lý sơ đẳng của số học. Nhờ đó, người ta cho rằng chúng được dạy một ý niệm tổng quát về các điều kiện thế giới—về địa lý, lịch sử và kinh tế—và nhờ đó được cho là đạt được một sự công nhận nào đó, một cách khách quan và tự nhiên, về các tiến trình và lý do khiến các quốc gia khác nhau trở thành như chúng đang là và ở nơi chúng đang ở, và như vậy đạt được một tâm thức về một bức tranh hành tinh tổng quát. Những đường nét đang thay đổi của bức tranh này ngày nay đang tạo ra sự linh hoạt trí tuệ nơi trẻ em, và điều này, theo nhiều cách, là một tài sản rõ rệt.

In producing citizens, however, the emphasis up till this time has been twofold. The aim of education has been so to equip the child that when he reached years of maturity he could take care of himself in the predatory world of modern life, earn a livelihood and become if possible rich and independent of those with whom his life was cast. In all this tuitional process the emphasis was laid upon himself as an individual, and the point of interest was upon what *he* was going to do, how *he* was going to live, and what *he* could get, make and achieve out of life.

Tuy nhiên, trong việc tạo ra công dân, sự nhấn mạnh cho đến nay có tính nhị phân. Mục tiêu của giáo dục là trang bị cho đứa trẻ sao cho khi y đạt đến tuổi trưởng thành, y có thể tự chăm lo cho mình trong thế giới săn mồi của đời sống hiện đại, kiếm sống và nếu có thể trở nên giàu có và độc lập với những người mà đời y gắn bó. Trong toàn bộ tiến trình dạy dỗ này, sự nhấn mạnh được đặt vào chính y với tư cách cá nhân, và điểm quan tâm là vào điều *y* sẽ làm, cách *y* sẽ sống, và điều *y* có thể nhận được, tạo ra và đạt được từ đời sống.

In those conditions where the school bias was religious (as in Church schools of any kind), he was taught that he must endeavour to be good, and the selfish incentive was held before him that if he could do this he might some day go to Heaven and have a

Trong những điều kiện mà khuynh hướng của nhà trường là tôn giáo, như trong các trường thuộc Giáo hội thuộc bất cứ loại nào, y được dạy rằng y phải cố gắng trở nên tốt lành, và động cơ ích kỷ được đặt trước y rằng nếu y có thể làm điều này, một ngày nào đó y

happy time. When these ideas had been instilled into him, when he had been forced by organisational pressure into the desired pattern and mould. when he had absorbed the needed amount of sketchy information about humanity and human achievements, and when his capacity to remember facts (historical, scientific, religious and other) had been developed, even though his power to think remained entirely undeveloped, he was turned loose upon the world and his ordained community to make good and to establish *himself*.

có thể lên Thiên Đường và có một thời gian hạnh phúc. Khi những ý tưởng này đã được gieo vào y, khi y đã bị sức ép tổ chức cưỡng bách vào mô hình và khuôn mẫu mong muốn, khi y đã hấp thụ lượng thông tin sơ lược cần thiết về nhân loại và các thành tựu của con người, và khi năng lực ghi nhớ các sự kiện, lịch sử, khoa học, tôn giáo và các loại khác, của y đã được phát triển, dù quyền năng tư duy của y vẫn hoàn toàn chưa phát triển, y được thả ra với thế giới và cộng đồng đã được định sẵn của mình để thành công và để thiết lập *chính mình*.

The above is, I realise, a broad generalisation. It leaves out of reckoning altogether the innate and inherent capacities [102] of the child, his achieved point of soul development, and any recognition of the powers with which he enters into life as a result of many previous life experiences. It leaves out also the influence of the many conscientious, spiritually-minded and highly evolved teachers who have—down the ages—set their mark upon the young people they have taught and thus oriented them and led them forward to better things. I am dealing solely with the institutional aspect of the educational systems and with the proven effect upon the young of every nation who have been subjected to these systems. The realised goals which the institutional teacher has set before himself have been narrow, and the consequent effect of his teaching and of his work has been the production of a selfish, materialistically-minded person whose major objective has been self-betterment in a material sense. This has been strikingly aided where any individual ambition has been present which would lead the child to operate willingly with the narrow selfish goal of the teacher. The natural idealism of the child (and what child is not an innate idealist?) has been slowly and steadily suffocated by the weight

Tôi nhận ra rằng điều trên là một khái quát rộng. Nó hoàn toàn không tính đến các năng lực bẩm sinh và cố hữu [102] của đứa trẻ, điểm phát triển linh hồn đã đạt được của y, và bất cứ sự công nhận nào về các quyền năng mà y mang vào đời sống như kết quả của nhiều kinh nghiệm đời sống trước đây. Nó cũng bỏ qua ảnh hưởng của nhiều giáo viên tận tâm, có khuynh hướng tinh thần và tiến hóa cao, những người qua các thời đại đã để lại dấu ấn của họ trên những người trẻ mà họ đã dạy, và như vậy định hướng họ cũng như dẫn họ tiến về những điều tốt đẹp hơn. Tôi chỉ bàn đến phương diện định chế của các hệ thống giáo dục và hiệu quả đã được chứng minh trên người trẻ của mọi quốc gia, những người đã chịu sự chi phối của các hệ thống này. Các mục tiêu đã được nhận thức mà người giáo viên định chế đặt ra trước chính mình đã hẹp hòi, và hiệu quả hệ quả của sự dạy dỗ cùng công việc của y là tạo ra một con người ích kỷ, có thể trí thiên về vật chất, mà mục tiêu chính yếu là cải thiện bản thân theo nghĩa vật chất. Điều này được trợ giúp rõ rệt ở nơi nào có bất cứ hoài bão cá nhân nào hiện diện, điều có thể dẫn đứa trẻ sẵn lòng vận hành theo mục tiêu ích kỷ hẹp hòi của giáo viên. Chủ nghĩa lý tưởng tự nhiên của đứa trẻ, và đứa trẻ nào lại không phải là một nhà lý tưởng bẩm sinh, đã bị bóp nghẹt chậm rãi và đều đặn bởi sức

of the materialism of the world's educational machine and by the selfish bias of the world's business in its many departments, plus the emphasis always laid upon the necessity of making money.

nặng của chủ nghĩa duy vật nơi bộ máy giáo dục của thế giới, và bởi khuynh hướng ích kỷ của công việc kinh doanh thế giới trong nhiều ngành của nó, cộng với sự nhấn mạnh luôn được đặt vào nhu cầu kiếm tiền.

Little by little this disastrous state of affairs (which reached its climax in the early years of this century) has been slowly changing, so that today in many countries the welfare of the State itself, the good of the Empire, the need of the Nation is held before the child from its earliest years as the highest possible ideal. He is taught that he must serve the State, Empire or Nation with the very best that is in him; it is strongly inculcated into his consciousness that his individual life must be subordinated to the greater life of the State or Nation, and that it is his duty to meet the national need, even at the expense of life itself. He is taught [103] that in times of great emergency he, as an individual, does not count at all, but that the larger corporate whole, of which he is an infinitesimal part, is the sole factor that matters. This is a definite step forward in the expansion of consciousness which the human race must achieve.

Từng chút một, tình trạng tai hại này, vốn đạt đến cao điểm trong những năm đầu của thế kỷ này, đã và đang chậm rãi thay đổi, đến mức ngày nay ở nhiều quốc gia, phúc lợi của chính Nhà nước, lợi ích của Đế quốc, nhu cầu của Quốc gia được đặt trước đứa trẻ từ những năm đầu đời như lý tưởng cao nhất có thể có. Y được dạy rằng y phải phụng sự Nhà nước, Đế quốc hay Quốc gia với điều tốt đẹp nhất có trong y; điều ấy được gieo mạnh mẽ vào tâm thức y rằng đời sống cá nhân của y phải được đặt dưới đời sống lớn hơn của Nhà nước hay Quốc gia, và rằng bổn phận của y là đáp ứng nhu cầu quốc gia, ngay cả với cái giá là chính mạng sống. Y được dạy [103] rằng trong những thời kỳ khẩn cấp lớn lao, y, với tư cách cá nhân, hoàn toàn không đáng kể, mà toàn thể tập thể lớn hơn, trong đó y là một phần vô cùng nhỏ bé, là yếu tố duy nhất quan trọng. Đây là một bước tiến rõ rệt trong sự mở rộng tâm thức mà nhân loại phải đạt được.

I would here remind you that it is the expansion of consciousness and the production of increased sensitivity and perceptive awareness which is the goal of all divine and hierarchical effort. The goal is not for betterment of material conditions. These will automatically follow when the sense of awareness is steadily unfolded. The future of humanity is determined by its aspiration and ability to respond to the idealism which is today flooding the world.

Ở đây Tôi muốn nhắc các bạn rằng chính sự mở rộng tâm thức và việc tạo ra sự nhạy cảm cùng nhận biết tri giác gia tăng là mục tiêu của mọi nỗ lực thiêng liêng và của Thánh Đoàn. Mục tiêu không phải là cải thiện các điều kiện vật chất. Những điều này sẽ tự động theo sau khi ý thức nhận biết được khai mở đều đặn. Tương lai của nhân loại được quyết định bởi khát vọng và năng lực đáp ứng của nó đối với chủ nghĩa lý tưởng đang tràn ngập thế giới ngày nay.

At this time also a still further step is taking place. Everywhere and in every country men are being taught in their earliest years that

Vào lúc này, một bước tiến xa hơn nữa cũng đang diễn ra. Ở khắp nơi và trong mọi quốc gia, con người được dạy từ những năm đầu

they are not only individuals, not only members of a state, empire or nation, and not only people with an individual future, but that they are intended to be exponents of certain great group ideologies—Democratic, Totalitarian, or Communistic. These ideologies are, in the last analysis, materialising dreams or visions. For these, modern youth is taught that he must work and strive and, if necessary, fight. It is therefore surely apparent that behind all the surface turmoil and chaos so devastatingly present today in the consciousness of humanity, and behind all the fear and apprehension, the hate and separativeness, human beings are beginning to blend in themselves three states of consciousness—that of the individual, of the citizen, and of the idealist. The power to achieve this, and to be all these states simultaneously, is now reaching down into those levels of human life which we call "submerged classes."

đời rằng họ không chỉ là các cá nhân, không chỉ là các thành viên của một nhà nước, đế quốc hay quốc gia, và không chỉ là những người có một tương lai cá nhân, mà còn được định sẵn để trở thành những người biểu đạt một số hệ tư tưởng nhóm lớn—Dân chủ, Toàn trị hay Cộng sản. Trong phân tích cuối cùng, các hệ tư tưởng này là những giấc mơ hay tầm nhìn đang hiện hình. Vì những điều này, thanh niên hiện đại được dạy rằng y phải làm việc, phấn đấu và, nếu cần, chiến đấu. Do đó, chắc chắn hiển nhiên rằng phía sau mọi xáo trộn và hỗn loạn bề mặt đang hiện diện một cách tàn phá ngày nay trong tâm thức nhân loại, và phía sau mọi sợ hãi và lo âu, mọi hận thù và chia rẽ, con người đang bắt đầu hòa trộn trong chính mình ba trạng thái tâm thức—trạng thái của cá nhân, của công dân và của nhà lý tưởng. Quyền năng đạt được điều này, và đồng thời là tất cả các trạng thái ấy, hiện nay đang đi xuống những cấp độ của đời sống nhân loại mà chúng ta gọi là “các tầng lớp bị chìm khuất.”

All this is very good and part of the ordained plan. Whether it is the democratic ideal, or the vision of the totalitarian state, or the dream of the communistic devotee, the [104] effect upon the consciousness of humanity as a whole is definitely good. His sense of world awareness is definitely growing, his power to regard himself as part of a whole is rapidly developing and all this is desirable and right and contained within the divine plan.

Tất cả điều này đều rất tốt và là một phần của Thiên Cơ đã được định. Dù đó là lý tưởng dân chủ, hay tầm nhìn về nhà nước toàn trị, hay giấc mơ của người sùng tín cộng sản, thì [104] hiệu quả trên tâm thức của toàn thể nhân loại chắc chắn là tốt. Ý thức nhận biết thế giới của y chắc chắn đang tăng trưởng, quyền năng của y trong việc xem mình như một phần của một toàn thể đang phát triển nhanh chóng, và tất cả điều này là điều đáng mong muốn, đúng đắn và nằm trong Thiên Cơ thiêng liêng.

It is of course entirely true that the process is spoiled and handicapped by methods and motives that are highly undesirable, but human beings have a habit of spoiling that which is beautiful; they have a highly developed capacity of being selfish and material, and because the minds of men are

Dĩ nhiên, hoàn toàn đúng là tiến trình này bị làm hỏng và cản trở bởi các phương pháp và động cơ rất không đáng mong muốn, nhưng con người có thói quen làm hỏng điều vốn đẹp đẽ; họ có một năng lực ích kỷ và duy vật rất phát triển, và bởi vì thể trí của con người cho đến nay thực tế vẫn chưa được đào luyện

as yet practically untrained and undeveloped, they have little power of discrimination and small ability to differentiate between the old and the new, or between the right and the more right. Having been trained in selfishness and in material attitudes while under parental control and in the educational systems of the day, their trend of thought normally runs along these undesirable lines.

và chưa phát triển, họ có ít quyền năng phân biện và ít khả năng phân biệt giữa cái cũ và cái mới, hay giữa điều đúng và điều đúng hơn. Vì đã được đào luyện trong sự ích kỷ và trong các thái độ vật chất khi còn dưới sự kiểm soát của cha mẹ và trong các hệ thống giáo dục của thời đại, khuynh hướng tư tưởng của họ thường chạy theo những đường hướng không đáng mong muốn này.

In the Piscean Age which is passing, the youth in every country has been brought up under the influence of three foundational ideas. The result of these ideas might be expressed under the terms of the following questions:

Trong Thời Đại Song Ngư đang qua đi, thanh niên ở mọi quốc gia đã được nuôi dạy dưới ảnh hưởng của ba ý tưởng nền tảng. Kết quả của các ý tưởng này có thể được diễn đạt dưới dạng các câu hỏi sau:

1. What shall be my vocation in order that I may have as much of the material world as my state in life and my wants permit?

1. Thiên hướng nghề nghiệp của Tôi sẽ là gì để Tôi có thể có được càng nhiều thế giới vật chất càng tốt, trong mức mà địa vị đời sống và các nhu cầu của Tôi cho phép?

2. Who are the people who are above me, to whom I must look and whom I must honor, and who are those below me in the social order and how far am I able to mount in the social scale and so better myself?

2. Những người nào ở trên Tôi, những người mà Tôi phải ngước nhìn và tôn kính, và những ai ở dưới Tôi trong trật tự xã hội; và Tôi có thể leo lên thang bậc xã hội đến đâu để cải thiện bản thân?

3. From childhood I have been taught that my natural inclination is to do wrong, to be naughty, or (if the setting is narrowly orthodox) that I am a miserable sinner and unfit for future happiness. How can I escape the penalties of my natural predilections? [105]

3. Từ thời thơ ấu, Tôi đã được dạy rằng khuynh hướng tự nhiên của Tôi là làm điều sai trái, là hư hỏng, hoặc, nếu bối cảnh thuộc chính thống hẹp hòi, rằng Tôi là một tội nhân khốn khổ và không xứng đáng với hạnh phúc tương lai. Làm thế nào Tôi có thể thoát khỏi các hình phạt do những khuynh hướng tự nhiên của mình? [105]

The result of all this is to breed in the race a deep-seated sense of material and social ambition and also an inferiority complex which necessarily breaks out into some form of revolt in the individual, in racial explosions or, again speaking individually,

Kết quả của tất cả điều này là nuôi dưỡng trong nhân loại một ý thức sâu xa về hoài bão vật chất và xã hội, cũng như một phức cảm tự ti tất yếu bùng phát thành một hình thức nổi loạn nào đó trong cá nhân, trong các vụ bùng nổ chủng tộc, hoặc, lại nói theo

in a rabidly self-centered attitude to life. From these distorted tendencies and retrogressive ideals the race must eventually emerge. It is the realisation of this which has produced in some nations the overemphasis on the national or racial good and on the State as an entity. It has led to the undermining of the hierarchical structure of the social order. This hierarchical structure is a basic and eternal reality, but the concept has been so distorted and so misused that it has evoked a revolt in humanity and has produced an almost abnormal reaction to a freedom and a license which are assuming undesirable dimensions.

phương diện cá nhân, trong một thái độ đối với đời sống tập trung vào bản thân một cách dữ dội. Cuối cùng, nhân loại phải thoát ra khỏi những khuynh hướng méo mó và các lý tưởng thoái hóa này. Chính sự nhận biết điều này đã tạo ra ở một số quốc gia sự nhấn mạnh quá mức vào lợi ích quốc gia hay chủng tộc và vào Nhà nước như một thực thể. Nó đã dẫn đến việc làm suy yếu cấu trúc thứ bậc của trật tự xã hội. Cấu trúc thứ bậc này là một thực tại căn bản và vĩnh cửu, nhưng quan niệm ấy đã bị bóp méo và lạm dụng đến mức nó đã gợi lên một cuộc nổi loạn trong nhân loại và đã tạo ra một phản ứng gần như bất thường đối với một sự tự do và buông thả đang mang những chiều kích không đáng mong muốn.

The widespread demand of the youth of the world today (in some countries) for a good time, their irresponsibility and their refusal to face the real values of life, are all indicative of this. This is to be seen at its worst in the democratic countries. In the totalitarian states it is not permitted on the same scale, as the youth in those states are forced to shoulder responsibility and to dedicate themselves to the larger whole, and not to a life of material vocation and the wasting of their years in what I believe you slangfully call "a good time." This good time is usually had at the expense of others, and takes place in the formative years which inevitably condition and determine the young person's future.

Nhu cầu rộng khắp của thanh niên thế giới ngày nay, ở một số quốc gia, về việc hưởng thụ, sự vô trách nhiệm của họ và sự từ chối đối diện với các giá trị thực sự của đời sống, tất cả đều chỉ ra điều này. Điều này được thấy ở mức tệ hại nhất trong các quốc gia dân chủ. Trong các nhà nước toàn trị, điều đó không được cho phép trên cùng quy mô, vì thanh niên trong các nhà nước ấy bị buộc phải gánh lấy trách nhiệm và hiến mình cho toàn thể lớn hơn, chứ không phải cho một đời sống thiên hướng nghề nghiệp vật chất và sự lãng phí những năm tháng của họ vào điều mà Tôi tin các bạn gọi theo lối nói lóng là “hưởng thụ.” Sự hưởng thụ này thường có được bằng cái giá của người khác, và diễn ra trong những năm tháng định hình vốn tất yếu tác động và quyết định tương lai của người trẻ.

I am not here speaking politically or in defense of any governmental system. A forced activity and then a forced responsibility, relegate the bulk of those so conditioned to the nursery stage or the child state, and humanity should be reaching

Ở đây Tôi không nói về chính trị hay bênh vực bất cứ hệ thống chính quyền nào. Một hoạt động bị cưỡng bách rồi một trách nhiệm bị cưỡng bách sẽ đẩy phần lớn những người bị tác động như vậy trở lại giai đoạn nhà trẻ hay trạng thái trẻ con, trong khi

maturity, with its willingness to shoulder responsibility and its growing sense of the real values of the standards of life. The sense of responsibility is one of the first indications that the soul of the individual is awakened. *[106]* The soul of humanity is also at this time awakening en masse, and hence the following indications:

nhân loại nên đang đạt tới sự trưởng thành, với sự sẵn lòng gánh vác trách nhiệm và ý thức ngày càng tăng về các giá trị thực sự của những chuẩn mực đời sống. Ý thức trách nhiệm là một trong những dấu hiệu đầu tiên cho thấy linh hồn của cá nhân đã thức tỉnh. *[106]* Linh hồn của nhân loại cũng đang thức tỉnh đồng loạt vào lúc này, và do đó có các dấu hiệu sau:

1. The growth of societies, organisations and mass movements for the betterment of humanity everywhere.

1. Sự tăng trưởng của các hội đoàn, tổ chức và phong trào quần chúng nhằm cải thiện nhân loại ở khắp nơi.

2. The growing interest of the mass of the people in the common welfare. Hitherto the upper layer of society has been interested, either for selfish, self-protective reasons or because of innate paternalism. The intelligentsia and the professional classes have investigated and studied the public welfare from the angle of mental and scientific interest, based upon a general material basis, and the lower middle class has naturally been involved in the same interest, from the point of view of financial and trade returns. Today this interest has reached down to the depths of the social order and all classes are keenly alive and alert to the general, national, racial or international good. This is very well and a hopeful sign.

2. Sự quan tâm ngày càng tăng của quần chúng đối với phúc lợi chung. Cho đến nay, tầng lớp trên của xã hội đã quan tâm, hoặc vì những lý do ích kỷ, tự bảo vệ, hoặc vì tinh thần bảo trợ mang tính gia trưởng vốn có. Giới trí thức và các tầng lớp chuyên môn đã khảo sát và nghiên cứu phúc lợi công cộng từ góc độ quan tâm trí tuệ và khoa học, dựa trên một nền tảng vật chất tổng quát, và tầng lớp trung lưu thấp hơn tự nhiên cũng đã bị cuốn vào mối quan tâm ấy, từ quan điểm lợi tức tài chính và thương mại. Ngày nay, mối quan tâm này đã vươn xuống tận những chiều sâu của trật tự xã hội, và mọi giai cấp đều sống động và tỉnh thức sâu sắc đối với lợi ích chung, quốc gia, chủng tộc hay quốc tế. Điều này rất tốt và là một dấu hiệu đầy hy vọng.

3. Humanitarian and philanthropic effort is at its height, alongside of the cruelties, hatreds and abnormalities which separativeness, overstressed national ideologies, aggressiveness and ambition have engendered in the life of all nations.

3. Nỗ lực nhân đạo và bác ái đang ở đỉnh cao, song hành với những sự tàn bạo, hận thù và bất thường mà tính chia rẽ, các hệ tư tưởng quốc gia bị nhấn mạnh quá mức, tính hiếu chiến và hoài bão đã sinh ra trong đời sống của mọi quốc gia.

4. Education is rapidly becoming mass effort and the children of all nations from the highest to the lowest are being intellectually equipped as never before. The effort is, of

4. Giáo dục đang nhanh chóng trở thành nỗ lực quần chúng, và trẻ em của mọi quốc gia, từ cao nhất đến thấp nhất, đang được trang bị về trí tuệ như chưa từng có trước đây. Dĩ

course, largely to enable them to meet material and national conditions, to be of use to the State and no economic drag upon it. The general result is, however, in line with the divine plan and undoubtedly good.

nhiên, nỗ lực phần lớn nhằm giúp chúng đáp ứng các điều kiện vật chất và quốc gia, hữu dụng cho Nhà nước và không trở thành gánh nặng kinh tế cho nó. Tuy nhiên, kết quả tổng quát phù hợp với Thiên Cơ thiêng liêng và chắc chắn là tốt.

5. The growing recognition by those in authority that the man in the street is becoming a factor in world affairs. He is reached on all sides by the press and the radio, and is today intelligent enough and interested [107] enough to be making the attempt to form his own opinions and come to his own conclusions. This is embryonic as yet, but the indications of his effort are undoubtedly there; hence the press and radio control which is found in all countries in some form or another, for there can never be any permanent evasion of the hierarchical structure which underlies our planetary life. This control falls into two major categories:

5. Sự công nhận ngày càng tăng của những người cầm quyền rằng người bình thường đang trở thành một yếu tố trong các sự vụ thế giới. Y được báo chí và đài phát thanh tiếp cận từ mọi phía, và ngày nay đủ thông minh cũng như đủ quan tâm [107] để cố gắng hình thành các ý kiến riêng và đi đến các kết luận riêng của mình. Điều này hiện vẫn còn ở dạng phôi thai, nhưng những dấu hiệu về nỗ lực của y chắc chắn có đó; do đó có sự kiểm soát báo chí và đài phát thanh được thấy ở mọi quốc gia dưới hình thức này hay hình thức khác, vì không bao giờ có thể có sự né tránh thường tồn nào đối với cấu trúc thứ bậc vốn nằm bên dưới đời sống hành tinh của chúng ta. Sự kiểm soát này rơi vào hai loại chính:

Financial control, as in the United States.

Kiểm soát tài chính, như ở Hoa Kỳ.

Government control, as in Europe and Great Britain.

Kiểm soát chính quyền, như ở châu Âu và Anh Quốc.

The people are told just what is good for them; reservations and secret diplomacy colour the relation of the government to the masses, and the helplessness of the man in the street (in the face of authorities in the realm of politics, conditioning decisions such as war or peace, and theological impositions, as well as economic attitudes) is still pitiful, though not so great and so drastic as it was. The soul of humanity is awakening and the present situations may be regarded as temporary.

Người dân được bảo cho biết chính xác điều gì là tốt cho họ; những điều dè dặt và nền ngoại giao bí mật tô màu cho mối quan hệ của chính phủ với quần chúng, và sự bất lực của người dân thường trên đường phố trước các nhà cầm quyền trong lĩnh vực chính trị, trước những quyết định tác động như chiến tranh hay hòa bình, trước các áp đặt thần học cũng như các thái độ kinh tế, vẫn còn đáng thương, dù không còn lớn lao và khốc liệt như trước. Linh hồn của nhân loại đang thức tỉnh, và các tình huống hiện nay có thể được xem là tạm thời.

The purpose of the coming educational systems will be to preserve individual integrity, promote the sense of individual responsibility, encourage a developing group consciousness of basic individual, national and world relationships, meanwhile extroverting and organising capacity, interest and ability. At the same time there will be an effort to intensify the sense of citizenship, both in the tangible outer world of the physical plane and in the Kingdom of God and of soul relationships.

Mục đích của các hệ thống giáo dục sắp đến sẽ là bảo tồn sự toàn vẹn cá nhân, thúc đẩy ý thức trách nhiệm cá nhân, khuyến khích một tâm thức nhóm đang phát triển về các mối quan hệ căn bản của cá nhân, quốc gia và thế giới, đồng thời hướng năng lực, mối quan tâm và khả năng ra bên ngoài và tổ chức chúng. Đồng thời, sẽ có một nỗ lực nhằm tăng cường ý thức công dân, cả trong thế giới bên ngoài hữu hình của cõi hồng trần lẫn trong Thiên Giới và các mối quan hệ linh hồn.

In order to bring this about, and thus completely change the present world attitudes and wrong emphases, the drastic and catastrophic present planetary situation has been permitted.

Để đưa điều này thành hiện thực, và nhờ đó thay đổi hoàn toàn các thái độ thế giới hiện nay cùng những nhấn mạnh sai lầm, tình trạng hành tinh hiện tại đầy khốc liệt và tai họa đã được cho phép xảy ra.

The World Situation and Ideologies – Tình Hình Thế Giới và Các Hệ Tư Tưởng

[108] Before we take up the more technical side of our work, I would have you for a moment reflect upon the world situation and the world ideologies from the angle of education. I would have you consider it deeply from the point of view of the existing fundamental group relations, envisaging the necessity to prepare the youth of the future for the coming age—outlines of which can only now dimly be seen. I would like you to achieve if possible a general idea of the present world situation, dealing only with the broad and general outlines and omitting any study of detail or of specific personalities, except by way of illustration. In my other writings I have laid a foundation for this when I briefly endeavoured to consider the psychological problem of the various nations, its cause or causes, and the peculiar contribution which each specific nation has to make to the world whole.

[108] Trước khi chúng ta bàn đến phương diện kỹ thuật hơn trong công việc của mình, Tôi muốn các bạn trong chốc lát suy ngẫm về tình hình thế giới và các hệ tư tưởng thế giới từ góc độ giáo dục. Tôi muốn các bạn xem xét điều đó thật sâu xa từ quan điểm của các mối quan hệ nhóm căn bản hiện hữu, hình dung nhu cầu chuẩn bị tuổi trẻ tương lai cho thời đại sắp đến — những đường nét của thời đại ấy hiện nay chỉ mới có thể thấy lờ mờ. Nếu có thể, Tôi muốn các bạn đạt được một ý niệm tổng quát về tình hình thế giới hiện tại, chỉ đề cập đến những nét rộng và tổng quát, bỏ qua mọi khảo sát chi tiết hay các phàm ngã cụ thể, ngoại trừ nhằm minh họa. Trong các trước tác khác của Tôi, Tôi đã đặt một nền tảng cho điều này khi Tôi cố gắng xem xét ngắn gọn vấn đề tâm lý của các quốc gia khác nhau, nguyên nhân hay các nguyên nhân của nó, và phần đóng góp đặc thù mà mỗi quốc gia cụ thể phải đem lại cho toàn thể thế giới.

We will try to recognise certain outstanding facts, though these facts may be more usually considered facts by esotericists than by the world in general. But we are working, or endeavouring to work, as esotericists. These facts are:

Chúng ta sẽ cố gắng nhận ra một vài sự kiện nổi bật, dù các sự kiện này thường được các nhà bí truyền học xem là sự kiện hơn là được thế giới nói chung nhìn nhận như vậy. Nhưng chúng ta đang làm việc, hoặc đang cố gắng làm việc, như những nhà bí truyền học. Các sự kiện ấy là:

1. The fact that there are certain basic ideas which have come forth down the ages and have brought humanity to its present evolutionary point. Ideas are the substance of the evolutionary urge.

1. Sự kiện rằng có một số ý tưởng căn bản đã xuất hiện qua các thời đại và đã đưa nhân loại đến điểm tiến hóa hiện nay. Các ý tưởng là chất liệu của thôi thúc tiến hóa.

2. The fact that there is a hidden control which has persisted down the ages and which can be deduced from the definitely emerging plan, as far as the consciousness of man is concerned.

2. Sự kiện rằng có một sự kiểm soát ẩn tàng đã tồn tại qua các thời đại và có thể được suy ra từ Thiên Cơ đang xuất hiện rõ rệt, xét trong phạm vi tâm thức của con người.

3. The fact that all growth is through experiment, struggle and persistence—hence the present modern upheaval. It is significant of a "pushing through" to the light, the light of the world, as well as the group antahkarana. [109]

3. Sự kiện rằng mọi tăng trưởng đều diễn ra qua thử nghiệm, đấu tranh và kiên trì — vì thế có biến động hiện đại ngày nay. Điều đó biểu thị một sự “xuyên phá” để đi vào ánh sáng, ánh sáng của thế giới, cũng như antahkarana nhóm. [109]

It is obvious that a good deal of what I may give in these instructions may not prove of immediate application, but students are asked to ponder and to think along the lines which I may point out, for only as a nucleus of thinkers is thus formed who are responsive to the new educational ideas, does it become possible for the spiritual Hierarchy of Masters to achieve the intended results in Their work to bring into being the plans of God. The Masters can not and do not work without Their chosen physical plane focal points. I would ask you again to regard yourselves as outposts of the consciousness of Those Who, upon the inner side of life, are seeking to bring in new light upon the

Rõ ràng là phần lớn những gì Tôi có thể đưa ra trong các huấn thị này có thể chưa chứng tỏ được ứng dụng tức thời, nhưng các đạo sinh được yêu cầu suy ngẫm và tư duy theo những đường hướng mà Tôi có thể chỉ ra, vì chỉ khi một hạt nhân gồm những nhà tư tưởng đáp ứng với các ý tưởng giáo dục mới được hình thành như thế, Thánh Đoàn của các Chân sư mới có thể đạt được các kết quả đã định trong công việc của Các Ngài nhằm đưa các Thiên Cơ của Thượng đế vào hiện hữu. Các Chân sư không thể và không làm việc nếu không có các tiêu điểm cõi hồng trần do Các Ngài tuyển chọn. Tôi lại yêu cầu các bạn xem chính mình như những tiền đồn của tâm thức của Những Đấng, ở phía

subject of social organisations, the relationship of the individual to the whole, and the new and desirable trends in education. I would ask you to submit yourselves to thought training with this in view. Note the manner in which I have worded this request: first, regard; then, train. First, faith as to contact; then the steps taken to facilitate and develop that contact.

bên trong của sự sống, đang tìm cách đem ánh sáng mới vào chủ đề các tổ chức xã hội, mối quan hệ của cá nhân với toàn thể, và các khuynh hướng mới mẻ, đáng mong muốn trong giáo dục. Tôi yêu cầu các bạn tự đặt mình vào sự rèn luyện tư tưởng với mục tiêu này. Hãy lưu ý cách Tôi diễn đạt lời yêu cầu này: trước hết, hãy xem; rồi hãy rèn luyện. Trước hết là đức tin về sự tiếp xúc; rồi đến các bước được thực hiện để tạo điều kiện và phát triển sự tiếp xúc ấy.

Our theme is the study of the educational organisation of humanity, involving as it does (in its later stages) responsibility and right action. We shall consider, on broad lines, the development of man from an isolated personal unit, through the stages of family life, tribal life, national life, to the present stage of aspirational idealistic humanity. This idealism and this prevalent enquiry are responsible for the present world chaos; they have produced the conflicting ideologies, and the dramatic emergence of the national saviours, world prophets and workers, idealists, opportunists, dictators and investigators on all sides, in every department of human thought and in every land. This idealism is a good sign. It is also responsible for the seething unrest and the urgent demand for better conditions, more light and understanding, deepened cooperation, for a security based on right adjustments, and for peace and plenty in the place of fear, terror and starvation. [110]

Chủ đề của chúng ta là khảo cứu tổ chức giáo dục của nhân loại, vốn bao hàm, ở các giai đoạn về sau, trách nhiệm và hành động đúng. Chúng ta sẽ xem xét, theo những nét rộng, sự phát triển của con người từ một đơn vị phàm ngã cô lập, qua các giai đoạn đời sống gia đình, đời sống bộ tộc, đời sống quốc gia, đến giai đoạn hiện nay của nhân loại lý tưởng và đầy khát vọng. Chính lý tưởng này và sự truy vấn phổ biến này chịu trách nhiệm cho tình trạng hỗn loạn thế giới hiện nay; chúng đã tạo ra các hệ tư tưởng xung đột, và sự xuất hiện đầy kịch tính của những vị cứu tinh quốc gia, các nhà tiên tri và người hoạt động thế giới, các nhà lý tưởng, kẻ cơ hội, nhà độc tài và nhà khảo cứu ở khắp mọi phía, trong mọi ngành tư tưởng nhân loại và ở mọi xứ sở. Lý tưởng này là một dấu hiệu tốt. Nó cũng chịu trách nhiệm cho tình trạng bất ổn sôi sục và nhu cầu cấp bách về những điều kiện tốt hơn, nhiều ánh sáng và sự thấu hiểu hơn, sự hợp tác sâu sắc hơn, một nền an ninh dựa trên những điều chỉnh đúng đắn, và hòa bình cùng sung túc thay cho sợ hãi, kinh hoàng và đói khát. [110]

It is not my intention to handle this subject from the angle of the many modern textbooks on government, on law, or on the many schemes (economic, political, etc.) which are today so dominantly engrossing attention. I do not intend to go into details

Tôi không có ý định xử lý chủ đề này từ góc độ của nhiều sách giáo khoa hiện đại về chính quyền, về luật pháp, hoặc về nhiều hệ thống, kinh tế, chính trị, v.v., hiện nay đang chiếm trọn sự chú ý một cách áp đảo. Tôi không có ý định đi vào chi tiết hay định

or definitions. The exponents of the differing creeds can provide the needed literature and present their case far more successfully than I can. The protagonists of an ideology can express their beliefs and objectives more fervently and hopefully than is possible to me. I shall write for you as one who sees the pattern emerging more clearly than you, because I can see it both from the inside and the outside, and also from the blueprints in the custody of the Hierarchy. I shall write as one who has, in conference with workers in the Hierarchy, sought to comprehend the objectives and to cooperate with the immediate plans in this time of planetary crisis and upheaval, of drastic changes, and of the stepping up of humanity to new levels of living and higher states of consciousness; as one who has studied somewhat deeply into the records of the past and into the modes of meditation, and has achieved thereby a measure of inclusiveness of past, present and future which is naturally not possible for you at this time.

nghĩa. Những người trình bày các tín điều khác nhau có thể cung cấp văn liệu cần thiết và trình bày lập luận của họ thành công hơn Tôi nhiều. Những người bênh vực một hệ tư tưởng có thể diễn đạt niềm tin và mục tiêu của họ nhiệt thành và đầy hy vọng hơn điều Tôi có thể làm. Tôi sẽ viết cho các bạn như một người thấy mô hình đang xuất hiện rõ ràng hơn các bạn, bởi vì Tôi có thể thấy nó cả từ bên trong lẫn bên ngoài, và cũng từ các bản thiết kế đang được Thánh Đoàn gìn giữ. Tôi sẽ viết như một người, trong hội nghị với những người hoạt động trong Thánh Đoàn, đã tìm cách thấu hiểu các mục tiêu và hợp tác với các kế hoạch trước mắt trong thời điểm khủng hoảng và biến động hành tinh này, trong các thay đổi khốc liệt, và trong việc nâng nhân loại lên các cấp độ sống mới và các trạng thái tâm thức cao hơn; như một người đã khảo cứu khá sâu vào các hồ sơ quá khứ và vào các phương thức tham thiền, và nhờ đó đã đạt được một mức độ tính bao gồm đối với quá khứ, hiện tại và tương lai mà vào lúc này tự nhiên là điều các bạn không thể có.

Some of the plans and ideas controlling hierarchical action I will seek to lay before you, leaving them to ferment in your minds, thus bringing to you either rejection or conviction. I but seek to suggest. It is for you to make deduction, to draw intelligent inferences, and to think along the lines indicated. I seek to have you steep yourselves in this line of thought so that my work with your minds may be facilitated and the group building of the needed bridges of light may go on apace. Forget not that I, too, have to make an effort to render my thought and ideas intelligible to you, and this can only be possible if I demonstrate wisdom and you demonstrate intelligence and perseverance. Where the [111] teacher is

Một số kế hoạch và ý tưởng đang chi phối hành động của Thánh Đoàn, Tôi sẽ cố gắng đặt trước các bạn, để chúng lên men trong trí của các bạn, nhờ đó đem đến cho các bạn hoặc sự bác bỏ hoặc niềm xác tín. Tôi chỉ tìm cách gợi ý. Chính các bạn phải suy luận, rút ra những kết luận sáng suốt, và tư duy theo các đường hướng đã được chỉ ra. Tôi tìm cách khiến các bạn thấm đẫm đường hướng tư tưởng này để công việc của Tôi với trí của các bạn có thể được thuận lợi và việc xây dựng nhóm các cây cầu ánh sáng cần thiết có thể tiến hành nhanh chóng. Đừng quên rằng chính Tôi cũng phải nỗ lực làm cho tư tưởng và ý tưởng của mình trở nên dễ hiểu đối với các bạn, và điều này chỉ có thể xảy ra nếu Tôi biểu lộ minh triết còn các bạn biểu lộ trí thông minh và sự kiên trì. Khi [111] huấn sư

wise and the pupil intelligent, much then becomes possible.

minh triết và môn sinh thông minh, bấy giờ nhiều điều trở nên khả hữu.

I would ask that your attitude should also be (for a time at least) non-critical; that you discard temporarily your preconceived ideas; that you cultivate a willingness to consider and to weigh, not evidence this time, but an inner structure of esoteric happening of more import than the outer events, and thus grasp somewhat of *the purpose of the new education.* Ponder on this last phrase and deeply consider my meaning. I would have you achieve a vertical position, with a horizontal outlook. Ponder too on this phrase.

Tôi yêu cầu thái độ của các bạn cũng nên là, ít nhất trong một thời gian, không phê phán; rằng các bạn tạm thời gạt bỏ các ý tưởng định kiến của mình; rằng các bạn vun bồi sự sẵn lòng xem xét và cân nhắc, lần này không phải bằng chứng, mà là một cấu trúc bên trong của sự kiện nội môn có tầm quan trọng lớn hơn các biến cố bên ngoài, và nhờ đó nắm bắt được phần nào *mục đích của nền giáo dục mới.* Hãy suy ngẫm về cụm từ sau cùng này và xem xét sâu xa ý nghĩa của Tôi. Tôi muốn các bạn đạt được một vị thế thẳng đứng, với một tầm nhìn ngang. Cũng hãy suy ngẫm về cụm từ này.

As we study the way of man as he gropes his way out of the animal condition to his present increasingly intellectual attitude, and as he presses forward into a future of widest possibility and opportunity, let us always remember that to the Custodians of God's Plan and to Those Who are working out the new developments, *the form side of life,* the outer tangible expression, is of entirely secondary importance. Your vision is oft distorted by the pain and suffering to which the form is subjected (either your own or that of others, individually or en masse), so that you do not see clearly the purpose and the urgency of the *life within the form*. To many of you, for instance, the World War was a supreme disaster, an agony to be averted in the future at any cost, a dire and dreadful happening indicative of the wickedness of man and the incredible blind indifference of God. To us, on the inner side, the World War was in the nature of a major surgical operation made in an effort to save the patient's life. A violent streptococcic germ and infection had menaced the life of humanity (speaking in symbols) and an

Khi chúng ta khảo cứu con đường của con người, khi y dò dẫm thoát khỏi tình trạng thú vật để đến thái độ ngày càng trí tuệ hiện nay, và khi y tiến tới một tương lai có khả năng và cơ hội rộng lớn nhất, chúng ta hãy luôn nhớ rằng đối với các Đấng Gìn Giữ Thiên Cơ của Thượng đế và đối với Những Đấng đang thực hiện các phát triển mới, *phương diện hình tướng của sự sống,* biểu hiện hữu hình bên ngoài, hoàn toàn có tầm quan trọng thứ yếu. Tầm nhìn của các bạn thường bị bóp méo bởi đau đớn và khổ đau mà hình tướng phải chịu, dù là hình tướng của chính các bạn hay của người khác, cá nhân hay tập thể, đến nỗi các bạn không thấy rõ mục đích và tính cấp bách của *sự sống bên trong hình tướng*. Chẳng hạn, đối với nhiều người trong các bạn, Thế Chiến là một thảm họa tối thượng, một nỗi thống khổ phải tránh trong tương lai bằng mọi giá, một biến cố khủng khiếp và đáng sợ biểu thị sự gian ác của con người và sự điềm nhiên mù quáng không thể tin được của Thượng đế. Đối với chúng tôi, ở phía bên trong, Thế Chiến mang bản chất của một cuộc đại phẫu thuật được thực hiện nhằm cố gắng cứu mạng bệnh nhân. Một vi

operation was made in order to prolong opportunity and save life, *not* to save the form. This operation was largely successful. The germ, to be sure, is not eradicated and makes its presence felt in infected areas in the body of humanity. [112]

trùng và sự nhiễm khuẩn liên cầu dữ dội đã đe dọa sự sống của nhân loại, nói theo biểu tượng, và một cuộc phẫu thuật đã được thực hiện để kéo dài cơ hội và cứu sự sống, *không phải* để cứu hình tướng. Cuộc phẫu thuật này phần lớn đã thành công. Chắc chắn, vi trùng chưa bị diệt trừ và vẫn làm cho sự hiện diện của nó được cảm thấy trong các khu vực nhiễm bệnh nơi thân thể của nhân loại. [112]

Another surgical operation may be necessary, not in order to destroy and end the present civilisation, but in order to dissipate the infection and get rid of the fever. It may not, however, be needed, for a process of dissipation, distribution and absorption has been going on and may prove effective. Let us work towards that end. But at the same time, let us never forget that it is the *Life*, its purpose and its directed intentional destiny that is of importance; and also that when a form proves inadequate, or too diseased, or too crippled for the expression of that purpose, it is—from the point of view of the Hierarchy—no disaster when that form has to go. Death is not a disaster to be feared; the work of the Destroyer is not really cruel or undesirable. I say this to you who am myself upon the Ray of Love and know its meaning.

Một cuộc phẫu thuật khác có thể cần thiết, không phải để phá hủy và chấm dứt nền văn minh hiện tại, mà để làm tiêu tan sự nhiễm khuẩn và loại bỏ cơn sốt. Tuy nhiên, điều đó có thể không cần, vì một tiến trình làm tiêu tan, phân phối và hấp thụ đã và đang diễn ra và có thể chứng tỏ hiệu quả. Chúng ta hãy làm việc hướng tới mục tiêu ấy. Nhưng đồng thời, chúng ta đừng bao giờ quên rằng chính *Sự Sống*, mục đích của nó và vận mệnh có chủ đích được định hướng của nó mới là điều quan trọng; và cũng rằng khi một hình tướng chứng tỏ không thích hợp, hoặc quá bệnh hoạn, hoặc quá tàn phế để biểu đạt mục đích ấy, thì — từ quan điểm của Thánh Đoàn — không phải là thảm họa khi hình tướng ấy phải ra đi. Cái chết không phải là một thảm họa đáng sợ; công việc của Đấng Hủy Diệt thật ra không tàn nhẫn hay không đáng mong muốn. Tôi nói điều này với các bạn, chính Tôi đang ở trên Cung Bác Ái và biết ý nghĩa của nó.

There are two lines of destruction: that which is meted out by human beings with no understanding of the life purposes, who act blindly and ignorantly, prompted by selfish desire, by love of power or by hatred; there is also that which is permitted by the soul in due and right time, and it comes when a new vehicle of expression is demanded by the indwelling life. Therefore, there is much destruction permitted by the

Có hai đường hướng hủy diệt: một đường hướng do con người thi hành mà không có sự thấu hiểu nào về các mục đích của sự sống, hành động mù quáng và vô minh, bị thúc đẩy bởi dục vọng ích kỷ, bởi lòng ham quyền lực hoặc bởi thù hận; cũng có đường hướng được linh hồn cho phép đúng thời và đúng cách, và nó đến khi sự sống nội tại đòi hỏi một hiện thể biểu đạt mới. Vì vậy, có nhiều sự hủy diệt được các Đấng Gìn Giữ

Custodians of the Plan and much evil turned into good, because the end is seen from the beginning, and the consciousness is ripe enough in experience to relinquish the form because of the sensed benefits to be gained. This is true of individuals, of nations and of races. Sensitivity to world suffering is a great and divine characteristic; when, however, it is qualified by emotion, it becomes separative in interpretation and focussed in partisanship and personalities, and thus develops into a glamour and an illusion, confusing the real issue and blinding men to the divine facts.

Thiên Cơ cho phép, và nhiều điều ác được chuyển thành điều thiện, bởi vì mục đích cuối cùng được thấy ngay từ ban đầu, và tâm thức đã chín muồi đủ trong kinh nghiệm để từ bỏ hình tướng vì cảm nhận được những lợi ích sẽ đạt được. Điều này đúng đối với cá nhân, quốc gia và các giống dân. Sự nhạy cảm với khổ đau thế giới là một đặc tính vĩ đại và thiêng liêng; tuy nhiên, khi nó bị cảm xúc quy định, nó trở nên chia rẽ trong diễn giải và tập trung vào phe phái cùng các phàm ngã, và do đó phát triển thành một ảo cảm và một ảo tưởng, làm rối mờ vấn đề thật sự và khiến con người mù lòa trước các sự kiện thiêng liêng.

I would remind you that the esotericist always argues from universals to particulars. This I shall always do, and thus offset the detailed point of view, the distorted foreground [113] and the myopic vision of the student. We will study the major trends, the wide sweep of the emerging human consciousness, demanding—as it ceaselessly does—a change in education, religion and social organisation commensurate with its unfoldment. Civilisations, cultures, races and nations appear and disappear, but the same *individualities* come and go with them, garnering the fruits of experience, and progressively marching on to fuller *Self*-government and group organisation and synthesis.

Tôi muốn nhắc các bạn rằng nhà bí truyền học luôn lập luận từ cái phổ quát đến cái đặc thù. Tôi sẽ luôn làm như thế, và nhờ vậy hóa giải quan điểm chi tiết, tiền cảnh bị bóp méo [113] và tầm nhìn cận thị của đạo sinh. Chúng ta sẽ khảo cứu các khuynh hướng lớn, dòng quét rộng của tâm thức nhân loại đang xuất hiện, vốn không ngừng đòi hỏi một sự thay đổi trong giáo dục, tôn giáo và tổ chức xã hội tương xứng với sự khai mở của nó. Các nền văn minh, văn hóa, giống dân và quốc gia xuất hiện rồi biến mất, nhưng cùng những *cá tính* ấy đến và đi với chúng, thu hoạch quả trái của kinh nghiệm, và tiến bước dần dần tới sự *tự* quản đầy đủ hơn và tổ chức cùng tổng hợp nhóm.

I would remind you also that there is a peculiar quality in every human being—an innate, inherent characteristic which is inevitably present—to which one might give the name of "mystical perception." I use this term in a far wider sense than is usually the case, and would have you regard this quality of mystical perception as inclusive of:

Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng có một phẩm tính đặc biệt trong mỗi con người — một đặc tính bẩm sinh, nội tại, chắc chắn hiện diện — mà người ta có thể gọi là "tri giác thần bí." Tôi dùng thuật ngữ này theo một ý nghĩa rộng hơn nhiều so với thông thường, và muốn các bạn xem phẩm tính tri giác thần bí này như bao gồm:

1. The mystical vision of the soul, of God and the universe.

1. Linh ảnh thần bí về linh hồn, về Thượng đế và vũ trụ.

2. The power to contact and appreciate the world of meaning, the subjective world of the emerging reality.

2. Quyền năng tiếp xúc và trân trọng Thế giới của ý nghĩa, thế giới chủ quan của thực tại đang xuất hiện.

3. The power to love and to go out to that which is other than the self.

3. Quyền năng yêu thương và hướng ra với điều khác hơn bản ngã.

4. The capacity to grasp and to intuit ideas.

4. Năng lực nắm bắt và trực nhận các ý tưởng.

5. The ability to sense the unknown, the desirable and the desired. The consequent determination and persistence which enable man to seek, search for and demand that unknown reality. It is the mystical tendency which has produced the great mystics of world renown, the large number of explorers, discoverers and inventors.

5. Khả năng cảm nhận điều chưa biết, điều đáng mong muốn và điều được khao khát. Sự quyết tâm và kiên trì tiếp theo đó khiến con người có thể tìm kiếm, truy cầu và đòi hỏi thực tại chưa biết ấy. Chính khuynh hướng thần bí đã sản sinh ra các nhà thần bí vĩ đại nổi danh thế giới, số đông các nhà thám hiểm, khám phá và phát minh.

6. The power to sense, register and record the good, the beautiful and the true. It is this that has produced the writer, the poet, the artist and the architect.

6. Quyền năng cảm nhận, ghi nhận và lưu lại điều thiện, điều mỹ và điều chân. Chính điều này đã sản sinh ra nhà văn, thi sĩ, nghệ sĩ và kiến trúc sư.

7. The urge to discover and to penetrate to the secrets of God and of nature. It is this which produced the scientist, and the religious man. [114]

7. Thôi thúc khám phá và xuyên thấu các bí mật của Thượng đế và của thiên nhiên. Chính điều này đã sản sinh ra nhà khoa học và con người tôn giáo. [114]

From a study of these definitions you will see how inclusive the term "mystical perception" is. It is no more and no less than the power, innate in man, to reach out and to grasp that which is greater and better than himself, and which has driven him on, through progressively developing cultures and civilisations, until today he stands on the verge of a new kingdom in nature. It is the power to appreciate and to strive after

Từ việc khảo cứu các định nghĩa này, các bạn sẽ thấy thuật ngữ “tri giác thần bí” bao gồm rộng đến đâu. Nó không hơn và không kém gì quyền năng bẩm sinh nơi con người để vươn ra và nắm bắt điều lớn lao hơn và tốt đẹp hơn chính y, và quyền năng ấy đã thúc đẩy y tiến lên, qua các nền văn hóa và văn minh phát triển dần dần, cho đến hôm nay y đứng bên bờ một giới mới trong thiên nhiên. Đó là quyền năng trân trọng và nỗ lực hướng

the apparently unattainable good. Let this broad and general thesis therefore be in your minds as we study man's developing power of self-expression, self-determination and self-government.

tới điều thiện dường như không thể đạt được. Vì vậy, hãy để luận đề rộng và tổng quát này ở trong trí các bạn khi chúng ta khảo cứu quyền năng đang phát triển của con người về sự tự biểu đạt, tự quyết định và tự quản.

What are the basic ideas (beginning with the recognised instincts) which have led man, step by step, to his present struggle for world betterment, group evaluation and natural self-determination, with a view—unconscious for the most part— of providing a better organ of expression within the living organism, humanity?

Những ý tưởng căn bản nào, bắt đầu với các bản năng được công nhận, đã dẫn con người từng bước đến cuộc đấu tranh hiện nay của y nhằm cải thiện thế giới, thẩm định nhóm và tự quyết định tự nhiên, với mục tiêu — phần lớn là vô thức — cung cấp một cơ quan biểu đạt tốt hơn trong cơ thể sống là nhân loại?

I dealt with this elsewhere when discussing the present Ray Plan for humanity in the field of politics, of religion and of education, and I should like to repeat part of what is there said for it has a direct bearing on our theme:

Tôi đã bàn đến điều này ở nơi khác khi thảo luận về Thiên Cơ Cung hiện nay dành cho nhân loại trong lĩnh vực chính trị, tôn giáo và giáo dục, và Tôi muốn lặp lại một phần những gì đã được nói ở đó, vì nó có liên quan trực tiếp đến chủ đề của chúng ta:

"In the final analysis, the main problem of world government is the wise use of ideas. It is here that the power of speech makes itself felt, just as in the department of religion or of education the power of the written word, of the printed page, is felt. In the field of politics, the masses are swayed by their orators, and never more so than now through the use of the radio. Great ideas are dinned into the ear of the public without cessation—theories as to dictatorship, communism, Nazism, fascism, marxism, nationalism and democratic ideals. Methods of rule by this or that group of thinkers are presented to the public, leaving them no time for consideration, or for clear thinking. Racial antipathies are spread, and personal preferences and illusions find expression, bringing about the deception of the unthinking. [115] The man who has a golden tongue, the man who has the gift of playing

“Trong phân tích sau cùng, vấn đề chính của chính quyền thế giới là việc sử dụng các ý tưởng một cách minh triết. Chính ở đây quyền năng của lời nói tạo ra ảnh hưởng của nó, cũng như trong lĩnh vực tôn giáo hay giáo dục, quyền năng của chữ viết, của trang in, được cảm nhận. Trong lĩnh vực chính trị, quần chúng bị lay động bởi các diễn giả của họ, và chưa bao giờ mạnh như hiện nay qua việc sử dụng phát thanh. Những ý tưởng lớn liên tục được nhồi vào tai công chúng — các lý thuyết về độc tài, cộng sản, quốc xã, phát xít, Mác-xít, chủ nghĩa dân tộc và các lý tưởng dân chủ. Các phương pháp cai trị của nhóm tư tưởng này hay nhóm tư tưởng kia được trình bày cho công chúng, không để họ có thời gian suy xét hay tư duy sáng rõ. Các ác cảm chủng tộc được lan truyền, và những sở thích cá nhân cùng ảo tưởng tìm được sự biểu đạt, gây nên sự lừa dối đối với những người không suy nghĩ. [115] Người có tài

with words and can voice with emphasis people's grievances, the juggler in statistics, the fanatic with a certain and sure cure for social ills and the man who loves to fan race hatreds, can ever get a following. Such men can with facility upset the balance of the community and lead a body of unthinking adherents to a transient success and power, or to obloquy and oblivion.

hùng biện, người có năng khiếu chơi đùa với ngôn từ và có thể nói lên một cách nhấn mạnh các bất bình của dân chúng, kẻ phù phép bằng thống kê, kẻ cuồng tín với một phương thuốc chắc chắn và bảo đảm cho các tệ nạn xã hội, và người thích thổi bùng thù hận chủng tộc, luôn có thể có người đi theo. Những người như thế có thể dễ dàng làm mất quân bình cộng đồng và dẫn một khối những kẻ đi theo không suy nghĩ đến thành công và quyền lực nhất thời, hoặc đến sự ô nhục và lãng quên.

"In the aggregate of this play with ideas, and in the constant impact upon the human consciousness of the great concepts which lie back of our evolutionary process, the race is developing the power to think, to choose, and to build a sure foundation. Through the evolutionary presentation of these ideas there is a steady march towards a liberty of thought (through the old method of experiment, of discard, and of renewed effort with ever newer concepts) which will enable mankind to build true to the great thought patterns which underlie the outer structure of our world. The attentive minds of the age are constantly being made sensitive to these patterns, so that the individual mind can recognise them and wrest them out of the darkness into the light of day. Thus will the true patterns be made available, to play their part in leading the race towards its destiny, towards those deeper realisations which mould the racial types, and to that synthesis of understanding which will result in a realisation of Brotherhood. Thus thoughts play their part, and the problem of ideas will be increasingly understood, until the time may come when we shall have our trained intuitives and thinkers who will be able to work directly in the world of concepts and bring through (for the use of the race) the pattern ideas upon which to build. In saying

“Trong toàn bộ trò chơi với các ý tưởng này, và trong tác động liên tục lên tâm thức nhân loại của các khái niệm lớn nằm phía sau tiến trình tiến hóa của chúng ta, nhân loại đang phát triển quyền năng tư duy, lựa chọn và xây dựng một nền tảng vững chắc. Qua sự trình bày tiến hóa của các ý tưởng này, có một cuộc tiến bước đều đặn hướng tới tự do tư tưởng, qua phương pháp cũ của thử nghiệm, loại bỏ, và nỗ lực mới với những khái niệm ngày càng mới hơn, điều sẽ giúp nhân loại xây dựng đúng theo các mô hình tư tưởng lớn nằm bên dưới cấu trúc bên ngoài của thế giới chúng ta. Những trí tuệ chăm chú của thời đại đang không ngừng trở nên nhạy cảm với các mô hình này, để trí cá nhân có thể nhận ra chúng và kéo chúng ra khỏi bóng tối vào ánh sáng ban ngày. Như vậy, các mô hình chân thực sẽ trở nên sẵn dùng, để đóng vai trò của chúng trong việc dẫn dắt nhân loại hướng tới vận mệnh của nó, hướng tới những chứng nghiệm sâu xa hơn vốn uốn nắn các loại hình chủng tộc, và tới sự tổng hợp của thấu hiểu sẽ đưa đến một nhận thức về Tình Huynh Đệ. Như vậy, các tư tưởng đóng vai trò của chúng, và vấn đề của các ý tưởng sẽ ngày càng được thấu hiểu, cho đến khi có thể đến thời chúng ta có các nhà trực giác và tư tưởng gia được huấn luyện, những người có thể làm việc trực tiếp trong thế giới của các khái niệm và đem xuyên qua, cho nhân loại sử dụng, các ý

this I realise that I may be accused of romancing and of communicating the impossible; but time will demonstrate the truth of that which I predict. The world structure emerges from and is built upon certain inner thought patterns, and it is these thought patterns which are producing [116] the present flood of governmental experiments among all nations. But today there is no training given upon the process of contacting the world of patterns and upon the true interpretation of ideas, and hence the problems. Later, when the race sees its problem with clarity, it will act with wisdom and train with care its Observers and Communicators. These will be men and women in whom the intuition has awakened at the behest of an urgent intellect; they will be people whose minds are so subordinated to the group good, and so free from all sense of separativeness, that their minds present no impediment to the contact with the world of reality and of inner truth. They will not necessarily be people who could be termed 'religious' in the ordinary sense of that word, but they will be men of goodwill, of high mental calibre, with minds well stocked and equipped; they will be free from personal ambition and selfishness, animated by love of humanity and by a desire to help the race. Such a man is a spiritual man."

tưởng mô hình để xây dựng trên đó. Khi nói điều này, Tôi nhận ra rằng Tôi có thể bị cáo buộc là tưởng tượng lãng mạn và truyền đạt điều bất khả; nhưng thời gian sẽ chứng minh chân lý của điều Tôi tiên đoán. Cấu trúc thế giới xuất hiện từ và được xây dựng trên một số mô hình tư tưởng bên trong, và chính các mô hình tư tưởng này đang tạo ra [116] dòng lũ hiện nay của các thử nghiệm chính quyền giữa mọi quốc gia. Nhưng ngày nay không có sự huấn luyện nào được đưa ra về tiến trình tiếp xúc với thế giới các mô hình và về việc diễn giải đúng các ý tưởng, và vì thế nảy sinh các vấn đề. Về sau, khi nhân loại thấy vấn đề của mình một cách rõ ràng, nó sẽ hành động với minh triết và huấn luyện cẩn trọng các Nhà Quan Sát và Các Nhà Giao Tiếp của mình. Những người này sẽ là những người nam và nữ nơi trực giác đã thức tỉnh theo mệnh lệnh của một trí năng cấp bách; họ sẽ là những người có trí tuệ phục tùng thiện ích nhóm đến mức, và thoát khỏi mọi ý thức chia rẽ đến mức, trí của họ không tạo ra trở ngại nào cho sự tiếp xúc với thế giới của thực tại và của chân lý bên trong. Họ không nhất thiết sẽ là những người có thể được gọi là 'tôn giáo' theo nghĩa thông thường của từ ấy, nhưng họ sẽ là những người thiện chí, có tầm vóc trí tuệ cao, với trí được tích lũy và trang bị tốt; họ sẽ thoát khỏi tham vọng cá nhân và ích kỷ, được thúc đẩy bởi tình thương đối với nhân loại và bởi khát vọng giúp đỡ nhân loại. Một người như thế là một con người tinh thần."

A TREATISE ON THE SEVEN RAYS, VOL. I, P. 179-181.

MỘT LUẬN VỀ BẢY CUNG, QUYỂN I, TR. 179-181.

Reasons for the Present World Unrest – Những Nguyên Nhân của Tình Trạng Bất Ổn Thế Giới Hiện Nay

Let me list for you some of the reasons for the present world unrest, reminding you that many of them are based upon causes

Hãy để Tôi liệt kê cho các bạn một số nguyên nhân của tình trạng bất ổn thế giới hiện nay, đồng thời nhắc các bạn rằng nhiều nguyên

which lie in so remote a past that history knows nothing of them, and they appear meaningless to you because you have no clear idea of the nature of early humanity. Some grasp of the essential situation will be of value if you are to follow development in the future intelligently.

nhân trong số đó dựa trên những căn nguyên nằm ở một quá khứ xa xôi đến nỗi lịch sử không biết gì về chúng, và chúng có vẻ vô nghĩa đối với các bạn vì các bạn không có ý niệm rõ ràng về bản chất của nhân loại sơ khai. Một mức độ nắm bắt nào đó về tình huống thiết yếu sẽ có giá trị nếu các bạn muốn theo dõi sự phát triển trong tương lai một cách sáng suốt.

First, *the point reached by humanity* itself is one of the major and primary causes. This evolutionary status has brought mankind to the threshold of a door upon the great path of evolution and has indicated an unfoldment which necessitates drastic changes in man's entire attitude to life and to all his world relations. These changes are being self-initiated by him and are not imposed upon him by an outside [117] force or by the coercion of humanity in any form. This is an important point to be grasped. It might therefore be stated that;

Trước hết, *điểm mà chính nhân loại đã đạt đến* là một trong những nguyên nhân lớn và căn bản. Tình trạng tiến hóa này đã đưa nhân loại đến ngưỡng cửa của một cánh cửa trên con đường lớn của tiến hóa và đã chỉ ra một sự khai mở đòi hỏi những thay đổi khốc liệt trong toàn bộ thái độ của con người đối với sự sống và mọi mối quan hệ thế giới của y. Những thay đổi này do chính y tự khởi xướng và không bị áp đặt lên y bởi một [117] mãnh lực bên ngoài hay bởi sự cưỡng bách của nhân loại dưới bất cứ hình thức nào. Đây là một điểm quan trọng cần nắm bắt. Do đó có thể nói rằng;

1. Man is now at the point where the principle of intelligence is so strongly awakened within him that nothing can arrest his progress into knowledges which would be dangerously misused and selfishly applied if nothing were done to call a halt and thus safeguard him from himself—even at the cost of temporary pain. He must be taught to react to a higher and better sense of values.

1. Con người hiện nay ở điểm mà nguyên khí trí tuệ đã thức tỉnh mạnh mẽ đến mức không điều gì có thể ngăn bước tiến của y vào các tri thức vốn sẽ bị lạm dụng nguy hiểm và áp dụng ích kỷ nếu không làm gì để buộc phải dừng lại và nhờ đó bảo vệ y khỏi chính mình — dù phải trả giá bằng đau đớn tạm thời. Y phải được dạy để phản ứng với một ý thức cao hơn và tốt đẹp hơn về các giá trị.

2. Millions of human beings are now integrated or at the point of integration. They are beginning to function as a unity within themselves, preparatory to a higher process which will enable them consciously to integrate into the greater Whole. From the form side of manifestation, mind, emotion and brain are working in unison.

2. Hàng triệu con người hiện nay đã tích hợp hoặc đang ở điểm tích hợp. Họ bắt đầu vận hành như một nhất thể trong chính mình, chuẩn bị cho một tiến trình cao hơn sẽ giúp họ tích hợp một cách có ý thức vào Toàn Thể lớn hơn. Từ phương diện hình tướng của sự biểu hiện, trí, cảm xúc và bộ não đang hoạt động đồng bộ. Giờ đây, đối phần cao hơn của

Now the higher correspondence of these lower forces—wisdom, love and direction—must appear; the more subtle energies must be enabled to express themselves. Instinctively and mystically, humanity perceives that need with a clear definiteness. The instinct to go forward to higher achievement, to enquire and to search for that which is better, remains potent. Humanity can be trusted to push onward and to make progress. The Hierarchy of Love is, however, endeavouring to hasten the process, thereby taking the risk of complications in so doing.

các mãnh lực thấp này — minh triết, bác ái và sự định hướng — phải xuất hiện; các năng lượng tinh tế hơn phải được tạo điều kiện để tự biểu đạt. Theo bản năng và theo thần bí, nhân loại nhận ra nhu cầu ấy với một sự xác định rõ ràng. Bản năng tiến tới thành tựu cao hơn, truy vấn và tìm kiếm điều tốt đẹp hơn vẫn còn mạnh mẽ. Có thể tin cậy nhân loại sẽ thúc đẩy tiến lên và đạt tiến bộ. Tuy nhiên, Thánh Đoàn Bác Ái đang nỗ lực đẩy nhanh tiến trình, và bằng cách đó chấp nhận nguy cơ phát sinh các phức tạp.

3. Certain men and women in every field of human thought are expressing the potency of the unfoldment of their achieved integration and (if you will but believe it) the reality of their soul contact, by emerging out of the dead level of humanity. They stand forth above their fellows through the very force of their personality-integration and because they can [118] function as high grade and idealistic persons. From the altitude at which they stand (relatively high from the human standpoint, and interesting from the hierarchical point of view), they are seeking to mould the racial thought and life to a certain pattern which seems to them—according to their inclination, type and ray—to be desirable.

3. Một số những người nam và nữ trong mọi lĩnh vực tư tưởng nhân loại đang biểu đạt quyền năng của sự khai mở nơi sự tích hợp đã đạt được của họ và, nếu các bạn chịu tin điều đó, thực tại của sự tiếp xúc linh hồn của họ, bằng cách nổi lên khỏi mức bằng phẳng chết lặng của nhân loại. Họ nổi bật hơn các đồng loại nhờ chính mãnh lực của sự tích hợp phàm ngã của mình và bởi vì họ có thể [118] vận hành như những người có phẩm cấp cao và lý tưởng. Từ độ cao nơi họ đứng, tương đối cao theo quan điểm nhân loại, và đáng quan tâm theo quan điểm Thánh Đoàn, họ đang tìm cách uốn nắn tư tưởng và đời sống chủng tộc theo một mô hình nào đó mà đối với họ — tùy khuynh hướng, loại hình và cung của họ — có vẻ đáng mong muốn.

These individuals in the fields of government, religion, science, philosophy, economics and sociology are having a united powerful effect, some of it of a high and good order, some of it not so good. They affect their civilisation *materially* if their emphasis is there; they produce a cultural effect *subjectively* and *spiritually* if that is the impression they seek. Their motives are often sound and good, for they all have a touch of true idealism, but—being as yet

Những cá nhân này trong các lĩnh vực chính quyền, tôn giáo, khoa học, triết học, kinh tế và xã hội học đang có một ảnh hưởng hợp nhất mạnh mẽ, một phần thuộc trật tự cao và tốt, một phần không tốt như vậy. Họ tác động lên nền văn minh của mình một cách *vật chất* nếu trọng tâm của họ ở đó; họ tạo ra một ảnh hưởng văn hóa một cách *chủ quan* và *tinh thần* nếu đó là ấn tượng họ tìm kiếm. Động cơ của họ thường là lành mạnh và tốt đẹp, vì tất cả họ đều có một chút lý tưởng

inexperienced in the ways of the soul—they make many mistakes, are sidetracked in dangerous ways and lead many people into error and trouble. In the long run, the result will be the awakening of the public consciousness, and that is ever good.

chân thực, nhưng — vì chưa có kinh nghiệm trong các đường lối của linh hồn — họ phạm nhiều sai lầm, bị dẫn lệch vào những lối nguy hiểm và dẫn nhiều người vào sai lầm và rắc rối. Về lâu dài, kết quả sẽ là sự thức tỉnh của tâm thức công chúng, và điều đó bao giờ cũng tốt.

Second, *the emerging of a new racial type*. The subjective outlines of this type can already clearly be seen. So glamoured are we by the form side that many claims are made today that the new race is to be found in America. The new race is forming in every land, but primarily in those lands where the fifth or Caucasian races are to be found. Among the fourth race peoples, however, a few, such as those to be found among the Chinese and the Japanese, are being discovered by the Hierarchy and are making their real and esoteric contribution to the whole.

Thứ hai, *sự xuất hiện của một loại hình chủng tộc mới*. Các đường nét chủ quan của loại hình này đã có thể được thấy rõ. Chúng ta bị ảo cảm bởi phương diện hình tướng đến mức ngày nay có nhiều tuyên bố rằng chủng tộc mới sẽ được tìm thấy ở Mỹ. Chủng tộc mới đang hình thành trong mọi xứ sở, nhưng chủ yếu trong những xứ sở nơi các chủng tộc thứ năm hay người da trắng được tìm thấy. Tuy nhiên, trong các dân tộc thuộc chủng tộc thứ tư, một vài người, như những người được tìm thấy trong số người Trung Hoa và Nhật Bản, đang được Thánh Đoàn nhận ra và đang đóng góp phần đóng góp thật sự và nội môn của họ cho toàn thể.

Let me also make one definite statement at this point which may cause some surprise. The fifth kingdom in nature, the spiritual, will emerge out of the fifth root race. Such is the esoteric control of the Law of Correspondence. I would [119] remind you nevertheless that the only fourth root race people to be found upon our planet are the Chinese, the Japanese, the various Mongoloid races in Central Asia (and they are somewhat intermixed with the Caucasian race) and the hybrid groups found in the many islands in the southern waters in both oceans and hemispheres, as well as the descendants of the races which a million years ago made the South American continent famous for its civilisation. I am necessarily widely generalising.

Tôi cũng muốn đưa ra một tuyên bố xác định vào điểm này, điều có thể gây đôi chút ngạc nhiên. Giới thứ năm trong thiên nhiên, giới tinh thần, sẽ xuất hiện từ Giống dân gốc thứ năm. Đó là sự kiểm soát nội môn của định luật tương ứng. Tuy nhiên, Tôi muốn [119] nhắc các bạn rằng những người thuộc Giống dân gốc thứ tư duy nhất được tìm thấy trên hành tinh chúng ta là người Trung Hoa, người Nhật Bản, các chủng tộc Mông Cổ khác nhau ở Trung Á, và họ có phần pha trộn với chủng tộc da trắng, cùng các nhóm lai được tìm thấy trên nhiều đảo ở vùng biển phía nam thuộc cả hai đại dương và hai bán cầu, cũng như hậu duệ của các chủng tộc mà một triệu năm trước đã làm cho lục địa Nam Mỹ nổi tiếng về nền văn minh của nó. Tất yếu Tôi đang khái quát rất rộng.

The new racial type is far more *a state of consciousness* than a physical form; it is a state of mind more than a peculiarly designed body. In time, however, any developed state of consciousness invariably conditions and determines the body nature and produces finally certain physical characteristics. The outstanding type of awareness of the coming new race will be the widespread recognition of the fact of the mystical perception. Its primary quality will be the intuitive understanding and control of energy; its contribution to the development of humanity is the transmutation of selfish desire into group love. This can be seen working out noticeably even today in the attitudes of great national leaders who are not, as a rule, animated at all by selfish ambition, but are controlled by love of their nation and thus by some definite form of idealism—hence the great emerging ideologies. Ponder on this point, get a wider picture of the growth of the human consciousness, and grasp somewhat the goal of the new and coming educational system.

Loại hình chủng tộc mới là *một trạng thái tâm thức* hơn rất nhiều so với một hình tướng thể xác; nó là một trạng thái của trí hơn là một thân thể được thiết kế đặc biệt. Tuy nhiên, theo thời gian, bất cứ trạng thái tâm thức phát triển nào cũng luôn tác động và quyết định bản chất thể xác, và cuối cùng tạo ra một số đặc điểm hồng trần nhất định. Loại nhận thức nổi bật của chủng tộc mới sắp đến sẽ là sự công nhận rộng rãi sự kiện của tri giác thần bí. Phẩm tính chủ yếu của nó sẽ là sự thấu hiểu trực giác và kiểm soát năng lượng; phần đóng góp của nó cho sự phát triển của nhân loại là sự chuyển hóa dục vọng ích kỷ thành tình thương nhóm. Điều này có thể được thấy đang vận hành rõ rệt ngay cả ngày nay trong thái độ của các nhà lãnh đạo quốc gia vĩ đại, những người theo thông lệ hoàn toàn không bị thúc đẩy bởi tham vọng ích kỷ, mà bị chi phối bởi tình thương đối với quốc gia của họ và do đó bởi một hình thức lý tưởng xác định nào đó — vì thế các hệ tư tưởng lớn đang xuất hiện. Hãy suy ngẫm về điểm này, hãy có một bức tranh rộng hơn về sự tăng trưởng của tâm thức nhân loại, và nắm bắt phần nào mục tiêu của hệ thống giáo dục mới sắp đến.

Third, *the ending of the Piscean Age,* which has brought to the point of crystallisation (and therefore of death) all those forms through which the Piscean ideals have been moulded. They have served their purpose and done a great and needed work. It might be asked here: What are the major Piscean ideals?

Thứ ba, *sự kết thúc của Thời đại Song Ngư,* vốn đã đưa đến điểm kết tinh, và do đó là điểm chết, tất cả những hình tướng qua đó các lý tưởng Song Ngư đã được uốn nắn. Chúng đã phục vụ mục đích của mình và đã làm một công việc lớn lao, cần thiết. Ở đây có thể hỏi: Các lý tưởng chính yếu của Song Ngư là gì?

1. *The idea of authority.* This has led to the imposition of the different forms of paternalism upon the [120] race—political, educational, social and religious paternalism. This may be either the kindly paternalism of the privileged classes, seeking to ameliorate the condition of their

1. *Ý tưởng về quyền uy.* Điều này đã dẫn đến việc áp đặt các hình thức khác nhau của chủ nghĩa gia trưởng lên [120] nhân loại — chủ nghĩa gia trưởng chính trị, giáo dục, xã hội và tôn giáo. Nó có thể là chủ nghĩa gia trưởng nhân từ của các giai cấp đặc quyền, tìm cách cải thiện tình trạng của những

dependents (and there has been much of this; or the paternalism of the churches, the religions of the world, expressing itself as ecclesiastical authority; or the paternalism of an educational process.

2. *The idea of the value of sorrow and of pain.* In the process of teaching the race the necessary quality of *detachment*, in order that its desire and plans shall no longer be oriented to form living, the Guides of the race have emphasised the idea of the virtues of sorrow and the educational value of pain. These virtues are real, but the emphasis has been overdone by the lesser teachers of the race, so that the racial attitude today is one of sorrowful and fearful expectancy and a feeble hope that some reward (in a desirable and usually material form, such as the heaven of the various world religions) may eventuate after death, and thus compensate for all that has been undergone during life. The races today are steeped in misery and an unhappy psychological acquiescence in sorrow and pain. The clear light of love must sweep away all this and joy will be the keynote of the coming new age.

3. To the above thought must be coupled *the idea of self-sacrifice.* This idea has lately shifted from the individual and his sacrifice to the group presentation. The good of the whole is now held theoretically to be of such paramount importance that the group must gladly sacrifice the individual or group of individuals. Such idealists are apt to forget that the only true sacrifice is that which is self-initiated, and that when it is an enforced sacrifice (imposed by the more powerful and superior person or group) it is apt [121] to be, in the last analysis, the

người lệ thuộc vào họ, và đã có nhiều điều như thế; hoặc chủ nghĩa gia trưởng của các giáo hội, các tôn giáo thế giới, tự biểu đạt như quyền uy giáo hội; hoặc chủ nghĩa gia trưởng của một tiến trình giáo dục.

2. *Ý tưởng về giá trị của đau buồn và đau đớn.* Trong tiến trình dạy nhân loại phẩm tính cần thiết của *sự tách rời*, để dục vọng và các kế hoạch của nó không còn hướng về đời sống hình tướng, các Đấng Hướng Dẫn nhân loại đã nhấn mạnh ý tưởng về các đức tính của đau buồn và giá trị giáo dục của đau đớn. Các đức tính này là thật, nhưng sự nhấn mạnh đã bị các huấn sư thứ yếu của nhân loại đẩy quá mức, đến nỗi thái độ chủng tộc ngày nay là một thái độ mong đợi buồn rầu và sợ hãi, cùng một hy vọng yếu ớt rằng một phần thưởng nào đó, trong một hình thức đáng mong muốn và thường là vật chất, như thiên đàng của các tôn giáo thế giới khác nhau, có thể xảy đến sau cái chết, và nhờ đó bù đắp cho tất cả những gì đã trải qua trong đời sống. Ngày nay các giống dân chìm đắm trong khổ đau và trong sự thuận chịu tâm lý bất hạnh đối với đau buồn và đau đớn. Ánh sáng trong trẻo của bác ái phải quét sạch tất cả điều này, và sự hoan hỉ sẽ là chủ âm của thời đại mới sắp đến.

3. Với tư tưởng trên phải kết hợp *ý tưởng về sự tự hy sinh.* Gần đây, ý tưởng này đã chuyển từ cá nhân và sự hy sinh của y sang sự trình bày của nhóm. Thiện ích của toàn thể nay được xem, về mặt lý thuyết, là có tầm quan trọng tối cao đến mức nhóm phải vui lòng hy sinh cá nhân hoặc nhóm cá nhân. Những nhà lý tưởng như thế thường quên rằng hy sinh chân thật duy nhất là hy sinh do chính mình tự khởi xướng, và rằng khi đó là một hy sinh bị cưỡng bách, do người hay nhóm mạnh hơn và cao hơn áp đặt, thì trong phân tích sau cùng, nó dễ [121] trở thành sự

coercion of the individual and his enforced submission to a stronger will.

4. *The idea of the satisfaction of desire*. Above everything else, the Piscean Age has been the age of material production and of commercial expansion, of the salesmanship of the products of human skill which the general public is educated to believe are essential to happiness. The old simplicity and the true values have been temporarily relegated to the background. This was permitted to continue without arrest for a long period of time because the Hierarchy of Wisdom sought to bring the people to the point of satiety. The world situation is eloquent today of the fact that possession and the multiplication of material goods constitute a handicap and are no indications that humanity has found the true road to happiness. The lesson is being learnt very rapidly and the revolt in the direction of simplicity is also rapidly gaining ground. The spirit of which commercialism is the indication is doomed, though not yet ended. This spirit of possession and the aggressive taking of that which is desired has proven widely inclusive and distinguishes the attitude of nations and of races as well as individuals. Aggression in order to possess has been the keynote of our civilisation during the past fifteen hundred years.

Fourth, *the coming into manifestation of the Aquarian Age.* This fact should provide the grounds for a profound and convinced optimism; nothing can stop the effect—growing, stabilising and final—of the new, incoming influences. These will inevitably condition the future, determine the type of culture and civilisation, indicate the form of government and produce an effect upon humanity, as has the Piscean or Christian Age, or the earlier period governed by Aries,

cưỡng bách cá nhân và sự khuất phục bị ép buộc của y trước một ý chí mạnh hơn.

4. *Ý tưởng về sự thỏa mãn dục vọng*. Hơn hết mọi điều, Thời đại Song Ngư đã là thời đại của sản xuất vật chất và mở rộng thương mại, của việc rao bán các sản phẩm do kỹ năng con người làm ra mà công chúng được giáo dục để tin là thiết yếu cho hạnh phúc. Sự giản dị xưa và các giá trị chân thật đã tạm thời bị đẩy lùi vào hậu cảnh. Điều này được cho phép tiếp tục không bị ngăn lại trong một thời gian dài bởi vì Thánh Đoàn Minh Triết tìm cách đưa dân chúng đến điểm bão hòa. Tình hình thế giới ngày nay nói lên hùng hồn sự kiện rằng sở hữu và sự nhân bội các của cải vật chất tạo thành một chướng ngại, và không phải là dấu hiệu cho thấy nhân loại đã tìm thấy con đường chân thật đến hạnh phúc. Bài học đang được học rất nhanh, và cuộc nổi dậy hướng về sự giản dị cũng đang nhanh chóng lan rộng. Tinh thần mà chủ nghĩa thương mại là dấu hiệu đã bị định đoạt phải chấm dứt, dù chưa kết thúc. Tinh thần sở hữu này và việc chiếm lấy một cách hung hăng điều được ham muốn đã chứng tỏ là bao gồm rộng rãi và phân biệt thái độ của các quốc gia và các chủng tộc cũng như các cá nhân. Sự xâm lấn để chiếm hữu đã là chủ âm của nền văn minh chúng ta trong một nghìn năm trăm năm qua.

Thứ tư, *sự đi vào biểu hiện của Thời đại Bảo Bình*. Sự kiện này phải cung cấp nền tảng cho một niềm lạc quan sâu xa và xác tín; không điều gì có thể ngăn chặn ảnh hưởng — đang tăng trưởng, ổn định và cuối cùng — của các ảnh hưởng mới đang đi vào. Chúng tất yếu sẽ tác động lên tương lai, quyết định loại hình văn hóa và văn minh, chỉ ra hình thức chính quyền và tạo ảnh hưởng lên nhân loại, như Thời đại Song Ngư hay Thời đại Kitô giáo đã làm, hoặc giai đoạn trước đó do Bạch

the Ram or Goat. Upon these steadily emerging influences [122] the Hierarchy counts with assurance, and the disciples of the world must likewise learn to depend upon them. The consciousness of universal relationship, of subjective integration and of a proven and experienced unity will be the climaxing gift of the period ahead of us.

Dương, Con Cừu hay Con Dê, cai quản. Trên các ảnh hưởng đang đều đặn xuất hiện này [122] Thánh Đoàn tin cậy một cách chắc chắn, và các đệ tử thế giới cũng phải học cách nương dựa vào chúng. Tâm thức về mối quan hệ phổ quát, về sự tích hợp chủ quan và về một sự hợp nhất đã được chứng minh và kinh nghiệm sẽ là tặng phẩm cao điểm của giai đoạn trước mặt chúng ta.

In the coming world state, the individual citizen—gladly and deliberately and with full consciousness of all that he is doing—will subordinate his personality to the good of the whole. The growth of organised brotherhoods and fraternities, of parties and of groups, dedicated to some cause or idea, is another indication of the activity of the coming forces. The interesting thing to note is that they are all expressive of some grasped idea more than of some specific person's determined and imposed plan. The Piscean type of man is an idealist along some line of human development. The Aquarian type will take the new ideals and the emerging ideas and—in group activity—materialise them. It is with this concept that the education of the future will work. The idealism of the Piscean type and his life upon the physical plane were like two separate expressions of the man. They were often widely separated and were seldom fused and blended. The Aquarian man will bring into manifestation great ideals, because the channel of contact between soul and brain, via the mind, will be steadily established through right understanding, and the mind will be used increasingly in its dual activity—as the penetrator into the world of ideas and as the illuminator of life upon the physical plane. This will ultimately produce a synthesis of human endeavour and an expression of the truer values and of the spiritual realities such as the world has

Trong trạng thái thế giới sắp đến, công dân cá nhân — vui lòng, có chủ ý và với đầy đủ tâm thức về mọi điều y đang làm — sẽ đặt phàm ngã của mình dưới thiện ích của toàn thể. Sự tăng trưởng của các hội huynh đệ và đoàn thể huynh đệ có tổ chức, của các đảng phái và nhóm, hiến dâng cho một chính nghĩa hay ý tưởng nào đó, là một dấu hiệu khác về hoạt động của các mãnh lực sắp đến. Điều đáng chú ý là tất cả chúng đều biểu đạt một ý tưởng đã được nắm bắt hơn là một kế hoạch được quyết định và áp đặt của một người cụ thể nào đó. Người thuộc loại Song Ngư là một nhà lý tưởng theo một đường hướng phát triển nhân loại nào đó. Loại người Bảo Bình sẽ lấy các lý tưởng mới và các ý tưởng đang xuất hiện, rồi — trong hoạt động nhóm — hiện hình chúng. Chính với khái niệm này mà nền giáo dục tương lai sẽ làm việc. Lý tưởng của loại Song Ngư và đời sống của y trên cõi hồng trần giống như hai biểu đạt tách biệt của con người. Chúng thường cách biệt rất xa và hiếm khi được dung hợp và hòa trộn. Người Bảo Bình sẽ đưa các lý tưởng lớn vào biểu hiện, bởi vì kênh tiếp xúc giữa linh hồn và bộ não, qua trí, sẽ được thiết lập đều đặn nhờ sự thấu hiểu đúng, và trí sẽ ngày càng được sử dụng trong hoạt động kép của nó — như kẻ xuyên thấu vào thế giới của các ý tưởng và như kẻ soi sáng đời sống trên cõi hồng trần. Điều này cuối cùng sẽ tạo ra một sự tổng hợp của nỗ lực nhân loại và một biểu đạt của các giá trị chân thật hơn cùng các thực tại tinh thần

never yet seen. Such again is the goal of the education of the future.

mà thế giới chưa từng thấy. Đây lại là mục tiêu của nền giáo dục tương lai.

What is the synthesis which will later be thus produced? Permit me to list a few factors without elaboration:

Vậy sự tổng hợp về sau sẽ được tạo ra như thế là gì? Hãy cho phép Tôi liệt kê một vài yếu tố mà không triển khai:

1. The fusion of man's differentiated spiritual aspirations, as expressed today in many world religions, into [123] the new world religion. This new religion will take the form of a conscious unified group approach to the world of spiritual values, evoking in its turn reciprocal action from Those Who are the citizens of that world—the planetary Hierarchy and affiliated groups.

1. Sự dung hợp các khát vọng tinh thần đã biến phân của con người, như ngày nay được biểu đạt trong nhiều tôn giáo thế giới, vào [123] tôn giáo thế giới mới. Tôn giáo mới này sẽ mang hình thức của một sự tiếp cận nhóm hợp nhất và có ý thức đến thế giới của các giá trị tinh thần, đến lượt nó gợi lên hành động đáp ứng từ Những Đấng là công dân của thế giới ấy — Thánh Đoàn hành tinh và các nhóm liên kết.

2. The fusion of a vast number of men into various idealistic groups. These will form in every realm of human thought and they in turn will gradually be absorbed into ever larger syntheses. I would call your attention to the fact that if the various educational groups found in the world today, in every country, were to be listed, certain underlying and analogous trends would appear: their wide diversification, their basic foundation upon some idea of human betterment and their unity of goal. Their many ramifications and subsidiary groups constitute a vast interlocking network throughout the world which is indicative of two things:

2. Sự dung hợp một số lượng lớn con người vào các nhóm lý tưởng khác nhau. Các nhóm này sẽ hình thành trong mọi lĩnh vực tư tưởng nhân loại và đến lượt chúng sẽ dần dần được hấp thụ vào những tổng hợp ngày càng lớn hơn. Tôi muốn các bạn lưu ý rằng nếu các nhóm giáo dục khác nhau hiện có trên thế giới ngày nay, ở mọi quốc gia, được liệt kê, thì một số khuynh hướng nền tảng và tương đồng sẽ xuất hiện: sự đa dạng hóa rộng lớn của chúng, nền tảng căn bản của chúng trên một ý tưởng nào đó về sự cải thiện nhân loại, và sự thống nhất mục tiêu của chúng. Nhiều nhánh rẽ và nhóm phụ của chúng tạo thành một mạng lưới liên kết rộng lớn khắp thế giới, biểu thị hai điều:

a. The steadily growing power of the man in the street to think in terms of ideals which are founded upon certain ideas and which have been put forward by some great intuitive.

a. Quyền năng ngày càng tăng đều đặn của người dân thường trên đường phố để tư duy theo các lý tưởng vốn được đặt nền trên một số ý tưởng nhất định và đã được một nhà trực giác vĩ đại nào đó đưa ra.

b. The gradual upward shift of man's aspirational consciousness by these ideas, his recognition of the idealism of his fellow

b. Sự chuyển dịch dần dần lên cao của tâm thức khát vọng nơi con người nhờ các ý tưởng này, sự công nhận của y về lý tưởng

men and his consequent training in the spirit of inclusiveness.

nơi đồng loại của mình và sự rèn luyện tiếp theo của y trong tinh thần tính bao gồm.

This growing trend towards idealism and inclusiveness is, in the last analysis, a trend towards love-wisdom. The fact that men today misapply these ideals, lower the vision and distort the true picture of the desired goal, and prostitute the early grasp of beauty to the satisfaction of selfish desire, should not prevent the realisation that the spirit of idealism is growing in the world and is not, as in the past, confined to a few advanced groups or one or two great intuitives. The discussions of the man in the street are today [124] connected with some political, social, educational or religious philosophy, based on some school of idealism. From the standpoint of Those Who are responsible for man's evolutionary development, a great step forward has been made in the last two hundred years. What were the themes of the intellectuals and the philosophers in the middle ages are today the points for animated discussion in restaurants, railway carriages, or wherever people consort, argue and talk. This is apt to be forgotten, and I would ask you to ponder on its implications and to enquire what is liable to be the final outcome of this widespread ability of the human mind to think in terms of the larger Whole and not only in terms of personal interest, and to apply forms of idealistic philosophy to the life of practical affairs. Today man does both these things.

Khuynh hướng ngày càng tăng này hướng tới lý tưởng và tính bao gồm, trong phân tích sau cùng, là khuynh hướng hướng tới Bác Ái – Minh Triết. Sự kiện rằng ngày nay con người áp dụng sai các lý tưởng này, hạ thấp tầm nhìn và bóp méo bức tranh chân thật về mục tiêu được mong muốn, và làm ô uế sự nắm bắt ban đầu về cái đẹp để thỏa mãn dục vọng ích kỷ, không nên ngăn cản sự nhận ra rằng tinh thần lý tưởng đang tăng trưởng trong thế giới và không còn, như trong quá khứ, bị giới hạn trong một vài nhóm tiến bộ hay một hai nhà trực giác vĩ đại. Các cuộc thảo luận của người dân thường trên đường phố ngày nay [124] liên hệ với một triết lý chính trị, xã hội, giáo dục hay tôn giáo nào đó, dựa trên một trường phái lý tưởng nào đó. Từ quan điểm của Những Đấng chịu trách nhiệm cho sự phát triển tiến hóa của con người, một bước tiến lớn đã được thực hiện trong hai trăm năm qua. Những gì từng là chủ đề của các trí thức và triết gia thời trung cổ thì ngày nay là các điểm thảo luận sôi nổi trong nhà hàng, toa xe lửa, hoặc bất cứ nơi nào con người tụ họp, tranh luận và trò chuyện. Điều này dễ bị quên lãng, và Tôi yêu cầu các bạn suy ngẫm về các hàm ý của nó và truy vấn xem kết quả cuối cùng có thể là gì từ khả năng rộng khắp này của trí tuệ con người trong việc tư duy theo Toàn Thể lớn hơn chứ không chỉ theo lợi ích cá nhân, và trong việc áp dụng các hình thức triết lý lý tưởng vào đời sống thực tiễn. Ngày nay con người làm cả hai điều này.

What, therefore, does this indicate? It signifies a trend in the consciousness of humanity towards the fusion of the individual with the whole, without his losing, at the same time, his sense of individuality. Whether he joins a political

Vậy điều này biểu thị điều gì? Nó biểu thị một khuynh hướng trong tâm thức nhân loại hướng tới sự dung hợp của cá nhân với toàn thể, đồng thời không làm mất ý thức về cá tính của y. Dù y gia nhập một đảng chính trị, hay ủng hộ một hình thức công tác phúc

party, or upholds some form of welfare work, or joins some of the many groups occupied with forms of esoteric philosophy, or becomes a member of some prevalent ism or cult, he is increasingly aware of an expansion of consciousness and of a willingness to identify his personal interests with those of a group which has for its basic objective the materialising of some ideal. Through this process it is believed that the conditions of human living will be bettered or some need will be met.

lợi nào đó, hay tham gia một trong nhiều nhóm bận tâm đến các hình thức triết học nội môn, hay trở thành thành viên của một chủ nghĩa hay giáo phái đang thịnh hành nào đó, y ngày càng ý thức về một sự mở rộng tâm thức và về sự sẵn lòng đồng hoá các lợi ích cá nhân của mình với lợi ích của một nhóm có mục tiêu căn bản là hiện hình một lý tưởng nào đó. Qua tiến trình này, người ta tin rằng các điều kiện sống của con người sẽ được cải thiện hoặc một nhu cầu nào đó sẽ được đáp ứng.

This process is going on today in every nation and in all parts of the world, and a census of the world educational groups and the world religious groups (to mention only two out of many possible categories) would prove the staggering number of such bodies and affiliations. It would indicate the differentiation of thought, and at the same time substantiate my conclusion that men are everywhere turning towards synthesis, fusion, blending and mutual cooperation for certain [125] visioned and specific ends. It is, for mankind, a new field of expression and of enterprise. Hence the frequent misapplications of the newer truths, the distortion of the values sensed and the perversion of the truth to suit individual aims and ends. But as man gropes his way along these lines, and as the many ideas and the various ideologies present to him points of choice and indicate emerging standards of living and of relationship, he will gradually learn to think with greater clarity, to recognise the differing aspects of truth as expressions of a basic subjective reality, and —relinquishing no part of the truth which has set him or his group free—he will learn also to include his brother's truth along with his own.

Tiến trình này đang diễn ra ngày nay trong mọi quốc gia và ở mọi phần của thế giới, và một cuộc kiểm kê các nhóm giáo dục thế giới cùng các nhóm tôn giáo thế giới, chỉ nêu hai trong nhiều phạm trù khả hữu, sẽ chứng minh con số đáng kinh ngạc của những đoàn thể và liên kết như vậy. Nó sẽ chỉ ra sự biến phân của tư tưởng, đồng thời chứng thực kết luận của Tôi rằng con người ở khắp nơi đang hướng về tổng hợp, sự dung hợp, hòa trộn và hợp tác lẫn nhau vì những [125] mục tiêu cụ thể đã được hình dung. Đối với nhân loại, đó là một lĩnh vực biểu đạt và hoạt động mới. Vì thế có những sự áp dụng sai thường xuyên các chân lý mới hơn, sự bóp méo các giá trị được cảm nhận và sự xuyên tạc chân lý để phù hợp với mục đích và cứu cánh cá nhân. Nhưng khi con người dò dẫm đi theo các đường hướng này, và khi nhiều ý tưởng cùng các hệ tư tưởng khác nhau trình bày cho y các điểm lựa chọn và chỉ ra những tiêu chuẩn sống cùng quan hệ đang xuất hiện, y sẽ dần dần học cách tư duy với sự rõ ràng lớn hơn, nhận ra các phương diện khác nhau của chân lý như những biểu đạt của một thực tại chủ quan căn bản, và — không từ bỏ bất cứ phần nào của chân lý đã giải thoát y hay nhóm của y — y cũng sẽ học cách bao gồm chân lý của huynh đệ mình cùng với chân lý của chính mình.

When this attitude has been developed in the field of practical education we shall find nations and individuals developing the ideas which seem to suit the national or personal psychology, yet recognising the reality, potency and usefulness of the point of view of other individuals and nations. When, for instance, the ideas contained in the teaching on the seven rays are of general recognition, we shall find the growth of psychological understanding, and the nations and the world religions will arrive at mutual understanding.

Khi thái độ này đã được phát triển trong lĩnh vực giáo dục thực tiễn, chúng ta sẽ thấy các quốc gia và cá nhân phát triển những ý tưởng dường như phù hợp với tâm lý quốc gia hay cá nhân, nhưng vẫn công nhận thực tại, quyền năng và sự hữu dụng của quan điểm của các cá nhân và quốc gia khác. Chẳng hạn, khi các ý tưởng chứa đựng trong giáo huấn về bảy cung được công nhận rộng rãi, chúng ta sẽ thấy sự tăng trưởng của thấu hiểu tâm lý, và các quốc gia cùng các tôn giáo thế giới sẽ đạt đến sự thấu hiểu lẫn nhau.

The Angle of Parenthood – Góc Độ Làm Cha Mẹ

I began with the angle of citizenship for two definite reasons: first, because it is a basic rule in esotericism to argue always from the universal to the particular, and secondly, the theme of citizenship, of the relationship of the unit to the whole and of the individual to the state, is the all-engrossing topic today in world affairs. With it newspapers, radio dialogues and governmental appeals all deal. This subject necessarily embodies the whole problem of individual freedom and of collective responsibility. This subtle relationship must be understood and expressed by humanity in line [126] with the underlying principles of the entire human and planetary structure. This structure is that of an all-embracing Hierarchy. In spite of the rationalisation of men's minds, this Hierarchy exists and extends from the atom of substance at the very depth of manifestation to the entire solar system; it expresses in its graded ascent every type of consciousness, from that of the infinitesimally small to that of the infinitely great. It is with a small section of the hierarchical structure—and a very small section at that—that we are engaged. Our field of investigation is that of the

Tôi bắt đầu với góc độ công dân vì hai lý do xác định: trước hết, vì trong huyền bí học có một quy luật căn bản là luôn lập luận từ cái phổ quát đến cái đặc thù, và thứ hai, chủ đề về công dân, về mối quan hệ của đơn vị với toàn thể và của cá nhân với nhà nước, là đề tài đang chiếm trọn sự chú ý ngày nay trong các vấn đề thế giới. Báo chí, các cuộc đối thoại qua phát thanh và các lời kêu gọi của chính quyền đều đề cập đến chủ đề này. Chủ đề này tất yếu bao hàm toàn bộ vấn đề tự do cá nhân và trách nhiệm tập thể. Mối quan hệ tinh tế này phải được nhân loại thấu hiểu và biểu đạt phù hợp [126] với các nguyên lý nền tảng của toàn bộ cấu trúc nhân loại và hành tinh. Cấu trúc này là cấu trúc của một Huyền Giai bao trùm tất cả. Bất chấp sự duy lý hóa của trí con người, Huyền Giai này vẫn tồn tại và trải dài từ nguyên tử chất liệu ở tận chiều sâu của sự biểu hiện đến toàn bộ hệ mặt trời; trong sự thăng lên theo cấp bậc của mình, nó biểu đạt mọi loại tâm thức, từ tâm thức của cái vô cùng nhỏ đến tâm thức của cái vô cùng lớn. Chúng ta đang liên quan đến một phần nhỏ của cấu trúc Huyền Giai — và thật sự là một phần rất nhỏ. Lĩnh vực khảo cứu của chúng ta là Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức là huyền giai của con người; nó liên quan

fourth Creative Hierarchy, which is the hierarchy of human beings; it concerns the relations of the members of this hierarchy within its hierarchical periphery; it deals also with a possible range of existence in the subhuman realms on a lower rung of the ladder of hierarchical existence, and with that hierarchical structure which is found immediately above the human in the scale of beings that of the fifth or spiritual kingdom, the Kingdom of God.

đến các mối quan hệ của các thành viên thuộc huyền giai này trong chu vi Huyền Giai của nó; nó cũng đề cập đến một phạm vi tồn tại khả hữu trong các giới dưới nhân loại ở một nấc thấp hơn trên chiếc thang của sự tồn tại Huyền Giai, và với cấu trúc Huyền Giai được tìm thấy ngay phía trên nhân loại trong thang các sinh linh, tức giới thứ năm hay giới tinh thần, Thiên Giới.

With that great hierarchical unit which we call the animal kingdom, the third kingdom in nature, man is definitely related through the medium of his animal, etheric and astral bodies. He is also related to the kingdom of souls, because his own soul is an integral part of that kingdom, just as his physical body is an integral part of the animal kingdom. The aspect of himself which is strictly and specifically human is the mind or mental body; this is essentially the organ of relationship to all other human races.

Với đơn vị Huyền Giai vĩ đại mà chúng ta gọi là giới động vật, giới thứ ba trong thiên nhiên, con người có liên hệ xác định qua trung gian các thể động vật, dĩ thái và cảm dục của mình. Y cũng có liên hệ với giới linh hồn, bởi vì chính linh hồn của y là một phần nguyên vẹn của giới ấy, cũng như thể xác của y là một phần nguyên vẹn của giới động vật. Phương diện của chính y vốn nghiêm ngặt và đặc biệt là nhân loại là trí hay thể trí; về bản chất, đây là cơ quan của mối quan hệ với mọi chủng tộc nhân loại khác.

In connection with our subject, therefore, I would have you bear in mind that the "threads of lighted consciousness" which we unfailingly create, and which eventually form the antahkarana, have to be woven between each and every hierarchical unit, and that within the human kingdom itself these connecting relationships and bridging factors have to be established between unit and unit and between group and group.

Vì vậy, liên quan đến chủ đề của chúng ta, Tôi muốn các bạn ghi nhớ rằng "các sợi dây của tâm thức được soi sáng" mà chúng ta không ngừng tạo ra, và cuối cùng hình thành antahkarana, phải được dệt giữa từng đơn vị Huyền Giai này với từng đơn vị Huyền Giai khác, và rằng trong chính giới nhân loại, các mối quan hệ nối kết và các yếu tố bắt cầu này phải được thiết lập giữa đơn vị với đơn vị và giữa nhóm với nhóm.

In the earlier stages this is effected on a mass scale by [127] means of the influence of the prevailing culture and civilisation. This, through its external impact and through the medium of its telepathic influence, makes a gradual and slow change, for at the beginning of the evolutionary process development is so slow as to be scarcely

Trong các giai đoạn đầu, điều này được thực hiện trên quy mô đại chúng bằng [127] phương tiện ảnh hưởng của nền văn hóa và văn minh đang thịnh hành. Điều này, qua tác động bên ngoài của nó và qua trung gian ảnh hưởng viễn cảm của nó, tạo ra một sự thay đổi dần dần và chậm rãi, vì ở lúc khởi đầu tiến trình tiến hóa, sự phát triển chậm

recognisable. Inevitably, however, subjective changes are wrought in the life of the individual. As evolution proceeds the process becomes increasingly rapid, until today in the so-called civilised countries, the areas affected by civilisation are speedily widening and the cultural effects are as rapidly deepening.

đến mức hầu như không thể nhận ra. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi, các thay đổi chủ quan được tạo ra trong đời sống của cá nhân. Khi tiến hóa tiếp diễn, tiến trình trở nên ngày càng nhanh, cho đến ngày nay, trong các nước được gọi là văn minh, các khu vực chịu ảnh hưởng của văn minh đang nhanh chóng mở rộng và các ảnh hưởng văn hóa cũng đang nhanh chóng trở nên sâu sắc hơn.

It is hard for the modern thinker to conceive of that time when there was no racial, national or blended religious consciousness such as is expressing itself in the world today. Even the most imaginative man is unable to visualise a state of mind wherein the consciousness was purely instinctive, self-engrossed in the physical sense, and unable to register any wider contacts than those of mate, offspring, and the call of physical appetites. Some study of such a state of consciousness has been attempted in connection with the evolution of the tribes which are fast dying out in the modern world, but even here it is impossible to make adequate allowance for the subtler impressions and influences which are the result of united thought and inner mental pressure of the civilised part of humanity. Gradually the world of men has become increasingly self-aware and is being sharply differentiated (with the relationship at the same time recognised) from the animal. The state of consciousness related to the kingdom of souls is divided into various psychological schools, or is termed either occult or mystical.

Đối với nhà tư tưởng hiện đại, thật khó hình dung thời kỳ khi chưa có tâm thức chủng tộc, quốc gia hay tôn giáo pha trộn như đang biểu hiện trong thế giới ngày nay. Ngay cả người giàu tưởng tượng nhất cũng không thể hình dung một trạng thái trí tuệ trong đó tâm thức hoàn toàn mang tính bản năng, chỉ quan tâm đến bản thân về phương diện thể xác, và không thể ghi nhận bất cứ tiếp xúc nào rộng hơn những tiếp xúc với bạn phối ngẫu, con cái, và tiếng gọi của các thèm muốn thể xác. Người ta đã cố gắng nghiên cứu phần nào trạng thái tâm thức như thế trong mối liên hệ với sự tiến hoá của các bộ tộc đang nhanh chóng biến mất trong thế giới hiện đại, nhưng ngay cả ở đây cũng không thể tính đến một cách đầy đủ những ấn tượng và ảnh hưởng tinh tế hơn, vốn là kết quả của tư tưởng hợp nhất và áp lực trí tuệ bên trong của phần nhân loại văn minh. Dần dần, thế giới con người ngày càng trở nên tự ý thức hơn và đang được phân biệt rõ rệt với giới động vật, đồng thời mối liên hệ với giới ấy cũng được nhận biết. Trạng thái tâm thức liên quan đến giới linh hồn được chia thành nhiều trường phái tâm lý khác nhau, hoặc được gọi là huyền bí hay thần bí.

We could therefore, in connection with the consciousness of humanity, divide the entire subject into three parts:

Do đó, liên quan đến tâm thức của nhân loại, chúng ta có thể chia toàn bộ chủ đề thành ba phần:

1. That concerning the tangible apparatus, the animal body, and the response mechanism whereby objective and outer contacts are made possible.

1. Phần liên quan đến bộ máy hữu hình, thể thú vật, và cơ chế đáp ứng nhờ đó các tiếp xúc khách quan và bên ngoài trở nên khả hữu.

2. That concerning the inner or psychological life of [128] man. This consists mainly of desire, aspiration, ambition and mental activity, and all of these can manifest either in their animal, psychical, mental or spiritual forms.

2. Phần liên quan đến đời sống bên trong hay đời sống tâm lý của [128] con người. Điều này chủ yếu gồm dục vọng, khát vọng, tham vọng và hoạt động trí tuệ, và tất cả những điều này có thể biểu hiện hoặc trong các hình thức thú tính, thông linh, trí tuệ hoặc tinh thần của chúng.

3. That concerning the spiritual life of man and his relationship to the world of souls, which involves, incidentally, his relationship to his own soul.

3. Phần liên quan đến đời sống tinh thần của con người và mối quan hệ của y với thế giới linh hồn, điều này cũng bao hàm mối quan hệ của y với chính linh hồn mình.

As time has progressed, these three developing aspects in the realm of consciousness have brought humanity to the recognition, not only of man's own inner personal relationships (incidentally leading to an understanding of his own physical, psychological and mental equipment), but they have brought mankind also to a realisation of the various human group relationships of which the first and the most important hitherto has been the family group-unit. It is here that one of the major distinctions between the human state of consciousness and that of the animal has developed, through the divine imposition of the Law of Necessity. This law has provided opportunity for the development of the sense of responsibility for the care of the family. Once an animal or a bird can fend for itself physically, it is cast off by the parent or parents and left to its own resources. In the case of the human family, the physical care of the child, as well as its psychological unfoldment, has gradually been extended until either the parent or the church, the community or the state, is responsible for

Theo dòng thời gian, ba phương diện đang phát triển này trong lĩnh vực tâm thức đã đưa nhân loại đến sự nhận biết, không chỉ về những mối quan hệ cá nhân bên trong của chính con người, qua đó dẫn đến sự thấu hiểu về trang bị hồng trần, tâm lý và trí tuệ của chính y, mà chúng cũng đưa nhân loại đến sự nhận thức về các mối quan hệ nhóm khác nhau của con người, trong đó mối quan hệ đầu tiên và quan trọng nhất cho đến nay là đơn vị nhóm gia đình. Chính tại đây, một trong những khác biệt chủ yếu giữa trạng thái tâm thức của con người và của loài vật đã phát triển, qua sự áp đặt thiêng liêng của Định luật Tất Yếu. Định luật này đã cung cấp cơ hội cho sự phát triển ý thức trách nhiệm đối với việc chăm sóc gia đình. Một khi một con vật hay một con chim có thể tự lo cho mình về mặt thể xác, nó bị cha mẹ bỏ mặc và để tự xoay xở bằng nguồn lực của chính nó. Trong trường hợp gia đình nhân loại, việc chăm sóc thể xác cho đứa trẻ, cũng như sự khai mở tâm lý của nó, đã dần dần được kéo dài cho đến khi cha mẹ, giáo hội, cộng đồng hay nhà nước chịu trách nhiệm về nó trong

him for many years—the time element varying according to the country of birth and social status.

nhiều năm—yếu tố thời gian thay đổi tùy theo quốc gia sinh ra và địa vị xã hội.

This has entirely altered the aspect of affairs and the first group, therefore, of which any individual child becomes normally aware is the family group as a unit in the community. In that particular group relationship, throughout the ages (both symbolically and indeed in fact), the following factors—underlying the very structure of existence itself—[129] are preserved and developed and are held before the race as that which is ultimately ideal:

Điều này đã hoàn toàn thay đổi phương diện của sự việc, và vì vậy nhóm đầu tiên mà bất cứ đứa trẻ cá nhân nào thường nhận biết là nhóm gia đình như một đơn vị trong cộng đồng. Trong mối quan hệ nhóm đặc thù ấy, xuyên suốt các thời đại, cả về mặt biểu tượng lẫn thực tế, các yếu tố sau đây—nằm bên dưới chính cấu trúc của hiện tồn—[129] được gìn giữ và phát triển, và được đặt trước nhân loại như điều rốt cuộc là lý tưởng:

1. *The recognition of hierarchical status,* which is, in the last analysis, the relation of the lesser to the greater, of the weaker to the stronger and of the more experienced to the less experienced. Thereby the sense of protection is developed, which is the working out of one form of the love aspect in the universe.

1. *Sự nhận biết địa vị thứ bậc,* xét đến cùng, là mối quan hệ của cái nhỏ hơn với cái lớn hơn, của cái yếu hơn với cái mạnh hơn, và của người nhiều kinh nghiệm hơn với người ít kinh nghiệm hơn. Nhờ đó, ý thức bảo vệ được phát triển, vốn là sự thể hiện của một hình thức thuộc phương diện bác ái trong vũ trụ.

2. *The recognition of responsibility,* inherited, applied or shouldered. This is the relation of the older to the younger, of the wise to the ignorant. Thereby the need of providing opportunity for the unfoldment of knowledge is developed.

2. *Sự nhận biết trách nhiệm,* dù là được thừa hưởng, được áp dụng hay được gánh vác. Đây là mối quan hệ của người lớn tuổi với người trẻ tuổi, của người minh triết với người vô minh. Nhờ đó, nhu cầu cung cấp cơ hội cho sự khai mở tri thức được phát triển.

3. *The recognition of the faculty of forgiveness,* which is, or rather should be, the expression of the relationship between unit and unit within the larger group, or of group and group within a still larger whole. Forgiveness is essentially the process whereby each gives to each along psychical lines, and it is one of the rudimentary expressions of the quality of self-sacrifice which is, in its turn, an aspect of the will nature of Deity. Being therefore related to the monadic or will life, it is as yet

3. *Sự nhận biết năng lực tha thứ,* vốn là, hay đúng hơn nên là, biểu hiện của mối quan hệ giữa đơn vị với đơn vị trong nhóm lớn hơn, hoặc giữa nhóm với nhóm trong một toàn thể còn lớn hơn. Tha thứ về bản chất là tiến trình qua đó mỗi bên trao cho mỗi bên theo các đường lối tâm lý, và đó là một trong những biểu hiện sơ khai của phẩm tính tự hi sinh, vốn đến lượt nó là một phương diện của bản chất ý chí nơi Thượng Đế. Vì thế, do liên hệ với đời sống chân thần hay đời sống ý chí, nó cho đến nay vẫn hoàn toàn bị hiểu

completely misunderstood and misinterpreted. It is in reality the sense of synthesis or of identification and of "each for all and all for each." This sense is being developed today as never before, but it is still so embryonic that words do not help in explaining it. This faculty of forgiveness is not a form of magnanimous forgetting or overlooking, neither is it a gesture of superiority whereby the slate is wiped clean. It is the very breath of life itself—the giving of all to all and for all.

lầm và diễn giải sai. Thực ra, đó là ý thức tổng hợp hay đồng hoá, và ý thức "mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người." Ý thức này ngày nay đang được phát triển hơn bao giờ hết, nhưng nó vẫn còn phôi thai đến mức lời nói không giúp giải thích được nó. Năng lực tha thứ này không phải là một hình thức quên đi hay bỏ qua đầy cao thượng, cũng không phải là một cử chỉ ưu việt nhờ đó mọi chuyện được xóa sạch. Nó chính là hơi thở của sự sống—sự trao hiến tất cả cho tất cả và vì tất cả.

4. *The recognition of group interplay* within the larger world relationship—justly, harmoniously and rhythmically. [130] It is the sense of right relations, carried forward consciously and harmoniously developed.

4. *Sự nhận biết tương tác nhóm* trong mối quan hệ thế giới rộng lớn hơn—một cách công chính, hài hòa và nhịp nhàng. [130] Đó là ý thức về những mối quan hệ đúng đắn, được tiến hành một cách có ý thức và được phát triển hài hòa.

In the period which is coming, and under the influence of the new education, these four basic recognitions will be inculcated and taught to every child in school and college. They will thus govern and develop the new form of family unit which must inevitably come into existence.

Trong thời kỳ đang đến, và dưới ảnh hưởng của nền giáo dục mới, bốn sự nhận biết căn bản này sẽ được gieo vào và giảng dạy cho mọi trẻ em trong trường học và đại học. Nhờ vậy, chúng sẽ chi phối và phát triển hình thức mới của đơn vị gia đình vốn tất yếu phải xuất hiện.

The family group (like all else in human affairs) has shared in the general separativeness, selfishness and individual, isolated exclusiveness, based on class distinctions, inherited tradition, racial attitudes and national custom. Families (under any category and bracket) present a united front to the world; parents defend their own children and position and situation, right or wrong; family pride, tradition, pedigree are overemphasised, leading to the different barriers which today separate man from man, family from family and group from group. The grip of the past upon families is a factor which is largely responsible for the revolt of modern youth

Nhóm gia đình, cũng như mọi điều khác trong các sự vụ nhân loại, đã cùng chia sẻ tính chia rẽ, ích kỷ và tính độc quyền cá nhân, cô lập nói chung, dựa trên những phân biệt giai cấp, truyền thống thừa hưởng, thái độ chủng tộc và tập quán quốc gia. Các gia đình, dưới bất cứ phạm trù và nhãn hiệu nào, đều trình ra trước thế giới một mặt trận thống nhất; cha mẹ bảo vệ con cái, vị trí và hoàn cảnh của mình, dù đúng hay sai; niềm kiêu hãnh gia đình, truyền thống, dòng dõi được nhấn mạnh quá mức, dẫn đến những rào cản khác nhau ngày nay đang tách con người khỏi con người, gia đình khỏi gia đình và nhóm khỏi nhóm. Sự kìm giữ của quá khứ đối với các gia đình là một yếu tố chịu trách

against parental control, though other factors—such as rebellion against enforced religion and old outworn standards and philosophies—are equally responsible. However, under the coming world order, educators will prepare the young people in school and college for participation in an active and consciously realised group life. For this they will be prepared by training them in the recognition of the four factors I have listed as essential to human progress at this time. These will, when grasped and practiced, produce the needed right relationships and eventually a harmonious world.

nhiệm lớn lao cho cuộc nổi dậy của thanh niên hiện đại chống lại sự kiểm soát của cha mẹ, mặc dù các yếu tố khác—như sự phản kháng tôn giáo bị áp đặt và những tiêu chuẩn, triết lý cũ kỹ đã lỗi thời—cũng chịu trách nhiệm ngang như vậy. Tuy nhiên, dưới trật tự thế giới sắp đến, các nhà giáo dục sẽ chuẩn bị cho người trẻ trong trường học và đại học tham dự vào một đời sống nhóm năng động và được nhận thức có ý thức. Để làm điều này, họ sẽ được chuẩn bị bằng cách được huấn luyện trong sự nhận biết bốn yếu tố mà Tôi đã liệt kê là thiết yếu cho sự tiến bộ của nhân loại vào lúc này. Khi được nắm bắt và thực hành, những yếu tố này sẽ tạo ra các mối quan hệ đúng đắn cần thiết và rốt cuộc là một thế giới hài hòa.

Hierarchy, responsibility, group interplay, and forgiveness or sacrifice—these are the four categories of recognition which will enable each person to do his part and take his share in bridging between person and person, between group and group, and between nation and nation, thus establishing that new world of recognised corporate relationships [131] which will eventually produce the civilisation of light and love which will be characteristic of the Aquarian Age.

Thứ bậc, trách nhiệm, tương tác nhóm, và tha thứ hay hi sinh—đây là bốn phạm trù nhận biết sẽ giúp mỗi người làm phần việc của mình và đảm nhận phần của mình trong việc bắt cầu giữa người với người, giữa nhóm với nhóm, và giữa quốc gia với quốc gia, nhờ đó thiết lập thế giới mới của những mối quan hệ tập thể được nhận biết [131] vốn rốt cuộc sẽ tạo ra nền văn minh của ánh sáng và tình thương, đặc trưng của Kỷ Nguyên Bảo Bình.

It is these four concepts which lie behind the Science of the Antahkarana, the Science of Meditation, and the Science of Service. Their connotations have to be interpreted in no sentimental sense, or in the coin of current ideas, but always from the angle of a trained intelligence and of a spiritually developed consciousness.

Chính bốn khái niệm này nằm sau Khoa Học Antahkarana, Khoa Học Tham Thiền, và Khoa Học Phụng Sự. Các hàm nghĩa của chúng không được diễn giải theo bất cứ ý nghĩa tình cảm nào, hay theo khuôn khổ những ý tưởng hiện hành, mà luôn từ góc độ của một trí tuệ được rèn luyện và một tâm thức phát triển tinh thần.

Parenthood will not be regarded primarily as an animal function or as a purely social or economic function, which are the usual lines of approach at this present time. The

Chức năng làm cha mẹ sẽ không được xem trước hết như một chức năng thú tính, hay như một chức năng thuần túy xã hội hoặc kinh tế, vốn là những đường lối tiếp cận

establishing of a deliberately prepared or constructed thread of light (as a definite part of the world-antahkarana) between parent and child, even in the prenatal stages, will be carefully taught. Thus a close rapport will be brought about "in the light" yet without establishing undue mental control and authority. This latter sentence will show you how impossible it has been to date to hasten the teaching of this new science of the antahkarana. Today it is beginning to be possible to lay the foundation for this new teaching, because the young people in every land are forcing upon their parents and their teachers the idea of their essential and determined independence. The revolt of youth, in spite of all the immediate and individual disasters, has been a desirable thing and has prepared the way for the establishing of right and better relations, based upon the premises which I have laid down.

thông thường vào thời hiện tại. Việc thiết lập một sợi dây ánh sáng được chuẩn bị hay kiến tạo có chủ ý, như một phần xác định của antahkarana thế giới, giữa cha mẹ và con cái, ngay cả trong các giai đoạn trước khi sinh, sẽ được giảng dạy cẩn thận. Nhờ vậy, một sự hòa hợp gần gũi sẽ được tạo ra “trong ánh sáng,” nhưng không thiết lập sự kiểm soát và quyền uy trí tuệ quá mức. Câu sau cùng này sẽ cho các bạn thấy cho đến nay việc thúc đẩy giảng dạy khoa học mới này về antahkarana đã bất khả như thế nào. Ngày nay, việc đặt nền tảng cho giáo huấn mới này đang bắt đầu trở nên khả hữu, bởi vì người trẻ ở mọi xứ sở đang buộc cha mẹ và thầy cô của họ phải đối diện với ý tưởng về sự độc lập thiết yếu và kiên quyết của họ. Cuộc nổi dậy của tuổi trẻ, bất chấp mọi tai họa tức thời và cá nhân, đã là một điều đáng mong muốn và đã chuẩn bị con đường cho việc thiết lập những mối quan hệ đúng đắn và tốt đẹp hơn, dựa trên các tiền đề mà Tôi đã nêu ra.

It is of course impossible for me to do more than indicate here the basis of the new education which will prepare the youth of the world for the responsibilities and duties of parenthood. The entire problem is tied up with that of sex, and also with the problem of the state and its control, far more than is generally conceded. Those are two problems which are only emerging today into their full significance, and with them I cannot here deal. Parenthood is the result, and the ordained result, of the relation of two animal [132] bodies, and I would have you ponder—even if ineffectually—upon the wider group implications of this statement. Parenthood is what makes a state, a nation, and a group possible as far as manifestation is concerned, and here again the vastness of the problem is staggering. Parenthood has also a close symbolic relationship to the Hierarchy, for the family unit is the symbol

Dĩ nhiên, ở đây Tôi không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra nền tảng của nền giáo dục mới, vốn sẽ chuẩn bị thanh niên thế giới cho các trách nhiệm và bổn phận của chức năng làm cha mẹ. Toàn bộ vấn đề gắn liền với vấn đề tính dục, và cũng với vấn đề nhà nước cùng sự kiểm soát của nó, nhiều hơn xa so với điều thường được thừa nhận. Đó là hai vấn đề chỉ mới ngày nay đang đi vào trọn thâm nghĩa của chúng, và ở đây Tôi không thể bàn đến chúng. Chức năng làm cha mẹ là kết quả, và là kết quả đã được an bài, của mối quan hệ giữa hai thể thú vật [132], và Tôi muốn các bạn suy ngẫm—dù không hiệu quả—về những hàm ý nhóm rộng lớn hơn của phát biểu này. Chức năng làm cha mẹ là điều khiến một nhà nước, một quốc gia và một nhóm trở nên khả hữu về mặt biểu hiện, và ở đây một lần nữa, sự bao la của vấn đề thật choáng ngợp. Chức năng làm cha mẹ cũng có mối quan hệ biểu tượng gần gũi với

upon earth of the Hierarchy, and it is through the two facts of sexual relationship and physical birth that the vast Hierarchy of Souls can achieve physical manifestation and attain spiritual perfection in the three worlds of human evolution. One could (and this fact should be carefully borne in mind) divide the Hierarchy into two basic groups:

Thánh Đoàn, vì đơn vị gia đình là biểu tượng trên trái đất của Thánh Đoàn, và chính qua hai sự kiện về mối quan hệ tính dục và sự sinh ra hồng trần mà Thánh Đoàn Linh Hồn bao la có thể đạt được biểu hiện hồng trần và đạt đến sự hoàn thiện tinh thần trong ba cõi của tiến hoá nhân loại. Người ta có thể, và sự kiện này cần được ghi nhớ cẩn thận, chia Thánh Đoàn thành hai nhóm căn bản:

1. Those souls who have reached perfection and achieved the status of divine servers.

1. Những linh hồn đã đạt đến sự hoàn thiện và đạt được địa vị của những người phụng sự thiêng liêng.

2. Those souls who are in the processes of evolution and passing through the periods of continual incarnation.

2. Những linh hồn đang trong các tiến trình tiến hoá và đi qua những thời kỳ lâm phàm liên tục.

The idea of generation, birth and subsequent manifestation runs like a guiding thread through all esoteric thought. The ancient teachers of the race, sent out by the Hierarchy from time to time, ever employed the symbolism of natural process in order to illustrate and make clear the needed instruction, and lay that spiritual foundation of truth which will in the coming age lead the race into new ways and a new manner of thought. For the esotericist, there is the process of birth into the darkness of physical incarnation which —in its turn—is the foreordained preparatory process which leads to birth into light, carried forward in the light and producing the externalisation of the body of light. This continuing process (for in all ages this birth into light has been going forward) will produce that future world of light which it is the purpose of the natural processes of evolution to reveal. This is the "second birth" spoken of [133] in the New Testament, in which a man is "born again" into the world of light and love.

Ý tưởng về sinh sản, sinh ra và biểu hiện tiếp theo chạy như một sợi dây dẫn đạo xuyên suốt mọi tư tưởng nội môn. Các huấn sư cổ xưa của nhân loại, được Thánh Đoàn sai phái ra theo từng thời kỳ, luôn dùng biểu tượng của tiến trình tự nhiên để minh họa và làm sáng tỏ giáo huấn cần thiết, và đặt nền tảng tinh thần của chân lý, vốn trong thời đại sắp đến sẽ dẫn nhân loại vào những con đường mới và một cách tư tưởng mới. Đối với nhà bí truyền học, có tiến trình sinh vào bóng tối của sự lâm phàm hồng trần, vốn đến lượt nó là tiến trình chuẩn bị đã được định trước, dẫn đến sự sinh vào ánh sáng, được tiến hành trong ánh sáng và tạo ra sự ngoại hiện của thể ánh sáng. Tiến trình liên tục này, vì trong mọi thời đại sự sinh vào ánh sáng này vẫn đang tiếp diễn, sẽ tạo ra thế giới ánh sáng tương lai mà mục đích của các tiến trình tự nhiên trong tiến hoá là mặc khải. Đây là "sự sinh lần thứ hai" được nói đến [133] trong Tân Ước, trong đó một người "được sinh lại" vào thế giới của ánh sáng và tình thương.

From the angle of the new education, these new concepts will govern the mental attitude of parents in the coming civilisation, and for this the adolescent must be prepared. It is the misinterpretation of the newer concepts which is prevalent at this time and is thus producing the emphasis laid—in certain countries and among nationalists of all countries—upon the necessity to increase the birth rate. Attention is now being paid to birth rate, its rise and fall, to correct care of mothers and children, even in the prenatal period, and to the education of parents everywhere. Out of all this, new ideas and attitudes must eventually arise which will be in line with the coming world culture and concepts. But today, the motive for this solicitude is wrong. The interior impulse to deal with the whole problem of parenthood in a newer and better way is right. The objectives, however, which are held before the race are not the highest or the most desirable. The necessity of the times will eventually produce radical changes in the approach to family life, parenthood and the training of children, and for this a nucleus is preparing the way—or can do so if faithful, attentive and intelligent work is done.

Từ góc độ của nền giáo dục mới, các khái niệm mới này sẽ chi phối thái độ trí tuệ của cha mẹ trong nền văn minh sắp đến, và thanh thiếu niên phải được chuẩn bị cho điều này. Chính sự diễn giải sai các khái niệm mới hơn đang phổ biến vào lúc này, và do đó tạo ra sự nhấn mạnh—ở một số quốc gia và nơi những người theo chủ nghĩa dân tộc của mọi quốc gia—về sự cần thiết phải tăng tỉ lệ sinh. Ngày nay, sự chú ý đang được dành cho tỉ lệ sinh, sự tăng giảm của nó, việc chăm sóc đúng đắn các bà mẹ và trẻ em, ngay cả trong giai đoạn trước khi sinh, và việc giáo dục cha mẹ ở khắp nơi. Từ tất cả những điều này, rốt cuộc phải phát sinh những ý tưởng và thái độ mới, phù hợp với nền văn hóa và các khái niệm thế giới sắp đến. Nhưng ngày nay, động cơ cho sự quan tâm này là sai lầm. Xung lực bên trong để xử lý toàn bộ vấn đề làm cha mẹ theo một cách mới hơn và tốt hơn là đúng. Tuy nhiên, các mục tiêu được đặt trước nhân loại không phải là cao nhất hay đáng mong muốn nhất. Nhu cầu của thời đại rốt cuộc sẽ tạo ra những thay đổi căn bản trong cách tiếp cận đời sống gia đình, chức năng làm cha mẹ và việc huấn luyện trẻ em, và cho điều này một hạt nhân đang chuẩn bị con đường—hoặc có thể làm như vậy nếu công việc trung thành, chú tâm và thông minh được thực hiện.

Trends Indicative of Future Developments – Những Khuynh Hướng Chỉ Dấu Các Phát Triển Tương Lai

As I said before, this subject of parenthood and child training is too great for ample or satisfactory discussion in these brief instructions, but certain statements can be made which will be indicative of future developments and point the way to where the changed attitude may be anticipated. Let me list them as follows:

Như Tôi đã nói trước đây, chủ đề làm cha mẹ và huấn luyện trẻ em này quá lớn để có thể thảo luận đầy đủ hay thỏa đáng trong những huấn thị ngắn gọn này, nhưng có thể nêu ra một số phát biểu chỉ dấu những phát triển tương lai và chỉ đường đến nơi có thể trông đợi thái độ thay đổi. Hãy để Tôi liệt kê chúng như sau:

1. The emphasis in the future will shift from the urge to produce large families to that of producing *quality* and *intelligence* in the offspring. This will include that science of which eugenics is the distorted and [134] exoteric indication. When the fact of the etheric body with its force centres is scientifically established, the above prophecy will assume significance and meaning.

1. Trong tương lai, trọng tâm sẽ chuyển từ thôi thúc sinh ra những gia đình đông con sang việc tạo ra *phẩm tính* và *trí tuệ* nơi con cái. Điều này sẽ bao gồm khoa học mà ưu sinh học là dấu chỉ ngoại môn bị bóp méo [134] của nó. Khi sự kiện về thể dĩ thái với các trung tâm mãnh lực của nó được xác lập một cách khoa học, lời tiên tri trên sẽ có thâm nghĩa và ý nghĩa.

2. The need of an increasing birthrate will be eventually regarded as erroneous, and this for three reasons which it would profit you to study:

2. Nhu cầu về một tỉ lệ sinh ngày càng tăng rốt cuộc sẽ được xem là sai lầm, và điều này vì ba lý do mà các bạn nên nghiên cứu:

a. Many souls are rapidly achieving perfection and passing away altogether from our planetary life. This process will be intensified during the coming Aquarian Age. It should be remembered that the door will be shut for some time as yet upon the animal kingdom, and for a long period no individualisation will culminate in materialisation into physical bodies. Technically, any individualisation which may take place will be that which is technically called "individualisation into pralaya, there to await the inevitable call." There will be, therefore, no necessity for a massed and hurried creation of human forms.

a. Nhiều linh hồn đang nhanh chóng đạt đến sự hoàn thiện và hoàn toàn rời khỏi đời sống hành tinh của chúng ta. Tiến trình này sẽ được tăng cường trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sắp đến. Cần nhớ rằng cánh cửa sẽ còn đóng lại trong một thời gian nữa đối với giới động vật, và trong một thời kỳ dài sẽ không có sự biệt ngã hóa nào đạt cực điểm trong việc hiện hình thành các thể xác. Về mặt kỹ thuật, bất cứ sự biệt ngã hóa nào có thể diễn ra sẽ là điều về mặt kỹ thuật được gọi là "biệt ngã hóa vào Giai kỳ qui nguyên, ở đó chờ tiếng gọi tất yếu." Vì vậy, sẽ không cần đến việc tạo lập hàng loạt và vội vã các hình tướng nhân loại.

b. The economic situation will make it necessary that certain physical restrictions should be imposed, because it is now evident that *beyond a certain point the planet cannot support humanity.* This is more fundamental in its implications than you can imagine. Again, we have evidence of a growing realisation of the race along this particular line; that realisation is as yet distorted and much misunderstood and is today producing the promiscuous use of

b. Tình hình kinh tế sẽ khiến cần phải áp đặt một số hạn chế hồng trần, bởi vì hiện nay rõ ràng là *vượt quá một điểm nào đó hành tinh không thể nuôi dưỡng nhân loại.* Điều này căn bản hơn trong các hàm ý của nó so với điều các bạn có thể tưởng tượng. Một lần nữa, chúng ta có bằng chứng về một sự nhận thức ngày càng tăng của nhân loại theo đường lối đặc thù này; nhận thức đó cho đến nay vẫn bị bóp méo và bị hiểu lầm nhiều, và ngày nay đang tạo ra việc sử dụng bừa bãi các phương

contraceptive methods. As the intelligence of the race is developed (and that is going on apace), as the Laws of Rhythm and Approach are grasped, it will then be found that there are certain innate reactions which will negate conception, and that then the mechanical means will no longer be required. This sounds as yet extremely [135] vague and almost impossible, but the race is rapidly achieving personality control (e'en though our idea of rapidity may not be yours) and this, in its turn, must produce certain automatic and inherent changes. This is a point which must be grasped by esotericists.

pháp tránh thai. Khi trí tuệ của nhân loại được phát triển, và điều đó đang diễn ra nhanh chóng, khi các Định luật Nhịp Điệu và Tiếp Cận được nắm bắt, bấy giờ người ta sẽ thấy rằng có những phản ứng bẩm sinh nhất định sẽ ngăn sự thụ thai, và khi ấy các phương tiện cơ học sẽ không còn cần thiết. Điều này hiện nay nghe có vẻ cực kỳ [135] mơ hồ và gần như bất khả, nhưng nhân loại đang nhanh chóng đạt được sự kiểm soát phàm ngã, dù ý niệm của chúng ta về sự nhanh chóng có thể không phải là của các bạn, và điều này đến lượt nó phải tạo ra một số thay đổi tự động và nội tại. Đây là một điểm mà các nhà bí truyền học phải nắm bắt.

c. The widespread promiscuity of the sexes, and the rule in many countries which entitles a man to possess many wives (which is an insult to the woman), will eventually and inevitably cease. It is, in the last analysis, a form of legalised prostitution, and the fact that it has the endorsement of tradition and centuries of practice does not mitigate this position which I take. Through this lack of regulation and of essential rhythm, the natural consequences have occurred, and millions of souls have been brought into incarnation who were never intended *at this time* to incarnate and achieve exoteric manifestation. This fact is largely responsible for much of the present economic distress and for the modern planetary dilemma. The economic situation and the necessity to provide for the unduly large population of the planet lies behind much of the aggression and greed of the nations down the ages, and for the effort being made today as never before to provide better and more adequate living conditions. War has consequently been the inevitable result of this undue and unlimited propagation of the human species. This lack of sexual control has brought into the world thousands of unwanted children whose

c. Sự buông thả rộng khắp giữa hai giới, và luật lệ ở nhiều quốc gia cho phép một người đàn ông sở hữu nhiều vợ, điều đó là một sự sỉ nhục đối với người phụ nữ, rốt cuộc và tất yếu sẽ chấm dứt. Xét đến cùng, đó là một hình thức mại dâm được hợp pháp hóa, và sự kiện nó có sự chuẩn nhận của truyền thống và nhiều thế kỷ thực hành không làm giảm nhẹ lập trường mà Tôi giữ. Qua sự thiếu điều hòa và thiếu nhịp điệu thiết yếu này, các hậu quả tự nhiên đã xảy ra, và hàng triệu linh hồn đã được đưa vào lâm phàm, những linh hồn vốn chưa bao giờ được dự định *vào lúc này* phải lâm phàm và đạt đến biểu hiện ngoại môn. Sự kiện này chịu trách nhiệm lớn lao cho nhiều nỗi khốn khó kinh tế hiện tại và cho tình thế lưỡng nan hành tinh hiện đại. Tình hình kinh tế và nhu cầu cung cấp cho dân số quá lớn của hành tinh nằm sau nhiều sự xâm lược và tham lam của các quốc gia qua các thời đại, và sau nỗ lực đang được thực hiện ngày nay hơn bao giờ hết nhằm cung cấp những điều kiện sống tốt hơn và đầy đủ hơn. Vì thế, chiến tranh đã là kết quả tất yếu của sự sinh sôi quá mức và không giới hạn này của loài người. Sự thiếu kiểm soát tính dục này đã đưa vào thế giới hàng ngàn trẻ em không mong muốn, mà sự xuất hiện của chúng chỉ là kết quả của

appearance is solely the result of accidental and uncontrolled sexual relations, and in no way indicates the planned intention of parents—planned because intended to offer experience to incarnating souls, with the conscious intent of [136] offering the opportunity to hasten the "birth into the light" of those particular souls, thus rendering service to the divine plan.

những quan hệ tính dục ngẫu nhiên và không kiểm soát, và hoàn toàn không biểu thị ý định có kế hoạch của cha mẹ—có kế hoạch vì được dự định để trao kinh nghiệm cho các linh hồn đang lâm phàm, với ý định có ý thức [136] trao cơ hội để thúc đẩy "sự sinh vào ánh sáng" của những linh hồn đặc thù ấy, nhờ đó phụng sự Thiên Cơ.

3. The science of eugenics and of sex hygiene and the development of mentally controlled relationships will steadily grow. Much that is now taught along these lines is erroneous and wrongly motivated, being based upon fear, expediency and the desire for improved racial attributes and physical perfection. The right form of scientific sex control, leading to those right conditions in which souls may incarnate, cannot be imposed by law. The desired ends may be aided by educational methods and already this is being done in a tentative and embryonic manner; but the real change in human consciousness which is needed will appear only as the race itself is brought under a rhythmic law—under which, for instance, the animal lives function, or the seasonal law under which forms in the vegetable kingdom operate—thus transferring the whole concept on to a higher turn of the evolutionary spiral. This, when it is brought about, will produce certain fundamental changes—regulated sex life, an organised parental life, and mental differences in the racial attitude towards the sex relation and its ordained consequence, *Birth*.

3. Khoa học ưu sinh và vệ sinh tính dục, cùng sự phát triển các mối quan hệ được kiểm soát bằng trí tuệ, sẽ tăng trưởng đều đặn. Nhiều điều hiện nay được giảng dạy theo các đường lối này là sai lầm và có động cơ sai, dựa trên sợ hãi, quyền biến và ham muốn cải thiện các thuộc tính chủng tộc cùng sự hoàn thiện thể xác. Hình thức đúng đắn của sự kiểm soát tính dục một cách khoa học, dẫn đến những điều kiện đúng đắn trong đó các linh hồn có thể lâm phàm, không thể được áp đặt bằng luật pháp. Các mục đích mong muốn có thể được hỗ trợ bằng các phương pháp giáo dục, và điều này đã đang được thực hiện theo cách thử nghiệm và phôi thai; nhưng sự thay đổi thật sự cần thiết trong tâm thức nhân loại sẽ chỉ xuất hiện khi chính nhân loại được đặt dưới một định luật nhịp nhàng—chẳng hạn như định luật dưới đó các sự sống động vật hoạt động, hoặc định luật mùa vụ dưới đó các hình tướng trong giới thực vật vận hành—nhờ đó chuyển toàn bộ khái niệm lên một vòng cao hơn của vòng xoắn tiến hoá. Khi điều này được tạo ra, nó sẽ sản sinh một số thay đổi căn bản—đời sống tính dục được điều hòa, đời sống làm cha mẹ được tổ chức, và những khác biệt trí tuệ trong thái độ chủng tộc đối với quan hệ tính dục và hệ quả đã được an bài của nó, *Sinh ra*.

4. As yet, it is only the religious person who thinks in terms of the two necessitated and inevitable births, the physical and the

4. Cho đến nay, chỉ người có tôn giáo mới suy nghĩ theo nghĩa hai sự sinh bắt buộc và tất yếu, sự sinh hồng trần và sự sinh tinh thần,

spiritual, and he thinks of the relation between the two as purely symbolic and not in any way to be interpreted literally. Yet there is a close relation and an analogy between the two which, as time elapses, will become more clear. There can be no new birth, no creation of the "body of light," and no "manifestation of the sons of God" apart from the process of physical incarnation. There can be no fusion of the opposites of soul and personality [137] apart from the physiological processes of sex, and I say this deliberately, for it is in the relation of the sexes that the element of time enters into the experience of the soul, and the understanding of this will come when the doctrine of reincarnation is properly comprehended and taught universally. It is here that sex magic and the inner tantric teachings have gone so woefully astray, and been centralised upon individual development and the attainment of some experience which is presumed to promote spiritual attainment. The underlying idea, governing all that has been given out on the sex relation heretofore, is twofold in its implications:

và y nghĩ về mối quan hệ giữa hai điều này như thuần túy mang tính biểu tượng và không hề được diễn giải theo nghĩa đen. Tuy nhiên, có một mối quan hệ gần gũi và một sự tương đồng giữa hai điều ấy, và theo thời gian điều này sẽ trở nên rõ ràng hơn. Không thể có sự sinh mới, không thể có sự tạo lập "thể ánh sáng," và không thể có "sự biểu hiện của các Con của Thượng đế" tách rời khỏi tiến trình lâm phàm hồng trần. Không thể có sự dung hợp của các đối cực linh hồn và phàm ngã [137] tách rời khỏi các tiến trình sinh lý của tính dục, và Tôi nói điều này một cách có chủ ý, vì chính trong mối quan hệ giữa hai giới mà yếu tố thời gian đi vào kinh nghiệm của linh hồn, và sự thấu hiểu điều này sẽ đến khi giáo lý luân hồi được thấu hiểu đúng đắn và giảng dạy phổ quát. Chính ở đây mà huyền thuật tính dục và các giáo huấn mật tông nội tại đã đi lạc một cách thảm hại, và bị tập trung vào sự phát triển cá nhân cùng việc đạt được một kinh nghiệm nào đó được giả định là thúc đẩy sự thành tựu tinh thần. Ý tưởng nền tảng, chi phối tất cả những gì đã được đưa ra từ trước đến nay về mối quan hệ tính dục, có hàm ý nhị phân:

a. To provide bodies for incarnating souls so that certain destined evolutionary unfoldments may be carried forward, and the attainment of an equally destined and inevitable spiritual unfoldment becomes possible.

a. Cung cấp các thân thể cho các linh hồn đang lâm phàm, để những sự khai mở tiến hoá đã định nào đó có thể được tiến hành, và việc đạt được một sự khai mở tinh thần cũng đã định và tất yếu trở nên khả hữu.

b. To impart the scientific procedure whereby bodies "built in the dark" may gradually be superseded by bodies "built in the light." Thus will be brought about the manifestation of the foundational *light aspect* of the world and its underlying structure.

b. Truyền đạt thủ tục khoa học nhờ đó các thân thể "được xây trong bóng tối" có thể dần dần được thay thế bằng các thân thể "được xây trong ánh sáng." Nhờ vậy sẽ tạo ra sự biểu hiện của *phương diện ánh sáng* nền tảng của thế giới và cấu trúc ẩn dưới của nó.

5. The sex relation has, therefore, only one major objective, which is to produce physical bodies for incarnating souls. The relation between the soul and the personality is consequently a higher aspect of the basic sex expression of the universe, and this relation is intended to bring about the appearance of a son of God as light in the world, enabling him to say, as did the Christ, that he is "the light of the world," and to fulfill the injunction, "let your light shine." Again, the relation between humanity and the Hierarchy is intended to produce the radiance of group light and cause to emerge, out of these two [138] planetary groups or bodies, through their close fusion and scientific interrelation, that form of divine manifestation to which the name "the Kingdom of God" has been given in the West.

5. Vì vậy, mối quan hệ tính dục chỉ có một mục tiêu chính yếu, đó là tạo ra các thể xác cho các linh hồn đang lâm phàm. Do đó, mối quan hệ giữa linh hồn và phàm ngã là một phương diện cao hơn của biểu hiện tính dục căn bản của vũ trụ, và mối quan hệ này được dự định để tạo ra sự xuất hiện của một Con của Thượng đế như ánh sáng trong thế giới, giúp y có thể nói, như Đức Christ đã nói, rằng y là “ánh sáng của thế gian,” và hoàn thành huấn lệnh, “hãy để ánh sáng của các con chiếu tỏa.” Một lần nữa, mối quan hệ giữa nhân loại và Thánh Đoàn được dự định để tạo ra sự rạng rỡ của ánh sáng nhóm và khiến xuất hiện, từ hai nhóm hay hai tập hợp hành tinh này [138], qua sự dung hợp gần gũi và mối tương quan khoa học của chúng, hình thức biểu hiện thiêng liêng mà ở phương Tây đã được gọi là “Thiên Giới.”

I would ask you to ponder on these five points or statements which are only intended to be suggestive, to evoke brooding thought and to indicate those elementary ideas which will bring in the newer attitudes to parental responsibility. In the world today there are many thinking men and women who are conscious of and earnestly desiring the above, and who are working towards these ends. But the mass of the people in their untold millions are totally unaware of the situation, either in its economic or esoteric aspects. One of the tasks of the educator of the future will be to teach the meaning of the Law of Rebirth, and thus bring about such a profound change in the racial attitude to life and sex, to birth and parenthood, that sex rhythm, cyclic experience, psychological preparation and directed, controlled body-building may go forward and supersede the present methods, which are based upon an uncontrolled response to the sex urge and desire, and the unthinking procreation of children. The vast

Tôi xin các bạn suy ngẫm về năm điểm hay phát biểu này, vốn chỉ nhằm gợi ý, khơi dậy tư tưởng chiêm nghiệm và chỉ ra những ý tưởng sơ đẳng sẽ đưa vào các thái độ mới hơn đối với trách nhiệm làm cha mẹ. Trong thế giới ngày nay có nhiều những người nam và nữ biết suy nghĩ, ý thức được và tha thiết mong muốn những điều trên, và đang làm việc hướng tới các mục đích ấy. Nhưng khối đông quần chúng với hàng triệu triệu người thì hoàn toàn không biết đến tình hình này, cả trong các phương diện kinh tế lẫn nội môn. Một trong những nhiệm vụ của nhà giáo dục tương lai sẽ là giảng dạy ý nghĩa của Định luật Tái Sinh, và nhờ đó tạo ra một sự thay đổi sâu xa trong thái độ chủng tộc đối với đời sống và tính dục, đối với sinh ra và chức năng làm cha mẹ, đến mức nhịp điệu tính dục, kinh nghiệm chu kỳ, sự chuẩn bị tâm lý và việc kiến tạo thân thể được định hướng, được kiểm soát có thể tiến hành và thay thế các phương pháp hiện tại, vốn dựa trên sự đáp ứng không kiểm soát đối với thôi thúc và dục vọng tính dục, cùng việc sinh

population of the world today is the result of an animal response to those urges and of the general promiscuity, which is perhaps the outstanding factor, esoterically speaking and from the standpoint of the Hierarchy, of the present world distress, economic difficulties and national aggressions. Think this out, for it holds a clue.

sản con cái không suy nghĩ. Dân số bao la của thế giới ngày nay là kết quả của một đáp ứng thú tính đối với những thôi thúc ấy và của sự buông thả chung, có lẽ là yếu tố nổi bật, nói theo góc độ nội môn và từ lập trường của Thánh Đoàn, của nỗi thống khổ thế giới hiện tại, các khó khăn kinh tế và những cuộc xâm lược quốc gia. Hãy suy nghĩ điều này cho thấu, vì nó chứa một manh mối.

Summing up very briefly, I would say that the objective before the race as it enters into the new age is to "create in the light through the ordained activity of the light-body." This involves the understanding of the different light expressions—the light of understanding, the light of a prearranged and comprehended process and the light of experience. With these more subtle aspects of light leading, [139] controlling and directing the human consciousness in relation to racial generation and the perpetuation of the species, and with the science of light (a science dealing with that which concerns substance and form, for it must not be forgotten that light and substance are synonymous terms) forming an integral part of the education of parents and adolescents, we can then look forward to adjustments and changes, which are bound to come, with confidence and assurance that all will be well.

Tóm lại thật ngắn gọn, Tôi muốn nói rằng mục tiêu trước nhân loại khi bước vào thời đại mới là “sáng tạo trong ánh sáng qua hoạt động đã được an bài của thể ánh sáng.” Điều này bao hàm sự thấu hiểu các biểu hiện khác nhau của ánh sáng—ánh sáng của sự thấu hiểu, ánh sáng của một tiến trình được sắp đặt trước và được lĩnh hội, và ánh sáng của kinh nghiệm. Với những phương diện tinh tế hơn này của ánh sáng dẫn dắt, [139] kiểm soát và định hướng tâm thức nhân loại trong mối liên hệ với sự sinh sản chủng tộc và việc duy trì giống loài, và với khoa học ánh sáng, một khoa học bàn đến điều liên quan đến chất liệu và hình tướng, vì không được quên rằng ánh sáng và chất liệu là những thuật ngữ đồng nghĩa, trở thành một phần không thể tách rời của việc giáo dục cha mẹ và thanh thiếu niên, khi ấy chúng ta có thể hướng tới những điều chỉnh và thay đổi chắc chắn sẽ đến, với niềm tin và sự bảo đảm rằng mọi sự sẽ tốt đẹp.

The motives leading to marriage will undergo profound changes during the next one thousand years, though the basic motive —that of love between two people—will remain unchanged or more properly emphasised and selflessly expressed. The attitude of parents towards their children will alter dramatically and the responsibility angle will be continuously emphasised, though that responsibility will be concerned primarily with the time, opportunity and

Những động cơ dẫn đến hôn nhân sẽ trải qua những thay đổi sâu xa trong một ngàn năm tới, dù động cơ căn bản—tình thương giữa hai người—sẽ vẫn không đổi, hay đúng hơn sẽ được nhấn mạnh đúng mức hơn và được biểu hiện một cách vô ngã. Thái độ của cha mẹ đối với con cái sẽ thay đổi mạnh mẽ, và góc độ trách nhiệm sẽ được nhấn mạnh liên tục, dù trách nhiệm ấy sẽ chủ yếu liên quan đến thời điểm, cơ hội và sự đúng đắn trong việc tạo ra các hình tướng mà các linh hồn

correctness of producing the forms which incarnating souls will assume. The idea of the need for rapid procreation and the production of large families through which the state can achieve its end will be changed. The preparation of adults for the duties of parenthood and their training in the basic necessities of the coming child will shift increasingly to the mental and spiritual levels of consciousness and be less given to physical preparations. The light which is in the parents, which in the days to come will be seen clairvoyantly by an increasing number of people, will be scientifically related to the embryonic light in the child, and the thread of light connecting parent and child (of which the umbilical cord is the exoteric symbol) will be skillfully and patiently constructed. The child will come into incarnation with its light body already embedded and functioning in the physical body and this will be due to the intelligent mental work of the parents. This is not so today, except in the case of very advanced egos, for the light body is inchoate and diffused and simply hovers over the physical form of the child, waiting [140] for an opportunity to enter and irradiate the consciousness. Thus will be brought about an integration in the light substance of the planet which is lacking at this time; and the production of this integration will be definitely initiated by the trained parents of the new age and facilitated, as the child matures, by the teaching and influence of the illumined educator.

đang lâm phàm sẽ khoác lấy. Ý tưởng về nhu cầu sinh sản nhanh chóng và tạo ra những gia đình đông con qua đó nhà nước có thể đạt mục đích của mình sẽ thay đổi. Sự chuẩn bị của người trưởng thành cho các bổn phận làm cha mẹ, và việc huấn luyện họ trong các nhu cầu căn bản của đứa trẻ sắp đến, sẽ ngày càng chuyển sang các cấp độ trí và tinh thần của tâm thức, và ít dành cho các chuẩn bị hồng trần hơn. Ánh sáng ở trong cha mẹ, vốn trong những ngày sắp đến sẽ được ngày càng nhiều người thấy bằng thông nhãn, sẽ được liên hệ một cách khoa học với ánh sáng phôi thai trong đứa trẻ, và sợi dây ánh sáng nối cha mẹ với con cái, mà dây rốn là biểu tượng ngoại môn, sẽ được kiến tạo một cách khéo léo và kiên nhẫn. Đứa trẻ sẽ đi vào lâm phàm với thể ánh sáng của nó đã được cắm sâu và hoạt động trong thể xác, và điều này sẽ do công việc trí tuệ thông minh của cha mẹ. Ngày nay không phải như vậy, ngoại trừ trong trường hợp các chân ngã rất tiến bộ, vì thể ánh sáng còn chưa định hình và tản mạn, chỉ lơ lửng trên hình tướng thể xác của đứa trẻ, chờ [140] cơ hội để nhập vào và chiếu sáng tâm thức. Nhờ vậy, một sự tích hợp trong chất liệu ánh sáng của hành tinh, vốn hiện nay còn thiếu, sẽ được tạo ra; và việc tạo ra sự tích hợp này chắc chắn sẽ được khởi xướng bởi các bậc cha mẹ được rèn luyện của thời đại mới và được hỗ trợ, khi đứa trẻ trưởng thành, bởi giáo huấn và ảnh hưởng của nhà giáo dục được soi sáng.

This all sounds to you necessarily peculiar and too abstract and farfetched to make much sense. I would have you remember that much which is familiar to you today and which constitutes a definite part of the recognised facts of daily life would, a few hundred years ago, have been regarded as equally peculiar, incomprehensible and

Tất cả điều này tất nhiên nghe có vẻ kỳ lạ đối với các bạn, quá trừu tượng và xa vời để có nhiều ý nghĩa. Tôi muốn các bạn nhớ rằng nhiều điều quen thuộc với các bạn ngày nay và cấu thành một phần xác định của những sự kiện được thừa nhận trong đời sống hằng ngày, cách đây vài trăm năm cũng đã bị xem là kỳ lạ, không thể hiểu nổi và bất khả như

impossible. What is really taking place is the hastening of the processes of light manifestation, and this has become possible because of the point of attainment of humanity and the increased stimulation which is being applied to the race by the Hierarchy, assisted by forces emanating from Shamballa.

thế. Điều thật sự đang diễn ra là sự thúc đẩy nhanh các tiến trình biểu hiện ánh sáng, và điều này đã trở nên khả hữu nhờ điểm thành tựu của nhân loại và sự kích thích gia tăng mà Thánh Đoàn đang áp dụng cho nhân loại, với sự hỗ trợ của các mãnh lực xuất lộ từ Shamballa.

The Angle of Personality Control – Góc Độ Kiểm Soát Phàm Ngã

Much that I could say here would simply be a repetition of that which you already know and have been taught. Many of you who are reading my words here are steeped in the ideas which I have been seeking to impart to humanity for the past years, for it was in 1919 that I first started writing through the cooperation of A.A.B. In these writings I have sought to do two things:

Nhiều điều Tôi có thể nói ở đây chỉ đơn giản là sự lặp lại những gì các bạn đã biết và đã được dạy. Nhiều người trong các bạn đang đọc những lời của Tôi ở đây đã thấm nhuần các ý tưởng mà Tôi đã tìm cách truyền đạt cho nhân loại trong những năm qua, vì chính vào năm 1919 Tôi lần đầu tiên bắt đầu viết qua sự hợp tác của A.A.B. Trong các trước tác này, Tôi đã tìm cách làm hai điều:

1. Teach the basic necessity for certain great fusions—individual, racial and spiritual:

1. Dạy nhu cầu căn bản về một số sự dung hợp lớn—cá nhân, chủng tộc và tinh thần:

a. The fusion or integration of the different aspects of man's nature—physical, emotional and mental. When this has been accomplished we shall have the manifestation of the integrated elemental forces to which we give the name of the Personality, producing [141] the manifestation of a powerful, self-directed, high grade human being.

a. Sự dung hợp hay tích hợp của các phương diện khác nhau trong bản chất con người—hồng trần, cảm dục và trí. Khi điều này đã được hoàn thành, chúng ta sẽ có sự biểu hiện của các mãnh lực hành khí tích hợp mà chúng ta gọi là Phàm ngã, tạo ra [141] sự biểu hiện của một con người mạnh mẽ, tự định hướng, thuộc cấp độ cao.

b. The fusion of the personality and the soul. This has to be carried out consciously and deliberately, with the willingness of these related parts of a great divine whole to see the personality subjected to changes and transmutations, produced as a result of soul contact. This will lead to the manifestation of the indwelling soul, the Christ consciousness, the Solar Angel.

b. Sự dung hợp của phàm ngã và linh hồn. Điều này phải được thực hiện một cách có ý thức và có chủ ý, với sự sẵn lòng của các phần liên hệ này trong một toàn thể thiêng liêng vĩ đại, để thấy phàm ngã chịu những thay đổi và chuyển hoá được tạo ra như kết quả của tiếp xúc với linh hồn. Điều này sẽ dẫn đến sự biểu hiện của linh hồn nội tại,

tâm thức Đức Christ, Thái dương Thiên Thần.

c. The ultimate fusion of humanity with the Hierarchy, producing the manifestation of God's Kingdom on earth. This will be the consummation of all the other fusions, and will have produced certain great planetary, racial and national fusions which are incidental and necessary to progress and its inevitable results.

c. Sự dung hợp tối hậu của nhân loại với Thánh Đoàn, tạo ra sự biểu hiện của Thiên Giới trên trái đất. Đây sẽ là sự viên mãn của tất cả các sự dung hợp khác, và sẽ tạo ra một số sự dung hợp hành tinh, chủng tộc và quốc gia lớn lao, vốn là phụ thuộc và cần thiết cho tiến bộ cùng các kết quả tất yếu của nó.

These fusions are not carried forward as listed above in an ordered sequential fashion. There is much overlapping and lack of balance in the process, but though there may be differences and difficulties in the lengthy process, the end is inevitable and unalterable. The Kingdom of God, the consummation of it all, will appear upon the planet.

Các sự dung hợp này không được tiến hành theo đúng trật tự tuần tự như đã liệt kê trên đây. Có nhiều sự chồng lấn và thiếu cân bằng trong tiến trình, nhưng dù có thể có những khác biệt và khó khăn trong tiến trình dài lâu, kết cuộc vẫn tất yếu và không thể thay đổi. Thiên Giới, sự viên mãn của tất cả, sẽ xuất hiện trên hành tinh.

2. Inculcate the methods, productive of quality and not just of quantity, which will facilitate the emergence of certain great divine characteristics. These will, in due time, change the world and bring in the new attitudes and states of consciousness. These, when they are matured and recognised, will bring about the appearance of the culture and civilisation which is, for the race, the next planned and desired development.

2. Gieo truyền các phương pháp tạo ra phẩm tính chứ không chỉ số lượng, vốn sẽ tạo điều kiện cho sự xuất hiện của một số đặc tính thiêng liêng lớn lao. Đến đúng thời, những điều này sẽ thay đổi thế giới và đưa vào các thái độ cùng trạng thái tâm thức mới. Khi chúng trưởng thành và được nhận biết, chúng sẽ tạo ra sự xuất hiện của nền văn hóa và nền văn minh vốn là sự phát triển kế tiếp đã được hoạch định và mong muốn cho nhân loại.

Need I, therefore, talk to you about personality development and control? Is not that something which you have [142] considered and worked at for years? Can I tell you anything of a practical nature that you do not already know and strive to attain? Shall I increase your present responsibility by repetition? I think not. The new culture will emerge and come into being, as all of those who have a

Vì vậy, Tôi có cần nói với các bạn về sự phát triển và kiểm soát phàm ngã không? Chẳng phải đó là điều các bạn đã [142] suy xét và thực hành trong nhiều năm rồi sao? Tôi có thể nói với các bạn điều gì có tính thực tiễn mà các bạn chưa biết và chưa cố gắng đạt tới không? Tôi có nên gia tăng trách nhiệm hiện tại của các bạn bằng sự lặp lại không? Tôi nghĩ là không. Nền văn hóa mới sẽ xuất hiện và đi vào hiện hữu, khi tất cả những ai có

consciousness of light and the goal of pure service (which such a consciousness inevitably entails) proceed with their appointed task—a self-appointed task in every case—of living and teaching the truth about light, as opportunity offers.

tâm thức ánh sáng và mục tiêu phụng sự thuần khiết, điều mà một tâm thức như thế tất yếu bao hàm, tiến hành nhiệm vụ đã định của mình—trong mọi trường hợp là nhiệm vụ tự mình nhận lấy—là sống và giảng dạy chân lý về ánh sáng, khi cơ hội cho phép.

CHAPTER V - The Science of the Antahkarana – CHƯƠNG V - Khoa Học Antahkarana

[143] As a preparation for what students need to master, I would like to emphasise certain points by tabulating the information already given. The Science of the Antahkarana is not an easy one to learn because of the following points. These emphasised points must be accepted by students as a working hypothesis prior to all attempted work:

[143] Như một sự chuẩn bị cho điều mà các đạo sinh cần nắm vững, Tôi muốn nhấn mạnh một số điểm bằng cách lập bảng các thông tin đã được đưa ra. Khoa Học Antahkarana không phải là điều dễ học vì các điểm sau đây. Những điểm được nhấn mạnh này phải được các đạo sinh chấp nhận như một giả thuyết làm việc trước mọi nỗ lực thực hành:

1. The Science of the Antahkarana is connected with the entire problem of energy, but peculiarly with the energy handled by the individual and with the forces by which the individual relates himself to other individuals or to groups. For the sake of clarity, we will give the name of

1. Khoa Học Antahkarana liên hệ với toàn bộ vấn đề năng lượng, nhưng đặc biệt với năng lượng do cá nhân vận dụng và với các mãnh lực nhờ đó cá nhân liên hệ chính mình với các cá nhân khác hay với các nhóm. Để rõ ràng, chúng ta sẽ gọi là

a. *Energy*: to all forces pouring into the individual form from whatever direction and source. To these major energies, the names of "sutratma" or "life thread" or "silver cord" have frequently been given.

a. *Năng lượng*: tất cả các mãnh lực tuôn vào hình tướng cá nhân từ bất cứ hướng nào và nguồn nào. Các năng lượng chính này thường được gọi bằng những tên “sutratma” hay “sinh mệnh tuyến” hay “dây bạc.”

b. *Force:* to all the energies which—after due manipulation and concentration—are projected by the individual or group in any direction and with many possible motives, some good and many selfish.

b. *Mãnh lực:* tất cả các năng lượng mà—sau khi được vận dụng và tập trung đúng mức—được cá nhân hay nhóm phóng chiếu theo bất cứ hướng nào và với nhiều động cơ có thể có, một số tốt lành và nhiều động cơ ích kỷ.

2. The Science of the Antahkarana, technically speaking and for group purpose, is especially the science of [144] light manifestation with its results of revelation and consequent changes. It should be remembered that:

2. Khoa Học Antahkarana, nói một cách kỹ thuật và vì mục đích nhóm, đặc biệt là khoa học về [144] sự biểu hiện ánh sáng cùng các kết quả của nó là sự mặc khải và những thay đổi tiếp theo. Cần nhớ rằng:

a. Light is substantial, and from the angle of the spirit is a sublimation or higher form of material matter.

a. Ánh sáng có tính chất liệu, và từ góc độ của tinh thần, là sự thăng hoa hay một hình thức cao hơn của vật chất.

b. Light is also the quality or major characteristic of the soul in its own realm, and of the etheric body (a reflection of the soul eventually) in the three worlds of human evolution.

b. Ánh sáng cũng là phẩm tính hay đặc tính chính của linh hồn trong cõi riêng của nó, và của thể dĩ thái, rốt cuộc là phản chiếu của linh hồn, trong ba cõi của tiến hoá nhân loại.

c. The object of the science with which we are dealing is to fuse the lower and the upper lights, so that one light shines forth in physical manifestation and a synthesis of light is consequently brought about.

c. Mục tiêu của khoa học mà chúng ta đang đề cập là dung hợp các ánh sáng thấp và cao, để một ánh sáng duy nhất tỏa chiếu trong biểu hiện hồng trần, và nhờ đó một tổng hợp ánh sáng được tạo ra.

d. Technically speaking, two light bodies exist—the vital or etheric body and the soul vehicle. One is the result of aeons of incarnating life and becomes in time a powerful repository of energies gathered out of a wide range of contacts, though conditioned by the ray type in its three aspects. The etheric body exists and is today functioning powerfully. The soul body is in process of being slowly constructed, and is that "house not made with hands, eternal in the heavens" to which the New Testament refers (II Cor. 5: l). It is interesting to note that the Old Testament refers to the etheric body (Ecc. 12:6-7) and its construction, and the New Testament deals with the building of the spiritual body.

d. Nói một cách kỹ thuật, có hai thể ánh sáng hiện hữu—thể sinh lực hay thể dĩ thái và vận cụ linh hồn. Một thể là kết quả của nhiều kỷ nguyên đời sống lâm phàm và theo thời gian trở thành một kho chứa mạnh mẽ của các năng lượng được thu thập từ một phạm vi tiếp xúc rộng lớn, dù được tác động bởi loại cung trong ba phương diện của nó. Thể dĩ thái hiện hữu và ngày nay đang hoạt động mạnh mẽ. Thể linh hồn đang trong tiến trình được kiến tạo chậm rãi, và là "ngôi nhà không do tay người làm, vĩnh cửu trên các tầng trời" mà Tân Ước nhắc đến (II Cor. 5: l). Thật thú vị khi lưu ý rằng Cựu Ước nhắc đến thể dĩ thái (Ecc. 12:6-7) và sự kiến tạo của nó, còn Tân Ước bàn đến việc xây dựng thể tinh thần.

3. The Science of the Antahkarana must be studied in three ways:

3. Khoa Học Antahkarana phải được nghiên cứu theo ba cách:

a. *Concretely* and in relation to the etheric body, which is a substantial, tangible form, and is being so considered (though not as yet universally admitted) by modern science. [145]

a. *Một cách cụ thể* và trong mối liên hệ với thể dĩ thái, vốn là một hình tướng có chất liệu, hữu hình, và đang được khoa học hiện đại xem xét như vậy, dù chưa được thừa nhận phổ quát. [145]

b. *Egoically* and in relation to the soul and to the "light body" through which the spiritual man must function in the world of souls, and which—when blended and fused with the etheric body—produces the manifestation of divinity upon earth to a greater or lesser degree, according to the extent of fusion and *the conscious recognition by the individual* of the attained fusion.

b. *Một cách chân ngã* và trong mối liên hệ với linh hồn và với "thể ánh sáng," qua đó con người tinh thần phải hoạt động trong thế giới linh hồn, và thể này—khi được hòa trộn và dung hợp với thể dĩ thái—tạo ra sự biểu hiện của thiên tính trên trái đất ở mức độ lớn hay nhỏ, tùy theo mức độ dung hợp và *sự nhận biết có ý thức của cá nhân* về sự dung hợp đã đạt được.

c. *Abstractly* and in relation to knowledge-wisdom, which are two words used in relation to force and energy, and their use by the individual in his environment and contacts. Ponder on these words. You will realise how necessary it is that there should be some capacity for abstract thinking before the true implications of this new science can be understood.

c. *Một cách trừu tượng* và trong mối liên hệ với tri thức-minh triết, vốn là hai từ được dùng liên quan đến mãnh lực và năng lượng, cùng việc cá nhân sử dụng chúng trong môi trường và các tiếp xúc của y. Hãy suy ngẫm về những từ này. Các bạn sẽ nhận ra rằng cần thiết biết bao phải có một năng lực tư duy trừu tượng nào đó trước khi có thể thấu hiểu các hàm ý chân thật của khoa học mới này.

4. The Science of the Antahkarana is concerned with the problem of the continuity of consciousness and with the problem of life and death. Keep these two themes clearly in your mind for they are basic and important.

4. Khoa Học Antahkarana liên quan đến vấn đề tính liên tục của tâm thức và vấn đề sống và chết. Hãy ghi nhớ rõ hai chủ đề này, vì chúng căn bản và quan trọng.

5. The Science of the Antahkarana deals with the threefold thread which connects:

5. Khoa Học Antahkarana đề cập đến sợi dây tam phân nối kết:

a. The monad, the soul and the personality, linking all three periodical vehicles and unifying all seven principles.

a. Chân thần, linh hồn và phàm ngã, liên kết cả ba vận cụ chu kỳ và hợp nhất tất cả bảy nguyên khí.

b. The triple personality and its environment in the three worlds of human enterprise, and later in the other two worlds (making five) of superhuman expression.

b. Phàm ngã tam phân và môi trường của nó trong ba cõi của nỗ lực nhân loại, và về sau trong hai cõi khác, làm thành năm cõi, của biểu hiện siêu nhân.

c. The consciously creative man and the world of ideas. These he must contact and

c. Con người sáng tạo có ý thức và thế giới ý tưởng. Y phải tiếp xúc với các ý tưởng này và

express through creative work, thus bridging with the light:

biểu hiện chúng qua công việc sáng tạo, nhờ đó bắt cầu bằng ánh sáng:

1. Between the world of souls and the world of phenomena. [146]

1. Giữa thế giới linh hồn và thế giới hiện tượng. [146]

2. Between the realm of subjective beauty and reality and the outer tangible world of nature.

2. Giữa lĩnh vực của vẻ đẹp và thực tại chủ quan với thế giới hữu hình bên ngoài của thiên nhiên.

3. Between himself and others.

3. Giữa chính y và những người khác.

4. Between group and group.

4. Giữa nhóm với nhóm.

5. Later, when the divine Plan has become a reality to him, between the fourth kingdom (the human) and the fifth kingdom (the Kingdom of God).

5. Về sau, khi Thiên Cơ đã trở thành một thực tại đối với y, giữa giới thứ tư, giới nhân loại, và giới thứ năm, Thiên Giới.

6. Finally, between humanity and the Hierarchy.

6. Cuối cùng, giữa nhân loại và Thánh Đoàn.

6. The Science of the Antahkarana is the science of the triple thread which exists from the very beginning of time and links individual man with his monadic source. The recognition of this thread and its use, consciously, as the Path and the means of ever expanding contacts, comes relatively late in the evolutionary process. The goal of all aspirants and disciples is to become aware of this stream of energy in its various diversifications and consciously to employ these energies in two ways: interiorly in self-unfoldment, and in the service of the plan for humanity.

6. Khoa Học Antahkarana là khoa học về sợi dây tam phân hiện hữu từ chính khởi nguyên của thời gian và liên kết con người cá nhân với nguồn chân thần của y. Sự nhận biết sợi dây này và việc sử dụng nó một cách có ý thức như Đường Đạo và như phương tiện của những tiếp xúc ngày càng mở rộng, đến tương đối muộn trong tiến trình tiến hoá. Mục tiêu của mọi người chí nguyện và đệ tử là trở nên ý thức về dòng năng lượng này trong các biến phân khác nhau của nó, và sử dụng các năng lượng này một cách có ý thức theo hai cách: bên trong, trong sự tự khai mở; và trong phụng sự Thiên Cơ dành cho nhân loại.

7. The Science of the Antahkarana teaches certain fundamental truths about the thread, some of which might be enumerated as follows:

7. Khoa Học Antahkarana dạy một số chân lý căn bản về sợi dây, một vài điều trong số đó có thể được liệt kê như sau:

a. The *life thread* comes directly from the monad or the ONE. This thread is anchored in the heart during incarnation. There is the seat of life.

a. *Sinh mệnh tuyến* đến trực tiếp từ chân thần hay ĐẤNG DUY NHẤT. Sợi dây này được neo trong tim trong khi lâm phàm. Ở đó là chỗ ngự của sự sống.

b. The *consciousness thread* comes directly from the soul. It is anchored in the head. There is the seat of consciousness.

b. *Thức tuyến* đến trực tiếp từ linh hồn. Nó được neo trong đầu. Ở đó là chỗ ngự của tâm thức.

c. The *thread of creative activity* is initiated and constructed by the human being. It is anchored, when sufficiently constructed, in the throat. This thread is an extension or synthesis of the two basic threads. [147]

c. *Sợi dây hoạt động sáng tạo* do con người khởi xướng và kiến tạo. Khi được kiến tạo đầy đủ, nó được neo trong cổ họng. Sợi dây này là sự mở rộng hay tổng hợp của hai sợi dây căn bản. [147]

The creative thread itself is triple in nature. It is slowly constructed down the ages by the man. As he becomes truly alive, from the standpoint of intelligent awareness and the desire fully to express himself, the process is materially hastened. These three self-created lesser threads which constitute the third thread of the antahkarana extend eventually:

Bản thân sợi dây sáng tạo có bản chất tam phân. Nó được con người chậm rãi kiến tạo qua các thời đại. Khi y trở nên thật sự sống động, từ lập trường của sự nhận biết thông minh và ham muốn biểu hiện trọn vẹn chính mình, tiến trình được thúc đẩy nhanh chóng một cách thực chất. Ba sợi dây phụ nhỏ hơn, do tự y tạo ra, cấu thành sợi dây thứ ba của antahkarana, rốt cuộc vươn tới:

1. From the physical body to the etheric body, passing from the heart to the spleen, and thence to the body of prana, the vital or etheric body, *unites with force from the egoic will petals.*

1. Từ thể xác đến thể dĩ thái, đi từ tim đến lá lách, và từ đó đến thể prana, thể sinh lực hay thể dĩ thái, *hợp nhất với mãnh lực từ các cánh hoa ý chí chân ngã.*

2. From the etheric body to the astral body. This thread passes from the solar plexus to the heart and from thence to the astral body, picking up the energy of the thread mentioned above, *unites with force the love petals.*

2. Từ thể dĩ thái đến thể cảm dục. Sợi dây này đi từ tùng thái dương đến tim và từ đó đến thể cảm dục, thu nhận năng lượng của sợi dây được đề cập ở trên, *hợp nhất với mãnh lực của các cánh hoa bác ái.*

3. From the astral body to the mental vehicle. This thread passes from the ajna centre to the head centre and from thence to the mind body, picking up the energy of the

3. Từ thể cảm dục đến vận cụ trí. Sợi dây này đi từ trung tâm ajna đến trung tâm đầu và từ đó đến thể trí, thu nhận năng lượng của hai

other two threads mentioned above, *unites with the force from the knowledge petals.*

sợi dây kia đã đề cập ở trên, *hợp nhất với mãnh lực từ các cánh hoa tri thức.*

Though these three energies are woven into one thread finally, yet they remain distinct. It should be borne in mind that the soul body is constructed of pure white light, whilst the light out of which the etheric body is made is golden.

Dù ba năng lượng này cuối cùng được dệt thành một sợi dây, chúng vẫn còn phân biệt. Cần ghi nhớ rằng thể linh hồn được kiến tạo bằng ánh sáng trắng tinh khiết, trong khi ánh sáng làm nên thể dĩ thái là màu vàng kim.

8. The Science of the Antahkarana deals, therefore, with the entire incoming system of energy, with the processes of usage and transformation and fusion. It deals also with the outgoing energies and their relationship to the environment and is the basis of [148] the science of the force centres. The incoming and the outgoing energies constitute finally two great stations of energy, one characterised by power and the other by love, and all directed to the illumination of the individual and of humanity as a whole, through the medium of the Hierarchy composed of individuals. This is basically the Science of the Path.

8. Vì vậy, Khoa Học Antahkarana đề cập đến toàn bộ hệ thống năng lượng đi vào, đến các tiến trình sử dụng, chuyển đổi và dung hợp. Nó cũng đề cập đến các năng lượng đi ra và mối quan hệ của chúng với môi trường, và là nền tảng của [148] khoa học về các trung tâm mãnh lực. Các năng lượng đi vào và đi ra rốt cuộc cấu thành hai trạm năng lượng lớn, một trạm đặc trưng bởi quyền năng và trạm kia bởi tình thương, và tất cả đều được hướng đến sự soi sáng của cá nhân và của nhân loại như một toàn thể, thông qua trung gian là Thánh Đoàn gồm các cá nhân. Về căn bản, đây là Khoa Học của Đường Đạo.

The antahkarana, therefore, is the thread of *consciousness*, of intelligence, and the responsive agent in all sentient reactions. The interesting point to bear in mind, and where we must now lay the emphasis, is that this thread of consciousness *is evolved by the soul* and not by the monad. The World Soul pours its gossamer thread of sentient consciousness into all forms, into all body cells and into all atoms. The human soul, the solar angel, repeats the process in relation to its shadow and reflection, the personality. This is part of the creative work of the soul. But, in its turn, the human being has also to become creative in the mental sense of the term and must repeat the process, for in all points the microcosm resembles the macrocosm. Therefore, through the life

Do đó, antahkarana là sợi dây của *tâm thức*, của trí tuệ, và là tác nhân đáp ứng trong mọi phản ứng hữu cảm. Điểm thú vị cần ghi nhớ, và là nơi chúng ta hiện phải đặt trọng tâm, là sợi dây tâm thức này *được linh hồn phát triển* chứ không phải bởi chân thần. Linh Hồn Thế Giới tuôn sợi dây mảnh mai như tơ của tâm thức hữu cảm vào mọi hình tướng, vào mọi tế bào thân thể và vào mọi nguyên tử. Linh hồn con người, Thái dương Thiên Thần, lặp lại tiến trình này liên quan đến bóng và phản chiếu của nó, tức phàm ngã. Đây là một phần công việc sáng tạo của linh hồn. Nhưng đến lượt mình, con người cũng phải trở nên sáng tạo theo nghĩa trí tuệ của thuật ngữ này và phải lặp lại tiến trình, vì trong mọi điểm Tiểu thiên địa giống Đại thiên địa. Do đó, qua sinh mệnh tuyến, linh hồn sáng tạo và tái

thread, the soul creates and reproduces a personality through which to function. Then through the building of the antahkarana, the soul first of all develops sentiency down upon the physical plane, and later bridges the gap—through meditation and service—between the three mental aspects. It thus completes the creation of the path of return to the Centre, which must parallel the path of outgoing.

tạo một phàm ngã qua đó hoạt động. Rồi qua việc xây dựng antahkarana, trước hết linh hồn phát triển tính hữu cảm xuống trên cõi hồng trần, và về sau bắt cầu khoảng cách—qua tham thiền và phụng sự—giữa ba phương diện trí. Nhờ vậy, nó hoàn tất việc tạo lập con đường trở về Trung Tâm, vốn phải song hành với con đường xuất phát.

I have now completed my introductory presentation of the fundamentals which will in the future age dominate the educational systems. It was necessary for all of you—and for those who will later study these instructions anent the new education—to have some grasp of past foundational implications and basic tendencies and also some ideas, however [149] vague, of the line along which major changes can be expected to come. You can begin, therefore, to work intelligently and with as little loss of time as possible.

Giờ đây Tôi đã hoàn tất phần trình bày nhập môn về các nền tảng sẽ thống trị các hệ thống giáo dục trong thời đại tương lai. Điều cần thiết là tất cả các bạn—và những người về sau sẽ nghiên cứu các huấn thị này liên quan đến nền giáo dục mới—phải có một sự nắm bắt nào đó về các hàm ý nền tảng trong quá khứ và các khuynh hướng căn bản, cũng như một số ý tưởng, dù [149] mơ hồ, về đường lối theo đó có thể trông đợi những thay đổi lớn lao sẽ đến. Vì vậy, các bạn có thể bắt đầu làm việc một cách thông minh và với sự mất thời gian ít nhất có thể.

It remains now to make the teaching which I have given practical in its implications. The New Education now must take the place of that which is old and which has proved so wrong that it could not prevent the universal holocaust which distinguished the years 1914-1945. It must be superseded. The next stage of human evolution will emerge as a result of the purificatory action of the World War. There are steps which humanity must take, and only a new type of education and a different attitude to the educational processes (imposed upon the very young of every nation) will enable mankind to take them.

Giờ đây còn lại việc làm cho giáo huấn mà Tôi đã đưa ra trở nên thực tiễn trong các hàm ý của nó. Nền Giáo Dục Mới hiện nay phải thay thế điều cũ kỹ, điều đã chứng tỏ sai lầm đến mức không thể ngăn được cuộc đại thảm sát phổ quát đã đánh dấu những năm 1914-1945. Nó phải được thay thế. Giai đoạn kế tiếp của tiến hoá nhân loại sẽ xuất hiện như kết quả của hành động thanh lọc của Thế Chiến. Có những bước mà nhân loại phải thực hiện, và chỉ một loại giáo dục mới cùng một thái độ khác đối với các tiến trình giáo dục, được áp đặt lên những người rất trẻ của mọi quốc gia, mới giúp nhân loại thực hiện được các bước ấy.

A new cycle of experience, of psychological development and of new educational processes is imminent. What I have given

Một chu kỳ mới của kinh nghiệm, của sự phát triển tâm lý và của các tiến trình giáo dục mới đang cận kề. Những gì Tôi đã trình

here and elsewhere on the Science of Meditation, of Service and anent the Antahkarana gives method, mode, promise and point to it all.

THE TIBETAN

bày ở đây và ở nơi khác về Khoa Học Tham Thiền, về Phụng Sự và liên quan đến antahkarana đem lại phương pháp, cách thức, lời hứa hẹn và trọng điểm cho tất cả điều đó.

CHÂN SƯ TÂY TẠNG

SYNOPSIS – TÓM LƯỢC

[151] The following synopsis in three sections is intended to give the student a comprehensive grasp of the ideas upon which the teaching of the New Education is based. It is not a table of contents but gives some insight into the nature of the results to be obtained. Section One is developed in this book and lays the foundation for Section Two which appears in *A Treatise on the Seven Rays, Vol. V,* constituting part of more advanced teaching. Section Three completes the thesis by adding the Science of Service which is the goal of the whole enterprise.

[151] Bản tóm lược sau đây, gồm ba phần, nhằm giúp đạo sinh nắm bắt toàn diện các ý tưởng làm nền tảng cho giáo huấn về Nền Giáo Dục Mới. Đây không phải là mục lục, nhưng đem lại một vài nhận thức về bản chất của những kết quả cần đạt được. Phần Một được triển khai trong quyển sách này và đặt nền tảng cho Phần Hai, xuất hiện trong *Luận Về Bảy Cung, Quyển V,* cấu thành một phần của giáo huấn cao cấp hơn. Phần Ba hoàn tất luận đề bằng cách thêm vào Khoa Học Phụng Sự, vốn là mục tiêu của toàn bộ công cuộc này.

EDUCATION IN THE NEW AGE

GIÁO DỤC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Section One: The Objectives of the Future Education

Phần Một: Các Mục Tiêu của Nền Giáo Dục Tương Lai

I. The Cultural Unfoldment of the Race.

I. Sự Khai Mở Văn Hóa của Nhân Loại.

II. The Next Step in the Mental Development of the Race.

II. Bước Kế Tiếp trong Sự Phát Triển Trí Tuệ của Nhân Loại.

A. In the present transition period.

A. Trong thời kỳ chuyển tiếp hiện nay.

B. In the Aquarian Age.

B. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình.

III. The Culture of the Individual in order to make him:

III. Việc Rèn Luyện Văn Hóa cho Cá Nhân nhằm làm cho y trở thành:

A. An intelligent citizen of two worlds.

A. Một công dân thông minh của hai thế giới.

B. A wise parent.

B. Một bậc cha mẹ minh triết.

C. A controlled and directed personality.

C. Một phàm ngã được kiểm soát và định hướng.

Section Two: The Antahkarana

I. The Nature of the Antahkarana.

A. The bridge between the three aspects of the mind:

1. The lower concrete mind, the receptive common sense.

2. The individualised mind or the soul, the spiritual ego.

3. The higher abstract mind or the factor of the intuition.

B. The agent of alignment between:

1. Mind and brain or man in the three worlds.

2. Personality and soul. [152]

II. The Technique of Constructing the Antahkarana.

A. Its construction up till the present time.

B. The immediate task ahead.

C. The seven ray methods employed in this construction process.

III. The Antahkarana and the New Education.

A. The practical results of the new technique:

Phần Hai: Antahkarana

I. Bản Chất của Antahkarana.

A. Cây cầu giữa ba phương diện của trí:

1. Hạ trí cụ thể, lương tri tiếp nhận.

2. Trí đã biệt ngã hóa, hay linh hồn, chân ngã tinh thần.

3. Thượng trí trừu tượng, hay yếu tố của trực giác.

B. Tác nhân của sự chỉnh hợp giữa:

1. Thể trí và bộ não, hay con người trong ba cõi giới.

2. Phàm ngã và linh hồn. [152]

II. Kỹ Thuật Kiến Tạo Antahkarana.

A. Việc kiến tạo nó cho đến thời điểm hiện nay.

B. Nhiệm vụ trước mắt.

C. Bảy phương pháp cung được sử dụng trong tiến trình kiến tạo này.

III. Antahkarana và Nền Giáo Dục Mới.

A. Các kết quả thực tiễn của kỹ thuật mới:

1. Will induce wholeness or the ability to see life whole.

1. Sẽ tạo nên tính toàn vẹn, hay khả năng nhìn đời sống như một toàn thể.

2. Will foster the sense of synthesis and therefore the group spirit.

2. Sẽ nuôi dưỡng ý thức tổng hợp và do đó là tinh thần nhóm.

3. Will develop the intuition and the ability to contact the world of ideas.

3. Sẽ phát triển trực giác và khả năng tiếp xúc với thế giới của các ý tưởng.

4. Will train the will, especially the will-to-good.

4. Sẽ rèn luyện ý chí, đặc biệt là Ý Chí-hướng Thiện.

B. The mystical results will be:

B. Các kết quả thần bí sẽ là:

1. The development of the mystical sense and the mystical realisation of duality.

1. Sự phát triển của ý thức thần bí và sự chứng nghiệm thần bí về nhị nguyên.

2. The recognition of a new objective:

2. Sự nhận ra một mục tiêu mới:

a. The objective is to integrate the personality.

a. Mục tiêu là tích hợp phàm ngã.

b. Next, the objective is to give the vision of the soul, the central self.

b. Kế đến, mục tiêu là ban cho tầm nhìn về linh hồn, bản ngã trung tâm.

C. The occult results will be:

C. Các kết quả huyền bí sẽ là:

1. The bringing about of the at-one-ment or the identification of the personality with the central self, the soul.

1. Việc tạo nên sự hợp nhất, hay sự đồng hóa của phàm ngã với bản ngã trung tâm, tức linh hồn.

2. The mind, then, will be trained and become an intermediary between soul and personality.

2. Khi đó, thể trí sẽ được rèn luyện và trở thành trung gian giữa linh hồn và phàm ngã.

Section Three: The Three Major Sciences of the Aquarian Age

Phần Ba: Ba Khoa Học Chính của Kỷ Nguyên Bảo Bình

I. The Science of the Antahkarana.

I. Khoa Học về Antahkarana.

A. The mystical realisation of duality.

A. Sự chứng nghiệm thần bí về nhị nguyên.

1. The problem of the integrated personality.

1. Vấn đề của phàm ngã tích hợp.

2. The vision of the soul, the central self.

2. Tầm nhìn về linh hồn, bản ngã trung tâm.

3. The problem of the mystic.

3. Vấn đề của nhà thần bí.

B. Occult identification or at-one-ment.

B. Sự đồng hóa huyền bí, hay sự hợp nhất.

1. The integration of soul and personality.

1. Sự tích hợp của linh hồn và phàm ngã.

2. The mind as an intermediary.

2. Thể trí với vai trò trung gian.

3. The problem of equilibrium or steadiness. [153]

3. Vấn đề quân bình hay vững vàng. [153]

C. The application of these concepts to the immediate educational necessity.

C. Việc áp dụng các khái niệm này vào nhu cầu giáo dục trước mắt.

II. The Science of Meditation.

II. Khoa Học Tham Thiền.

A. Meditation as an education technique.

A. Tham thiền như một kỹ thuật giáo dục.

1. Right control of the mind.

1. Sự kiểm soát đúng đắn thể trí.

2. The two functions of the mind.

2. Hai chức năng của thể trí.

3. The mind as it builds the antahkarana.

3. Thể trí khi nó kiến tạo antahkarana.

B. Meditation in the world of ideas.

B. Tham thiền trong thế giới của các ý tưởng.

1. The power to intuit.

1. Quyền năng trực giác.

2. Sensitivity and response to higher impressions.

2. Sự nhạy bén và đáp ứng với các ấn tượng cao siêu.

3. The function and promulgation of ideas.

3. Chức năng và sự truyền bá các ý tưởng.

C. The development of continuity of consciousness.

C. Sự phát triển tính liên tục của tâm thức.

1. Personality continuity.

1. Tính liên tục của phàm ngã.

2. Continuity and immortality.

2. Tính liên tục và sự bất tử.

3. Continuity and initiation.

3. Tính liên tục và điểm đạo.

III. The Science of Service.

III. Khoa Học Phụng Sự.

A. Service as a result of soul contact.

A. Phụng sự như kết quả của sự tiếp xúc với linh hồn.

B. Service as cooperation with the plan.

B. Phụng sự như sự hợp tác với Thiên Cơ.

C. Service as a technique of group development.

C. Phụng sự như một kỹ thuật phát triển nhóm.

D. The unfoldment of the sense of service in the future.

D. Sự khai mở ý thức phụng sự trong tương lai.

E. Application of the concept of service to our modern educational developments.

E. Áp dụng khái niệm phụng sự vào các phát triển giáo dục hiện đại của chúng ta.

ARCANE SCHOOL TRAINING – HUẤN LUYỆN CỦA TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship is provided

by the *Arcane School.* The principles of the

Ageless Wisdom are presented through esoteric

meditation, study and service as a *way of life.*

Contact the publishers for information

www.lucistrust.org/arcaneschool

Việc huấn luyện cho địa vị đệ tử trong kỷ nguyên mới được cung cấp

bởi *Trường Arcane.* Các nguyên lý của

Minh Triết Ngàn Đời được trình bày qua tham thiền nội môn,

học tập và phụng sự như một *lối sống.*

Liên hệ với nhà xuất bản để biết thêm thông tin

www.lucistrust.org/arcaneschool

INDEX – MỤC LỤC TRA CỨU

A

Abstract thinking, need for, 145

Adolescents, education. *See* Education of adolescents.

Adult education. *See* Education, adult.

Age–

Aquarian *See* Aquarian Age.

of synthesis, 3

Piscean. *See* Piscean Age.

See also Children, age.

Alignment of–

mind and brain, 6

soul, mind, and brain, 50-51

Ambition, breeding, 105

America, contribution to unfoldment, 50

Angel, Solar–

definition, 5

manifestation, 141

relation to personality, 148

A

Tư duy trừu tượng, nhu cầu về, 145

Thanh thiếu niên, giáo dục. *Xem* Giáo dục thanh thiếu niên.

Giáo dục người lớn. *Xem* Giáo dục, người lớn.

Thời đại–

Bảo Bình *Xem* Kỷ Nguyên Bảo Bình.

của tổng hợp, 3

Song Ngư. *Xem* Kỷ Nguyên Song Ngư.

Xem thêm Trẻ em, tuổi.

Sự chỉnh hợp của–

thể trí và bộ não, 6

linh hồn, thể trí và bộ não, 50-51

Tham vọng, nuôi dưỡng, 105

Châu Mỹ, đóng góp vào sự khai mở, 50

Thiên Thần, Thái dương–

định nghĩa, 5

biểu hiện, 141

liên hệ với phàm ngã, 148

See also Soul.

Animal kingdom, relation of man to, 126

Antahkarana–

anchor, 31, 32

and sutratma, use as unit 31

bridging factors, 126

building–

beginning, 29, 31

by race, 94

first half, 96, 97

means, 6, 27

methods, 2

results, 95-96

second half, 96-97

comparison with sutratma, 26-27

connection with Great White Lodge, 52

continuity of consciousness, 26, 31

definitions, 6, 26, 27

expression, 52

Xem thêm Linh hồn.

Giới động vật, quan hệ của con người với, 126

Antahkarana–

điểm neo, 31, 32

và sutratma, sử dụng như một đơn vị 31

các yếu tố bắt cầu, 126

kiến tạo–

khởi đầu, 29, 31

bởi nhân loại, 94

nửa thứ nhất, 96, 97

phương tiện, 6, 27

phương pháp, 2

kết quả, 95-96

nửa thứ hai, 96-97

so sánh với sutratma, 26-27

liên hệ với Thánh đoàn, 52

tính liên tục của tâm thức, 26, 31

các định nghĩa, 6, 26, 27

sự biểu hiện, 52

extension, 28, 148

functions, 2, 26, 28, 52, 146, 148

group, 29

inter-weaving with sutratma, 28

links, 33

recognition, 146

relation to light, 52

Science of. *See* Science of Antahkarana.

symbolism, 7

use, 28, 146

world, 131

See also Bridge; Thread, consciousness.

Aquarian–

Age–

education. *See* Education.

incidence and characteristics, 121-125

Noble Middle Path, 42

type of idealist, contrast with Piscean, 122

Archetypes. *See* Patterns.

sự mở rộng, 28, 148

các chức năng, 2, 26, 28, 52, 146, 148

nhóm, 29

đan dệt với sutratma, 28

các liên kết, 33

sự nhận biết, 146

liên hệ với ánh sáng, 52

Khoa học về. *Xem* Khoa học về Antahkarana.

biểu tượng học, 7

công dụng, 28, 146

thế giới, 131

Xem thêm Cầu; Sợi dây, tâm thức.

Bảo Bình–

Kỷ Nguyên–

giáo dục. *Xem* Giáo dục.

sự xuất hiện và các đặc tính, 121-125

Trung Đạo Cao Quý, 42

kiểu người lý tưởng, tương phản với Song Ngư, 122

Các nguyên mẫu. *Xem* Các mô hình.

Architect, production, 113

Arithmetic, symbolism, 15-16

Art, creative activity, 17-18

Artist, production, 113

Arts–

creative, production, 2-21

renaissance, preparation for, 47

Aryan race, unfoldment, triple, 50-51

Aryans, light, attainment, 54

"As a man thinketh, so is he," 2

Asia–

contribution to unfoldment of Aryan race, 50

education, results, 79

Aspects–

consciousness, anchorage in man, 92

consciousness in child, reorientation, 93

life or spirit, anchorage in man, 92

soul, concern of esotericism, 67

Kiến trúc sư, sản phẩm, 113

Số học, biểu tượng học, 15-16

Nghệ thuật, hoạt động sáng tạo, 17-18

Nghệ sĩ, sản phẩm, 113

Các nghệ thuật–

sáng tạo, sản phẩm, 2-21

phục hưng, chuẩn bị cho, 47

Giống dân Arya, sự khai mở, tam phân, 50-51

Người Arya, ánh sáng, thành tựu, 54

“Con người suy nghĩ thế nào, y là như thế ấy,” 2

Châu Á–

đóng góp vào sự khai mở của giống dân Arya, 50

giáo dục, kết quả, 79

Các phương diện–

tâm thức, điểm neo trong con người, 92

tâm thức trong trẻ em, tái định hướng, 93

sự sống hay tinh thần, điểm neo trong con người, 92

linh hồn, mối quan tâm của huyền bí học, 67

soul, evocation upon physical plane, 19-20

third, forces, reception of energies, 67

Aspirants–

building antahkarana, 31, 146

goal, 146

use of sutratma, 3-31

Astral body. *See* Body, astral.

Astrology–

esoteric, facts, recognition and use, 70-71

modern ordinary, superseding, 71

use in education, 10, 51, 72

Atlanteans–

attitudes, 39-40, 42

legacy to present, 42

light, attainment, 54

no education, 40

Atoms, sentient consciousness, source, 148

Attention, direction at will, 30

linh hồn, sự gợi lên trên cõi hồng trần, 19-20

thứ ba, các mãnh lực, sự tiếp nhận các năng lượng, 67

Những người chí nguyện–

kiến tạo antahkarana, 31, 146

mục tiêu, 146

sử dụng sutratma, 3-31

Thể cảm dục. *Xem* Thể, cảm dục.

Chiêm tinh học–

nội môn, các sự kiện, sự nhận biết và sử dụng, 70-71

hiện đại thông thường, thay thế, 71

sử dụng trong giáo dục, 10, 51, 72

Người Atlantis–

thái độ, 39-40, 42

di sản cho hiện tại, 42

ánh sáng, thành tựu, 54

không có giáo dục, 40

Các nguyên tử, tâm thức hữu cảm, nguồn gốc, 148

Sự chú ý, hướng theo ý chí, 30

Aura, white and gold lights, 147

Australia, education, results, 79-80

Author, purposes, 110, 140-141

Authoritarianism, expressions, 119-120

Awareness–

attainment by means of antahkarana, 28

development through education, 19

intellectual, results, 12

levels, composition, 64

physical, inducement, 92

type of coming new race, 119

B

Bailey, Alice A., cooperation, 140

Balance, achievement by youth, 92

Beauty–

contributions, cultivation in child, 84, 86

creation, means, 2-21

sensing, registration, and recording, 113

subjective, bridging with tangible world of nature, 146

Hào quang, các ánh sáng trắng và vàng, 147

Úc, giáo dục, kết quả, 79-80

Tác giả, các mục đích, 110, 140-141

Chủ nghĩa độc đoán, các biểu hiện, 119-120

Nhận thức–

đạt được nhờ antahkarana, 28

phát triển qua giáo dục, 19

trí năng, kết quả, 12

các cấp độ, thành phần, 64

hồng trần, sự khơi dậy, 92

kiểu của giống dân mới sắp đến, 119

B

Bailey, Alice A., hợp tác, 140

Quân bình, sự đạt được bởi thanh niên, 92

Vẻ đẹp–

các đóng góp, vun bồi nơi trẻ em, 84, 86

sáng tạo, phương tiện, 2-21

cảm nhận, ghi nhận và ghi lại, 113

nội tâm, bắt cầu với thế giới hữu hình của thiên nhiên, 146

Bhagavad Gita, quotation, 24

Birth–

into light, 132-133, 136

rate, attention, 133

rate, increase, disadvantages, 13-138

"second," definition, 132-133

Births, two, physical and spiritual, relation, 136-137

Black Lodge, energies used, 61

Blood stream; functions, 92

Bodies–

"built in the dark," superseding, 137

"built in the light," 137

provision for incarnating souls, 137

Body–

astral–

bridging to etheric body, 147

bridging to mental body, 147.

connection. with physical man, 31

of humanity, vitalisation, 53

Bhagavad Gita, trích dẫn, 24

Sự sinh ra–

vào ánh sáng, 132-133, 136

tỉ lệ, sự chú ý, 133

tỉ lệ, gia tăng, bất lợi, 13-138

“lần thứ hai,” định nghĩa, 132-133

Các lần sinh, hai, hồng trần và tinh thần, quan hệ, 136-137

Hắc đoàn, các năng lượng được sử dụng, 61

Dòng máu; các chức năng, 92

Các thân thể–

“được xây dựng trong bóng tối,” sự thay thế, 137

“được xây dựng trong ánh sáng,” 137

cung cấp cho các linh hồn nhập thể, 137

Thể–

cảm dục–

bắt cầu đến thể dĩ thái, 147

bắt cầu đến thể trí, 147.

liên hệ với phàm nhân hồng trần, 31

của nhân loại, tiếp sinh lực, 53

causal. *See* Body, light; Body, soul.

etheric–

bridging to astral body, 147

bridging to spleen, 147

fact, establishment, 134

functions, 36

fusion with light body, 145

light, 144, 147

major characteristic, 144

of child, study, 26

relation to Science of the Antahkarana, 144

light–

activity, 138

functions, 145

fusion with etheric body, 145

of infant, 139-140

relation to Science of the Antahkarana, 145

mental–

bridging to astral body, 147

nguyên nhân. *Xem* Thể, ánh sáng; Thể, linh hồn.

dĩ thái–

bắt cầu đến thể cảm dục, 147

bắt cầu đến lá lách, 147

sự kiện, thiết lập, 134

các chức năng, 36

dung hợp với thể ánh sáng, 145

ánh sáng, 144, 147

đặc tính chính, 144

của trẻ em, nghiên cứu, 26

liên hệ với Khoa học về Antahkarana, 144

ánh sáng–

hoạt động, 138

các chức năng, 145

dung hợp với thể dĩ thái, 145

của trẻ sơ sinh, 139-140

liên hệ với Khoa học về Antahkarana, 145

thể trí–

bắt cầu đến thể cảm dục, 147

nature of, 126

of humanity, vitalisation, 53-54

physical–

bridging to etheric, 147

connection with astral body, 31

creation, 20

regeneration and cohesion, 92

soul–

colour, 147

construction, 144

Brain–

control, mechanism, 92

coordination, study in children, 11

functions, 36

of humanity, vitalisation, 53

training, 7

Bridge–

building-concern, 31

requirement, 31

bản chất của, 126

của nhân loại, tiếp sinh lực, 53-54

hồng trần–

bắt cầu đến thể dĩ thái, 147

liên hệ với thể cảm dục, 31

sự sáng tạo, 20

tái sinh và cố kết, 92

linh hồn–

màu sắc, 147

kiến tạo, 144

Bộ não–

kiểm soát, bộ máy, 92

phối hợp, nghiên cứu nơi trẻ em, 11

các chức năng, 36

của nhân loại, tiếp sinh lực, 53

huấn luyện, 7

Cầu–

mối quan tâm về việc kiến tạo, 31

đòi hỏi, 31

through meditation and service, 148

connecting–

aspects of lower self, 26

astral. and mental bodies, 147

brain, mind, and soul, 6

etheric heart centre to astral body, 147

etheric solar plexus and heart centres, 147

heart and spleen (organs), 147

lower aspects and soul, 16

lower mind, soul, and higher mind, 6, 148

personality and soul, 29, 95, 96

physical and etheric bodies, 147

soul and Spiritual Triad, 26, 95

spleen and body of prana, 147

Triad and personality, 31

strengthening until third initiation, 33

See also Antahkarana; Science of antahkarana; Threads.

Bridging between man and fellow-man, 36

Brotherhood–

qua tham thiền và phụng sự, 148

kết nối–

các phương diện của phàm ngã, 26

các thể cảm dục và thể trí, 147

bộ não, thể trí và linh hồn, 6

trung tâm tim dĩ thái với thể cảm dục, 147

các trung tâm tùng thái dương dĩ thái và tim, 147

tim và lá lách (các cơ quan), 147

các phương diện thấp và linh hồn, 16

hạ trí, linh hồn và thượng trí, 6, 148

phàm ngã và linh hồn, 29, 95, 96

các thể hồng trần và dĩ thái, 147

linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần, 26, 95

lá lách và thể prana, 147

Tam Nguyên Tinh Thần và phàm ngã, 31

củng cố cho đến lần điểm đạo thứ ba, 33

Xem thêm Antahkarana; Khoa học về antahkarana; Các sợi dây.

Bắt cầu giữa con người và đồng loại, 36

Tình huynh đệ–

realisation, 115

teaching to child, 93

Buddha, Lord, work, 52, 53

C

Canada, education, results, 79-80

Causal body. *See* Body, light; Body, soul.

Cells, body, sentient consciousness, source, 148

Centre–

ajna, astral, bridging with astral head centre, 147

head, astral, bridging with mental body, 147

heart, in astral head centre, bridging, 147

solar plexus, bridging with heart centre, 147

solar plexus, function, 31

throat, anchorage of creative

thread, 146

throat, connection with fivefold thread, 22

Centres–

sự chứng nghiệm, 115

giảng dạy cho trẻ em, 93

Đức Phật, công việc, 52, 53

C

Canada, giáo dục, kết quả, 79-80

Thể nguyên nhân. *Xem* Thể, ánh sáng; Thể, linh hồn.

Tế bào, thân thể, tâm thức hữu cảm, nguồn gốc, 148

Trung tâm–

ajna, cảm dục, bắt cầu với trung tâm đầu cảm dục, 147

đầu, cảm dục, bắt cầu với thể trí, 147

tim, trong trung tâm đầu cảm dục, bắt cầu, 147

tùng thái dương, bắt cầu với trung tâm tim, 147

tùng thái dương, chức năng, 31

cổ họng, điểm neo của sợi dây

sáng tạo, 146

cổ họng, liên hệ với sợi dây ngũ phân, 22

Các trung tâm–

force, fact, establishment, 134

force, seven, relations, 36

heart, agency in bridging, 147

Chakras. *See* Centre; Centres.

Character predispositions, basic indication, 71

Children–

age–

after fourteen years, teaching, 14

eleven years, present situation, 75

five years, training, 25

fourteen years, prophecy, 50

of soul, estimation, 11, 14

seventeen years, indications, 10

seventeen years, studies, 9

to fourteen years, education, 10, 13-14

to six years, practices current, 74-75

anti-social, 78

assets, use, 81

atmosphere, requirements, 75-77

mãnh lực, sự kiện, thiết lập, 134

mãnh lực, bảy, các quan hệ, 36

tim, tác nhân trong việc bắt cầu, 147

Các luân xa. *Xem* Trung tâm; Các trung tâm.

Các khuynh hướng tính cách, chỉ dấu căn bản, 71

Trẻ em–

tuổi–

sau mười bốn tuổi, giảng dạy, 14

mười một tuổi, tình hình hiện nay, 75

năm tuổi, huấn luyện, 25

mười bốn tuổi, tiên tri, 50

của linh hồn, ước lượng, 11, 14

mười bảy tuổi, các chỉ dấu, 10

mười bảy tuổi, nghiên cứu, 9

đến mười bốn tuổi, giáo dục, 10, 13-14

đến sáu tuổi, các thực hành hiện hành, 74-75

chống xã hội, 78

tài sản, sử dụng, 81

bầu không khí, các đòi hỏi, 75-77

born at time of increased stimulation, 25

consciousness, 40, 93

cooperation and understanding from, 79

coordination, study, 11

creativity, cultivation, 22, 85-86, 94

damage from irritation, 76

development, 8, 11-12, 92

difficulties due to home and environment, 74-79

directional will, 77

discrimination, 22

early treatment by. parents and teachers, 74-75

education to present, 3

etheric bodies, quality and nature, 26

evolutionary status, 11, 14, 71, 73

gauging, categories, 51

goodwill, cultivation, 86, 87, 88

group consciousness, 128-131

higher mind, 13

idealism, suffocation, 102

sinh ra vào thời điểm kích thích gia tăng, 25

tâm thức, 40, 93

sự hợp tác và thấu hiểu từ các em, 79

sự phối hợp, nghiên cứu, 11

tính sáng tạo, vun bồi, 22, 85-86, 94

tổn hại do sự cáu kỉnh, 76

phát triển, 8, 11-12, 92

khó khăn do gia đình và môi trường, 74-79

ý chí định hướng, 77

phân biện, 22

cách đối xử ban đầu bởi cha mẹ và giáo viên, 74-75

giáo dục cho đến hiện nay, 3

các thể dĩ thái, phẩm tính và bản chất, 26

tình trạng tiến hóa, 11, 14, 71, 73

đánh giá, các phạm trù, 51

thiện chí, vun bồi, 86, 87, 88

tâm thức nhóm, 128-131

thượng trí, 13

chủ nghĩa lý tưởng, bóp nghẹt, 102

ideas taught, recommendations, 47-48

incarnating 19, 35-42, mentality, 25

insight, 13

instincts, training and direction, 50, 51

intellect, training, recommendations, 10, 12, 13, 50, 51

intelligence, increase, 50

mind-stuff, right use, 22

motives for wrong doing, 77, 78

motives, right, 86

note and quality, determination, 10-11, 26

occult recognition, 72, 73

personality integration, 26

power of choice and directed purpose, 22

preparation for antahkarana building, 94

preparation for new religion and government, 57

psychological understanding, 83, 84

questions, answering, 25, 76

release from control of lower nature, 22

các ý tưởng được giảng dạy, khuyến nghị, 47-48

đang nhập thể 19, 35-42, trí tuệ, 25

tuệ giác, 13

bản năng, huấn luyện và định hướng, 50, 51

trí năng, huấn luyện, khuyến nghị, 10, 12, 13, 50, 51

trí thông minh, gia tăng, 50

chất liệu trí, sử dụng đúng đắn, 22

động cơ của hành vi sai trái, 77, 78

động cơ, đúng đắn, 86

âm điệu và phẩm tính, xác định, 10-11, 26

nhận biết huyền bí, 72, 73

sự tích hợp phàm ngã, 26

quyền năng chọn lựa và mục đích được định hướng, 22

chuẩn bị cho việc kiến tạo antahkarana, 94

chuẩn bị cho tôn giáo và chính quyền mới, 57

sự thấu hiểu tâm lý, 83, 84

câu hỏi, trả lời, 25, 76

giải thoát khỏi sự kiểm soát của bản chất thấp, 22

right human relations, 86, 88

các mối quan hệ nhân loại đúng đắn, 86, 88

sense of guilt, 77

cảm thức tội lỗi, 77

soul consciousness, 76-77

tâm thức linh hồn, 76-77

study, 10-ll, 71, 73

nghiên cứu, 10-ll, 71, 73

task in development, 92

nhiệm vụ trong phát triển, 92

teaching relationship, 93-94

quan hệ giảng dạy, 93-94

tenderness, compassionate, toward, 76

sự dịu dàng, lòng trắc ẩn, đối với, 76

training from birth, 70-71, 73

huấn luyện từ khi sinh ra, 70-71, 73

unification of life impulse, 93

hợp nhất xung lực sống, 93

unwanted, incarnation, 135

không được mong muốn, nhập thể, 135

urge to knowledge, 93

thôi thúc hướng tới tri thức, 93

wisdom, 22

minh triết, 22

Chinese–

Trung Hoa–

individuals, contribution, 118

các cá nhân, đóng góp, 118

race, 119

giống dân, 119

Chitta, use by child, 22

Chitta, sử dụng bởi trẻ em, 22

Christ–

Đức Christ–

quotations, 137

các trích dẫn, 137

science of redemption, 65

work, 40, 52-53

Christ consciousness, manifestation, 141

Churches–

lesson, 63

task, future, 57

Citizenship–

education for, origin, trend, and results, 100-105

in Kingdom of God, preparation for, 49

subject, importance, l25-126

teaching, 35, 48, 82, 88

world, preparation for, 80, 82, 83, 91

Civilisation–

coming, foundation, 47

custodians, recommendations, 48

definition, 39, 43

factor in evolution, 127

modern, production, 20, 53

of light and love, production, 131

khoa học cứu chuộc, 65

công việc, 40, 52-53

Tâm thức Christ, biểu hiện, 141

Các Giáo hội–

bài học, 63

nhiệm vụ, tương lai, 57

Quyền công dân–

giáo dục cho, nguồn gốc, khuynh hướng và kết quả, 100-105

trong Thiên Giới, chuẩn bị cho, 49

chủ đề, tầm quan trọng, l25-126

giảng dạy, 35, 48, 82, 88

thế giới, chuẩn bị cho, 80, 82, 83, 91

Văn minh–

sắp đến, nền tảng, 47

những người gìn giữ, khuyến nghị, 48

định nghĩa, 39, 43

yếu tố trong tiến hóa, 127

hiện đại, sản phẩm, 20, 53

của ánh sáng và bác ái, sản phẩm, 131

present concept, 41

Clairvoyant view of parents, 139

Cleavages, healing by education, 69, 84, 87-88, 89-91, 94

Colleges–

teaching meditation, 96

teachings, recommendations, 49

training, future, 83-84

Commercialism, expansion, 121

Commonsense joined to penetration of abstract truth, 81

Communicators, Characteristics, 116

Competitive spirit, elimination, 74, 84

Conception, physical, negation, 134

Concepts–

concretising, means, 21

governing New Age, 47

newer, misinterpretation, 133

Concrete–

knowledge. *See* Knowledge, concrete.

materialising, faculty, over-development, 16

khái niệm hiện nay, 41

Cái nhìn thông nhãn về cha mẹ, 139

Các chia rẽ, chữa lành bằng giáo dục, 69, 84, 87-88, 89-91, 94

Các trường cao đẳng–

dạy tham thiền, 96

giáo huấn, khuyến nghị, 49

huấn luyện, tương lai, 83-84

Chủ nghĩa thương mại, sự mở rộng, 121

Lương tri kết hợp với sự thấu nhập chân lý trừu tượng, 81

Các nhà giao tiếp, Đặc điểm, 116

Tinh thần cạnh tranh, loại trừ, 74, 84

Thụ thai, hồng trần, ngăn chặn, 134

Các khái niệm–

cụ thể hóa, phương tiện, 21

chi phối Kỷ Nguyên Mới, 47

mới hơn, diễn giải sai lạc, 133

Cụ thể–

tri thức. *Xem* Tri thức, cụ thể.

	hiện hình, quan năng, phát triển quá mức, 16
mind. *See* Mind, concrete.	trí. *Xem* Trí, cụ thể.
Conscience, voice, definition, 78	Lương tâm, tiếng nói, định nghĩa, 78
Consciousness–	Tâm thức–
apparatus, 127	bộ máy, 127
continuity–	tính liên tục–
basis, 26, 31	cơ sở, 26, 31
establishment, 28, 95, 96, 97	thiết lập, 28, 95, 96, 97
organ, 52	cơ quan, 52
possession, 51	sở hữu, 51
problem, 145	vấn đề, 145
evolution, 128	tiến hoá, 128
expansion–	mở rộng–
goal, 103	mục tiêu, 103
in humanity today, 124	trong nhân loại ngày nay, 124
means, 35	phương tiện, 35
focus, 6-7	tiêu điểm, 6-7
free play, attainment, 26	hoạt động tự do, đạt được, 26
gaps, bridging. *See* Bridge.	khoảng trống, bắt cầu. *Xem* Cây cầu.

levels, forces from, differentiation, 61

of Atlanteans, 39-40

of children, 40, 93

of humanity. *See* Humanity.

principle, instruments, 19

principle, seat, 18

psychological life, 127-128

racial growth, teaching, 93

shift, 6, 123

spiritual life and relations, l28-131

states, three blending today, 103-104

thread. *See* Antahkarana; Thread, consciousness.

trend today, beneficial, 104

trend toward fusion, 124

unification of life impulse and urge to knowledge, 93

See also under specific kinds.

Cooperation–

general, production, 53

các cấp độ, các mãnh lực từ đó, sự biến phân, 61

của người Atlantis, 39-40

của trẻ em, 40, 93

của nhân loại. *Xem* Nhân loại.

nguyên khí, các khí cụ, 19

nguyên khí, nơi an trú, 18

đời sống tâm lý, 127-128

sự tăng trưởng của nhân loại, giảng dạy, 93

sự chuyển dịch, 6, 123

đời sống và các quan hệ tinh thần, l28-131

các trạng thái, ba trạng thái đang hòa quyện ngày nay, 103-104

sợi dây. *Xem* Antahkarana; Sợi dây, tâm thức.

khuynh hướng ngày nay, hữu ích, 104

khuynh hướng hướng tới sự dung hợp, 124

sự hợp nhất của xung lực sự sống và thôi thúc hướng tới tri thức, 93

Xem thêm dưới các loại cụ thể.

Hợp tác–

chung, tạo ra, 53

of workers in education, religion, and government, 57

trend in humanity, 122-123, 124

Cooperative–

consciousness, substitution for competition, 74

goodwill, teaching, 91

Coordination–

in child, study, 11

of personality, 35

of soul, mind, and brain, 50-51

Correspondences, triad in man, appearance, 55

Cosmic Fire, Treatise on, quotation, 30-31

Council Chamber of Sanat Kumara, 62

Creation–

activity, 17-18

aptitude of human being, study, 85

by means of antahkarana, 145

by soul, 20, 148

in the light, 138

của những người hoạt động trong giáo dục, tôn giáo và chính quyền, 57

khuynh hướng trong nhân loại, 122-123, 124

Có tính hợp tác–

tâm thức, thay thế cho cạnh tranh, 74

thiện chí, giảng dạy, 91

Phối hợp–

trong trẻ em, nghiên cứu, 11

của phàm ngã, 35

của linh hồn, thể trí và bộ não, 50-51

Các tương ứng, bộ ba nơi con người, sự xuất hiện, 55

Lửa Vũ Trụ, Luận về, trích dẫn, 30-31

Phòng Hội Đồng của Đức Sanat Kumara, 62

Sáng tạo–

hoạt động, 17-18

năng khiếu của con người, nghiên cứu, 85

bằng phương tiện antahkarana, 145

bởi linh hồn, 20, 148

trong ánh sáng, 138

power, production, 21

science of, 97

Creative Hierarchy, fourth, definition, 126

Creative nature, unfoldment, 20-21

Creativity of–

child, cultivation, 85-86, 94

human being, 148

Creator–

on physical plane, becoming, 32

purposes and plans, initiation into, 96

Crisis of humanity today, 44

Criticism in teachers, 13

Culture–

custodians, recommendations, 48

definition, 43

factor in evolution, 127

Curiosity, value in child, 81

Custodians of the Plan, viewpoints, 111, 112

Cycles, seven-year and ten-year, 8

quyền năng, tạo ra, 21

khoa học về, 97

Huyền Giai Sáng Tạo, thứ tư, định nghĩa, 126

Bản chất sáng tạo, sự khai mở, 20-21

Tính sáng tạo của–

trẻ em, vun bồi, 85-86, 94

con người, 148

Đấng Sáng Tạo–

trên cõi hồng trần, trở thành, 32

các mục đích và kế hoạch, điểm đạo vào, 96

Khủng hoảng của nhân loại ngày nay, 44

Sự phê bình nơi các giáo viên, 13

Văn hóa–

những người gìn giữ, khuyến nghị, 48

định nghĩa, 43

yếu tố trong tiến hoá, 127

Tính tò mò, giá trị nơi trẻ em, 81

Những Người Gìn Giữ Thiên Cơ, các quan điểm, 111, 112

Chu kỳ, bảy năm và mười năm, 8

D

Death–

fear of, cessation, 95

problem, relation to Science of Antahkarana, 145

Deity, manifestation, three centres, 44

Democracy, world, achievement, 87-88

Desire–-

satisfaction, idea of, 121

selfish, transmutation, 119

Destroyer, work, 112

Destruction, types and benefits, 112

Devotion, attribute, definition, 22

Disciple–

goal, 22, 146

redemption of threefold body, correspondence, 65-66

work, 22

Discoverers, mystical tendency, 113

Discrimination–

D

Cái chết–

nỗi sợ về, chấm dứt, 95

vấn đề, liên hệ với Khoa Học Antahkarana, 145

Thượng Đế, biểu hiện, ba trung tâm, 44

Dân chủ, thế giới, thành tựu, 87-88

Dục vọng–-

sự thỏa mãn, ý tưởng về, 121

ích kỷ, chuyển hoá, 119

Đấng Hủy Diệt, công việc, 112

Sự hủy diệt, các loại và lợi ích, 112

Sùng tín, thuộc tính, định nghĩa, 22

Đệ tử–

mục tiêu, 22, 146

sự cứu chuộc thân thể tam phân, tương ứng, 65-66

công việc, 22

Những người khám phá, khuynh hướng thần bí, 113

Phân biện–

cultivation, 22

relation to soul, 36

Divinity, manifestation upon earth, 141, 145

Door–

from animal to. human kingdom, 134

to teaching centre of Great White Lodge, 52

E

Earth, light substance, integration, 140

Economic–

distress today, causes, 135, 138

situation, unfavorable to unrestricted birth rate, 134, 138

Education–

adult, in fundamentals, 6, 7, 12, 13, 16, 19-22, 49, 59

adult, in esotericism, 60-65, 67

Aquarian, 34, 49, 95-97

attainments through, 56

bridging between old and new, 72-73, 89-90, 91, 92-94

coming, systems, purpose, 107

vun bồi, 22

liên hệ với linh hồn, 36

Thiên tính, biểu hiện trên Trái Đất, 141, 145

Cửa–

từ giới động vật đến giới nhân loại, 134

đến trung tâm giảng dạy của Thánh đoàn, 52

E

Trái Đất, chất liệu ánh sáng, sự tích hợp, 140

Kinh tế–

khốn khó ngày nay, nguyên nhân, 135, 138

tình hình, không thuận lợi cho tỉ lệ sinh đẻ không hạn chế, 134, 138

Giáo dục–

người lớn, về các nền tảng, 6, 7, 12, 13, 16, 19-22, 49, 59

người lớn, trong huyền bí học, 60-65, 67

Bảo Bình, 34, 49, 95-97

các thành tựu thông qua, 56

bắt cầu giữa cũ và mới, 72-73, 89-90, 91, 92-94

sắp đến, các hệ thống, mục đích, 107

concern, basic, 94

mối quan tâm, căn bản, 94

concerns, major, in future, 97

các mối quan tâm, chủ yếu, trong tương lai, 97

consummation, recommendations, 12

hoàn thành, khuyến nghị, 12

definitions, 80-81, 82-83

các định nghĩa, 80-81, 82-83

emphasis–

nhấn mạnh–

future, 81, 87, 97

tương lai, 81, 87, 97

heretofore, 101

từ trước đến nay, 101

misplaced today, 16, 89

đặt sai chỗ ngày nay, 16, 89

recommendations, 80

khuyến nghị, 80

for citizenship, origin, trend, and results, 100-105

cho quyền công dân, nguồn gốc, khuynh hướng và kết quả, 100-105

fundamental necessities, 16, 37, 81

những nhu cầu căn bản, 16, 37, 81

future, objectives, 6, 52, 80-81

tương lai, mục tiêu, 6, 52, 80-81

future, recommendations, 24, 88- 89, 91

tương lai, khuyến nghị, 24, 88- 89, 91

ideal of state welfare, 102-103

lý tưởng về phúc lợi nhà nước, 102-103

international system, results, 87

hệ thống quốc tế, kết quả, 87

methods, new unfoldment, necessity for, 29

phương pháp, sự khai mở mới, sự cần thiết đối với, 29

modern, beginning needed, 22

hiện đại, cần có sự khởi đầu, 22

modern, opportunity, 29

hiện đại, cơ hội, 29

new–

esoteric approach, 59-40

for group life, 130-131

for parenthood, 131, 133-134

keynote, 57

meditation, 96

preparations for, 52-53, 57

primary concerns, 36-37

prophecies, 50-51, 97-98, 131, 133-134

recommendations, 9, 48-50

science of right human relations and of social organisation, 84, 88

task, 59

New Age, concern, 4-5

New Age, definition, 6

objectives, 4-5, 16, 19, 20

of adolescents-

adaptation to environment, 80-82

culture, 48

group life, 130

mới–

cách tiếp cận nội môn, 59-40

cho đời sống nhóm, 130-131

cho vai trò làm cha mẹ, 131, 133-134

chủ âm, 57

tham thiền, 96

chuẩn bị cho, 52-53, 57

những mối quan tâm chính, 36-37

các lời tiên tri, 50-51, 97-98, 131, 133-134

khuyến nghị, 9, 48-50

khoa học về những quan hệ đúng đắn của con người và về tổ chức xã hội, 84, 88

nhiệm vụ, 59

Kỷ Nguyên Mới, mối quan tâm, 4-5

Kỷ Nguyên Mới, định nghĩa, 6

mục tiêu, 4-5, 16, 19, 20

của thanh thiếu niên-

thích nghi với môi trường, 80-82

văn hóa, 48

đời sống nhóm, 130

intuitional unfoldment, 83-84

meditation, 96

Piscean, 104-105

psychology, 13-14

studies, 9-10

of parents, 139

past to present concern, 2-3

problem, 6, 40

right relations with religion and politics, 91

steps ahead, three immediate, 69-72

task, 43-44

today–

amateurish attempts, 83

beginning, recommendations, 91-92

enlightened, 89

means, 24

objectives, results, 38-39

parrot-like recording, 85

trends, 123

sự khai mở trực giác, 83-84

tham thiền, 96

Song Ngư, 104-105

tâm lý học, 13-14

nghiên cứu, 9-10

của cha mẹ, 139

mối quan tâm từ quá khứ đến hiện tại, 2-3

vấn đề, 6, 40

những quan hệ đúng đắn với tôn giáo và chính trị, 91

ba bước trước mắt, 69-72

nhiệm vụ, 43-44

ngày nay–

những nỗ lực nghiệp dư, 83

khởi đầu, khuyến nghị, 91-92

được khai sáng, 89

phương tiện, 24

mục tiêu, kết quả, 38-39

ghi nhận như vẹt, 85

khuynh hướng, 123

without bridging between old and new, 72-73

true, aim, 7, 21

true, definition, 6

twenty-eight-year process, 49-51

work, true, 22

Educators–

functions, 7-8

future–

emphasis, 81

problems, 25-26

requirements, 72, 88

task, 138

modern, problem, group, 29

Ego–

higher, meaning of term, 18-19

power, manifestation, 31

synonyms, 5

Embryos, light connecting with parents, 139

Emotional nature, mental control by child, 81

không có sự bắt cầu giữa cũ và mới, 72-73

chân chính, mục đích, 7, 21

chân chính, định nghĩa, 6

tiến trình hai mươi tám năm, 49-51

công việc, chân chính, 22

Các nhà giáo dục–

chức năng, 7-8

tương lai–

nhấn mạnh, 81

vấn đề, 25-26

yêu cầu, 72, 88

nhiệm vụ, 138

hiện đại, vấn đề, nhóm, 29

Chân ngã–

cao hơn, ý nghĩa của thuật ngữ, 18-19

quyền năng, biểu hiện, 31

từ đồng nghĩa, 5

Phôi thai, ánh sáng liên kết với cha mẹ, 139

Bản chất cảm xúc, sự kiểm soát trí tuệ bởi trẻ em, 81

Energies–

and forces, relation between, comprehension, 67

educational work, 24

from various levels, differentiation, 61

higher realm, 62

incoming and outgoing, 148

incoming, nature of and direction, 148

of highest sources, anchoring, 67

outgoing, nature of and direction, 148

outgoing; relation to environment, 147

sensitivity to, awareness of and use, 61

Energy–

definition, 143

fusion processes, 147

in action, environmental, recognition, 62

incoming system, 147

interrelations, 33-34

intuitive understanding and control, 119

problem, 143

Các năng lượng–

và các mãnh lực, quan hệ giữa chúng, sự thấu hiểu, 67

công việc giáo dục, 24

từ các cấp độ khác nhau, sự biến phân, 61

cõi giới cao hơn, 62

đến và đi, 148

đến, bản chất và phương hướng, 148

của các nguồn cao nhất, neo giữ, 67

đi ra, bản chất và phương hướng, 148

đi ra; liên hệ với môi trường, 147

nhạy cảm với, nhận thức về và sử dụng, 61

Năng lượng–

định nghĩa, 143

các tiến trình dung hợp, 147

trong hành động, thuộc môi trường, nhận biết, 62

hệ thống đi vào, 147

các tương quan, 33-34

sự thấu hiểu và kiểm soát trực giác, 119

vấn đề, 143

recognition, training in, 62

stations, two great, 148

transformation, processes, 147

types–

discrimination, training in, 62

in man, 32

qualifying all forms, 24

usage, processes, 147

usage. transformation, and fusion, processes, 147

use for strengthening and creative use of forces, 67

See also specific kinds.

Enlightenment through education, 52

Environment–

conditioning energies, recognition, 61-62, 83

connection with threefold personality, 145

Esoteric–

activity, results, 68

life, definition, 67

nhận biết, huấn luyện trong, 62

hai trạm lớn, 148

chuyển đổi, các tiến trình, 147

các loại–

phân biện, huấn luyện trong, 62

trong con người, 32

định phẩm tính cho mọi hình tướng, 24

sử dụng, các tiến trình, 147

sử dụng, chuyển đổi và dung hợp, các tiến trình, 147

dùng để tăng cường và sử dụng sáng tạo các mãnh lực, 67

Xem thêm các loại cụ thể.

Sự giác ngộ thông qua giáo dục, 52

Môi trường–

các năng lượng tác động, nhận biết, 61-62, 83

liên hệ với phàm ngã tam phân, 145

Nội môn–

hoạt động, kết quả, 68

đời sống, định nghĩa, 67

viewpoint, 66

Esotericism–

definitions, 59-60, 64, 65, 67, 68

newer, 63

teaching, 60

Esotericist–

attitude toward physical plane, 64

development. of inner mechanism, 65

differentiations, 65

energies, qualified, knowledge of, 65

entrance into inner worlds, 62

science of redemption, 65-66

study, 66

symbols, 132-133

tasks, 60, 64-65

universals to particulars, 112

work with substance, 64-65

Esotericists, challenge to, 68

Etheric body. *See* Body, etheric.

quan điểm, 66

Huyền bí học–

các định nghĩa, 59-60, 64, 65, 67, 68

mới hơn, 63

giảng dạy, 60

Nhà bí truyền học–

thái độ đối với cõi hồng trần, 64

phát triển. của bộ máy bên trong, 65

các biến phân, 65

các năng lượng, có phẩm tính, tri thức về, 65

đi vào các thế giới bên trong, 62

khoa học về cứu chuộc, 65-66

nghiên cứu, 66

biểu tượng, 132-133

nhiệm vụ, 60, 64-65

các phổ quát đến các đặc thù, 112

làm việc với chất liệu, 64-65

Các nhà bí truyền học, thách thức đối với, 68

Thể dĩ thái. *Xem* Thể, dĩ thái.

Eugenics–

errors, 136

future, 133-134, 136

Europe–

contribution to unfoldment, 50

education, results, 79

Events; symbolism; 62

Evocation of soul aspects upon physical plane, 19-20

Evolution–

agency of culture and civilisation, 127

in form, completion, 28

of civilisation, 90-91, 114

of human consciousness, 128

of humanity, category of forces or energies, 55

path, driving force, 21

process, 113, 115

status of mankind today, 116-118, 124

unfoldments, means, 137

Ưu sinh học–

sai lầm, 136

tương lai, 133-134, 136

Châu Âu–

đóng góp cho sự khai mở, 50

giáo dục, kết quả, 79

Các biến cố; biểu tượng học; 62

Sự gợi lên các phương diện linh hồn trên cõi hồng trần, 19-20

Tiến hoá–

tác nhân của văn hóa và văn minh, 127

trong hình tướng, hoàn tất, 28

của văn minh, 90-91, 114

của tâm thức nhân loại, 128

của nhân loại, loại mãnh lực hoặc năng lượng, 55

con đường, mãnh lực thúc đẩy, 21

tiến trình, 113, 115

tình trạng của nhân loại ngày nay, 116-118, 124

các sự khai mở, phương tiện, 137

Experience, light, 138-139

Explorers, mystical tendency, 113

F

Family–

group relationship, extensions, 128

group relationship, factors preserved as ideals, 129-130

size versus quality, 132-134, 139

unit new form, 130

Fear of death, cessation, 95, 161

Force–

definition, 143

recognition, training in, 62

Forces–

and energies, relation between, comprehension, 67

comprising nature of man, 60

redemption, 67

Forgiveness, faculty, recognition in family, 129

Form–

Kinh nghiệm, ánh sáng, 138-139

Những người thám hiểm, khuynh hướng thần bí, 113

F

Gia đình–

quan hệ nhóm, các phần mở rộng, 128

quan hệ nhóm, các yếu tố được giữ gìn như lý tưởng, 129-130

quy mô đối lại phẩm tính, 132-134, 139

đơn vị, hình thức mới, 130

Nỗi sợ chết, chấm dứt, 95, 161

Mãnh lực–

định nghĩa, 143

nhận biết, huấn luyện trong, 62

Các mãnh lực–

và các năng lượng, quan hệ giữa chúng, sự thấu hiểu, 67

cấu thành bản chất của con người, 60

cứu chuộc, 67

Tha thứ, quan năng, nhận biết trong gia đình, 129

Hình tướng–

production, source, 64

side of life, unimportance, 111, 112

Forms–

creation, 20-21

energy types qualifying, 24

harmony latent in, 21

qualified, redeemed, and principled, 65

See also Thoughtforms.

Fourth–

Creative Hierarchy, 126

kingdom, bridging with fifth, 446

root race people, 119

Freedom of individual problem, embodiment, 125

Fusion–

of–

differentiated spiritual aspirations, 122-123

humanity with Hierarchy, 141

light body with etheric body, 145

tạo ra, nguồn gốc, 64

phương diện hình tướng của sự sống, không quan trọng, 111, 112

Các hình tướng–

sáng tạo, 20-21

các loại năng lượng định phẩm tính cho, 24

hài hòa tiềm ẩn trong, 21

có phẩm tính, được cứu chuộc và được phú nguyên khí, 65

Xem thêm Các hình tư tưởng.

Thứ tư–

Huyền Giai Sáng Tạo, 126

giới, bắt cầu với giới thứ năm, 446

người thuộc Giống dân gốc, 119

Tự do của cá nhân, vấn đề, hiện thân, 125

Sự dung hợp–

của–

những khát vọng tinh thần đã được biến phân, 122-123

nhân loại với Thánh Đoàn, 141

thể ánh sáng với thể dĩ thái, 145

men into idealistic groups, 123

personality and soul, 136, 137, 141

soul and its mechanism, 33

three aspects of man's nature, 140-141

upper and lower lights, 144

planetary, 65-66

processes, science of, 147

Fusions–

great, basic necessity for, 140

synthesis necessary for progress, 141

G

Genius–

training for, 82

understanding, 17

unfoldment of egoic petals, 18

Geography, teaching today, 45

Germany, education, 79, 50

Glamour of emotional sensitivity to world suffering, 112

Glands–

con người vào các nhóm lý tưởng, 123

phàm ngã và linh hồn, 136, 137, 141

linh hồn và bộ máy của nó, 33

ba phương diện của bản chất con người, 140-141

các ánh sáng trên và dưới, 144

hành tinh, 65-66

các tiến trình, khoa học về, 147

Các sự dung hợp–

lớn, nhu cầu căn bản đối với, 140

sự tổng hợp cần thiết cho tiến bộ, 141

G

Thiên tài–

huấn luyện cho, 82

thấu hiểu, 17

sự khai mở các cánh hoa chân ngã, 18

Địa lý, giảng dạy ngày nay, 45

Đức, giáo dục, 79, 50

Ảo cảm của sự nhạy cảm cảm xúc đối với đau khổ thế giới, 112

Các tuyến–

condition, comprehension, 51

endocrine, relations, consideration, 36

God–

kingdom of. *See* Kingdom of God,

mystical vision of, 113

way to, 96

Golden light in aura, 147

Golden Rule, expression, future, 84

Good, the, sensing, registration, and recording, 113

Goodwill–

cooperative, achievement, 54

cooperative, teaching, 91

cultivation in children, 86, 87, 88

Government–

science of, new, keynote, 57

world, problem, 114

See also State.

Governments, participation in Plan, 56

Great White Lodge-

tình trạng, thấu hiểu, 51

nội tiết, các quan hệ, xem xét, 36

Thượng đế–

Thiên Giới. *Xem* Thiên Giới,

linh ảnh thần bí về, 113

con đường đến, 96

Ánh sáng vàng kim trong hào quang, 147

Quy luật Vàng, sự biểu lộ, tương lai, 84

Điều Thiện, cảm nhận, ghi nhận và lưu lại, 113

Thiện chí–

hợp tác, thành tựu, 54

hợp tác, giảng dạy, 91

vun bồi nơi trẻ em, 86, 87, 88

Chính quyền–

khoa học về, mới, chủ âm, 57

thế giới, vấn đề, 114

Xem thêm Nhà nước.

Các chính quyền, tham gia vào Thiên Cơ, 56

Thánh đoàn-

energies used, 61

teaching centre, door to, 52

See also Custodians of the Plan; Guides of race; Hierarchy; Masters.

Group–

antahkarana, 29

Aquarian, characteristics, 122

blending of individual, 20

bridging with group, 126, 146

consciousness–

attainment, 20

definition, 19

development, 128-131

of New Age youth, 71

control and relationship, development, means, 97

ideologies, allegiance, 103

interplay, recognition, 129-131

life, activity, 12

light, radiance, production, 137

các năng lượng được dùng, 61

trung tâm giảng dạy, cửa đến, 52

Xem thêm Những Người Gìn Giữ Thiên Cơ; Các Đấng Dẫn Dắt nhân loại; Thánh Đoàn; Các Chân sư.

Nhóm–

antahkarana, 29

Bảo Bình, các đặc điểm, 122

sự hòa quyện của cá nhân, 20

bắt cầu với nhóm, 126, 146

tâm thức–

đạt được, 20

định nghĩa, 19

phát triển, 128-131

của thanh niên Kỷ Nguyên Mới, 71

kiểm soát và quan hệ, phát triển, phương tiện, 97

các hệ tư tưởng, sự trung thành, 103

tác động tương hỗ, nhận biết, 129-131

đời sống, hoạt động, 12

ánh sáng, sự rạng chiếu, tạo ra, 137

love–	tình thương–
achievement, 54	thành tựu, 54
causation, 53	nguyên nhân, 53
from selfish desire, 119	từ dục vọng ích kỷ, 119
problem of modern educator, 29	vấn đề của nhà giáo dục hiện đại, 29
purposes, identification with, 97	các mục đích, đồng hoá với, 97
relations, responsibility in children, 77, 82, 85	các quan hệ, trách nhiệm nơi trẻ em, 77, 82, 85
relationships–	các mối quan hệ–
development by child, purpose, 92	phát triển bởi trẻ em, mục đích, 92
family, 128-130	gia đình, 128-130
human, realisation, 128	nhân loại, chứng nghiệm, 128
revelation, 29	mặc khải, 29
spirit in teachers, 13	tinh thần nhóm nơi các giáo viên, 13
spirit, inculcation, 13	tinh thần nhóm, truyền dạy, 13
synthesis, attainment, 54	tổng hợp, đạt được, 54
thinking, 2	tư duy nhóm, 2
training, right, factor, 70	huấn luyện nhóm, đúng đắn, yếu tố, 70
Groups–	Các nhóm–
idealistic, of New Age, 123	lý tưởng, của Kỷ Nguyên Mới, 123

idealistic, trend, 122, 123

of trained esotericists, 61

tight human relations between, 84

Guides of race, teaching, 120

Guilt, sense of in children, 77

H

Harmony. produced through conflict attribute, 21

Hate, futility, teaching, 47

Hatreds, racial, offsetting, 89-90

Heart–

connection with spleen, 33

See also Centre, heart.

Hierarchical status, recognition, 129

Hierarchy–

bridging with humanity, 146

component groups, 132

discovery by aspirants, 62

effort, goal, 103

extent, 126

lý tưởng, khuynh hướng, 122, 123

của các nhà bí truyền học được huấn luyện, 61

những quan hệ nhân loại chặt chẽ giữa, 84

Các Đấng Dẫn Dắt nhân loại, giảng dạy, 120

Mặc cảm tội lỗi nơi trẻ em, 77

H

Hài hòa, được tạo ra qua thuộc tính xung đột, 21

Thù ghét, sự vô ích, giảng dạy, 47

Những hận thù chủng tộc, hóa giải, 89-90

Tim–

liên hệ với lá lách, 33

Xem thêm Trung tâm, tim.

Địa vị thứ bậc, nhận biết, 129

Thánh Đoàn–

bắt cầu với nhân loại, 146

các nhóm cấu thành, 132

người chí nguyện khám phá, 62

nỗ lực, mục tiêu, 103

phạm vi, 126

fusion of humanity with, 141

messengers, teaching, 132

of redeemers, goal, 65

precipitation of Plan, 56

relation to humanity, 137-138

relation to problems of parenthood and sex, 132

response to new world religion, 123

stimulation of mankind, 140

teaching, 121

trust in Aquarian Age, 122

units, bridging, 126

use of Chinese and Japanese esotericists, 118

work with mankind, 117, 148

See also Custodians of the Plan; Great White Lodge; Masters.

History, teaching–

future, 85, 86

recommendations, 45-47, 85, 93

today, 45, 85, 88, 93

sự dung hợp của nhân loại với, 141

các sứ giả, giảng dạy, 132

của những người cứu chuộc, mục tiêu, 65

sự ngưng tụ Thiên Cơ, 56

liên hệ với nhân loại, 137-138

liên hệ với các vấn đề làm cha mẹ và tính dục, 132

đáp ứng với tôn giáo thế giới mới, 123

sự kích thích nhân loại, 140

giáo huấn, 121

niềm tin vào Kỷ Nguyên Bảo Bình, 122

các đơn vị, bắt cầu, 126

việc sử dụng các nhà bí truyền học Trung Hoa và Nhật Bản, 118

công việc với nhân loại, 117, 148

Xem thêm Những Người Gìn Giữ Thiên Cơ; Thánh đoàn; các Chân sư.

Lịch sử, giáo huấn–

tương lai, 85, 86

khuyến nghị, 45-47, 85, 93

ngày nay, 45, 85, 88, 93

Human–

relations, right–

attainment, 45

era, 63, 84, 88

place in new science, 57

text books, 74

spirit, freeing, five great declarations, 47

Humanity–

astral body, vitalisation, 53

brain, vitalisation, 53

bridging already accomplished, 30

bridging with Hierarchy, 146

consciousness, divisions, 127-128

consciousness, evolution, 128

creative aptitude, study, 85

entrance into light, 52

fusion with Hierarchy, 141

future, determination, 103

glory, 50-51

Con người–

các mối quan hệ, đúng đắn–

sự thành tựu, 45

kỷ nguyên, 63, 84, 88

vị trí trong khoa học mới, 57

sách giáo khoa, 74

tinh thần, giải phóng, năm tuyên ngôn vĩ đại, 47

Nhân loại–

thể cảm dục, sự tiếp sinh lực, 53

bộ não, sự tiếp sinh lực, 53

việc bắt cầu đã hoàn tất, 30

bắt cầu với Thánh Đoàn, 146

tâm thức, các phân chia, 127-128

tâm thức, sự tiến hoá, 128

năng khiếu sáng tạo, nghiên cứu, 85

bước vào ánh sáng, 52

sự dung hợp với Thánh Đoàn, 141

tương lai, sự quyết định, 103

vinh quang, 50-51

illumination, 148

lower types, use of sutratma, 30

mental body, vitalisation, 53-54

new species, 14

oneness, teaching, 47, 48

relation to Hierarchy, 137-138

relation to world of souls, teaching, 49

soul, awakening en masse, 106-107

understanding, cultivation, 49-70, 7374, 82

See also Man.

I

Idealism–

innate, in child, dealing with, 22-23

of common man, 123-124

spirit, growth, 123

Idealists, Aquarian and Piscean, contrast, 122

Ideals–

of state welfare, 102-103

Piscean, list, 119-121

sự soi sáng, 148

các kiểu thấp, việc sử dụng sutratma, 30

thể trí, sự tiếp sinh lực, 53-54

loài mới, 14

tính duy nhất, giáo huấn, 47, 48

liên hệ với Thánh Đoàn, 137-138

liên hệ với thế giới các linh hồn, giáo huấn, 49

linh hồn, sự thức tỉnh hàng loạt, 106-107

sự thấu hiểu, vun bồi, 49-70, 7374, 82

Xem thêm Con người.

I

Chủ nghĩa lý tưởng–

bẩm sinh, nơi trẻ em, xử lý, 22-23

của người bình thường, 123-124

tinh thần, sự tăng trưởng, 123

Những người lý tưởng chủ nghĩa, Bảo Bình và Song Ngư, tương phản, 122

Các lý tưởng–

về phúc lợi nhà nước, 102-103

thuộc Song Ngư, danh sách, 119-121

promulgation, 35

reactions to divine ideas, 99-100

Ideas–

creation, 20-21

custodian, 5

divine, human reactions to, 99-100

expression creatively, 145

grasping and intuiting, 113

intuiting, relation to education, 21

materialisation, means, 21

of–

authority, expressions, 119-120

Piscean Age, foundational, 104-105

satisfaction of desire, 121

self-sacrifice, 120

value of sorrow and pain, 120

pattern. *See* Patterns.

problem, 114-116

regarding sex relation, implications, 137

sự truyền bá, 35

các phản ứng đối với các ý tưởng thiêng liêng, 99-100

Các ý tưởng–

sự sáng tạo, 20-21

người gìn giữ, 5

thiêng liêng, các phản ứng của con người đối với, 99-100

biểu đạt một cách sáng tạo, 145

nắm bắt và trực nhận, 113

trực nhận, liên hệ với giáo dục, 21

sự hiện hình, phương tiện, 21

về–

quyền uy, các biểu hiện, 119-120

Kỷ Nguyên Song Ngư, nền tảng, 104-105

sự thoả mãn dục vọng, 121

sự tự hi sinh, 120

giá trị của nỗi buồn và đau khổ, 120

mô hình. *Xem* Các mô hình.

vấn đề, 114-116

liên quan đến quan hệ tính dục, các hàm ý, 137

right perception and use through education, 84

sự nhận thức và sử dụng đúng đắn qua giáo dục, 84

study, 21

nghiên cứu, 21

transformation and application through education, 84

sự chuyển đổi và ứng dụng qua giáo dục, 84

world of, connection with creative man, 145

thế giới của, liên hệ với con người sáng tạo, 145

world of, penetration by youth, 81

thế giới của, sự thâm nhập bởi tuổi trẻ, 81

Ideologies–

Các hệ tư tưởng–

conflict, 90

xung đột, 90

group, allegiance to, 103

nhóm, sự trung thành với, 103

Illumination–

Sự soi sáng–

conveyor, 5

vật truyền dẫn, 5

from esoteric activity, 68

từ hoạt động nội môn, 68

intellectual, 55-57

trí tuệ, 55-57

of humanity, 148

của nhân loại, 148

of individual, 148

của cá nhân, 148

Illusions-

Các ảo tưởng-

of emotional sensitivity to world suffering, 112

về sự nhạy cảm cảm xúc đối với đau khổ thế giới, 112

types, 24-25

Immortality, basis, 26

Incarnation–

in response to world need, 95

physical, spiritual necessity, 136-137

planned, 135-136

premature, results, 135

See also Law of Rebirth; Reincarnation.

Inclusiveness, spirit in common man, 123, 124

Individual–

culture, 99

illumination, 148

integrated, work with humanity, 117-118

relation to other individuals or groups, 143

submergence in group, 23

value, relations, 47-48

value, teaching, 47-48

Individualities, reincarnation, 113

các loại, 24-25

Sự bất tử, nền tảng, 26

Sự nhập thể–

để đáp ứng với nhu cầu thế giới, 95

hồng trần, nhu cầu tinh thần, 136-137

theo kế hoạch, 135-136

quá sớm, các kết quả, 135

Xem thêm Định luật Tái Sinh; Sự tái sinh.

Tính bao gồm, tinh thần trong người bình thường, 123, 124

Cá nhân–

văn hoá, 99

sự soi sáng, 148

được tích hợp, công việc với nhân loại, 117-118

liên hệ với các cá nhân hoặc nhóm khác, 143

sự hoà chìm trong nhóm, 23

giá trị, các mối quan hệ, 47-48

giá trị, giáo huấn, 47-48

Các cá thể, tái sinh, 113

Individuality, sense of, retention through fusion, 124

Infant–

light body, 139-140

training, 70-7l, 73, 83, 89

Inferiority complex, breeding and results, 105

Initiates–

union with Triad, 31

use of sutratma and antahkarana, 31

Initiation–

applicants, use of sutratma and antahkarana, 31

third, preparation for, 33

Transfiguration, awareness, 62

Instincts–

to ordered rhythm, work with, 23

training and direction, 24, 50, 51

Instinctual reaction of child, study, 83-84

Integrating force, conscious, 52

Cá thể tính, ý thức về, sự duy trì qua dung hợp, 124

Trẻ sơ sinh–

thể ánh sáng, 139-140

huấn luyện, 70-7l, 73, 83, 89

Phức cảm tự ti, nuôi dưỡng và các kết quả, 105

Các điểm đạo đồ–

hợp nhất với Tam Nguyên Tinh Thần, 31

việc sử dụng sutratma và antahkarana, 31

Điểm đạo–

các ứng viên, việc sử dụng sutratma và antahkarana, 31

lần thứ ba, chuẩn bị cho, 33

Biến hình, nhận thức, 62

Các bản năng–

hướng tới nhịp điệu có trật tự, công việc với, 23

huấn luyện và định hướng, 24, 50, 51

Phản ứng bản năng của trẻ em, nghiên cứu, 83-84

Mãnh lực tích hợp, hữu thức, 52

Integration–

in light substance of Earth, 140

inner, production and results, 28

of–

instinct, intellect, and intuition, 51

nations into whole, 49

personality and Higher Self, 117

personality, means, 6

personality, process, 28

personality, relation to creation on physical plane, 32

personality through education, 26

three aspects of man's nature, 140-141

Intellect–

capacity of child, study, 83-84

in man, unfoldment, 11-12

training, 50, 51

Intelligence–

active, concern, 20-21

energy, achievement by humanity, 54

Sự tích hợp–

trong chất liệu ánh sáng của Trái Đất, 140

bên trong, sự tạo ra và các kết quả, 28

của–

bản năng, trí năng, và trực giác, 51

các quốc gia vào một toàn thể, 49

phàm ngã và Bản Ngã Cao Siêu, 117

phàm ngã, phương tiện, 6

phàm ngã, tiến trình, 28

phàm ngã, liên hệ với sự sáng tạo trên cõi hồng trần, 32

phàm ngã qua giáo dục, 26

ba phương diện của bản chất con người, 140-141

Trí năng–

năng lực của trẻ em, nghiên cứu, 83-84

trong con người, sự khai mở, 11-12

huấn luyện, 50, 51

Trí thông minh–

hoạt động, mối quan tâm, 20-21

năng lượng, thành tựu bởi nhân loại, 54

of children, increase, 50

International system of education, 87

Internationalism, studies, 49, 82

Intuiting ideas–

capacity, 113

means, 35

relation to education, 21

Intuition–

education in harmony, 21

of Observers and Communicators, 116

of youth, evocation and development, 50, 51

unfoldment, 83-84

Intuitional–

mind, unification with lower mind and Self, 35

potentiality of child, study, 83

Intuitive-

ideas, ideals founded upon, 123

perception, world of, bridging, 2

của trẻ em, sự gia tăng, 50

Hệ thống giáo dục quốc tế, 87

Chủ nghĩa quốc tế, các nghiên cứu, 49, 82

Trực nhận các ý tưởng–

năng lực, 113

phương tiện, 35

liên hệ với giáo dục, 21

Trực giác–

giáo dục trong sự hài hoà với, 21

của Các Nhà Quan Sát và Các Nhà Giao Tiếp, 116

của tuổi trẻ, sự gợi lên và phát triển, 50, 51

sự khai mở, 83-84

Thuộc trực giác–

trí, sự hợp nhất với hạ trí và Bản Ngã, 35

tiềm năng của trẻ em, nghiên cứu, 83

Trực giác-

các ý tưởng, các lý tưởng được đặt nền trên, 123

tri giác, thế giới của, bắt cầu, 2

understanding and control of energy, 119

Intuitively realised truth, 5

Intuitives, trained, world work, 115

Inventors, mystical tendency, 113

Irritation, damage to children, 76

J

Japanese–

individuals, contribution to whole, 118

race, 119

Joy of New Age, 120

K

Karma of substance, 64, 65

Kingdom of God–

bridging with human kingdom, 146

citizenship, preparation for, 49

emergence, 137-138

investigation, 126

manifestation, 141

sự thấu hiểu và kiểm soát năng lượng, 119

Chân lý được chứng nghiệm bằng trực giác, 5

Những người trực giác, được huấn luyện, công việc thế giới, 115

Các nhà phát minh, khuynh hướng thần bí, 113

Sự bực bội, tổn hại cho trẻ em, 76

J

Nhật Bản–

các cá nhân, đóng góp cho toàn thể, 118

giống dân, 119

Sự hoan hỉ của Kỷ Nguyên Mới, 120

K

Nghiệp quả của chất liệu, 64, 65

Thiên Giới–

bắt cầu với giới nhân loại, 146

quyền công dân, chuẩn bị cho, 49

sự xuất hiện, 137-138

sự khảo sát, 126

sự biểu hiện, 141

Kingdom of Souls–

consciousness, 127

participation, 126

Knowledge–

concrete, attribute, definition, 21-22

dual source, 81

energy of, attainments, 54, 56

factual, basis for future wisdom, 81, 82

mental, opening to man, 54

petals. *See* Lotus, egoic, knowledge petals.

soul, 92

unfoldment, 129

Knowledge-wisdom, relation to study of Science of antahkarana, 145

L

Law of Approach, 134

Law of Cause and Effect, 60

Law of Correspondence, 118

Law of Necessity, 128

Giới Linh Hồn–

tâm thức, 127

sự tham dự, 126

Tri thức–

cụ thể, thuộc tính, định nghĩa, 21-22

nguồn kép, 81

năng lượng của, các thành tựu, 54, 56

thực kiện, nền tảng cho minh triết tương lai, 81, 82

trí tuệ, mở ra cho con người, 54

cánh hoa. *Xem* Hoa sen, chân ngã, các cánh hoa tri thức.

linh hồn, 92

sự khai mở, 129

Tri thức-minh triết, liên hệ với nghiên cứu Khoa học antahkarana, 145

L

Định luật Tiếp Cận, 134

Định luật Nhân Quả, 60

định luật tương ứng, 118

Định luật Tất Yếu, 128

Law of Rebirth–

fact, admittance, 71-72

meaning, teaching, 138

See also Incarnation, Reincarnation.

Law of Rhythm, 134

Leaders of men, emergence, 117-118

Lemuria, light, attainment, 54

Life–

and death, problem, relation to Science of antahkarana, 145

inner subjective, expression, domination of physical life, 43

principle, control of mechanism, 18

principle, seat, 18

thread, attributes, 26-27

tuned to inner subjective realities, 67, 68

within form, purpose and urgency, 111

Light–

and substance, 68

Định luật Tái Sinh–

sự kiện, thừa nhận, 71-72

ý nghĩa, giáo huấn, 138

Xem thêm Sự nhập thể, Sự tái sinh.

Định luật Nhịp Điệu, 134

Những nhà lãnh đạo con người, sự xuất hiện, 117-118

Lemuria, ánh sáng, sự thành tựu, 54

Sự sống–

và cái chết, vấn đề, liên hệ với Khoa học antahkarana, 145

bên trong chủ quan, biểu hiện, sự thống trị đời sống hồng trần, 43

nguyên khí, kiểm soát bộ máy, 18

nguyên khí, chỗ ngự, 18

sinh mệnh tuyến, các thuộc tính, 26-27

được hòa điệu với các thực tại chủ quan bên trong, 67, 68

bên trong hình tướng, mục đích và tính cấp bách, 111

Ánh sáng–

và chất liệu, 68

attainment by–

Aryans, 54

Atlanteans, 54

Lemurians, 54

body. *See* Body, light.

bridging with, 145-146

consciousness of, 142

definitions, 144

entrance by humanity, 52

expressions, understanding, 138-139

from esoteric activity, 68

group, production, 137

manifestation, hastening, 140

manifestation, science, 143-144

of–

etheric body, 144, 147

soul, 68, 144

substance, intensification, 68

world, manifestation, 137

sự thành tựu bởi–

người Arya, 54

người Atlantis, 54

người Lemuria, 54

thể. *Xem* Thể, ánh sáng.

bắt cầu bằng ánh sáng, 145-146

tâm thức về ánh sáng, 142

các định nghĩa, 144

sự bước vào của nhân loại, 52

các biểu hiện, sự thấu hiểu, 138-139

từ hoạt động nội môn, 68

nhóm, sự tạo ra, 137

sự biểu hiện, thúc nhanh, 140

sự biểu hiện, khoa học, 143-144

của–

thể dĩ thái, 144, 147

linh hồn, 68, 144

chất liệu, tăng cường, 68

thế giới, sự biểu hiện, 137

substance, use, 96-97

transference, medium, 52

truth about, teaching, 142

Light-bearers, becoming, 68

Lights, upper and lower, fusion, 144

Logos–

planetary, manifestation, 65

planetary, redemption, 65-66

solar, submission to limitation, 18

Lotus, egoic–

knowledge petals–

energy effects, 53-54

force, union with thread, 147

opening, 18, 53, 54, 56

love petals, force, union with thread, 147

love petals, unfoldment, 18, 53, 55, 56

petals–

relationship, 33

chất liệu, sử dụng, 96-97

sự chuyển dịch, trung gian, 52

chân lý về ánh sáng, giáo huấn, 142

Những người mang ánh sáng, trở thành, 68

Các ánh sáng, cao và thấp, dung hợp, 144

Thượng đế–

Hành Tinh Thượng Đế, sự biểu hiện, 65

Hành Tinh Thượng Đế, sự cứu chuộc, 65-66

Thái dương Thượng đế, quy phục giới hạn, 18

Hoa sen, chân ngã–

các cánh hoa tri thức–

các tác động năng lượng, 53-54

mãnh lực, sự hợp nhất với sợi dây, 147

sự mở ra, 18, 53, 54, 56

các cánh hoa bác ái, mãnh lực, sự hợp nhất với sợi dây, 147

các cánh hoa bác ái, sự khai mở, 18, 53, 55, 56

các cánh hoa–

mối quan hệ, 33

spheres of influence, 56

unfoldment, 53-45, 56

sacrifice petals. *See* Lotus, egoic, will petals

will petals, force, union with thread, 147

will petals, opening, 53, 55, 56

Love–

aspect in protection, 129

atmosphere. enveloping child, 75-76

definition, 20

energy, station, 148

energy, vitalisation, effects, 54

group, from selfish desire, 119

light, need for, 120

of the whole, attainment, 20

petals. *See* Lotus, egoic, love petals.

power, 76, 113

Love-wisdom–

definition, 19-20

các phạm vi ảnh hưởng, 56

sự khai mở, 53-45, 56

các cánh hoa hi sinh. *Xem* Hoa sen, chân ngã, các cánh hoa ý chí

các cánh hoa ý chí, mãnh lực, sự hợp nhất với sợi dây, 147

các cánh hoa ý chí, sự mở ra, 53, 55, 56

Tình thương–

phương diện trong sự bảo vệ, 129

bầu không khí, bao bọc trẻ em, 75-76

định nghĩa, 20

năng lượng, trạm, 148

năng lượng, sự tiếp sinh lực, các tác động, 54

nhóm, từ dục vọng ích kỷ, 119

ánh sáng, nhu cầu về, 120

của toàn thể, sự thành tựu, 20

cánh hoa. *Xem* Hoa sen, chân ngã, các cánh hoa bác ái.

quyền năng, 76, 113

Bác Ái – Minh Triết–

định nghĩa, 19-20

trend toward, 123

M

Magic–

black, motivation, 61

sex, error, 137

white, means, 97

white, motivation, 61

Magnetism, quality expressed by antahkarana, 52

Man–

all aspects, focus where needed, 30

average, use of sutratma, 30

constitution, understanding, 6

creative, bridging work, 145-146

evolutionary status today, 116-118

integral parts, linking, 6

intellectual, use of sutratma, 30

linking with environment, 6

lower, training, 22

mental nature, three aspects, 4-5

khuynh hướng hướng tới, 123

M

Huyền thuật–

hắc thuật, động cơ, 61

tính dục, sai lầm, 137

chánh thuật, phương tiện, 97

chánh thuật, động cơ, 61

Từ điện, phẩm tính được biểu hiện bởi antahkarana, 52

Con người–

mọi phương diện, tập trung nơi cần thiết, 30

trung bình, việc sử dụng sutratma, 30

cấu tạo, sự thấu hiểu, 6

sáng tạo, công việc bắt cầu, 145-146

tình trạng tiến hoá ngày nay, 116-118

các phần tích hợp, liên kết, 6

trí tuệ, việc sử dụng sutratma, 30

liên kết với môi trường, 6

phàm nhân, huấn luyện, 22

bản chất trí tuệ, ba phương diện, 4-5

physical, connection with astral body, 31

reactions to divine ideas, 99-100

relationship to world of souls, 128

religious,. production, 113

spirit, nature of, 1

spiritual–

creative nature, unfoldment, 20

definition, 116

life, 128

study in future, 86

unfoldments, four attributive, 21-23

unfoldments, three aspects, 19-21

See also Human; Humanity.

Mankind, perpetuation, 138-139

Marriage; motives, changes, 139

Master, Tibetan, purposes, 110, 140- 141

Masters–

motivating power, 54

hồng trần, liên hệ với thể cảm dục, 31

các phản ứng đối với các ý tưởng thiêng liêng, 99-100

mối quan hệ với thế giới các linh hồn, 128

tôn giáo,. sự tạo ra, 113

tinh thần, bản chất của, 1

tinh thần–

bản chất sáng tạo, sự khai mở, 20

định nghĩa, 116

đời sống, 128

nghiên cứu trong tương lai, 86

các khai mở, bốn thuộc tính, 21-23

các khai mở, ba phương diện, 19-21

Xem thêm Con người; Nhân loại.

Nhân loại, sự duy trì nòi giống, 138-139

Hôn nhân; các động cơ, thay đổi, 139

Chân sư Tây Tạng, các mục đích, 110, 140-141

Các Chân sư–

quyền năng thúc đẩy, 54

See also Custodians of the Plan; Great White Lodge; Hierarchy; Kingdom of God; Kingdom of souls.

Xem thêm Những Người Gìn Giữ Thiên Cơ; Thánh đoàn; Thánh Đoàn; Thiên Giới; Giới linh hồn.

Material–

Vật chất–

conditions, betterment, 103

các điều kiện, cải thiện, 103

production, age, 121

sản xuất, thời đại, 121

Materialism, cure, 91

Chủ nghĩa duy vật, phương thuốc chữa trị, 91

Materialistic objectives, shift from, 84

Các mục tiêu duy vật, chuyển hướng khỏi, 84

Matter–

Vật chất–

and light, 144

và ánh sáng, 144

material, sublimation, 144

vật chất, thăng hoa, 144

Mayavirupa, formation, 31

Mayavirupa, sự hình thành, 31

Meaning–

Ý nghĩa–

behind affairs, work with, 68

đằng sau các sự vụ, làm việc với, 68

behind impartial facts, grasping, 82

đằng sau các sự kiện vô tư, nắm bắt, 82

world of–

thế giới của–

contact with and appreciation, 113

tiếp xúc với và trân trọng, 113

correlation with outer effects, 54

tương quan với các hiệu quả bên ngoài, 54

entrance, 62, 82

bước vào, 62, 82

free functioning in, 67

hoạt động tự do trong, 67

penetration, 66

relation to world of expression, 17

Mediating principle between life and substance, 67

Meditation–

definition, 9

in education, 9

means of bridge building, 96

teaching in colleges, 96

teaching in school curriculum, 9

Memory training, 35, 39

Mental–

levels, higher, soul energies, sensitivity to, 61

substance, use, 97

unfoldment of race, next step, 94

Microcosm, resemblance to macrocosm, 148

Mind–

aspects, three, 5, 148

control and direction, 30

thâm nhập, 66

liên hệ với thế giới biểu đạt, 17

Nguyên khí trung gian giữa sự sống và chất liệu, 67

Tham thiền–

định nghĩa, 9

trong giáo dục, 9

phương tiện xây dựng cầu, 96

giảng dạy trong các trường đại học, 96

giảng dạy trong chương trình học đường, 9

Huấn luyện trí nhớ, 35, 39

Trí–

các cấp độ cao hơn, các năng lượng linh hồn, nhạy cảm với, 61

chất liệu, sử dụng, 97

sự khai mở trí tuệ của nhân loại, bước tiếp theo, 94

Tiểu thiên địa, sự tương đồng với Đại thiên địa, 148

Trí–

các phương diện, ba, 5, 148

kiểm soát và định hướng, 30

definition, 28

discriminating, 36

function today, 16

higher–

abstract, definition, 5

fact, recognition, 16

in children, 13

manifestation, 13

illumined, use, 96

linking with astral natures, 31

lower–

concrete, definition, 5

concrete, development, 35

concrete, function, recognition, 16

use by higher, 16

use by soul, 20-21

nature of, 126

of God, impressions from, 96

reflector or agent of soul, 17

định nghĩa, 28

phân biện, 36

chức năng ngày nay, 16

thượng trí–

trừu tượng, định nghĩa, 5

sự kiện, nhận biết, 16

trong trẻ em, 13

sự biểu hiện, 13

được soi sáng, sử dụng, 96

liên kết với các bản chất cảm dục, 31

hạ trí–

cụ thể, định nghĩa, 5

cụ thể, phát triển, 35

cụ thể, chức năng, nhận biết, 16

việc sử dụng bởi thượng trí, 16

việc sử dụng bởi linh hồn, 20-21

bản chất của, 126

của Thượng đế, các ấn tượng từ, 96

tấm phản chiếu hay tác nhân của linh hồn, 17

relations, 36, 96

Son of, definition, 5

three aspects, gap, bridging, 56, 48

three aspects, nature of, 44

training, 7-8

Universal, rapport with, establishment, 96

use in two directions, cultivation, 81

use, right, 20

Mind-stuff, use, right, by child, 22

Monad–

connection with soul and personality, 145

consciousness, 19

submission to limitation, 18

Mystic–

concern, 59

formulation of knowledge and expression of awareness, 34

Mystical perception--

fact of, recognition, 119

in every man, 113-114

các mối quan hệ, 36, 96

Con của Trí Tuệ, định nghĩa, 5

ba phương diện, khoảng cách, bắt cầu, 56, 48

ba phương diện, bản chất của, 44

huấn luyện, 7-8

Vũ Trụ Trí, sự thiết lập mối giao cảm với, 96

sử dụng theo hai hướng, vun bồi, 81

sử dụng, đúng đắn, 20

Chất-liệu-trí, sử dụng đúng đắn bởi trẻ em, 22

Chân thần–

liên hệ với linh hồn và phàm ngã, 145

tâm thức, 19

quy phục giới hạn, 18

Nhà thần bí–

mối quan tâm, 59

sự hình thành tri thức và biểu đạt nhận thức, 34

Tri giác thần bí--

sự kiện của, nhận biết, 119

trong mỗi con người, 113-114

N

Nationalism, education in, 82

Nations–

separative attitudes, offsetting, 89-90

understanding, 125

Nature, outer tangible, bridging with subjective realm, 146

Nerve plexi, relations, consideration, 36

Nervous system–

direction, 92

use, consideration, 36

New Age–

basic ideas to be inculcated, 70, 74

concepts, teaching, 47

education, concern, 4-4

education, previous attempts, faults, 72-73

keynote, 120

parents, 140

youth, characteristics, 71, 72, 73

N

Chủ nghĩa quốc gia, giáo dục trong, 82

Các quốc gia–

các thái độ chia rẽ, hóa giải, 89-90

sự thấu hiểu, 125

Thiên nhiên, bên ngoài hữu hình, bắt cầu với cõi giới chủ quan, 146

Các đám rối thần kinh, các mối quan hệ, xem xét, 36

Hệ thần kinh–

định hướng, 92

sử dụng, xem xét, 36

Kỷ Nguyên Mới–

các ý tưởng cơ bản cần được khắc sâu, 70, 74

các khái niệm, giáo huấn, 47

giáo dục, mối quan tâm, 4-4

giáo dục, những nỗ lực trước đây, các sai sót, 72-73

chủ âm, 120

cha mẹ, 140

tuổi trẻ, các đặc điểm, 71, 72, 73

New Group of World Servers, work, 44, 67

Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, công việc, 44, 67

New Race, type–

Giống Dân Mới, kiểu–

consciousness, 19

tâm thức, 19

emergence, 118

sự xuất hiện, 118

New Testament–

Tân Ước–

quotation, 144

trích dẫn, 144

references, 133, 144

các tham chiếu, 133, 144

Noble Middle Path of Aquarian Age, 42

Con Đường Trung Đạo Cao Quý của Kỷ Nguyên Bảo Bình, 42

O

O

Observers, characteristics, 116

Các Nhà Quan Sát, các đặc điểm, 116

Old Testament, reference, 144

Cựu Ước, tham chiếu, 144

One Humanity–

Một Nhân Loại–

emergence, 46

sự xuất hiện, 46

idea, establishment, 88

ý tưởng, sự thiết lập, 88

One Life–

Một Sự Sống–

identification with, complete, 26

sự đồng hoá với, trọn vẹn, 26

quality, sensitivity to, development, 64-65

phẩm tính, sự nhạy bén với, sự phát triển, 64-65

Order, attribute, definition, 23

Trật tự, thuộc tính, định nghĩa, 23

Ordered activity, atmosphere surrounding child, 76-77

Orientation–

of life, tendency, 19

of mind to spiritual Self, 8

to inner world of realities, 16

Oversoul–

definition, 22

unification with, 22

P

Pain, educational value, 120

Parenthood–

in Aquarian Age, 131

planned, 135-136

preparation for, 82, 131, 133, 138, 139

relation to Hierarchy, 132

Parents–

attitude, change, 97

development, 97-98

education, 139

Hoạt động có trật tự, bầu không khí bao quanh trẻ, 76-77

Sự định hướng–

của đời sống, khuynh hướng, 19

của thể trí hướng về Bản Ngã tinh thần, 8

hướng về thế giới bên trong của các thực tại, 16

Đại hồn–

định nghĩa, 22

sự hợp nhất với, 22

P

Đau khổ, giá trị giáo dục, 120

Vai trò làm cha mẹ–

trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, 131

được hoạch định, 135-136

sự chuẩn bị cho, 82, 131, 133, 138, 139

liên hệ với Thánh Đoàn, 132

Cha mẹ–

thái độ, sự thay đổi, 97

sự phát triển, 97-98

giáo dục, 139

life, organised, 136

light in, 139

mental attitude, future, 133

response to children's questions, 25

responsibility in future, 139

trained, of New Age, 140

Participation, purpose, and precipitation, appearance in man, 55

Patanjali, reference, 22

Paternalism, forms, imposition, 119-120

Path–

becoming by man, 7

construction, 7

of life from Monad to personality, 27

of return, definition, 27

of return to the centre, creation, 148

recapitulation of mystical consciousness, 40

use in evolutionary process, 146

Paths–

petals concerned, 56

đời sống, được tổ chức, 136

ánh sáng trong, 139

thái độ trí tuệ, tương lai, 133

sự đáp ứng đối với các câu hỏi của trẻ em, 25

trách nhiệm trong tương lai, 139

được huấn luyện, của Kỷ Nguyên Mới, 140

Sự tham dự, mục đích, và sự ngưng tụ, sự xuất hiện trong con người, 55

Patanjali, tham chiếu, 22

Chủ nghĩa gia trưởng, các hình thức, sự áp đặt, 119-120

Đường Đạo–

sự trở thành bởi con người, 7

sự kiến tạo, 7

của sự sống từ chân thần đến phàm ngã, 27

Con Đường Trở Về, định nghĩa, 27

trở về trung tâm, sự sáng tạo, 148

sự tóm lược tâm thức thần bí, 40

việc sử dụng trong tiến trình tiến hoá, 146

Các con đường–

các cánh hoa liên quan, 56

unfoldment process, 52

Patience, atmosphere enveloping child, 76

Patterns–

ideational, materialisation, 115-116

world of, work, 22

Peace, world, insurance by international system of education, 87

Periodical vehicles, linking, 145

Personality–

and soul, bridge between, building–

and results, 95

means, 96

at-one-ment with soul, 35

connection with environment, 145

connection with Monad and soul, 145

control, achievement, 135

coordination, 35

creation, 148

equipment, awareness of, 61

fusion with soul, 136-137, 141

tiến trình khai mở, 52

Kiên nhẫn, bầu không khí bao bọc trẻ, 76

Các mô hình–

thuộc ý niệm, sự hiện hình, 115-116

thế giới của, công việc, 22

Hoà bình, thế giới, sự bảo đảm bằng hệ thống giáo dục quốc tế, 87

Các hiện thể chu kỳ, sự liên kết, 145

Phàm ngã–

và linh hồn, cây cầu giữa, sự xây dựng–

và các kết quả, 95

phương tiện, 96

sự hợp nhất với linh hồn, 35

mối liên hệ với môi trường, 145

mối liên hệ với chân thần và linh hồn, 145

sự kiểm soát, thành tựu, 135

sự phối hợp, 35

sự sáng tạo, 148

trang bị, sự nhận biết về, 61

sự dung hợp với linh hồn, 136-137, 141

integrated–

attainment, 26, 28

culture, 99

energies, 65

manifestation, 140-141

result of bridging, 95

integration. *See* Integration of personality.

linking with soul, means, 33

manifestation, 140

purpose, 148

relation to soul, 137

Phenomena–

bridging with world of souls, 145

physical, symbolism, 62

Philosophy, contributions, results, 56

Physiological equipment, comprehension, 51

Piscean–

groups, error, 62-63

type of idealist, contrast with Aquarian, 122

được tích hợp–

sự đạt được, 26, 28

văn hoá, 99

các năng lượng, 65

sự biểu hiện, 140-141

kết quả của việc bắt cầu, 95

sự tích hợp. *Xem* Sự tích hợp phàm ngã.

sự liên kết với linh hồn, phương tiện, 33

sự biểu hiện, 140

mục đích, 148

liên hệ với linh hồn, 137

Các hiện tượng–

sự bắt cầu với thế giới của các linh hồn, 145

hồng trần, biểu tượng học, 62

Triết học, các đóng góp, kết quả, 56

Trang bị sinh lý, sự lĩnh hội, 51

Thuộc Song Ngư–

các nhóm, sai lầm, 62-63

kiểu người lý tưởng, đối chiếu với Bảo Bình, 122

Piscean Age–

characteristics, 3

ideals, list, 119-121

ideas, foundational, 104-105

termination, results, 119

Plan–

awareness of, attainment, 54, 146

implementation, 60

participation in, 56

precipitation, 56

service of, means, 146

Plane–

astral, door to, 31

cosmic physical, 64

mental, conscious functioning on, beginning, 28

mental, higher levels, substance, 95

Planetary fusion, 65-66

Poet, production, 113

Politics–

Kỷ Nguyên Song Ngư–

các đặc điểm, 3

các lý tưởng, danh sách, 119-121

các ý tưởng, nền tảng, 104-105

sự kết thúc, các kết quả, 119

Thiên Cơ–

sự nhận biết về, sự đạt được, 54, 146

sự thực hiện, 60

sự tham dự vào, 56

sự ngưng tụ, 56

phụng sự Thiên Cơ, phương tiện, 146

Cõi–

cảm dục, cánh cửa vào, 31

hồng trần vũ trụ, 64

trí, sự vận hành có ý thức trên, khởi đầu, 28

trí, các cấp độ cao hơn, chất liệu, 95

Sự dung hợp hành tinh, 65-66

Nhà thơ, sự sản sinh, 113

Chính trị–

right relations with religion and education, 91

science, new keynote, 57

Polygamy, cessation, 135

Power station of energy, 148

Pralaya, individualisation into, 134

Press–

control, categories, 107

influence, 106

Principles, seven, unifying, 145

Prophecies regarding–

activation of will petals, 53-54

Aquarian Age, 122, 131, 134

civilisation, 141

competition, 84

creativity, 85-86

culture, 141, 142

education–

ambition, 86

astrological attention, 10

các mối liên hệ đúng đắn với tôn giáo và giáo dục, 91

khoa học, chủ âm mới, 57

Đa thê, sự chấm dứt, 135

Trạm quyền năng năng lượng, 148

Giai kỳ qui nguyên, biệt ngã hoá vào, 134

Báo chí–

sự kiểm soát, các loại, 107

ảnh hưởng, 106

Các nguyên khí, bảy, hợp nhất, 145

Các lời tiên tri liên quan đến–

sự hoạt hoá các cánh hoa ý chí, 53-54

Kỷ Nguyên Bảo Bình, 122, 131, 134

văn minh, 141

cạnh tranh, 84

sáng tạo, 85-86

văn hoá, 141, 142

giáo dục–

tham vọng, 86

sự chú ý chiêm tinh học, 10

bridging, 26, 34-45, 36

centres of energy, 37

collegiate, 83-84

creativity, 85-86

fitting into environment, 83, 85, 86

group activity, 11, 12, 122

instincts, 12, 83

intuition, 83

major concerns of educators, 6, 10-11, 81, 97,107, 122

medical attention, 10

mentality, 10, 11, 25, 35-36, 81, 83, 85

problem of leadership, 86

problem of soul, 10, 86

psychology, 10, 84-85

responsibility in child, 81, 84

Science of Right Human Relations, 84-85, 86

seven ray types, 10, 25-26

social consciousness, 35, 84-85, 86

spirituality, 11

bắt cầu, 26, 34-45, 36

các trung tâm năng lượng, 37

thuộc bậc đại học, 83-84

sáng tạo, 85-86

sự thích ứng với môi trường, 83, 85, 86

hoạt động nhóm, 11, 12, 122

các bản năng, 12, 83

trực giác, 83

các mối quan tâm chính của các nhà giáo dục, 6, 10-11, 81, 97,107, 122

sự chú ý y khoa, 10

trí năng, 10, 11, 25, 35-36, 81, 83, 85

vấn đề lãnh đạo, 86

vấn đề linh hồn, 10, 86

tâm lý học, 10, 84-85

trách nhiệm nơi trẻ, 81, 84

Khoa Học về Các Mối Quan Hệ Nhân Loại Đúng Đắn, 84-85, 86

bảy kiểu cung, 10, 25-26

tâm thức xã hội, 35, 84-85, 86

tinh thần, 11

vocational, 10-11

world citizenship, 83, 84, 107

etheric body, 134

eugenics, 136

family, 130, 133-134

force centres, 37, 134

government, 57

individualisation, 134

integrated personalities, 94-95

integration of Earth, 140

intelligence of children, 50

marriage, 139

materialisation of ideas, 115-116

materialistic objectives, 84

meditation, 96

national understanding, 125

new race type, 119

Observers and Communicators, 116

opening of human egoic petals, 54

nghề nghiệp, 10-11

tư cách công dân thế giới, 83, 84, 107

thể dĩ thái, 134

ưu sinh học, 136

gia đình, 130, 133-134

các trung tâm mãnh lực, 37, 134

chính phủ, 57

biệt ngã hoá, 134

các phàm ngã tích hợp, 94-95

sự tích hợp của Trái Đất, 140

trí thông minh của trẻ em, 50

hôn nhân, 139

sự hiện hình các ý tưởng, 115-116

các mục tiêu duy vật, 84

tham thiền, 96

sự thấu hiểu quốc gia, 125

kiểu giống dân mới, 119

Các Nhà Quan Sát và Các Nhà Giao Tiếp, 116

sự mở ra các cánh hoa chân ngã của con người, 54

opening of love petals of humanity, 57

parenthood, 131, 133

parents, 133, 139

polygamy, 135

promiscuity, 135

psychic unfoldment, 32, 85

psychology of child, 10-11, 70, 84-85, 97

recognition of truth, 125

reincarnation, 71-72, 137, 138

religion, 57, 122-123, 125

science of the soul, 70

study of man, 86

teaching on seven rays, 10, 25-26, 125

teachings of esotericists today, 59

understanding and handling of youth, 71-72

Protection, sense of, development, 129

Psychic unfoldment, future, basis, 32

Psychology–

sự mở ra các cánh hoa bác ái của nhân loại, 57

vai trò làm cha mẹ, 131, 133

cha mẹ, 133, 139

đa thê, 135

tình dục bừa bãi, 135

sự khai mở thông linh, 32, 85

tâm lý học của trẻ, 10-11, 70, 84-85, 97

sự nhận biết chân lý, 125

tái sinh, 71-72, 137, 138

tôn giáo, 57, 122-123, 125

khoa học về linh hồn, 70

nghiên cứu con người, 86

giáo huấn về bảy cung, 10, 25-26, 125

các giáo huấn của các nhà bí truyền học ngày nay, 59

sự thấu hiểu và xử lý thanh thiếu niên, 71-72

Sự bảo vệ, ý thức về, sự phát triển, 129

Sự khai mở thông linh, tương lai, nền tảng, 32

Tâm lý học–

educational, 10, 84-85

human, changes, 85

of future child, 10-11, 70, 84, 97

science. *See* Science of psychology.

study, 9

Pupils–

capable of–

being civilised, 51

culture, 51

functioning as conscious souls, 51

gauging, categories, 51

Q

Quality of life dominating any form, sensitivity to, 64

Quality, production for emergence of divinity, 141

Questions of children, answering, 25, 76

R

Race–

hatreds, offsetting, 89-90

new, coming, awareness, 119

giáo dục, 10, 84-85

nhân loại, các thay đổi, 85

của trẻ tương lai, 10-11, 70, 84, 97

khoa học. *Xem* Khoa học tâm lý học.

nghiên cứu, 9

Học sinh–

có khả năng–

được văn minh hoá, 51

văn hoá, 51

vận hành như những linh hồn có ý thức, 51

sự đánh giá, các loại, 51

Q

Phẩm tính của sự sống chi phối bất kỳ hình tướng nào, sự nhạy bén với, 64

Phẩm tính, sự tạo ra để thiên tính xuất hiện, 141

Các câu hỏi của trẻ em, việc trả lời, 25, 76

R

Nhân loại–

các hận thù chủng tộc, sự hoá giải, 89-90

mới, đang đến, sự nhận biết, 119

See also Aryan Race; Atlantean Race; Lemurian Race.

Racial unfoldment, 26, 55, 57

Radio–

categories, 107

influence, 106

Rays–

governing, factor in energies, 65

teaching, 10, 25-26, 125

types, understanding, 51

Reading, symbolism, 15

Reality, subjective, realm, bridging with world of nature, 146

Reasoning–

from cause to effect, teaching, 9

from universals to particulars, 35, 112

principle in man, 5

Redemption–

of forces, 67

through esotericism, 6

Reincarnation–

Xem thêm Giống Dân Arya; Giống Dân Atlantis; Giống Dân Lemuria.

Sự khai mở của nhân loại, 26, 55, 57

Phát thanh–

các loại, 107

ảnh hưởng, 106

Các cung–

cai quản, yếu tố trong các năng lượng, 65

giáo huấn, 10, 25-26, 125

các kiểu, sự thấu hiểu, 51

Đọc, biểu tượng học, 15

Thực tại, nội tại, cảnh giới, sự bắt cầu với thế giới tự nhiên, 146

Lý luận–

từ nguyên nhân đến kết quả, giảng dạy, 9

từ cái phổ quát đến cái cá biệt, 35, 112

nguyên khí trong con người, 5

Sự cứu chuộc–

các mãnh lực, 67

qua huyền bí học, 6

Tái sinh–

doctrine, comprehension and teaching, results, 137

fact, admittance, 71-72

of individualities, 113

Relations–

right, development, 129-131

See also Human relations, right.

Relationship, teaching, 93

Relationships, wise handling, cultivation, 81

Religion-

attitude of Atlanteans, 40, 42

contributions, results, 56

fusion, 122-123

new coming, objective, 57

new, keynote, 57

new, relation to Christ, 53

new world, form, 122-123

of today, inheritance from Atlantis, 42

right relations with politics and education, 91

giáo lý, sự lĩnh hội và giảng dạy, các kết quả, 137

sự kiện, sự thừa nhận, 71-72

của các cá thể, 113

Các mối quan hệ–

đúng đắn, sự phát triển, 129-131

Xem thêm Các mối quan hệ nhân loại, đúng đắn.

Mối liên hệ, giảng dạy, 93

Các mối liên hệ, sự xử lý khôn ngoan, sự vun bồi, 81

Tôn giáo-

thái độ của người Atlantis, 40, 42

các đóng góp, kết quả, 56

sự dung hợp, 122-123

mới đang đến, mục tiêu, 57

mới, chủ âm, 57

mới, liên hệ với Đức Christ, 53

thế giới mới, hình tướng, 122-123

của ngày nay, di sản từ Atlantis, 42

các mối liên hệ đúng đắn với chính trị và giáo dục, 91

Religions, world, mutual understanding, 125

Renaissance–

preparation for, 47

spiritual, immanence, 74

Research, esoteric, 63

Responsibility–

collective, problem, embodiment, 125

forced by state, 105

parental, in future, 139

parental, newer attitudes, 138

recognition and assumption by child, 81

recognition, value, 129

sense of, indication, 105

teaching to child, 76-77, 85, 88, 93

Revelation, group, 29

Revelations of science, contribution to spirituality, 55, 57

Rhythm–

imposition, 23

in incarnation, lack, results, 134

Các tôn giáo thế giới, sự thấu hiểu lẫn nhau, 125

Phục hưng–

sự chuẩn bị cho, 47

tinh thần, tính nội tại, 74

Nghiên cứu nội môn, 63

Trách nhiệm–

tập thể, vấn đề, sự thể hiện, 125

do nhà nước cưỡng đặt, 105

của cha mẹ, trong tương lai, 139

của cha mẹ, những thái độ mới hơn, 138

sự nhận biết và đảm nhận bởi trẻ, 81

sự nhận biết, giá trị, 129

ý thức về, dấu hiệu, 105

giảng dạy cho trẻ, 76-77, 85, 88, 93

Sự mặc khải, nhóm, 29

Các mặc khải của khoa học, đóng góp cho tinh thần, 55, 57

Nhịp điệu–

sự áp đặt, 23

trong nhập thể, thiếu vắng, các kết quả, 134

ordered, instinct, 23

Right human relations. *See* Human relations, right

Ritual, divine, faulty application, 23

S

Sacrifice-

true, 120

petals. *See* Lotus, egoic, will petals.

Salesmanship, age, 121

Saviours, World, symbolism, 65

Schools–

grade, training, 83-84

grammar or primary, teaching recommended, 48

high or secondary, teachings recommended, 48

high, training, future, 83-84

Science–

attainments through, 56

contributions to spirituality, 55, 57

có trật tự, bản năng, 23

Các mối quan hệ nhân loại đúng đắn. *Xem* Các mối quan hệ nhân loại, đúng đắn

Nghi lễ, thiêng liêng, áp dụng sai lầm, 23

S

Hy sinh-

đích thực, 120

các cánh hoa. *Xem* Hoa sen, chân ngã, các cánh hoa ý chí.

Nghệ thuật bán hàng, thời đại, 121

Các Đấng Cứu Thế, Thế Gian, biểu tượng học, 65

Trường học–

cấp lớp, huấn luyện, 83-84

sơ đẳng hoặc tiểu học, giảng dạy được khuyến nghị, 48

trung học hoặc bậc hai, các giáo huấn được khuyến nghị, 48

trung học, huấn luyện, tương lai, 83-84

Khoa học–

các thành tựu qua, 56

các đóng góp cho tinh thần, 55, 57

of antahkarana–

accepted part of training, 95

concepts, 131

concern, 147-148

definition, 2, 6, 32-33 143-144, 146

description and results, 95-96

meditation, 96

objective, 144

preparation for, 96

publicising, 36

relation to continuity of consciousness, 145

relation to problem of energy, 143

relation to science of force centres, 147-148

study, 144-145

teaching, 146

threefold thread, 145-146

truths, fundamental, 146-147

understanding, 145

of centres, basis, 66, 147-148

về antahkarana–

phần được chấp nhận trong huấn luyện, 95

các quan niệm, 131

mối quan tâm, 147-148

định nghĩa, 2, 6, 32-33 143-144, 146

mô tả và các kết quả, 95-96

tham thiền, 96

mục tiêu, 144

sự chuẩn bị cho, 96

việc phổ biến, 36

liên hệ với tính liên tục của tâm thức, 145

liên hệ với vấn đề năng lượng, 143

liên hệ với khoa học về các trung tâm mãnh lực, 147-148

nghiên cứu, 144-145

giảng dạy, 146

sợi dây tam phân, 145-146

các chân lý, nền tảng, 146-147

sự thấu hiểu, 145

về các trung tâm, nền tảng, 66, 147-148

of esoteric psychology, use, 51

of government, new keynote, 57

of life, concern, 65

of light–

definition, 139

manifestation, 143-144

visualisation, 96

of meditation–

concepts, 131

description and results, 96-97

purpose, 96

See also Meditation.

of path, definition, 148

of politics, new, keynote, 57

of psychology–

growth and development, 69-70

importance, 26

See also Psychology.

of redemption, exponents, 65

về Tâm Lý Học Nội Môn, việc sử dụng, 51

về chính phủ, chủ âm mới, 57

về sự sống, mối quan tâm, 65

về ánh sáng–

định nghĩa, 139

sự biểu hiện, 143-144

sự hình dung, 96

về tham thiền–

các quan niệm, 131

mô tả và các kết quả, 96-97

mục đích, 96

Xem thêm Tham thiền.

về đường đạo, định nghĩa, 148

về chính trị, mới, chủ âm, 57

về tâm lý học–

sự tăng trưởng và phát triển, 69-70

tầm quan trọng, 26

Xem thêm Tâm lý học.

về sự cứu chuộc, các vị diễn giải, 65

of right human relations–

importance, 94

teaching, 88, 89

of right human relations and of social organisation, 84, 88

of service–

concepts, 131

description and results, 97

See also Service.

of seven rays, growth and development, 70

of soul, result of development of psychology, 70

of soul of all things, description, 64

of unifying mental aspects, 35-36

of visualisation, relations, 96

Scientist–

esotericism, 59-60

production, 113

"Secret Place of the Most High," definition, 62

Self–

về các mối quan hệ nhân loại đúng đắn–

tầm quan trọng, 94

giảng dạy, 88, 89

về các mối quan hệ nhân loại đúng đắn và về tổ chức xã hội, 84, 88

về phụng sự–

các quan niệm, 131

mô tả và các kết quả, 97

Xem thêm Phụng sự.

về bảy cung, sự tăng trưởng và phát triển, 70

về linh hồn, kết quả của sự phát triển tâm lý học, 70

về linh hồn của mọi sự vật, mô tả, 64

về việc hợp nhất các phương diện trí, 35-36

về sự hình dung, các mối liên hệ, 96

Nhà khoa học–

huyền bí học, 59-60

sự sản sinh, 113

"Nơi Kín Nhiệm của Đấng Tối Cao," định nghĩa, 62

Bản Ngã–

emergence into active government, 8

higher, aspects, bridging, 26, 95

lower, aspects, gap between, bridging, 26, 147

Self-consciousness–

definition, 19-20

unfoldment, 20

Self-determination, power, developing, 114

Self-expression, power, developing, 114

Self-government, power, developing, 114

Self-identification, non-recognition, 26

Self-sacrifice–

idea, 120

rudimentary expression, 129

Selves, lower and higher, gap between, bridging, 6, 16, 29, 31, 95, 96, 148

Sensitivity–

increase, 103

to–

energies, awareness of, 61

sự xuất hiện vào quyền cai quản tích cực, 8

cao siêu, các phương diện, bắt cầu, 26, 95

thấp, các phương diện, khoảng cách giữa, bắt cầu, 26, 147

Ngã thức–

định nghĩa, 19-20

sự khai mở, 20

Tự quyết, quyền năng, đang phát triển, 114

Tự biểu hiện, quyền năng, đang phát triển, 114

Tự quản, quyền năng, đang phát triển, 114

Tự đồng hoá, không nhận biết, 26

Tự hy sinh–

ý tưởng, 120

biểu hiện sơ khởi, 129

Các bản ngã, thấp và cao, khoảng cách giữa, bắt cầu, 6, 16, 29, 31, 95, 96, 148

Sự nhạy bén–

sự gia tăng, 103

đối với–

các năng lượng, sự nhận biết về, 61

higher impressions, production, 96

quality of life dominating any form, 64

vision, cultivation, 22

world suffering, 112

Sentiency, development on physical plane, 148

Sentient–

consciousness of atoms, source, 148

reactions, responsive agent, 148

Separateness, sense of, loss, 26, 96

Service–

definition, 97

of Plan, use of antahkarana, 146

relation to consciousness of light, 142

results in child's life, 93-94

teaching to child, 93-94

vocational, in adolescence, 89

See also Science of service.

Sex–

các ấn tượng cao siêu hơn, sự tạo ra, 96

phẩm tính của sự sống chi phối bất kỳ hình tướng nào, 64

tầm nhìn, sự vun bồi, 22

đau khổ thế giới, 112

Khả năng cảm nhận, sự phát triển trên cõi hồng trần, 148

Hữu cảm–

tâm thức của các nguyên tử, nguồn gốc, 148

các phản ứng cảm nhận, tác nhân đáp ứng, 148

Sự chia rẽ, ý thức về, mất đi, 26, 96

Phụng sự–

định nghĩa, 97

Thiên Cơ, việc sử dụng antahkarana, 146

liên hệ với tâm thức ánh sáng, 142

các kết quả trong đời sống của trẻ, 93-94

giảng dạy cho trẻ, 93-94

nghề nghiệp, ở tuổi vị thành niên, 89

Xem thêm Khoa học về phụng sự.

Tính dục–

expression of universe, 137

hygiene, errors, 136

hygiene, growth, 136

life, regulation, 136

magic, error, 137

physiological processes, need for, 137

problem, relation to Hierarchy, 132

problem, relation to parenthood, 131-132

relation, information, implications, 137

relation, objective, 137-138

Sexes, relationships, mentally controlled, 136

Sexual–

control, lack, result, 135

promiscuity, cessation, 135

Shamballa, emanations, 140

Silver cord. *See* Sutratma.

Simplicity of living, return to, 121

Social–

consciousness, cultivation, 35

biểu hiện của vũ trụ, 137

vệ sinh, các sai lầm, 136

vệ sinh, sự tăng trưởng, 136

đời sống, sự điều chỉnh, 136

huyền thuật, sai lầm, 137

các tiến trình sinh lý, nhu cầu đối với, 137

vấn đề, liên hệ với Thánh Đoàn, 132

vấn đề, liên hệ với vai trò làm cha mẹ, 131-132

quan hệ, thông tin, các hàm ý, 137

quan hệ, mục tiêu, 137-138

Hai giới tính, các mối quan hệ, được kiểm soát bằng trí tuệ, 136

Tính dục–

kiểm soát, thiếu, kết quả, 135

tình dục bừa bãi, sự chấm dứt, 135

Shamballa, các xuất lộ, 140

Dây bạc. *Xem* Sutratma.

Sự giản dị trong lối sống, trở lại với, 121

Xã hội–

tâm thức, sự vun bồi, 35

order, participation in Plan, 56

organisation, teaching, 84, 88

Solar plexus centre. *See* Centre, solar plexus.

Son of God, appearance as light, 137

Sorrow, value, educational, 120

Soul–

activity, factors, 19

age, study, 11

and its mechanism, fusion, 33

and personality, bridge between, building and results, 95

and personality, bridge between, building, means, 96

and Spiritual Triad, bridge between, building, results, 26, 95

aspects, evocation upon physical plane, 19-21

at-one-ment with personality, 35

attribute, element in service, 97

attributes, evocation upon physical plane, 19, 21-23

trật tự, sự tham dự vào Thiên Cơ, 56

tổ chức, giảng dạy, 84, 88

Trung tâm tùng thái dương. *Xem* Trung tâm, tùng thái dương.

Con của Thượng đế, sự xuất hiện như ánh sáng, 137

Nỗi buồn, giá trị, giáo dục, 120

Linh hồn–

hoạt động, các yếu tố, 19

tuổi, nghiên cứu, 11

và bộ máy của nó, sự dung hợp, 33

và phàm ngã, cây cầu giữa, sự xây dựng và các kết quả, 95

và phàm ngã, cây cầu giữa, sự xây dựng, phương tiện, 96

và Tam Nguyên Tinh Thần, cây cầu giữa, sự xây dựng, các kết quả, 26, 95

các phương diện, sự gợi lên trên cõi hồng trần, 19-21

sự hợp nhất với phàm ngã, 35

thuộc tính, yếu tố trong phụng sự, 97

các thuộc tính, sự gợi lên trên cõi hồng trần, 19, 21-23

bridging with Monad and personality, 145

characteristic, major, 144

consciousness in children, 76-77

contact, leaders possessing, work, 117-118

contact, results, 141

creation of antahkarana, 148

creation of forms, 20-21

creative power, means, 18

definitions, 5, 19

discovery in oneself, results, 29

energies from higher mental levels, sensitivity to, 61

energy, anchor, 31

functions on three lower planes, 36

fusion with personality, 136-137, 141

individual, awakening, 105-106

individual, status, 126

indwelling, manifestation, 141

knowledge, anchorage in body, 92

sự bắt cầu với chân thần và phàm ngã, 145

đặc tính, chính yếu, 144

tâm thức linh hồn nơi trẻ em, 76-77

tiếp xúc linh hồn, các nhà lãnh đạo sở hữu, công việc, 117-118

tiếp xúc linh hồn, các kết quả, 141

sự sáng tạo antahkarana, 148

sự sáng tạo các hình tướng, 20-21

quyền năng sáng tạo, phương tiện, 18

các định nghĩa, 5, 19

sự khám phá trong chính mình, các kết quả, 29

các năng lượng từ các cấp độ thượng trí, sự nhạy cảm với, 61

năng lượng, điểm neo giữ, 31

các chức năng trên ba cõi thấp, 36

sự dung hợp với phàm ngã, 136-137, 141

cá nhân, sự thức tỉnh, 105-106

cá nhân, địa vị, 126

sự nội tại, sự biểu hiện, 141

tri thức, sự neo giữ trong thân thể, 92

knowledge, faculty, 92

life, response to, training, 19

linking with personality, result, 97

misconception, recognition in education, 25

mystical vision of, 113

of all things, definition, 64

of humanity, awakening en masse, 106-107

powers, unfoldment, seven methods, 19-24

purpose, allegiance to, 22

purpose, indication, 71

relation to–

antahkarana, 145, 146, 148

personality, 137

Spiritual Triad, 31

the good, true, and beautiful, 86

response to, registration, 12

studies, 9

synonyms, 5

tri thức, quan năng, 92

sự sống, đáp ứng với, huấn luyện, 19

sự liên kết với phàm ngã, kết quả, 97

quan niệm sai lầm, sự nhận ra trong giáo dục, 25

linh ảnh thần bí về, 113

của vạn vật, định nghĩa, 64

của nhân loại, sự thức tỉnh đồng loạt, 106-107

các quyền năng, sự khai mở, bảy phương pháp, 19-24

mục đích, sự trung thành với, 22

mục đích, dấu hiệu, 71

liên hệ với–

antahkarana, 145, 146, 148

phàm ngã, 137

Tam Nguyên Tinh Thần, 31

điều thiện, chân và mỹ, 86

đáp ứng với, sự ghi nhận, 12

các khảo cứu, 9

các từ đồng nghĩa, 5

union with, urge, cause, 21

vehicle. *See* Body, light

world–

activity, 148

mediation, 67

relation to atoms, 148

See also Ego.

Souls–

achievement of perfection, 134

incarnating, bodies for, provision, 137

kingdom of *See* Kingdom of souls.

world of, bridging with world of phenomena, 145

world of, relation of human being to, teaching, 49

Source, return of man to, 21

Spider symbol, 32

Spirit in manifestation, 63

Spiritual–

and universal values, insight into, cultivation, 82

sự hợp nhất với, thôi thúc, nguyên nhân, 21

hiện thể. *Xem* Thể, ánh sáng

thế giới–

hoạt động, 148

trung gian, 67

liên hệ với các nguyên tử, 148

Xem thêm Chân ngã.

Các linh hồn–

sự đạt đến hoàn thiện, 134

đang nhập thể, các thân thể dành cho, sự cung ứng, 137

giới của *Xem* Giới linh hồn.

thế giới của, sự bắt cầu với thế giới hiện tượng, 145

thế giới của, mối liên hệ của con người với, giáo huấn, 49

Cội Nguồn, sự trở về của con người với, 21

Biểu tượng con nhện, 32

Tinh thần trong biểu hiện, 63

Tinh thần–

và các giá trị phổ quát, sự thấu suốt vào, sự vun bồi, 82

energies, experimental, 60

kingdom, definition, 126

life of man, 128

man, definition, 116

Spirituality–

attainment, 57

definitions, 1, 55, 57

Spleen, bridging with–

etheric body, 147

heart, 33

State–

problem, relation to parenthood, 131-132

welfare, ideal in education, 102-103, 105

See also Government.

Steiner, Rudolph, reference, 8

Student, esoteric–

awareness of personality equipment, 61

discovery of Hierarchy, 62

facts to be grasped, 60-61

các năng lượng, thực nghiệm, 60

giới tinh thần, định nghĩa, 126

đời sống tinh thần của con người, 128

con người tinh thần, định nghĩa, 116

Tinh thần–

sự đạt được, 57

các định nghĩa, 1, 55, 57

Lá lách, sự bắt cầu với–

thể dĩ thái, 147

tim, 33

Nhà nước–

vấn đề, liên hệ với vai trò làm cha mẹ, 131-132

phúc lợi, lý tưởng trong giáo dục, 102-103, 105

Xem thêm Chính quyền.

Steiner, Rudolph, tham chiếu, 8

Đạo sinh, nội môn–

nhận thức về trang bị phàm ngã, 61

sự khám phá Thánh Đoàn, 62

các sự kiện cần nắm bắt, 60-61

recognition of environing energies, 61-62

sensitivity, 61

Subjective world of emerging reality, 113

Subplanes of mental plane, 30-31

Substance–

and light, 68

karma, 64, 65

medium of esotericist, 64

mental, use, 97

of light, use, 96-97

qualified, redeemed, and principled, 65

salvage, 67.

unprincipled, redemption, 65

Suffering, world, sensitivity to, 112

Sutratma–

anchor, 28, 32

and antahkarana, use as unit, 31

comparison with antahkarana, 26-27

definition, 26-27

sự nhận ra các năng lượng bao quanh, 61-62

sự nhạy cảm, 61

Thế giới chủ quan của thực tại đang xuất hiện, 113

Các cõi phụ của cõi trí, 30-31

Chất liệu–

và ánh sáng, 68

nghiệp quả, 64, 65

phương tiện của nhà bí truyền học, 64

trí, sử dụng, 97

của ánh sáng, sử dụng, 96-97

đã được phẩm tính hóa, cứu chuộc và có nguyên khí, 65

sự cứu vớt, 67.

không có nguyên khí, sự cứu chuộc, 65

Đau khổ, thế giới, sự nhạy cảm với, 112

Sutratma–

điểm neo giữ, 28, 32

và antahkarana, sử dụng như một đơn vị, 31

so sánh với antahkarana, 26-27

định nghĩa, 26-27

functions, 145

synonyms, 143

use, 30-31

See also Thread of life.

Symbolism–

of events, 62

of natural processes, use, 132

Symbols, creation, 20-21

Syntheses effected by initiates, 31

Synthesis–

age of, 3

between consciousness, soul, and life principle, 33

forgiveness, 129

group, attainment, 54.

of–

fusions necessary to progress, 141

human endeavour, 122-125

light, production, 144

schools of psychology, result, 69-70

các chức năng, 145

các từ đồng nghĩa, 143

công dụng, 30-31

Xem thêm Sinh Mệnh Tuyến.

Biểu tượng luận–

của các sự kiện, 62

của các tiến trình tự nhiên, sử dụng, 132

Các biểu tượng, sự sáng tạo, 20-21

Các tổng hợp do các điểm đạo đồ thực hiện, 31

Tổng hợp–

thời đại của, 3

giữa tâm thức, linh hồn và nguyên khí sự sống, 33

sự tha thứ, 129

nhóm, sự đạt được, 54.

của–

các sự dung hợp cần thiết cho sự tiến bộ, 141

nỗ lực của nhân loại, 122-125

ánh sáng, sự tạo ra, 144

các trường phái tâm lý học, kết quả, 69-70

understanding, 115

restoration through education, 94

sense of, cultivation, 82

subjective, production, 13

T

Talents, training for, 82

Tantric teachings, error, 137

Teachers–

ancient, message, 132

attitude, 13

selection and training, 72, 87, 88

Teaching–

adolescents, 8-9, 14

centre of Great White Lodge, 52

children up to –

10 years of age, 8

14 years of age, 13-14

20 years of age, 8-9

esoteric task, 62

sự thấu hiểu, 115

sự phục hồi qua giáo dục, 94

ý thức về, sự vun bồi, 82

chủ quan, sự tạo ra, 13

T

Tài năng, huấn luyện cho, 82

Các giáo huấn Tantric, sai lầm, 137

Các Huấn sư–

cổ xưa, thông điệp, 132

thái độ, 13

tuyển chọn và huấn luyện, 72, 87, 88

Giáo huấn–

thanh thiếu niên, 8-9, 14

trung tâm giáo huấn của Thánh đoàn, 52

trẻ em đến–

10 tuổi, 8

14 tuổi, 13-14

20 tuổi, 8-9

nhiệm vụ nội môn, 62

esotericism, 60

intellectual processes, 35

relationship, 93

true, requirements, 1

See also Education, Training.

Telepathic–

impact, provision for, 35

influence on evolution, 127

Things, creation, 20

Thinker, response to, 12

Thinking–

abstract, need for, 145

from universals to particulars,.35

Thought–

esoteric, guiding thread, 132

laws, 35

patterns. *See* Patterns.

Thoughtforms–

creation–

huyền bí học, 60

các tiến trình trí tuệ, 35

mối quan hệ, 93

chân chính, các yêu cầu, 1

Xem thêm Giáo dục, Huấn luyện.

Viễn cảm–

tác động, sự dự liệu cho, 35

ảnh hưởng đến tiến hoá, 127

Các sự vật, sự sáng tạo, 20

Chủ thể tư tưởng, đáp ứng với, 12

Tư duy–

trừu tượng, nhu cầu đối với, 145

từ các phổ quát đến các đặc thù,.35

Tư tưởng–

nội môn, sợi dây dẫn dắt, 132

các định luật, 35

các mô hình. *Xem* Các mô hình.

Các hình tư tưởng–

sự sáng tạo–

by educators, 8

for telepathic impact, 35

means, 21

results, 21

visioning, 16

vitalisation, 31

See also Forms.

Thread–

bridging *See* Bridge.

consciousness–

attributes, 26-28

creation, 126, 148

source and anchorage, 146

See also Antahkarana; Science of antahkarana.

creative–

functions, 145-146

spinning, 32, 146-147

fivefold in man, 32

life–

bởi các nhà giáo dục, 8

cho tác động viễn cảm, 35

phương tiện, 21

các kết quả, 21

sự hình dung, 16

sự tiếp sinh lực, 31

Xem thêm Các hình tướng.

Sợi dây–

bắt cầu *Xem* Cây cầu.

tâm thức–

các thuộc tính, 26-28

sự sáng tạo, 126, 148

nguồn và điểm neo giữ, 146

Xem thêm Antahkarana; Khoa học về antahkarana.

sáng tạo–

các chức năng, 145-146

sự kéo sợi, 32, 146-147

ngũ phân trong con người, 32

sự sống–

extension between heart and spleen, 33

source 'and anchorage, 146

See also Sutratma.

of energy anchored in–

head, 32, 92, 146

heart, 32, 92, 146

solar plexus, 32

throat, 32, 146

of light connecting parent and child, 131, 139

soul–

definition,. 27

See also Sutratma; Thread, life.

threefold, functions, 145-146

Threads–

creation by man, 28-29, 32-34, 146-147, 148

also Antahkarana; Bridge; Science of antahkarana; Sutratma.

Throat–

thread anchorage, 32, 146

sự kéo dài giữa tim và lá lách, 33

nguồn 'và điểm neo giữ, 146

Xem thêm Sutratma.

của năng lượng được neo giữ trong–

đầu, 32, 92, 146

tim, 32, 92, 146

tùng thái dương, 32

cổ họng, 32, 146

của ánh sáng nối kết cha mẹ và con, 131, 139

linh hồn–

định nghĩa,. 27

Xem thêm Sutratma; Sợi dây, sự sống.

tam phân, các chức năng, 145-146

Các sợi dây–

sự sáng tạo bởi con người, 28-29, 32-34, 146-147, 148

thêm Antahkarana; Cây cầu; Khoa học về antahkarana; Sutratma.

Cổ họng–

điểm neo giữ sợi dây, 32, 146

See also Centre, throat.

Tibetan Master, purposes, 110, 140-141

Time–

element, entrance into experience of soul, 137

of increased stimulation, births, 25

Training–

brain, 7

for citizenship. *See* Citizenship. human mechanism in response, 36

in–

ability to function in world of meaning, 67

discrimination between energies, 62

recognition of energy and force, 62

rules of Right Approach, 57

mind for three duties, 7-8

mind, right method; result, 17

twenty-eight years, process, 49-51

vocational, 10-11, 83

See also Education; Teaching.

Xem thêm Trung tâm, cổ họng.

Chân sư Tây Tạng, các mục đích, 110, 140-141

Thời gian–

yếu tố, sự đi vào kinh nghiệm của linh hồn, 137

của sự kích thích gia tăng, các lần sinh, 25

Huấn luyện–

bộ não, 7

cho quyền công dân. *Xem* Quyền công dân. bộ máy con người trong đáp ứng, 36

trong–

khả năng hoạt động trong Thế giới của ý nghĩa, 67

sự phân biện giữa các năng lượng, 62

sự nhận ra năng lượng và mãnh lực, 62

các quy luật của Tiếp Cận Đúng Đắn, 57

thể trí cho ba nhiệm vụ, 7-8

thể trí, phương pháp đúng; kết quả, 17

hai mươi tám năm, tiến trình, 49-51

nghề nghiệp, 10-11, 83

Xem thêm Giáo dục; Giáo huấn.

Transmutation of– | Chuyển hoá của–

knowledge, 52 | tri thức, 52

personality, 141 | phàm ngã, 141

self-consciousness and group interest, 20 | ngã thức và lợi ích nhóm, 20

selfish desire, 119 | dục vọng ích kỷ, 119

Trend toward– | Xu hướng hướng tới–

idealism and inclusiveness, 123-124 | chủ nghĩa lý tưởng và tính bao gồm, 123-124

love-wisdom, 123 | Bác Ái – Minh Triết, 123

Triad, Spiritual– | Tam nguyên, Tinh thần–

bridging with personality, 31 | bắt cầu với phàm ngã, 31

bridging with Soul, 26, 95 | bắt cầu với Linh hồn, 26, 95

lowest aspect, 21 | phương diện thấp nhất, 21

power, manifestation, 31 | quyền năng, biểu hiện, 31

relation to soul, 31 | liên hệ với linh hồn, 31

union with, 31 | hợp nhất với, 31

Trinity in man, 19 | Ba Ngôi trong con người, 19

Truth– | Chân lý–

abstract, penetration, power, cultivation, 81 | trừu tượng, sự thâm nhập, quyền năng, sự vun bồi, 81

sensing, registration, and recording, 113 | cảm nhận, ghi nhận và ghi chép, 113

spiritual foundation, 132

U

Umbilical cord, symbolism, 139

Understanding–

atmosphere surrounding child, 77

light of, 138-l39

loving, achievement, 54, 91

synthesis, 115

United States, education, results, 79-80

Unity–

first great, consummation, 28

sense of, cultivation, 82

world, achievement, 88

Universals to particulars, reasoning from, 112

Universe–

mystical vision, 113

sex expression, 137

Universities–

future, training, 83-84

nền tảng tinh thần, 132

U

Dây rốn, biểu tượng luận, 139

Sự thấu hiểu–

bầu không khí bao quanh trẻ em, 77

ánh sáng của, 138-l39

đầy tình thương, sự đạt được, 54, 91

tổng hợp, 115

Hoa Kỳ, giáo dục, các kết quả, 79-80

Sự hợp nhất–

lần hợp nhất vĩ đại đầu tiên, sự hoàn tất, 28

ý thức về, sự vun bồi, 82

thế giới, sự đạt được, 88

Các phổ quát đến các đặc thù, lập luận từ, 112

Vũ trụ–

linh ảnh thần bí, 113

biểu hiện tính dục, 137

Các trường đại học–

tương lai, huấn luyện, 83-84

teachings, recommendations, 49

Unknown, sensing, search for and demand, 113

V

Vehicles, three periodical, definition, 66

Vision–

mystical, presence in man, 113

of possibilities, cultivation, 81

of soul, sensitivity to, 22

on mental plane, 15

Visions, materialisation, means, 21

Visualisation, development and use, 96

Vocation, indications, correct, attainment, 70, 93

Vocational–

service, 89

training, 10-ll, 83

W

War, World–

purificatory action, 149

giáo huấn, các khuyến nghị, 49

Điều Chưa Biết, sự cảm nhận, sự tìm kiếm và đòi hỏi, 113

V

Các hiện thể, ba hiện thể chu kỳ, định nghĩa, 66

Tầm nhìn–

thần bí, sự hiện diện trong con người, 113

về các khả năng, sự vun bồi, 81

của linh hồn, sự nhạy cảm với, 22

trên cõi trí, 15

Các linh ảnh, sự hiện hình, phương tiện, 21

Sự hình dung, phát triển và sử dụng, 96

Thiên hướng nghề nghiệp, các dấu hiệu, đúng đắn, sự đạt được, 70, 93

Nghề nghiệp–

phụng sự, 89

huấn luyện, 10-ll, 83

W

Chiến tranh, Thế giới–

tác động thanh lọc, 149

views, 111-112

Wars–

cause, 135

futility, teaching, 47

nature of, 63

prevention, 90

termination, 63

Way of Service, use, 92

Web, etheric, correspondence, 66

Welfare movements, cause, 53

White light in aura, 147

Whole–

contribution of individual to, 22

emergence with, 26

Will–

act, agency in bridging, 33

development and direction, 19

embodiment, 26

free play, 23

petals. *See* Lotus, egoic, will petals.

các quan điểm, 111-112

Các cuộc chiến tranh–

nguyên nhân, 135

sự vô ích, giáo huấn, 47

bản chất của, 63

phòng ngừa, 90

chấm dứt, 63

Con Đường Phụng Sự, sử dụng, 92

Mạng lưới, dĩ thái, tương ứng, 66

Các phong trào phúc lợi, nguyên nhân, 53

Ánh sáng trắng trong hào quang, 147

Toàn thể–

đóng góp của cá nhân cho, 22

sự xuất hiện cùng với, 26

Ý chí–

hành động, tác nhân trong việc bắt cầu, 33

phát triển và định hướng, 19

sự biểu hiện, 26

sự vận hành tự do, 23

các cánh hoa ý chí. *Xem* Hoa sen, chân ngã, các cánh hoa ý chí.

Will-to-beauty, 19, 84 — Ý Chí-hướng tới Cái Đẹp, 19, 84

Will-to-good, 19, 84 — Ý Chí-hướng Thiện, 19, 84

Will-to-serve, 19 — Ý Chí-Phụng sự, 19

Will-to-truth, 84 — Ý Chí-hướng tới Chân lý, 84

Wisdom– — Minh triết–

attainment by race, 52 — sự đạt được bởi nhân loại, 52

basis in factual knowledge, 81, 82 — cơ sở trong tri thức sự kiện, 81, 82

cultivation in children, 22 — sự vun bồi nơi trẻ em, 22

definition, 20 — định nghĩa, 20

of soul on physical plane, 36 — của linh hồn trên cõi hồng trần, 36

World– — Thế giới–

democracy, 87-88 — dân chủ, 87-88

government, problem, 114 — chính quyền, vấn đề, 114

situation– — tình hình–

economic, cause today, 135 — kinh tế, nguyên nhân ngày nay, 135

in education today, 57-58 — trong giáo dục ngày nay, 57-58

in future, 84, 88-89 — trong tương lai, 84, 88-89

indications of soul awakening, 106-108 — các dấu hiệu của sự thức tỉnh linh hồn, 106-108

sexual license, results, 57-58, 138

unity, achievement, 88

unrest, present, reasons, 116-125

Writer, production, 113

Writing, symbolism, 15

Y

Years 1935-42, children incarnating, 25

Youth–

ages, education for, 49

anti-social, 78

citizenship, cultivation, 82, 83

demand for good time, 105

intuition, evocation and development, 50, 51

leading from goal to goal, 22-23

New Age, characteristics, 71, 72, 73

occult recognition, 72, 73

reasoning, cultivation, 82-83, 85

revolt causes, 130

sự phóng túng tính dục, các kết quả, 57-58, 138

hợp nhất, sự đạt được, 88

bất ổn, hiện nay, các lý do, 116-125

Nhà văn, sự tạo ra, 113

Chữ viết, biểu tượng luận, 15

Y

Những năm 1935-42, trẻ em đang nhập thể, 25

Thanh niên–

các độ tuổi, giáo dục cho, 49

chống xã hội, 78

quyền công dân, sự vun bồi, 82, 83

nhu cầu được vui chơi, 105

trực giác, gợi lên và phát triển, 50, 51

dẫn dắt từ mục tiêu này đến mục tiêu khác, 22-23

Kỷ Nguyên Mới, các đặc điểm, 71, 72, 73

sự nhận biết huyền môn, 72, 73

lý luận, sự vun bồi, 82-83, 85

các nguyên nhân nổi loạn, 130

study regarding evolutionary status, 71, 73 khảo cứu về trạng thái tiến hoá, 71, 73

training, 28 years' process, 49-50 huấn luyện, tiến trình 28 năm, 49-50